

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA
BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 64

HỒ TỔ LƯƠNG	(Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THANH	
PHẠM ĐỨC KIÊN	

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP

TẬP 64
2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 64

Năm 2005 là năm thứ 5 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đồng thời là năm tiến hành đại hội đảng các cấp, chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Sau gần 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, gần 20 năm triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng được đề ra tại Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12-1986), bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp, trong khi đó, tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, song sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo tiếp tục đạt nhiều kết quả rất quan trọng. Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện; văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới; công tác xây dựng Đảng đạt được một số kết quả tích cực. Trong bối cảnh đó, nước ta đứng trước nhiều thời cơ lớn, đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức không nhỏ.

Yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức; xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm nhằm giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của Đảng và Nhà nước. Do đó, trong năm 2005, Trung ương Đảng, một mặt, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững quốc phòng - an ninh, thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng; mặt khác, tập trung chỉ đạo việc chuẩn bị tổng kết 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, 15 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991).

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX diễn ra từ ngày 17 đến ngày 25-1-2005 đã thảo luận nội dung Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới và các đề cương chi tiết dự thảo: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng và Báo cáo một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và một số vấn đề quan trọng khác.

Tại Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX họp từ ngày 4 đến ngày 13-7-2005, Trung ương tiếp tục thảo luận và thông qua các dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng, đồng thời, thảo luận phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Đặc biệt, Hội nghị nhấn mạnh đến tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng trong điều kiện mới.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 64 có 79 tài liệu, gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, quyết định, quy định,... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tuyên bố

chung Việt Nam và một số nước,... trong đó có 75 tài liệu xếp ở phần văn kiện chính, 4 tài liệu xếp ở phần phụ lục. Nội dung của tài liệu phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề quan trọng của đất nước và của Đảng trong năm 2005.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, xuất bản, song khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 64 cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 169-TB/TW, ngày 12 tháng 1 năm 2005

Về một số vấn đề trong công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng hiện nay

Tại phiên họp ngày 14-12-2004, sau khi nghe báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về một số vấn đề nổi lên trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội IX đến nay và ý kiến của các ban đảng liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu, tổng kết từ thực tiễn công tác để có báo cáo về một số vấn đề nổi lên trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội IX đến nay. Đây là vấn đề rất quan trọng, cần được bàn nghiêm túc để đánh giá đúng tình hình, từ đó có biện pháp chấn chỉnh, tăng cường công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng; đồng thời góp phần xây dựng Văn kiện Đại hội X của Đảng.

2. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, công tác kiểm tra đã phục vụ tích cực cho nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận

Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX); tình hình chấp hành kỷ cương, kỷ luật trong Đảng đã có chuyển biến nhất định, đã góp phần quan trọng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng. Những thành tựu rất quan trọng mà chúng ta đã đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại từ đầu nhiệm kỳ đến nay có sự đóng góp đáng kể của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó có công tác kiểm tra của Đảng.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng tình hình vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật, lãng phí, quan liêu, tham nhũng còn diễn biến phức tạp, có nơi, có lúc còn nghiêm trọng; cụ thể là:

- Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không nghiêm, thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Vi phạm trong lĩnh vực kinh tế có chiều hướng ngày càng nặng nề, phổ biến và nghiêm trọng hơn, tập trung ở các lĩnh vực: quản lý và sử dụng đất đai; xây dựng cơ bản và thực hiện các chương trình, dự án; vi phạm trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và tài chính, ngân hàng; vi phạm trên lĩnh vực văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng; vi phạm trên lĩnh vực tài chính Đảng; vi phạm trong công tác bảo vệ pháp luật.

- Về công tác xây dựng Đảng và quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, như: vi phạm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; đấu tranh tự phê bình và phê bình giảm sút; thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, nhất là quản lý cán bộ, đảng viên và công chức; để mất đoàn kết nội bộ.

- Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu chưa được ngăn chặn, với thủ đoạn vừa tinh vi, vừa trắng trợn hơn, hậu quả xã hội cũng nặng nề hơn; hiện tượng chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng vẫn xảy ra.

- Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có biểu hiện phai nhạt lý tưởng, tính đảng yếu, giảm sút ý chí chiến đấu, ngại tu dưỡng, rèn luyện, thậm chí một số chạy theo lối sống thực dụng, vị kỷ, dẫn đến thoái hóa, biến chất.

3. Các cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, bám sát các nghị quyết, quy định của Đảng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác kiểm tra của Đảng.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quan tâm thường xuyên đến công tác kiểm tra; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và đích thân kiểm tra 6 cuộc, trong đó 2 cuộc kiểm tra của Bộ Chính trị (kiểm tra về lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý đất đai và xây dựng cơ bản; kiểm tra về công tác cán bộ) và 4 cuộc kiểm tra của Ban Bí thư (kiểm tra về lãnh đạo, chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kiểm tra về thực hiện những điều đảng viên không được làm; kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...) được triển khai trên quy mô toàn Đảng. Tuy kết quả mới đạt được có mức độ, nhưng thực sự đã có tác dụng nâng cao nhận thức cho toàn Đảng, trước hết là các cấp ủy đảng về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong tình hình mới. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm, phối hợp trong công tác kiểm tra, đặc biệt là trong xem xét và xử lý một số vụ án lớn, phức tạp, nghiêm trọng.

- Nhận thức của các cấp ủy về lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra có sự chuyển biến tích cực; đã quan tâm chỉ đạo, đôn đốc và đích thân tổ chức thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, nhất là kiểm tra chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động, tích cực bám sát phương hướng, mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, chủ động triển khai thực hiện tương đối đồng đều các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, làm tốt chức năng tham mưu, thực hiện có kết quả các nhiệm vụ do Trung ương và cấp ủy giao.

- Điều đáng chú ý là nhiều vụ tiêu cực, một số vụ án lớn, phức tạp, kéo dài xảy ra đã lâu, nhưng do chúng ta kiên quyết kiểm tra làm rõ, kiên quyết xử lý nên đã đưa ra xem xét, xử lý nghiêm nhiều cán bộ có sai phạm, trong đó có Ủy viên Trung ương, thứ trưởng, bộ trưởng. Kết quả đó thể hiện sự quyết tâm của Đảng ta, với chủ trương chống tham nhũng, tiêu cực là không có vùng cấm, không loại trừ bất cứ ai. Từ đó được đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Bên cạnh những cố gắng tiến bộ, công tác kiểm tra của Đảng còn nổi lên một số vấn đề đáng quan tâm là:

- Một số cấp ủy đảng nhận thức chưa đúng mức về tình hình kỷ cương, kỷ luật của Đảng hiện nay; chưa quan tâm chỉ đạo và trực tiếp thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra của Đảng.

- Bộ máy của ủy ban kiểm tra các cấp chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ, còn thiếu và yếu cả về số lượng và chất lượng; chưa đủ năng lực, trình độ để đi sâu kiểm tra các lĩnh vực kinh tế - xã hội phức tạp đang chứa đựng nhiều vi phạm tiêu cực.

- Cơ chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các ban xây dựng Đảng, các ngành trong khối nội chính chưa chặt chẽ, còn tình trạng việc ai nấy làm, chia cắt, chồng chéo, thậm chí có khi còn có những ý kiến trái ngược nhau. Trong khi đó, bản thân một số cấp ủy và một số người đứng đầu chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, điều hành việc phối hợp tạo nên sự đồng bộ thống nhất chung.

4. Từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội, công tác xây dựng Đảng đang đặt ra nhiều vấn đề rất cấp thiết cần tập trung cao để giải quyết, nhất là công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng. Để đưa công tác kiểm tra vào nền nếp, hiệu quả và phục vụ tích cực cho đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X sắp tới, Ban Bí thư lưu ý:

- Cấp ủy các cấp phải tập trung chỉ đạo thông suốt tư tưởng, nâng cao nhận thức, tạo ra sự đồng tâm hiệp lực trong toàn Đảng về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng.

- Cấp ủy các cấp phải tích cực, chủ động và đích thân tiến hành kiểm tra toàn diện các mặt công tác, đặc biệt tập trung đi sâu kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; về trách nhiệm cá nhân của cán bộ chủ chốt, người đứng đầu... Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc, đơn, thư tố tụng; đồng thời, kiểm tra và kết luận rõ các vụ việc mới phát sinh.

- Ủy ban kiểm tra các cấp phải chủ động tham mưu cho cấp ủy về kế hoạch, chương trình, nội dung và chuẩn bị lực lượng để giúp cấp ủy tiến hành công tác kiểm tra, đặc biệt là công tác kiểm tra ở cấp xã, phường, thị trấn, các cơ quan

kinh tế, đảng ủy khối, ban cán sự đảng của các bộ, ngành và của ủy ban nhân dân các cấp.

- Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy của ủy ban kiểm tra và nâng cao bản lĩnh, năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp đủ khả năng để đảm đương nhiệm vụ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Để phục vụ công tác nhân sự đại hội đảng các cấp và Đại hội X của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành liên quan kịp thời phối hợp xem xét, kết luận những trường hợp cần thiết, giúp cấp ủy đánh giá đúng đội ngũ cán bộ, xác định rõ cán bộ đương chức và cán bộ nguồn; khắc phục tình trạng lúng túng, bị động, để lọt những trường hợp không đủ tiêu chuẩn vào cấp ủy các cấp.

- Trên cơ sở tổng kết 20 năm đổi mới công tác kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị nội dung đề phục vụ cho Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, đồng thời làm cơ sở để xin ý kiến Bộ Chính trị đưa vào chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng.

Về mở rộng chức năng của ủy ban kiểm tra và ủy ban kiểm tra do đại hội bầu, Ủy ban Kiểm tra Trung ương sớm xây dựng đề án báo cáo Tiểu ban chuẩn bị báo cáo xây dựng Đảng và báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng, để Tiểu ban trình Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương xem xét.

- Có chính sách để động viên cán bộ kiểm tra giữ gìn phẩm chất, lối sống và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Về chính sách cụ thể đối với đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra và vấn đề định biên cán bộ làm công tác kiểm tra ở đảng ủy xã, phường, thị trấn, Ban Tổ chức

Trung ương phối hợp với Bộ Nội vụ chuẩn bị đề án trình Ban Bí thư xem xét.

- Về mối quan hệ phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các ban đảng và các ngành trong khối nội chính, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì cùng với Ban Nội chính Trung ương xây dựng quy chế trình Ban Bí thư.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công tác kiểm tra, bảo đảm thiết thực, có chất lượng.

- Định kỳ sáu tháng một lần, Ban Bí thư sẽ nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo về tình hình công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng; những vấn đề phức tạp, nổi cộm, bức xúc cần phải xin ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN BAN BÍ THƯ

Số 170-TB/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2005

Về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm

Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập, Tổng Bí thư của Đảng
(24-4-1906 – 24-4-2006)

Ngày 5-1-2005, sau khi xem xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (Công văn số 5425-CV/TTVH, ngày 3-12-2004) về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập, Ban Bí thư cơ bản nhất trí với nội dung đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và lưu ý một số điểm sau đây:

- Đây là lần đầu tiên Đảng ta, nhân dân ta chính thức tổ chức kỷ niệm nhân Ngày sinh lần thứ 100 của đồng chí Hà Huy Tập (24-4-1906 – 24-4-2006). Việc làm này nhằm ghi nhớ công lao của đồng chí Tổng Bí thư Hà Huy Tập đối với sự nghiệp cách mạng, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho toàn Đảng, toàn dân.

- Việc tổ chức các cuộc thi sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật về đồng chí Hà Huy Tập và các hoạt động văn nghệ,

thể dục - thể thao chào mừng kỷ niệm cần phải cân nhắc kỹ, tránh hình thức, lãng phí.

- Việc xây dựng, tôn tạo các công trình khu lưu niệm đồng chí Hà Huy Tập và một số công trình khác phục vụ kỷ niệm là cần thiết. Tỉnh ủy Hà Tĩnh khẩn trương chỉ đạo xây dựng đề án, xin ý kiến các cơ quan chức năng ở Trung ương có liên quan, qua thẩm định của Bộ Văn hóa - Thông tin để triển khai thực hiện. Cần lưu ý đề án tương xứng với quy mô khu lưu niệm và các công trình phục vụ kỷ niệm các đồng chí cố Tổng Bí thư khác của Đảng (Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ...).

- Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo và hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập trong cả nước và tại tỉnh Hà Tĩnh.

- Giao Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp với các cơ quan hữu quan lập dự toán đề nghị Chính phủ cấp kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm, tôn tạo các công trình phục vụ kỷ niệm.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX***

Ngày 17 tháng 1 năm 2005

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX họp vào dịp đầu năm mới 2005. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí Trung ương đã về dự đông đủ và xin gửi tới tất cả các đồng chí có mặt tại Hội nghị những lời chúc năm mới tốt đẹp nhất.

Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội X của Đảng, bởi tại Hội nghị, Trung ương sẽ xem xét và quyết định những vấn đề cơ bản nhất về nội dung của Đại hội sắp tới.

Sáu tháng qua, thực hiện quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã chỉ đạo các Tiểu ban Văn kiện khẩn trương tiến hành thu thập ý kiến của nhiều cơ quan, đơn vị nghiên cứu, thảo luận và biên

* Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX họp từ ngày 17 đến ngày 25-1-2005 (B.T).

tập Đề cương chi tiết các văn kiện để trình Hội nghị Trung ương lần này, bao gồm: Báo cáo chính trị; Báo cáo về bổ sung và phát triển một số nội dung của Cương lĩnh 1991; Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo về xây dựng Đảng và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Bộ Chính trị cũng trình Hội nghị Trung ương "Báo cáo tóm tắt một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới" và "Kiểm điểm công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2004".

Đại hội X của Đảng dự kiến sẽ họp vào quý II năm 2006, tức là vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm đầu của thế kỷ XXI, cũng là kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005, đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, 15 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010; Tổng kết 20 năm đổi mới; bổ sung, phát triển một số nội dung trong Cương lĩnh chính trị năm 1991; quyết định phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa X (nhiệm kỳ 2006 - 2010).

Đại hội X của Đảng có ý nghĩa trọng đại động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy sức mạnh toàn dân tộc, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, tiếp tục

đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn nữa, quyết tâm đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Các dự thảo văn kiện trình Hội nghị Trung ương lần này đều theo tinh thần cơ bản nêu trên. Tuy là Đề cương chi tiết, song các dự thảo này đều cố gắng thể hiện những nét chính yếu nhất trong việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, về tổng thể cũng như về từng mặt cụ thể, đồng thời trình bày phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp lớn để đưa đất nước tiến lên trong thời kỳ 5 năm sau của thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Bộ Chính trị đã gửi đến các đồng chí Trung ương các dự thảo văn bản ấy để nghiên cứu trước. Tại Hội nghị này, các đồng chí sẽ nghe các tờ trình, qua đó, tiến hành các cuộc thảo luận và đi đến những quyết định làm cơ sở cho việc biên tập các văn kiện chính thức để Trung ương thông qua tại Hội nghị lần thứ 12.

Trong việc kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, cũng như trong việc góp ý kiến vào Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới, Bộ Chính trị đề nghị các đồng chí Trung ương phát huy cao tinh thần tự phê bình và phê bình, nói thẳng, nói thật, đánh giá một cách khách quan, trung thực, vừa khẳng định mạnh mẽ những thành tựu đạt được, tạo niềm tin vững chắc vào con đường chúng ta đi, vừa chỉ ra một cách thẳng thắn, không né tránh các mặt yếu kém, những sai lầm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và quản lý, đặc biệt là nêu được những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm để trên cơ sở đó, đưa ra những quyết sách mới. Bản lĩnh chính

trị của Đảng ta thể hiện không chỉ ở chỗ Đảng đưa ra được đường lối, chủ trương, chính sách đúng mà còn ở chỗ biết phát hiện sai lầm và khuyết điểm, kiên quyết tự phê bình và phê bình để sửa chữa.

Trong việc hoạch định đường lối, phương hướng, nhiệm vụ và các chủ trương, chính sách, giải pháp lớn cho thời kỳ tới, chúng ta vừa kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa tỏ rõ quyết tâm tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn nữa nhằm thực hiện bằng được Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ với những mục tiêu cụ thể đã được xác định tại Đại hội IX, tạo ra bước chuyển lớn và cơ bản cho sự phát triển đất nước trong 10 năm tiếp theo (2010 - 2020).

Về kinh tế, cần phấn đấu đạt sự tăng trưởng với nhịp độ nhanh hơn, có chất lượng cao hơn và bền vững hơn, đồng thời, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ và khai thác có hiệu quả ngoại lực, tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia để phát triển.

Các mặt văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phải được đổi mới nhiều hơn nữa, vừa giải quyết tốt các vấn đề bức xúc về xóa đói, giảm nghèo, việc làm, đời sống, học hành, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vừa tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế, đưa văn hóa và xã hội lên vị trí quan trọng như kinh tế, thực sự xứng đáng là

những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phải phấn đấu tăng cường hơn nữa quốc phòng và an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, nâng cao hơn nữa vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế.

Về chính trị, ra sức tăng cường nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiện toàn hệ thống chính trị, đặc biệt coi trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng; nâng cao hơn nữa hiệu quả cải cách hành chính và cải cách tư pháp...

Về Đảng, phấn đấu nâng cao rõ rệt năng lực cầm quyền, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đổi mới và chỉnh đốn Đảng đồng bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, phương thức lãnh đạo, để Đảng thật sự xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ mới đòi hỏi phải thực hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt với không ngừng phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Thưa các đồng chí,

Gần bốn năm qua, trải qua mười Hội nghị Trung ương,

đặc biệt là từ Hội nghị Trung ương lần thứ hai đến nay, để cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội IX trên mọi lĩnh vực, tập thể Ban Chấp hành Trung ương chúng ta đã phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ, cởi mở, tự phê bình và phê bình, đóng góp công sức và trí tuệ, nhờ đó đã đi đến những nghị quyết đúng đắn và chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nghị quyết đó. Tôi mong rằng, tại Hội nghị lần này, các đồng chí Trung ương cũng sẽ làm việc với tinh thần ấy, phát huy hơn nữa trí tuệ tập thể để đóng góp tốt nhất cho việc xây dựng các văn kiện, coi đó như là bước khởi đầu quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất trong việc chuẩn bị nội dung để tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX).

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO TÓM TẮT
TỔNG KẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN
QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI***

Số 183/TLHN, ngày 5 tháng 1 năm 2005

*(Trình Hội nghị lần thứ 11
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)*

MỞ ĐẦU

Đến năm 2006, công cuộc đổi mới đất nước được 20 năm. Nhìn lại chặng đường đã qua, rút ra những vấn đề cần thiết nhằm hoàn thiện, phát triển đường lối đổi mới, góp phần chuẩn bị Văn kiện Đại hội X của Đảng là một nhu cầu bức xúc của Đảng và dân tộc ta. Bởi vậy, ngày 1-3-2003, Bộ Chính trị đã quyết định *tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới* và lập Ban Chỉ đạo tổng kết do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, làm Trưởng ban; giao Hội đồng Lý luận Trung ương làm cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

* Tài liệu này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc thuận tiện theo dõi (B.T).

Ngày 12-5-2003, Ban Bí thư ra Chỉ thị 24-CT/TW, xác định *mục đích của tổng kết* là: Khẳng định những thành tựu, tiến bộ, chỉ ra những hạn chế và thiếu sót; phân tích nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm; phát hiện những nhân tố mới và những vấn đề mới; làm sáng tỏ hơn một số vấn đề chủ yếu về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn còn có ý kiến khác nhau, góp phần bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 và cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. Về *phương pháp tổng kết*, Chỉ thị 24-CT/TW chỉ rõ: Nắm vững và vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, các quan điểm, đường lối của Đảng thể hiện trong văn kiện các Đại hội VI, VII, VIII, IX và các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị; kế thừa những kết quả nghiên cứu lý luận từ Đại hội VI của Đảng đến nay; xuất phát từ thực tiễn đổi mới của đất nước, đồng thời tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài. Trong quá trình tổng kết, cần quán triệt quan điểm biện chứng, lịch sử, khách quan, nhìn thẳng vào sự thật, báo cáo trung thực, phát huy tự do tư tưởng, thảo luận dân chủ; đề xuất được những luận điểm mới có căn cứ khoa học để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới ở nước ta tiến lên.

Thực hiện ý kiến của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo đã khẩn trương xây dựng Đề cương tổng kết, phân công 5 nhóm tổng kết 5 chuyên đề lớn về kinh tế, văn hóa - xã hội, hệ thống chính trị, đối ngoại, xây dựng Đảng; và lập Tổ Biên tập của Ban Chỉ đạo. Ban Bí thư giao cho đảng đoàn, ban cán sự đảng của 24 bộ, ban, ngành Trung ương và 30 tỉnh, thành ủy

thực hiện tổng kết 15 chuyên đề thực tiễn; giao nhiệm vụ tổng kết cho Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và một số cơ quan khoa học khác.

Các nhóm tổng kết đã khảo sát thực tế tại 44 tỉnh, thành phố; 15 quận, huyện, xã, phường; tổ chức 23 cuộc hội thảo và một số cuộc điều tra xã hội học với quy mô lớn. Các ban, ngành và địa phương được giao nhiệm vụ tổng kết cũng lập Ban Chỉ đạo tổng kết mà hầu hết do đồng chí Bí thư cấp ủy làm trưởng ban; triển khai công việc khá tích cực và nghiêm túc.

Hội đồng Lý luận Trung ương (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tổng kết) đã làm việc với 4 bộ, ban, ngành và tổ chức 8 đoàn đi 19 tỉnh, thành phố để nắm tình hình và hướng dẫn việc triển khai tổng kết của các bộ, ban, ngành và các địa phương; tiến hành hai hội thảo: “*Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường*”; và “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở Việt Nam hiện nay*”¹. Hội đồng cũng hoàn thành chuyên đề: “*Vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền, các hình thức thực hiện dân chủ*” báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Sau 1 năm rưỡi triển khai, 5 nhóm tổng kết đã báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo; các bộ, ban, ngành Trung ương và các cấp ủy địa phương đã gửi báo cáo kết quả tổng kết về Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương đã tổng hợp theo 15 chuyên đề. Hội đồng Lý luận Trung ương đã xây dựng đề cương Báo cáo tổng kết, tổ chức thảo luận và viết Báo cáo tổng kết.

1. Về kết quả các hội thảo này, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có Báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong hai ngày (30-9 và 2-10-2004), Ban Chỉ đạo đã nghe báo cáo kết quả, thảo luận và cho ý kiến để bổ sung, hoàn thiện Báo cáo trình Bộ Chính trị. Trong các ngày 12 và 13-11-2004, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghe, thảo luận và cho ý kiến kết luận bước đầu về Báo cáo tổng kết¹. Bộ Chính trị đã chỉ đạo tiếp tục hoàn chỉnh bản Báo cáo tổng kết để trình Ban Chấp hành Trung ương.

Dưới đây là Báo cáo tóm tắt kết quả cuộc tổng kết đó. Bản Báo cáo gồm 3 phần chính:

Phần thứ nhất: Bối cảnh ra đời và quá trình hình thành, phát triển đường lối đổi mới của Đảng ta.

Phần thứ hai: Thành tựu, hạn chế, bài học của 20 năm đổi mới.

Phần thứ ba: Công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Phần thứ nhất

BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG TA

I- BỐI CẢNH RA ĐỜI ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI

Từ cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, trên thế giới đã diễn ra những biến đổi to lớn. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có nhiều diễn biến phức tạp

1. Các tài liệu gửi đến Bộ Chính trị và Ban Bí thư tại cuộc họp này gần 740 trang.

trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, xu thế quốc tế hóa kinh tế, chạy đua về kinh tế. Điều đó đã đặt hệ thống xã hội chủ nghĩa trước những thách thức mới. Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong khi đó, các nước tư bản chủ nghĩa do có sự điều chỉnh cần thiết, sử dụng được những thành quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nên đã vượt qua được khó khăn, kinh tế có bước tăng trưởng đáng kể.

Để thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, Trung Quốc thực hiện cải cách, mở cửa; Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tiến hành cải tổ. Trong khi Trung Quốc có sự vươn lên mạnh mẽ, thì những sai lầm về đường lối và cách làm đã khiến công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu ngày càng khó khăn, sự khủng hoảng toàn diện đã dần dần xuất hiện ở các nước này. Công cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa đã có tác động sâu sắc đến nước ta.

Ở Việt Nam, sau khi đất nước thống nhất, bên cạnh thuận lợi và một số thành tựu bước đầu đã giành được, chúng ta cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới. Tư tưởng chủ quan, say sưa với thắng lợi, nôn nóng, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn, bố trí sai cơ cấu kinh tế, cộng với những khuyết điểm của mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp bộc lộ ngày càng rõ, làm cho tình hình kinh tế - xã hội rơi vào trì trệ, khủng hoảng. Đất nước lại bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận; chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc xảy ra... Cuối những năm 70, ở một số địa phương bắt đầu có những tìm tòi, thử nghiệm cách làm ăn mới. Đảng và nhân dân ta thấy không còn sự lựa chọn nào

khác, ngoài việc phải đổi mới tư duy, đổi mới cách làm nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách có hiệu quả hơn.

II- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI

Có thể coi Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8-1979) với chủ trương và quyết tâm *làm cho sản xuất “bung ra”* là *bước đột phá đầu tiên* của quá trình đổi mới ở nước ta. Hội nghị đã tập trung tìm những biện pháp nhằm khắc phục yếu kém trong quản lý kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa; điều chỉnh những chủ trương, chính sách kinh tế, phá bỏ rào cản, mở đường cho sản xuất phát triển: ổn định nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phân dôi ra được bán cho Nhà nước hoặc lưu thông tự do; khuyến khích mọi người tận dụng ao hồ, ruộng đất hoang hóa; cải tiến các chính sách lưu thông, phân phối (giá, lương, tiền, tài chính, ngân hàng); đổi mới công tác kế hoạch hóa, kết hợp kế hoạch với thị trường; kết hợp ba lợi ích: nhà nước, tập thể, cá nhân người lao động.

Những chủ trương đó đã nhanh chóng được nhân dân cả nước đón nhận và biến thành hành động cụ thể trong thực tiễn kinh tế: Sau hơn ba tháng thực hiện, ở Hà Nội đã có 1.529 hộ đăng ký kinh doanh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Kinh tế hộ gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh. Tỉnh Long An từ năm 1981 đã thực hiện thí điểm mô hình theo cơ chế “mua cao, bán cao”, bù giá vào lương thay cho “mua cung, bán cấp”. Hải Phòng, Vĩnh Phú, Nghệ Tĩnh... được phép thí điểm hình thức khoán; trên cơ sở đó, Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản

phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp đã ra đời. “Khoán 100” đã bước đầu tạo ra *một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp*.

Trên lĩnh vực công nghiệp, bước đầu xác định quyền tự chủ của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh, với chủ trương “ba phần kế hoạch”¹ theo Quyết định 25/CP, ngày 21-1-1981 của Hội đồng Chính phủ, cùng với Quyết định 26/CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh, được áp dụng.

Trên lĩnh vực cải tạo xã hội chủ nghĩa, vấn đề sử dụng các thành phần kinh tế đã được đặt ra; từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp; nhấn mạnh chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, mệnh lệnh, làm ồ ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Như vậy, đến đầu những năm 80, *kế hoạch hóa không còn được xem là hình thức duy nhất để phát triển kinh tế*; đã khẳng định *sự cần thiết phải kết hợp kế hoạch với thị trường, kết hợp thị trường có kế hoạch với thị trường không có kế hoạch*; có sự nhìn nhận tích cực hơn với kinh tế tư nhân; xem tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá đúng, sai của chính sách kinh tế là năng suất lao động có được nâng cao hay không, có làm cho sản xuất phát triển và đời sống của nhân dân được cải thiện hay không.

Tuy nhiên, do những khó khăn bởi chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam gây ra, do thiếu đồng bộ của tư tưởng đổi mới và chưa có đủ thời gian để những chủ trương đổi mới

1. Phần nhà nước giao có vật tư bảo đảm, phần xí nghiệp tự làm, phần sản phẩm phụ.

phát huy tác dụng, nên nhiều chỉ tiêu cơ bản do Đại hội IV không thực hiện được. Nền kinh tế tiếp tục ở trạng thái trì trệ, sa sút; đời sống nhân dân có nhiều khó khăn.

Đại hội V của Đảng (3-1982) đã đánh giá khách quan tình hình, từ đó đưa ra một số chủ trương đổi mới quan trọng. Phân tích nguyên nhân chủ quan gây nên sự trì trệ của nền kinh tế, Đại hội V chỉ rõ: đó là do chúng ta chủ quan, nóng vội, chưa thấy hết khó khăn, phức tạp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến; chưa thấy hết quy mô của những đảo lộn kinh tế và xã hội sau cuộc chiến tranh lâu dài,... Đại hội đã nêu lại tư tưởng về sự *phân kỳ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*: “Chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ ở nước ta bao gồm thời kỳ 5 năm (1981 - 1985) kéo dài đến năm 1990” và xác định mục tiêu của thời kỳ 1981 - 1985 là tập trung phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu hợp lý, xem đó là “nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt”. Đại hội còn khẳng định sự tồn tại trong một thời gian nhất định ở miền Nam năm thành phần kinh tế¹...

Tuy nhiên, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, cũng vẫn có khuynh hướng muốn quay lại với quan niệm và cách làm cũ. Hội nghị Trung ương 5 khóa V (12-1983), vẫn xem *sự chậm chạp trong cải tạo xã hội chủ nghĩa* là một trong những nguyên nhân của tình trạng khó khăn về kinh tế - xã hội, và chủ trương phải *đẩy mạnh hơn nữa việc cải tạo*

1. Quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân.

xã hội chủ nghĩa; Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, xóa bỏ thị trường tự do về lương thực và các nông hải sản quan trọng; thống nhất quản lý giá; bảo đảm cung cấp đủ 9 mặt hàng theo đúng định lượng cho người ăn lương; lập cửa hàng cung cấp... Trong hợp tác xã nông nghiệp thì quản lý, điều hành chặt chẽ tất cả các khâu theo kế hoạch. Hội nghị Trung ương 6 khóa V (7-1984) tiếp tục khẳng định lại chủ trương này. Điều đó cho thấy, sự đổi mới tư duy là không đơn giản.

Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6-1985) đánh dấu *bước đột phá thứ hai bằng chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chuyển ngân hàng sang nguyên tắc kinh doanh*. Điểm quan trọng là Hội nghị đã *thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa*.

Thực hiện chủ trương trên, tháng 9-1985, cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền được bắt đầu bằng việc đổi tiền, *xóa bỏ hoàn toàn chế độ tem phiếu*, chỉ giữ lại sổ gạo cho người làm công ăn lương. Song khi thực hiện, do vẫn mang tư tưởng chủ quan duy ý chí, nên “giá cả thị trường có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không tốt đến nhiều mặt hoạt động kinh tế - xã hội”¹. Lạm phát bị đẩy lên tốc độ phi mã, đỉnh cao là 774,7% năm 1986. Chính vì vậy, đầu năm 1986, lại phải lùi một bước: *thực hiện chính sách hai giá*.

Tháng 8-1986, Bộ Chính trị đã xem xét kỹ các vấn đề lớn, mang tính bao trùm trên lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra *Kết luận*

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa V.

đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế: a/ Trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ; công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc; b/ Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; c/ Trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hóa, tiền tệ, dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá. Đây là bước đột phá thứ ba, có ý nghĩa lớn trong đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội, có vai trò định hướng cho việc soạn thảo lại một cách căn bản Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VI của Đảng.

Đại hội VI đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước - từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức cán bộ; từ đổi mới phương pháp lãnh đạo đến phong cách hoạt động; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới hệ thống chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Với phương châm *“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”*, Đại hội VI đã đánh giá, phân tích sâu sắc cả về thành tựu cũng như hạn chế, đặc biệt là những khuyết điểm, sai lầm; chỉ rõ những nguyên nhân dẫn đến sai lầm, trên cơ sở đó đề ra những quyết sách quan trọng. Đại hội VI khẳng định: Những sai lầm chúng ta mắc phải là *“những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”*. Những sai lầm đó *“bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”*...

Trong khi chủ trương đổi mới toàn diện, Đại hội VI cũng dành chú ý đặc biệt cho đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Song, Đại hội cũng chỉ ra rằng, đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, mà là tìm ra những phương thức, con đường để đạt mục tiêu đó với hiệu quả cao hơn.

Đại hội VI khẳng định nước ta đang ở *chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*¹, cần ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo là nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát những năm còn lại của chặng đường đầu tiên này. Muốn thế, phải tiến hành đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, coi sự tác động qua lại giữa hai loại chính sách này là nhân tố cơ bản bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội VI còn nhấn mạnh vấn đề phải nắm vững quy luật khách quan, lấy dân làm gốc, đổi mới Đảng và Nhà nước. Đại hội đề ra chủ trương phải tiến hành làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội; đổi mới quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; thực hiện *“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”*.

Đại hội VI đánh dấu *một bước ngoặt* trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã tạo ra *bước đột phá lớn*

1. Vấn đề này đã được xác định ở Đại hội V của Đảng.

và toàn diện đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

Sau Đại hội VI, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, làm cho Nghị quyết Đại hội VI đi dần vào cuộc sống. Nghị quyết Trung ương 2 (4-1987) về lưu thông phân phối, quyết định bỏ chính sách hai giá, thực hiện một giá thu mua nông sản, tiếp tục xóa bỏ tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”; Nghị quyết Trung ương 3 (8-1987) quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, thực hiện tự chủ trong kinh doanh; Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988) về tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, thực hiện việc khoán đến hộ (“Khoán 10”)...

Từ cuối năm 1988, công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu ngày càng chao đảo. Ở các nước này thực hiện đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập, phủ nhận sạch trơn quá khứ cách mạng; chia rẽ thù địch nhau phê phán vào Đảng Cộng sản, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và tung ra biết bao tư tưởng, quan điểm xa lạ khiến tình trạng khủng hoảng ngày càng trầm trọng, xã hội ngày càng hỗn loạn... Trong bối cảnh đó, tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989) Đảng ta đã nêu ra *6 nguyên tắc đổi mới*, trong đó *giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa* là nguyên tắc đầu tiên; *đổi mới chứ không đổi màu*. Việc khẳng định nguyên tắc đó đã góp phần ngăn chặn có hiệu quả nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VII (năm 1991) thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó

xác định *hai nội dung cơ bản*: 1/ *quan niệm tổng quát nhất về xã hội xã hội chủ nghĩa* mà chúng ta cần xây dựng; 2/ *những phương hướng cơ bản* để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ mới. Thành tựu phát triển tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta đạt được sau 5 năm đổi mới cũng như toàn bộ quá trình trước đó được biểu hiện tập trung nhất trong văn kiện quan trọng này. Trong hoàn cảnh khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội thế giới ngày càng trầm trọng, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã bị sụp đổ, Liên Xô cũng đang đứng trước ngưỡng cửa của sự tan rã, việc Đảng ta nêu lên quan niệm về chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là rất kịp thời và có ý nghĩa chiến lược sâu sắc.

Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (6-1992) đề ra tư tưởng chỉ đạo và bốn phương châm hoạt động đối ngoại của Đảng ta.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) xác định mục tiêu tổng quát của quá trình đổi mới nói riêng, của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nói chung, là phấn đấu vì mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*. Hội nghị cũng chỉ ra bốn nguy cơ mà đất nước phải vượt qua: Tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; lệch hướng xã hội chủ nghĩa; tệ tham nhũng, quan liêu; “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Hội nghị đưa ra quan điểm về *công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới*. Tại Hội nghị này, lần đầu tiên Đảng khẳng định *xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*; xem “phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”.

Đại hội VIII của Đảng (6-1996) khẳng định nước ta đã ra

khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về *chặng đường đầu tiên* và *chặng đường tiếp theo* trong thời kỳ quá độ; chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là *phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020*. Đại hội cũng làm rõ hơn định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12-1996) xác định phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; thực hiện công bằng trong giáo dục - đào tạo; coi khoa học và công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội;...

Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII (6-1997) đã ra Nghị quyết về chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chỉ ra năm quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, mục tiêu của công tác cán bộ và xác định tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ mới.

Để văn hóa thực sự là “nền tảng tinh thần” của xã hội - một vấn đề đã được khẳng định tại Hội nghị Trung ương 4 khóa VII (1-1993), Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7-1998) đã đề cập toàn diện những nội dung cốt lõi nhất của vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (10-1998) quyết định mở cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong hai năm 1999 - 2001; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham

nhũng, quan liêu; chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Đại hội IX (4-2001) là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI ở Việt Nam. Đại hội đã nhìn lại một cách tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (1996 - 2000), 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội (1991 - 2000), rút ra bài học qua 15 năm đổi mới (1986 - 2000), định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI với phương hướng tổng quát là: “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đại hội xác định mục tiêu chung của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay là “*độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” (điểm mới là có thêm từ “*dân chủ*”). Đại hội IX đánh giá sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn về vị trí, vai trò và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội khẳng định đường lối phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* - mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ; làm rõ vai trò động lực to lớn của đại đoàn kết toàn dân, của vấn đề dân chủ, của việc quan tâm tới lợi ích chính đáng của con người; chỉ ra *nội dung chủ yếu* của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay; tuyên bố: “*Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*”.

Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (2-2002) đã ra nghị quyết về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; về nhiệm

vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận; đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

Hội nghị Trung ương 7 khóa IX (1-2003) khẳng định vai trò động lực chủ yếu của đại đoàn kết toàn dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (7-2003) đã đưa ra chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; khẳng định quan điểm toàn diện hơn về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và những định hướng lớn trên vấn đề này.

Hội nghị Trung ương 9 khóa IX (1-2004) đã kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tiếp tục khẳng định phương hướng chính trị cơ bản trong những thập niên đầu thế kỷ XXI mà Đại hội IX đã nêu lên, nhấn mạnh vấn đề tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn với tăng trưởng kinh tế; tạo sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng...

Nhìn lại quá trình hình thành và phát triển đường lối đổi mới của Đảng ta, có thể rút ra một số kết luận:

Một là, đường lối đổi mới không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm; thông qua những trăn trở, đấu tranh gian khổ về tư duy trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kết hợp với vận dụng lý luận, tạo ra những đột phá quan trọng; đó là quá trình từng bước từ thấp đến cao, từ đổi mới bộ phận đến đổi mới căn bản, từ đổi mới từng mặt đến đổi mới toàn diện.

Hai là, trong quá trình đổi mới, ý kiến, sáng kiến, cách làm sáng tạo của nhân dân các địa phương là cực kỳ quan trọng. Nếu biết lắng nghe, chất lọc, tổng kết, khái quát thì sẽ có những quyết sách đúng, những chủ trương phù hợp, nhất là vào những thời điểm khó khăn hoặc có tính bước ngoặt.

Ba là, đổi mới là một cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, nhiều khi nó diễn ra ngay trong mỗi con người, trong từng tổ chức. Thành công của Đảng ta là ở chỗ, đã kiên quyết đổi mới, dám nhìn thẳng vào sự thật, dám thừa nhận sai lầm, từ bỏ những cách nghĩ, cách làm không còn phù hợp; kiên quyết khắc phục tư tưởng bảo thủ, giáo điều; đồng thời, không rơi vào cực đoan, nôn nóng. Đảng ta nhiều lần khẳng định, phải kiên quyết đổi mới, đổi mới là sống còn, nhưng phải làm từng bước vững chắc, thận trọng, có nguyên tắc, không xa rời mục tiêu.

Bốn là, đường lối đổi mới được hình thành trên cơ sở độc lập tự chủ, sáng tạo, xuất phát từ thực tế Việt Nam, đồng thời, có tham khảo kinh nghiệm quốc tế một cách có chọn lọc; đường lối ấy hợp quy luật, thuận lòng người, nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Phần thứ hai

THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, BÀI HỌC CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI

I- THÀNH TỰU

Sau 20 năm đổi mới, chúng ta đã đạt được những *thành tựu to lớn cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn*. Tập trung ở một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

1. Về kinh tế

a) Chúng ta đã có những đổi mới quan trọng về nhận thức trên các mặt:

- Về mô hình kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta: Trước đổi mới, do chưa thừa nhận sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, chúng ta xem kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế xã hội chủ nghĩa, phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch là chủ yếu; coi thị trường chỉ là một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch. Không thừa nhận trên thực tế sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, muốn nhanh chóng xóa bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế cá thể, tư nhân; xây dựng nền kinh tế khép kín. Đến nay chúng ta đã xác định xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Khẳng định mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Muốn vậy, phải tập trung sức phát triển lực lượng sản xuất, giải phóng triệt để sức sản xuất; quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Xác định ở nước ta có ba chế độ sở hữu cơ bản (toàn dân, tập thể, tư nhân), từ đó, tạo thành nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp; xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Xác định ngày càng rõ hơn nội dung vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước (định hướng, tạo điều kiện và thúc đẩy kinh tế phát triển). Khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân và

kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài; hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu và bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường; từng bước hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường; tách quyền của chủ sở hữu và quyền quản lý, sử dụng;... Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua pháp luật, kế hoạch, chính sách, các công cụ kinh tế và lực lượng vật chất cần thiết mà Nhà nước nắm; có sự phân cấp ngày càng nhiều hơn để phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở; xóa bỏ mọi hình thức bao cấp; hạn chế, kiểm soát và xóa bỏ độc quyền kinh doanh.

- Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Từ công nghiệp hóa chuyển sang thực hiện công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa; từ công nghiệp hóa theo kiểu khép kín, hướng nội, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn ngoại viện của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước chuyển dần sang công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong một nền kinh tế mở, gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với từng bước phát triển kinh tế tri thức. Cơ chế phân bổ nguồn lực để công nghiệp hóa: từ chỗ chủ yếu bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung của Nhà nước và chủ yếu giao cho doanh nghiệp nhà nước làm, đã dần chuyển sang phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường, lấy tiêu chuẩn trước hết là hiệu quả kinh tế để đầu tư; Nhà nước có chính sách khuyến khích và ưu đãi cho một số ngành, lĩnh vực, địa bàn, doanh nghiệp vừa và nhỏ...

- Về quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế: Với tinh thần lấy lợi ích phát triển kinh tế của đất nước làm mục tiêu, kiên trì nguyên tắc bảo đảm độc lập tự chủ quốc gia, bình đẳng, tự chủ trong quan hệ kinh tế quốc tế, Đảng ta khẳng định: “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”. Thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại; thực hiện hội nhập ở cả ba cấp độ: song phương, khu vực, toàn cầu.

b) Những đổi mới trong thực tiễn

Một là, đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường, đời sống của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện. Đến năm 1995, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 được hoàn thành vượt mức; đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ năm 1996 đến năm 2000, đã đạt được nhịp độ tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của 10 năm (1990 - 2000) đạt 7,5%; năm 2000 so với năm 1990, GDP tăng hơn 2 lần. Trong ba năm (2001 - 2003) của nhiệm kỳ Đại hội IX, nền kinh tế bình quân tăng 7,1%; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể, nguồn lực phát triển trong các thành phần kinh tế đã được huy động khá hơn. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện.

Hai là, thực hiện có kết quả chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003 tạo khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển doanh nghiệp nhà nước. Cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước được đổi mới một bước quan trọng theo hướng xóa bỏ cấp; thực hiện chế độ công ty,

phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm của doanh nghiệp trong kinh doanh. Đã tập trung chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước đóng góp khoảng 38 - 39% GDP.

Kinh tế tập thể, mà nòng cốt là hợp tác xã, đã được đổi mới từng bước theo Luật hợp tác xã và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Các hợp tác xã đã chứng tỏ được rõ hơn vai trò, vị trí đối với kinh tế hộ trong sản xuất hàng hóa, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; đóng góp vào tổng sản phẩm trong nước của khu vực hợp tác xã giảm nhanh, nhưng bắt đầu có chiều hướng phục hồi.

Kinh tế tư nhân phát huy ngày càng tốt hơn các nguồn lực và tiềm năng trong nhân dân, nhất là từ sau khi có Luật doanh nghiệp năm 2000 đến nay. Số doanh nghiệp mới đăng ký trong bốn năm (2000 - 2003) tăng gấp gần hai lần so với chín năm trước đây (1991 - 1999), số vốn đăng ký đạt hơn 145.000 tỉ đồng (tương đương khoảng 9,5 tỉ USD, cao hơn số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký trong cùng thời kỳ); năm 2003, đã giải quyết việc làm cho 1.387.750 lao động trong tổng số 1.525.000 lao động mới có việc làm, chiếm tỷ trọng 91%.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng có bước phát triển quan trọng. Tính đến tháng 6-2004, có 4.575 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép và còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đạt trên 43 tỉ USD. Khu vực này đóng góp trên 13% GDP, trên 18% tổng vốn đầu tư xã hội, khoảng 7% thu ngân sách.

Ba là, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dần được hình thành. Với Luật doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh được Hiến pháp 1992 quy định đã thực sự

đi vào cuộc sống. Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế, Bộ luật dân sự, Luật thương mại, Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước đã tạo khung khổ pháp lý ban đầu, tạo điều kiện cho các yếu tố thị trường được hình thành và vận hành từng bước. Nhà nước đã từng bước tách chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của các cơ quan nhà nước, chức năng chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước của Nhà nước và chức năng kinh doanh của doanh nghiệp; chuyển từ can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế sang can thiệp gián tiếp thông qua hệ thống pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

Bốn là, cơ cấu kinh tế ngành, vùng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về cơ cấu ngành kinh tế: Từ năm 1988 đến nay, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng nhanh và liên tục (năm 1988 là 21,6% GDP, năm 1995 là 28,8%, năm 2003 là 40%, dự kiến năm 2005 chiếm 42% GDP). Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP năm 1988 là 46,3%, năm 2003 còn 21,8%, dự kiến năm 2005 là 19%. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, cơ cấu cây trồng và vật nuôi đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, các sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đã tăng từ 33,1% năm 1988 lên 38,2% năm 2003, dự kiến năm 2005 là 39%.

Về cơ cấu các vùng kinh tế: Có sự chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh và quan tâm hỗ trợ các vùng còn có nhiều khó khăn. Ba vùng kinh tế trọng điểm đã phát triển với tốc độ cao hơn mức bình quân của cả nước, hiện chiếm hơn 60% GDP của cả nước. Các vùng kinh tế còn khó khăn

đang từng bước vươn lên, có chuyển biến tốt về đời sống kinh tế - xã hội.

Về cơ cấu lao động: Có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong sản xuất thuần nông, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Năm 1990, lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 73,02% tổng số lao động xã hội, năm 2004 còn 58%, dự kiến năm 2005 còn khoảng 57,1%; năm 2004 lao động trong công nghiệp và xây dựng là 17%, trong dịch vụ là 25%.

Việc chuyển dịch cơ cấu đầu tư có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP tăng khá nhanh; nguồn vốn tích lũy trong nước đã được khai thác tốt hơn, chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư. Mặt khác, cũng huy động được nhiều vốn bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đã hướng mạnh hơn đầu tư vào các mục tiêu chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; bổ sung thiết bị và hiện đại hóa một số ngành công nghiệp; hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng; đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo.

Năm là, đạt được những kết quả tích cực trong hội nhập kinh tế sâu hơn vào khu vực và thế giới. Việt Nam đã tham gia hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế trên các cấp độ và trong các lĩnh vực kinh tế then chốt (như thương mại, dịch vụ, lao động, đầu tư, khoa học và công nghệ...). Nước ta đã tham gia ASEAN ngày 28-7-1995; đã không ngừng mở rộng các quan hệ kinh tế song phương, tiểu vùng, vùng, liên vùng và tiến tới tham gia liên kết kinh tế toàn cầu. Đến nay, nước ta đã có quan hệ thương mại với 160 nước và vùng lãnh thổ, ký 86 hiệp định thương mại song phương, trong đó, nổi bật là Hiệp định thương mại với Mỹ, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hóa với nước ngoài.

2. Về văn hóa, xã hội, con người

a) Đã có những đổi mới trong *nhận thức* trên hai vấn đề quan trọng:

Một là, về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội: Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích của tập thể một cách chung chung, trừu tượng; thi hành phân phối theo kiểu bình quân - cào bằng đã từng bước thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất - kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội trong mối quan hệ với chính sách kinh tế, đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm cho mình và cho người khác. Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội đã đi đến chủ trương khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội “thuần nhất” chỉ có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm về việc xây dựng một cộng đồng xã hội, trong đó, các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Đã coi phát triển giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là

quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Hai là, về văn hóa và con người: Đã xác định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội, là nguồn lực nội sinh quan trọng của phát triển, là nền tảng tinh thần của xã hội; khẳng định tính chất tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo. Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới; tôn giáo tồn tại lâu dài trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Khẳng định con người là vốn quý nhất, phát triển con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới đất nước. Con người và sự phát triển con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội, mở rộng cơ hội, nâng cao điều kiện cho con người phát triển.

b) Về mặt *thực tiễn*: Nhìn chung, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta đã được giải quyết một cách có hiệu quả. Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt¹.

1. Thu nhập bình quân đầu người từ 200 USD năm 1990 sẽ tăng lên khoảng 600 USD vào năm 2005.

- *Công tác giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo* đạt kết quả tốt: Từ năm 2000 đến năm 2003, tạo việc làm cho 5,545 triệu lao động. Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh và đạt kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống 12% năm 2003. Còn theo chuẩn quốc tế, thì tỷ lệ nghèo chung¹ đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 28,9% năm 2002. Như vậy, Việt Nam đã “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015” mà Liên hợp quốc đã đề ra².

- *Sự nghiệp giáo dục* có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến giữa năm 2004, 20 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

- *Khoa học - công nghệ và tiềm lực khoa học - công nghệ* có bước phát triển nhất định. Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ đã được đưa vào áp dụng trong thực tế, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, bưu chính viễn thông... Nước ta đã có quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ với trên 70 nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Đội ngũ cán bộ khoa học và

1. Tỷ lệ nghèo chung bao gồm cả nghèo lương thực, thực phẩm và phi lương thực, thực phẩm. Đây là chuẩn mà Tổng cục Thống kê với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới đã lấy làm căn cứ để tiến hành điều tra mức sống dân cư các năm 1992 - 1993, 1997 - 1998 và 2002.

2. Cơ quan đại diện Liên hợp quốc tại Việt Nam: *Đưa các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến với người dân*, Hà Nội, 2002, tr.1.

công nghệ đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đối mới của Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;...

- *Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân* có tiến bộ, góp phần hạ thấp đáng kể tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, cơ bản thanh toán một số dịch bệnh phổ biến trước đây, khống chế thành công bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS). Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 69 tuổi năm 2003. Chỉ số phát triển con người (HDI) từ mức dưới trung bình (0,498 năm 1991) tăng lên mức trung bình (0,688 năm 2002¹).

- *Về văn hóa*, việc triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ do Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đề ra đã góp phần củng cố sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Những giá trị và đặc sắc văn hóa của 54 dân tộc được kế thừa và phát triển, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Giao lưu, hợp tác văn hóa với nước ngoài được mở rộng. Một số nét mới trong chuẩn mực văn hóa của con người Việt Nam đang từng bước hình thành. Nhiều di sản văn hóa - cả vật thể và phi vật thể - được giữ gìn, tôn tạo. Việc phân phối các sản phẩm văn hóa đã nhanh và đều khắp hơn. Hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa đã thực sự khởi sắc, góp phần làm cho vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

1. UNDP: *Human Development Report 1991*, New York, 1991, p.120; *Human Development Report 2002*, New York, 2002, p.151.

- *Cơ cấu xã hội nước ta* có những biến đổi theo hướng tiến bộ. Cùng với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức cũng đã hình thành đội ngũ doanh nhân tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới đất nước.

Giai cấp công nhân có những biến đổi cả về số lượng, chất lượng cũng như về cơ cấu. Đến năm 2001, công nhân, viên chức và lao động nước ta có trên 10,8 triệu người; trong đó, công nhân trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh là 4,53 triệu. Trình độ học vấn và kỹ năng hành nghề, nhìn chung, đã được nâng lên. Trong giai cấp công nhân đã xuất hiện công nhân “cổ trắng” bên cạnh những công nhân “cổ xanh” truyền thống; công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân ngày càng tăng nhanh.

Nông dân là lực lượng đang có sự biến đổi mạnh mẽ. Nông dân thuần nông ngày càng giảm. Đã hình thành những chủ trang trại, những hộ sản xuất cá thể, những xã viên kiểu mới của các hợp tác xã kiểu mới có khả năng thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường, tham gia tích cực vào công cuộc phát triển đất nước theo đường lối đổi mới. Đã hình thành các quan hệ hộ - hộ, hộ - doanh nghiệp tư nhân, hộ - doanh nghiệp nhà nước, hộ - trang trại.

Đội ngũ trí thức nước ta hiện nay có 1,8 triệu người với trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, trong đó có 16 nghìn thạc sĩ, 14 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học. Đây là một lực lượng có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Về phát triển nguồn nhân lực*: Tính đến giữa năm 2004, 22,5% số người lao động đã qua đào tạo, trong đó số được đào tạo nghề là 13,3%.

3. Về hệ thống chính trị

a) Bước tiến về *nhận thức*

- Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, Đảng ta sử dụng khái niệm *hệ thống chính trị* (thay cho *hệ thống chuyên chính vô sản*). Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, *bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân*”. Đại hội VII khẳng định: thực chất đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là một mục tiêu, vừa là một động lực của công cuộc đổi mới.

Hệ thống chính trị vận hành theo nguyên tắc: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Trong đó, *Đảng* vừa là bộ phận của hệ thống chính trị, vừa là “hạt nhân” lãnh đạo hệ thống ấy; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, luật. Không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. *Nhà nước* pháp quyền của dân, do dân và vì dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng; có chức năng thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng và quản lý đất nước. *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ; có vai trò quan trọng trong việc thực hiện phản biện, giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. *Nhân dân* là người làm chủ xã hội, làm chủ thông qua Nhà nước và các cơ quan đại diện, đồng thời, làm chủ trực tiếp ở

cấp cơ sở thông qua cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; làm chủ thông qua hình thức tự quản.

- Trong đổi mới tư duy về hệ thống chính trị, Đảng ta đã khẳng định phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Nhà nước bảo đảm quyền công dân, quyền con người, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức...

b) Bước tiến trong *thực tiễn*

- Quốc hội có bước đổi mới quan trọng, từ khâu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại diện các ủy ban của Quốc hội (trong bầu cử: có sổ dư, có ứng cử, v.v.) đến hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động; tăng cường bộ phận chuyên trách trong cơ cấu đại biểu Quốc hội; làm tốt hơn chức năng lập pháp, tăng cường công tác giám sát và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Quốc hội hoạt động thường xuyên hơn, hoạt động ngày càng dân chủ hơn, tăng cường tranh luận, thảo luận một cách thẳng thắn, thiết thực; mở rộng chất vấn; tăng cường lắng nghe và tiếp xúc cử tri... Đã có phương hướng chiến lược lập pháp; ban hành Hiến pháp năm 1992 và đã chỉ đạo sửa đổi Hiến pháp đó để phản ánh đúng đắn thành quả đổi mới tư duy và thực tiễn đổi mới đất nước. Đã sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực

nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thành phần kinh tế; hàng trăm quy định lỗi thời đã được loại bỏ; nhiều quyền công dân và quyền con người đã được cụ thể hóa và thể chế hóa.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy Chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương. Đã sắp xếp các cơ quan bộ và ngang bộ để hình thành các bộ quản lý nhà nước theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; tách dần chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phân biệt chức năng của cơ quan hành chính công quyền với các đơn vị sự nghiệp, với dịch vụ công. Qua sắp xếp, bộ máy Chính phủ từ 76 đầu mối giảm xuống còn 39, trong đó có 17 bộ, 6 cơ quan ngang bộ, 13 cơ quan thuộc Chính phủ. Bộ máy ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ trên dưới 40 đầu mối nay còn trên dưới 20 đầu mối; cấp huyện từ trên dưới 20 nay còn trên dưới 10.

- Chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp ngày càng được phân định rõ hơn. Tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân tối cao và cấp tỉnh có một số điều chỉnh; lập mới các tòa án chuyên trách (như tòa kinh tế, tòa lao động, tòa hành chính). Tổ chức bộ máy của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có điều chỉnh theo hướng tập trung thực hiện chức năng công tố, chức năng giám sát, giải quyết các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và phá sản doanh nghiệp. Trong xét xử, đã có quy trình khoa học hơn, nâng cao hiệu quả tranh tụng, coi trọng vai trò của luật sư.

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ngày càng phát huy được vai trò của mình trong việc phát huy tính tích cực của nhân dân trong việc xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và nâng cao tính tự quản của các cộng đồng dân cư. Hoạt động của các đoàn thể ngày càng thu hút được đông đảo

các tầng lớp nhân dân tham gia, và ngày càng có hiệu quả thiết thực. Đã có nhiều chủ trương, biện pháp để đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa xã hội; việc ban hành và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần tích cực vào quá trình phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân.

- Đã giải quyết tương đối tốt mối quan hệ giữa Đảng và các bộ phận khác của hệ thống chính trị. Tình trạng Đảng làm thay Nhà nước đã giảm dần ở nhiều cấp; phát triển mối quan hệ qua lại, tác động tương hỗ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội.

4. Về đối ngoại

a) Đổi mới về *nhận thức*

- Trong khi khẳng định, mặc dù chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất thời đại (loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội), Đảng ta đã từng bước làm rõ thêm một số đặc điểm mới của giai đoạn hiện nay, như: vai trò của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của toàn cầu hóa kinh tế, của kinh tế tri thức...

Trước những diễn biến phức tạp của chủ nghĩa xã hội thế giới, Đảng đã kịp thời và tỉnh táo đánh giá những thành tựu mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đã giành được, đồng thời vạch ra những nhược điểm, sai lầm chậm được phát hiện và khắc phục, nhất là về cơ chế quản lý, về ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân và mở rộng dân chủ trong xã hội, đưa đến trì trệ và khủng hoảng về kinh tế - xã hội, coi đó là nguyên nhân sâu xa của sự sụp đổ. Đã chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp là một số

Đảng Cộng sản đã mắc sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức; ... chủ nghĩa đế quốc, ... thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”.

...

Đã nhận thức sâu sắc hơn tính phức tạp và gay gắt của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp trong điều kiện mới, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực đế quốc; đồng thời khẳng định khả năng vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

Về vấn đề chiến tranh và hòa bình, một mặt, nhận thức rõ hơn khả năng đẩy lùi nguy cơ chiến tranh toàn cầu; nhưng mặt khác, cũng chỉ rõ nguy cơ chạy đua vũ trang, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, hoạt động lật đổ, khủng bố... còn xảy ra ở nhiều nơi, mặc dù vậy, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc.

Đã nhận thức rõ hơn, đúng hơn sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, xu thế về toàn cầu hóa, chỉ ra những mặt tích cực cũng như những tác động tiêu cực, những cơ hội cũng như thách thức mới (như gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia, sự cạnh tranh gay gắt về kinh tế, khoa học - công nghệ...).

Đã phân tích kỹ hơn và nhận thức rõ hơn về cục diện Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, những tiềm năng cũng như những thách thức nảy sinh ở khu vực này.

- Về đường lối đối ngoại: Đảng ta coi mục tiêu đối ngoại là góp phần củng cố môi trường quốc tế để phát triển kinh tế. Trong tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại, Đảng nhấn mạnh tư tưởng kiên định nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ

nghĩa xã hội; đồng thời phải sáng tạo, năng động, linh hoạt về sách lược.

Đã có sự đổi mới về nhận thức trên vấn đề địch - ta, đối tượng - đối tác theo tinh thần “thêm bạn, bớt thù”. Đại hội VII đã đưa ra khẩu hiệu: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển; Đại hội IX bổ sung thêm khái niệm “là đối tác tin cậy”. Hội nghị Trung ương 8 khóa IX đã nêu rõ: “Những ai chủ trương tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta; bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh... Trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta...”.

Đã đề ra những phương châm đối ngoại rất quan trọng:

+ Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, coi đó là lợi ích cao nhất, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng thực tế của ta.

+ Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

+ Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế, hai mặt đó đậm nhạt tùy từng đối tượng, trên từng vấn đề và ở từng thời điểm; cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, đấu tranh để hợp tác; tránh trực diện đối đầu, tự đẩy mình vào thế cô lập.

+ Hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước, trong đó đặt cao quan hệ với các nước lớn; chủ động tham gia các tổ chức đa phương khu vực và toàn cầu.

Đảng ta còn coi trọng kết hợp đối ngoại của Đảng, đối ngoại nhà nước và đối ngoại nhân dân.

b) *Trong thực tiễn*, chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn

- *Phá thế bị bao vây, cấm vận; mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia*. Đến nay ta đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước trong số hơn 200 nước trên thế giới... Chúng ta cũng có nhiều biện pháp tích cực nhằm tăng cường và đổi mới quan hệ hợp tác toàn diện, đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, quan tâm việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác và giải quyết tốt vấn đề biên giới giữa hai nước. Với các nước ASEAN, đã bình thường hóa hoàn toàn quan hệ,... góp phần tạo môi trường khu vực thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, có thêm đối tác, nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực.

- *Xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn*. Tất cả các nước lớn đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á. Đã ký Hiệp định về hợp tác với EU (1995), thỏa thuận với Trung Quốc khuôn khổ quan hệ “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” (1999); Tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược với Nga (2001) và Khuôn khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lâu dài với Nhật Bản (2002). Đã từng bước bình thường hóa hoàn toàn quan hệ với Mỹ, mở ra thị trường Mỹ.

- *Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, đảo với các nước liên quan, giữ vững môi trường hòa bình.* Đã đàm phán thành công với Malaixia về giải pháp “gác tranh chấp, cùng khai thác” ở vùng biển chồng lấn giữa ta và họ, sau đó đã đạt được thỏa thuận về vùng chồng lấn với Indônêxia, Thái Lan trên cơ sở bình đẳng, hai bên đều có lợi,... Đã ký với Trung Quốc Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá.

- *Tranh thủ ODA, thu hút FDI, mở rộng thị trường ngoài nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực;* đã tranh thủ được nguồn vốn, khoa học - công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý của nước ngoài để phát triển đất nước. Ta cũng đã tiến một bước dài trong việc hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc gia nhập AFTA, APEC và đang trong quá trình chuẩn bị gia nhập WTO. Cũng đã thiết lập được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, tranh thủ được số lượng đáng kể vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

5. Về quốc phòng, an ninh

a) *Nhận thức* đã có sự phát triển và đổi mới:

- Đảng ta khẳng định xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau, xâm nhập vào nhau; xây dựng là gốc của bảo vệ và bảo vệ là bộ phận hợp thành của xây dựng; xây dựng phải gắn với bảo vệ, bảo vệ phải nhằm mục đích xây dựng, phát triển tốt hơn. Trong điều kiện lịch sử mới, bảo vệ Tổ quốc

không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ Tổ quốc bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân, trong đó sức mạnh lực lượng vũ trang là nòng cốt; phát huy nội lực là chính, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp quân sự với kinh tế, chính trị với ngoại giao; ngăn ngừa không để xảy ra chiến tranh nhưng sẵn sàng đối phó với mọi tình huống chiến tranh và giành thắng lợi. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang và phi vũ trang, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân; quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch. Nền quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập tự chủ, tự cường và ngày càng hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

Đảng ta đặc biệt coi trọng nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, kịp thời đánh giá tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đưa ra các chủ trương, giải pháp đúng đắn để huy động mọi nguồn lực trong nước và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế.

b) Trong *thực tiễn*, chúng ta đã đạt được những thành quả to lớn:

- Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; an ninh chính trị và trật tự - an toàn xã hội được tăng cường;...

- Lực lượng vũ trang được xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện có hiệu quả bước điều chỉnh chiến lược về bố trí thế trận, tổ chức biên chế lực lượng vũ trang trong thời bình; gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ. Đã kịp thời ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước lợi dụng các vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định; không để bên ngoài lấy cớ can thiệp; đấu tranh ngăn chặn hoạt động của số cơ hội chính trị, không để hình thành tổ chức dưới mọi hình thức, đấu tranh phòng chống tội phạm; giữ vững ổn định chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

- Bố trí các lực lượng quốc phòng cơ bản là hợp lý, phù hợp ý đồ chiến lược, nhằm phát huy cao độ sức mạnh quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời là thế trận để phòng ngừa chiến tranh và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược.

- Xây dựng được thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp với kinh tế, đối ngoại. Điều chỉnh thế bố trí chiến lược đối với lực lượng vũ trang; xây dựng khu vực phòng thủ địa phương vững chắc; xây dựng thành công các khu kinh tế quốc phòng, gắn bó với an ninh.

6. Về xây dựng Đảng

a) *Nhận thức* của Đảng ta có những đổi mới quan trọng:

- Đã làm rõ hơn yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong điều kiện mới: Phải nghiên cứu tìm tòi mô hình và con đường, bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật khách quan; lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; ngoài việc ngăn chặn, loại trừ nguy cơ quan liêu, tham nhũng mà trước đây thường nhấn mạnh, phải ngăn chặn và đẩy lùi cho được những nguy cơ mới: chệch hướng xã hội chủ nghĩa hoặc bảo thủ, cố giữ những quan niệm cũ không còn phù hợp với thực tiễn. Đảng lãnh đạo Nhà nước đồng thời hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng; từng bước làm rõ hơn mối quan hệ giữa trung thành, vận dụng và phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng đó.

- Đã khẳng định *xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt*; Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Về nội dung công tác xây dựng Đảng, đã nhấn mạnh vấn đề xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, về trình độ trí tuệ, trong sạch về phẩm chất đạo đức; có phương thức lãnh đạo khoa học.

- Khẳng định sự cần thiết phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; nâng cao khả năng tự đề kháng, chủ động đấu tranh chống lại những quan điểm, tư tưởng sai trái;

phải không ngừng nâng cao nhận thức đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thường xuyên đấu tranh với các biểu hiện giáo điều và chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức. Khẳng định tính đồng bộ, tính toàn diện trong xây dựng Đảng ở mọi cấp; thấy rõ hơn, sâu sắc hơn sự tác động qua lại giữa xây dựng tổ chức đảng ở cấp cơ sở và cấp trên cơ sở, mối quan hệ giữa xây dựng tổ chức với việc nâng cao chất lượng của đảng viên. Từng bước làm rõ hơn tiêu chuẩn của cán bộ trong thời kỳ mới; nhấn mạnh các yêu cầu về sự kiên định, sự trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tính chủ động, năng động, sáng tạo; năng lực phát hiện, đề xuất vấn đề đúng đắn, kịp thời; khả năng cập nhật những tri thức mới, cần thiết cho công việc lãnh đạo và quản lý; về khả năng quy tụ sức mạnh của tập thể vào công việc chung...

- Đã luận chứng một cách sâu sắc, có sức thuyết phục sự cần thiết phải bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng ta; không chấp nhận “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”.

- Đã bổ sung và từng bước làm sáng tỏ lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa xã hội, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

b) *Thành tựu trong thực tiễn* công tác xây dựng Đảng:

- Trong bối cảnh thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, Đảng ta vẫn vững vàng, thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định về mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu to lớn, quan trọng, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục đi lên.

- Công tác tư tưởng chính trị của Đảng có nhiều đổi mới, góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản về công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới. Đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng, phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái đòi “đa nguyên, đa đảng”, dân chủ cực đoan... Đã bước đầu chú trọng xây dựng văn hóa chính trị, văn hóa lãnh đạo.

- Trong công tác tổ chức và cán bộ, đã có những đổi mới đáng kể. Trong đánh giá cán bộ, đã chú ý lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán bộ. Đã kiên trì thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa công tác cán bộ; coi trọng đổi mới chính sách cán bộ - công cụ quan trọng nhất của Đảng, Nhà nước tác động đến toàn bộ công tác cán bộ. Đã hình thành Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng và xây dựng đội ngũ đảng viên có những chuyển biến tích cực, nhất là đã chú ý đến xây dựng và hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở các loại hình tổ chức cơ sở đảng khác nhau. Nhiều tổ chức cơ sở đảng vẫn thực hiện được vai trò là nền tảng của Đảng và là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng có bước tiến bộ: Đã có đổi mới trong việc ra nghị quyết, tổ chức học tập nghị quyết và triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết, theo hướng việc nào thật cần thiết mới ra nghị quyết, và nghị quyết cố gắng ngắn gọn. Đã đẩy mạnh việc dân chủ hóa phương thức lãnh đạo của Đảng; coi trọng việc lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết,

lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh để toàn dân thực hiện. Điều đó đã góp phần giảm bớt tình trạng bao biện, làm thay, áp đặt. Coi trọng việc quy chế hóa, quy trình hóa trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan đảng; quy chế hóa mối quan hệ làm việc giữa Đảng và một số cơ quan của Nhà nước; quy trình hóa, quy chế hóa công tác cán bộ...

II- HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

a) Trên lĩnh vực kinh tế

- Về nhận thức

Chưa hình thành được một khung lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chưa xác định rõ và tạo được sự nhất trí cao về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là về tính định hướng xã hội chủ nghĩa, nên còn lúng túng, không biết thế nào là đúng hướng, thế nào là lệch hướng.

Hiện có không ít ý kiến cho rằng, không nên phân định các thành phần kinh tế, vì sự phân định đó sẽ dẫn đến thái độ phân biệt đối xử. Nhưng nhiều ý kiến khác lại cho rằng phân định các thành phần kinh tế là cần thiết, vì đó là thực tế khách quan, giúp nhận rõ xu hướng vận động và phát triển của nền kinh tế để có chính sách phát triển và quản lý phù hợp. Cũng chưa có sự thống nhất nhận thức về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Có ý kiến cho rằng xác định như vậy sẽ có sự không bình đẳng và cạnh tranh không lành mạnh giữa các thành phần kinh tế; có ý kiến đề nghị không nên đặt vấn đề có một

thành phần kinh tế nào đóng vai trò chủ đạo. Lại có ý kiến cho rằng, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo chứ không phải kinh tế nhà nước.

Quan niệm về “bóc lột”, về kinh tế tư bản tư nhân vẫn chưa thật rõ. Có ý kiến cho rằng kinh tế tư nhân là động lực của nền kinh tế thị trường. Ngược lại, có ý kiến cho rằng, phát triển kinh tế tư nhân, nhất là kinh tế tư bản tư nhân, tất yếu sẽ tích tụ những nguy cơ của khuynh hướng tư bản chủ nghĩa.

Các bước đi của cả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được làm rõ. Nhận thức về nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng còn khác nhau.

- Về thực tiễn

Tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng; chất lượng tăng trưởng còn thấp; các cân đối vĩ mô của nền kinh tế còn thiếu vững chắc. Công nghiệp phụ trợ và các dịch vụ khác chưa phát triển dẫn đến giá trị quốc gia trong sản phẩm còn thấp. Năng lực cạnh tranh còn thấp xa so với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy đã có nhiều cố gắng trong việc tạo lập và chuẩn bị các tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng nhìn chung, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Tích lũy từ nền kinh tế còn thấp; kết cấu hạ tầng còn lạc hậu. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu 2 - 3 thập kỷ so với các nước trong khu vực.

Chưa phát huy hết tiềm năng của các thành phần kinh tế. Chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của kinh tế nhà nước còn thấp. Kinh tế tập thể phát triển chậm và còn nhỏ bé, chưa tạo được động lực mạnh để phát triển. Kinh tế tư nhân chưa

phát triển mạnh đúng với khả năng có thể có. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn và bị hạn chế đầu tư; vài năm gần đây có chững lại...

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hình thành đồng bộ. Hệ thống thị trường còn bất cập. Hệ thống pháp luật kinh tế còn thiếu toàn diện, chưa đồng bộ và thiếu ổn định. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm; tỷ trọng lĩnh vực dịch vụ có phần chững lại¹. Chưa hình thành rõ nét các ngành, sản phẩm động lực, mũi nhọn, có sức cạnh tranh và hiệu quả cao; tỷ lệ giá trị mới tạo ra được còn thấp. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy tốt vai trò thúc đẩy các vùng khác phát triển.

Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp và nông thôn sang các ngành nghề khác còn rất khó khăn. Tỷ lệ lao động được đào tạo còn thấp. Tỷ lệ thu hút lao động trẻ trong lao động xã hội có xu hướng giảm. Đầu tư còn tiếp tục bị phân tán, còn nhiều thất thoát, lãng phí, nhiều dự án đầu tư kém hiệu quả. Vai trò quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác định thật rõ ràng. Việc hoạch định chính sách của Nhà nước còn nặng về yêu cầu “kiểm tra” nhiều hơn là “hỗ trợ, tạo điều kiện” cho hoạt động kinh doanh. Còn thiếu chủ động và chưa có chiến lược để đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người

- Về nhận thức

Chưa có quan niệm thống nhất về vấn đề xã hội hóa các

1. Năm 1996, tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 44% thì nay còn khoảng 39%.

hoạt động dịch vụ, về công bằng và bình đẳng, về sự phân hóa giàu nghèo ở nước ta. Có ý kiến cho rằng, xu hướng phân hóa giàu nghèo đang gia tăng như hiện nay là không phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, ý kiến khác cho rằng, thoát khỏi tụt hậu là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính sống còn của dân tộc ta, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, do vậy, cần ưu tiên hơn cho mục tiêu tăng trưởng và trên cơ sở tăng trưởng cao để giải quyết tốt hơn vấn đề công bằng xã hội, cần chấp nhận phân hóa giàu nghèo ở một mức độ nhất định.

Nhận thức về hội nhập văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vấn đề thị trường trong văn hóa - giáo dục, chăm sóc sức khỏe... cũng còn nhiều ý kiến khác nhau.

- Về thực tiễn

Khoảng cách giữa đổi mới chính sách kinh tế và đổi mới chính sách văn hóa, xã hội bộc lộ rõ nét, nhiều vấn đề xã hội nổi lên. Trong chỉ đạo, thường chú ý nhiều hơn các chỉ tiêu vật chất mà ít chú ý các chỉ tiêu về phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; kết quả thực hiện các chính sách văn hóa, xã hội, khoa học còn thấp. Phát triển văn hóa, xã hội chưa tương xứng với phát triển kinh tế.

Tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại, tình trạng tái nghèo còn nhiều. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi đang có xu hướng ngày càng doãng ra¹. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị vẫn còn ở mức khá cao. Trong nông thôn,

1. Có ý kiến cho rằng, hiện nay trong cơ cấu xã hội nước ta đang có sự phân hóa nhanh chóng; bên cạnh giai cấp công nhân, nông dân,... đã xuất hiện *giai cấp tư sản mới (giai cấp tư sản dân tộc mới)*.

nạn thiếu việc làm rất nghiêm trọng. Còn có sự chênh lệch khá lớn về điều kiện học tập, cơ sở trường lớp giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi; chất lượng giáo dục - đào tạo, nhìn chung còn thấp. Cơ chế, chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo còn nhiều bất cập. Hiện tượng làm giàu phi pháp vẫn chưa được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả.

c) Trên lĩnh vực hệ thống chính trị

- Về nhận thức

Còn chưa có nhận thức đầy đủ về vấn đề làm sao để tránh chồng chéo cũng như tránh lạm quyền trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; về cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước. Nhận thức về vai trò kiểm tra, giám sát của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội cũng còn khác nhau. Có ý kiến cho rằng chừng nào cán bộ và tổ chức vẫn do cấp ủy quyết định, kinh phí hoạt động do Nhà nước cấp thì các thiết chế này khó phát huy được vai trò kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội. Lại có ý kiến cho rằng các thiết chế này nằm trong hệ thống chính trị, nằm trong cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, do Đảng lập ra để phục vụ sự nghiệp của Đảng, của nhân dân thì Đảng phải tăng cường lãnh đạo, Nhà nước phải bảo đảm điều kiện cho các thiết chế này hoạt động...

- Về thực tiễn

Bộ máy nhà nước còn bất cập trước yêu cầu của giai đoạn mới. Những bước tiến trong việc đổi mới nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế. Tình trạng quan liêu, nhiều tầng, nhiều nấc của bộ máy hành chính làm cho việc quản lý các quá trình kinh tế - xã hội chưa thật nhanh nhạy và có hiệu quả cao.

Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hành chính, xơ cứng; một số cán bộ đoàn thể vẫn “viên chức hóa”, chưa thật gần với quần chúng. Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi còn bị vi phạm nghiêm trọng.

d) Trên lĩnh vực đối ngoại

- Về nhận thức

Còn chậm đổi mới tư duy trên một số vấn đề quốc tế và đối ngoại; việc nghiên cứu các vấn đề quốc tế chưa sâu, khả năng dự báo tình hình thế giới, khu vực, về chiến lược các nước lớn còn hạn chế...

- Về thực tiễn

Ảnh hưởng quốc tế của ta chưa tương xứng với vị trí, vai trò của đất nước ta. Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, có lúc chúng ta còn lúng túng, bị động. Chưa tạo dựng được quan hệ hợp tác với các nước lớn thật sự ổn định, lâu dài; chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với họ. Công tác thông tin đối ngoại còn bị động, chưa sắc bén, chưa có sức thuyết phục, hình thức còn nghèo nàn. Cơ chế phối hợp giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương trong thực hiện đường lối đối ngoại chưa tốt.

đ) Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh

- Về nhận thức

Vấn đề mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, tuyệt đối của Đảng trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh và vai trò quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực này còn chưa

được cụ thể hóa và quy chế hóa. Quan niệm về chiến tranh nhân dân trong điều kiện công nghệ cao, về phương hướng xây dựng quân đội, công an chính quy, từng bước hiện đại, về hội nhập quốc tế trên lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm này còn chưa đủ rõ.

- Về thực tiễn

Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng chưa ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trước tình hình mới; một số cán bộ, đảng viên chưa thấy hết âm mưu của các thế lực thù địch, còn mơ hồ, chủ quan, mất cảnh giác; chưa thấy hết tác động của mặt trái cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Công tác nghiên cứu và dự báo tình hình, tham mưu chiến lược chưa đáp ứng yêu cầu, có lúc, có nơi còn để bất ngờ, bị động. Chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang còn nhiều hạn chế; trình độ, năng lực chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, khoa học - công nghệ chưa ngang tầm đòi hỏi của tình hình. Chất lượng lực lượng dự bị động viên chưa cao, chưa được tổ chức, quản lý tốt... Chưa có những giải pháp đồng bộ, huy động sức mạnh của toàn xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội, tội phạm và tệ nạn xã hội.

f) Trên lĩnh vực xây dựng Đảng

- Về nhận thức

Không ít vấn đề lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện kinh tế thị trường, dân chủ hóa và mở cửa chưa được làm sáng tỏ. Chẳng hạn, làm sao khắc phục được nguy cơ thoái hóa, biến chất của Đảng và cán bộ, đảng viên; mô hình tổ chức hệ thống chính trị như thế nào cho hợp lý; làm sao để

chống được quan liêu, tham nhũng; đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không, v.v..

- Về thực tiễn

Công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái, biến chất diễn ra trên cả hai mặt: tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Có những biểu hiện phai nhạt lý tưởng; dao động niềm tin về chủ nghĩa xã hội; mơ hồ trước âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; mơ hồ trước sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại; giảm sút lòng tin đối với Đảng; tham nhũng, lãng phí, quan liêu, chuyên quyền độc đoán, ức hiếp nhân dân; cơ hội, thực dụng; chạy theo chức, quyền, danh, lợi; bè cánh, bao che cho nhau, kèn cựa địa vị, gây mất đoàn kết nội bộ; nói không đi đôi với làm; thiếu tình đồng chí chân thành, sự thông cảm, giúp đỡ nhau.

Thiếu biện pháp chỉ đạo có hiệu quả để khắc phục tình trạng tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu có nhiều hạn chế, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Việc xây dựng tổ chức đảng trong các loại hình cơ sở, nhất là trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp tư nhân chưa phù hợp với tình hình mới.

Công tác cán bộ còn nhiều yếu kém, khuyết điểm; phát huy dân chủ trong công tác cán bộ còn nhiều hạn chế; chưa có biện pháp hữu hiệu để phát hiện, bồi dưỡng nhân tài, khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ ở các cấp.

Phương thức lãnh đạo của Đảng cũng còn lúng túng, hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò của chính quyền và các

đoàn thể nhân dân. Việc phối hợp giữa kiểm tra của Đảng với thanh tra nhà nước chưa chặt chẽ. Công tác lý luận của Đảng còn bất cập, chưa đủ sức lý giải, làm sáng tỏ một số vấn đề do thực tiễn đặt ra.

2. Nguyên nhân của những hạn chế

Về khách quan

- Sự chống phá của các thế lực thù địch và tình trạng thoái trào của chủ nghĩa xã hội thế giới có tác động tiêu cực tới tâm tư, tình cảm, niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, có tác động bất lợi tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Những biến động phức tạp về chính trị, kinh tế... trên thế giới cũng như ở một số nước đã có tác động không thuận đến nước ta.

- Đổi mới vì chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp, mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử; nhiều vấn đề nảy sinh tưởng chừng như mâu thuẫn, nghịch lý, thực tiễn chưa đủ sáng tỏ, ý kiến thường rất khác nhau, đặc biệt lại trong bối cảnh mới của tình hình thế giới.

Về chủ quan

- Sự chưa ngang tầm trong sự lãnh đạo của Đảng cả về năng lực, phẩm chất và trí tuệ. Biểu hiện ở chỗ: Nhận thức của cán bộ, đảng viên trên một số vấn đề quan trọng chưa có sự thống nhất cao nên trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn có sự ngập ngừng, lúng túng, thiếu dứt khoát, không triệt để. Việc tổ chức quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đảng chưa tốt, chậm cụ thể hóa, thể chế hóa, thiếu kiên quyết. Còn tình trạng nói mà không làm, ra nghị quyết mà không thực hiện, hoặc thực hiện nửa vời. Việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc triển khai nghị quyết làm chưa tốt; việc xử lý sai phạm

trong thực hiện nghị quyết không nghiêm. Phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế, chậm được đổi mới. Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế. Chưa có những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ và kiên quyết để tăng cường có hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ và đảng viên cũng như trong lãnh đạo cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đội ngũ cán bộ còn nhiều mặt bất cập trước yêu cầu mới; thiếu và yếu cả về phẩm chất chính trị, trình độ trí tuệ, năng lực chuyên môn; một số thiếu gương mẫu về đạo đức, lối sống. Công tác lý luận của Đảng chưa ngang tầm trước sự phát triển của thực tiễn, trình độ tổng kết thực tiễn còn yếu. Việc nghiên cứu các vấn đề trong nước và quốc tế chưa sâu, khả năng nắm bắt và dự báo về tình hình thế giới, khu vực, về chiến lược của các nước lớn còn hạn chế.

- Năng lực thể chế hóa đường lối của Đảng, triển khai thực hiện, năng lực điều hành của Nhà nước còn bất cập trước đòi hỏi của thực tiễn, nhất là giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Nhà nước chưa thu hút được đông đảo nhân dân tham gia giải quyết các công việc kinh tế - xã hội...

- Vai trò giám sát, phản biện của các ban của Đảng, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân còn yếu; chưa có cơ chế hợp lý để phát huy vai trò của các bộ phận này.

Đánh giá tổng quát: Sau 20 năm đổi mới, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đất nước ta có sự thay đổi cơ bản và toàn diện: đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, bước đầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng lên nhiều; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam; tăng thêm thế và lực cho dân tộc ta tiếp tục đi lên. Điều rất quan trọng là, *sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.*

Tuy vậy, chúng ta cũng còn *yếu kém và khuyết điểm*. Không ít vấn đề về nhận thức lý luận còn chưa đủ rõ, nhất là trong việc nhận thức và giải quyết quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững; giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị, giữa đổi mới và ổn định; giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế... Kinh tế phát triển còn chậm so với khả năng và yêu cầu, sức cạnh tranh còn yếu và vẫn tồn tại nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu tư của Nhà nước còn dần trải, thất thoát, lãng phí lớn. Nhiều vấn đề văn hóa, xã hội còn rất bức xúc nhưng chậm được giải quyết. Nạn quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của không ít

cán bộ, đảng viên vẫn nghiêm trọng và khá phổ biến. Chất lượng giáo dục - đào tạo còn thấp. Tệ nạn xã hội phát triển. Đời sống nhân dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Hoạt động của hệ thống chính trị, phương thức lãnh đạo của Đảng chậm được đổi mới trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Việc quản lý, điều hành của Nhà nước chưa thật sự có hiệu lực và hiệu quả. Công tác giám sát trong Đảng, giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng và Nhà nước còn hạn chế. Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân có những mặt giảm sút. Dân chủ trong Đảng và trong xã hội chưa được phát huy đầy đủ.

III- BÀI HỌC CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn để đi tới thắng lợi. Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng đó; lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Để có đường lối đổi mới đúng đắn, cần nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; dùng lý luận, tư tưởng đó như là cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, lấy đó làm cơ sở xuất phát để hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Thực tiễn đã chỉ rõ, phải đổi mới toàn diện: từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, quan hệ đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Phải đổi mới đồng bộ tất cả các mặt của đời sống xã hội, nhưng không có nghĩa là làm đồng loạt, dàn đều, mà phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp. Lúc đầu, tập trung vào đổi mới kinh tế và từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Tiếp theo, phải tiến hành đồng thời đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị; có sự tính toán cẩn thận các bước đi, hình thức, biện pháp thích hợp. Vội vã, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; ngược lại, quá chậm chạp trong việc đổi mới hệ thống chính trị sẽ cản trở sự phát triển kinh tế cũng như toàn bộ công cuộc đổi mới. Phải bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân, tiến hành tổng kết, từng bước tìm ra quy luật các mặt của cuộc sống để đi lên - đó là chìa khóa của thành công.

Để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, Đảng và nhân dân ta phải không ngừng sáng tạo; song, để sự sáng tạo không dẫn tới chệch hướng, một mặt, phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước; mặt khác, phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, thường xuyên tổng kết thực tiễn, tìm ra nhân tố mới để nhân rộng và phát hiện những điểm không phù hợp trong chủ trương, chính sách, kịp thời có sự điều chỉnh, bổ sung và phát triển.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển bền vững; đồng thời khai thác ngoại lực, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, dựa trên các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt. Đảng phải thực sự tiêu biểu cho danh dự, lương tâm, trí tuệ của dân tộc; đủ năng lực đưa ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời để định hướng cho hoạt động của cả hệ thống chính trị

và toàn xã hội nói chung. Đó là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

Dân chủ được thể hiện và thực hiện chủ yếu và trực tiếp nhất qua Nhà nước, bằng Nhà nước. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của dân chủ hóa xã hội. Để bảo đảm dân chủ, Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người.

Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Xác lập những mối quan hệ hợp lý giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể nhân dân thông qua hệ thống cơ chế thích hợp, làm cho tất cả các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ngày càng mạnh lên, quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện ngày một tốt hơn, từ đó tạo ra động lực vô cùng mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới.

Phần thứ ba

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

I- QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI, NHẬN THỨC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA NGÀY Càng SÁNG TỎ HƠN

Tất cả những thành tựu mà chúng ta đạt được trong 20 năm qua chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn,

con đường đi lên của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản *một hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.*

1. Những nhận thức chung về chủ nghĩa xã hội

a) Về mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội

Đảng ta luôn luôn khẳng định, *chủ nghĩa xã hội* là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Tuy nhiên, từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề như nước ta, đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua nhiều thời kỳ, nhiều chặng đường với mục tiêu cụ thể tương ứng. Cho đến nay, mặc dù còn một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, song có thể khẳng định rằng: *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là xã hội do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, bền vững với một hệ thống quan hệ sản xuất tiên tiến, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, được phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.*

b) Về nền tảng tư tưởng của Đảng và của cách mạng Việt Nam

Từ Đại hội VII, một bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng là khẳng định *tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam*. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm lý luận cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam; là sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là vấn đề quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh còn là sự kết hợp sinh động giữa tư tưởng tiên tiến, cách mạng nhất của thời đại với những bài học dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Đảng ta bác bỏ quan điểm đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin hoặc muốn hạ thấp, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong những năm đổi mới, Đảng đã có sự *nhận thức đúng hơn và bổ sung, phát triển* chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt các vấn đề (chẳng hạn: vấn đề mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, v.v.). Nhờ đó, tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc hơn, nhận thức đúng đắn hơn thực chất những tư tưởng của các nhà kinh điển mácxít, đồng thời có sự vận dụng, phát triển phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam.

c) Về động lực của sự phát triển

- *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng*. Đây là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và phát huy như là một động lực mạnh mẽ nhất, khi các nhân tố cấu thành cộng đồng dân tộc ý thức rõ lợi ích chung của đất nước, lấy đó làm điểm tương đồng, mọi người đều hướng nỗ lực của mình vào việc thực hiện lợi ích chung.

- *Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa* vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Nhờ dân chủ hóa đời sống xã hội, mọi tiềm năng sáng tạo của con người sẽ được phát huy; sự tìm tòi những sáng kiến mới, những giải pháp mới sẽ được nở rộ; tính tích cực, chủ động của nhân dân được tăng lên; sự tham gia của nhân dân vào các quá trình chính trị - xã hội trên tất cả các khâu của nó - từ khâu hoạch định đường lối đến triển khai, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và tổng kết - để đưa ra những quyết định mới sẽ ngày càng có hiệu quả cao. Nhờ vậy, những vấn đề nảy sinh được phát hiện kịp thời, các khó khăn được tháo gỡ tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của đất nước.

- *Kết hợp hài hòa các lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân, quan tâm lợi ích thiết thân của con người*. Lợi ích là cái thúc đẩy con người hoạt động. Lợi ích chung của sự phát triển xã hội được thể hiện và thực hiện một phần quan trọng qua lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng. Làm cho mỗi người quan tâm tới lợi ích chính đáng của mình, lấy đó làm

động lực trực tiếp thúc đẩy hoạt động của họ sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình xây dựng xã hội mới. Thực tiễn đổi mới đã giúp chúng ta ngày càng thấy rõ sự cần thiết phải kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích chung, trong đó lợi ích thiết thân của con người là động lực trực tiếp và mạnh mẽ nhất.

Trong sự nghiệp đổi mới, cần quan tâm tới các động lực khác rất quan trọng, như phát triển văn hóa, xây dựng con người, thi đua xã hội chủ nghĩa,... kể cả động lực tinh thần (tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí vươn lên, tự lực tự cường...). *Bản thân đổi mới cũng là một động lực* cho sự phát triển.

2. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Qua thực tiễn đổi mới, chúng ta ngày càng thấy rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta bao gồm những vấn đề cơ bản sau đây:

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ một nền sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta nhất thiết phải tập trung phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp. Mà muốn phát triển được lực lượng sản xuất thì không có cách nào khác là phải tiến hành công nghiệp hóa, và kết hợp ngay từ đầu công nghiệp hóa với hiện đại hóa. Chúng ta đã bước đầu xác định được mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế tri thức.

Đưa ra quan niệm phát triển *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; còn kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân, là một bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Từng bước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ xã hội mới. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ lâu dài và trọng yếu, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Muốn thế, vấn đề trung tâm là phải xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là các tổ chức đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, vừa là tượng trưng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vừa là cơ quan thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và đối với toàn xã hội là yêu cầu khách quan của thời kỳ quá độ, là điều kiện tiên quyết bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đảng ta xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt trong quá trình đổi mới.

- Tăng cường kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển;

xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội. Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình. Điều này vừa thể hiện đúng quy luật của phát triển, vừa thể hiện mục đích, bản chất của xã hội ta là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải giải quyết hàng loạt vấn đề, hàng loạt mối quan hệ phức tạp, như: vấn đề chính sách phân phối và điều tiết thu nhập; vấn đề xây dựng các chính sách cho phép kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển; vấn đề xử lý phân hóa hai đầu trong chính sách kinh tế và chính sách xã hội; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo; vấn đề đổi mới chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- *Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*

Một cuộc cách mạng chỉ có ý nghĩa, khi nó biết tự bảo vệ. Điều đó càng đúng trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khi các thế lực đế quốc và phản động quốc tế đang thực hiện nhiều mưu đồ làm cho nước ta mất độc lập tự chủ. Nhưng trong điều kiện mới, cần có nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa kinh tế và quốc phòng - an ninh - đối ngoại; nhận thức toàn diện hơn về khái niệm an ninh quốc gia: không chỉ an ninh chính trị mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội. Khái niệm bảo vệ Tổ quốc cần được định nghĩa đầy đủ hơn: Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ

lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới...

- *Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.* Quan điểm của chúng ta là tích cực và chủ động hội nhập, lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc tối cao của hội nhập. Trong hoạch định chính sách đối ngoại, đưa lợi ích quốc gia - dân tộc lên vị trí hàng đầu. Hội nhập là sự nghiệp của toàn dân, nòng cốt là doanh nghiệp ở mọi thành phần kinh tế. Nhà nước chủ động mở đường, định hướng, tạo hành lang pháp lý cho hội nhập.

b) Tuy nhiên, cho đến nay, cũng còn một số điểm chưa rõ đòi hỏi phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, giải đáp. Trong đó có các vấn đề sau đây:

- *Quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển, giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững.* Chất lượng phát triển thấp sẽ làm hạn chế tốc độ tăng trưởng, sẽ hủy hoại thành quả của tốc độ tăng trưởng. Tăng trưởng nhanh song phải bảo đảm phát triển bền vững, phải coi trọng chất lượng phát triển, phát triển bền vững, không chạy theo số lượng và tốc độ mà làm ảnh hưởng đến chất lượng. Chất lượng phát triển phải bao hàm cả *nội dung kinh tế* (hiệu quả và sức cạnh tranh cao về kinh tế, các cân đối vĩ mô vững chắc và an toàn, triển vọng phát triển lâu bền), *nội dung xã hội* (kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, chăm lo đến con người) và *nội dung môi trường* (bảo vệ, tôn tạo môi trường tự nhiên).

- *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội:* Đảng ta chủ trương kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ

và công bằng xã hội trong từng bước phát triển, song thực hiện yêu cầu đó trên thực tế không đơn giản. Làm sao để vừa khuyến khích lao động làm giàu, tăng trưởng kinh tế nhanh lại vừa bảo đảm công bằng xã hội? Làm sao để không vì bảo đảm công bằng xã hội mà triệt tiêu mất động lực phát triển kinh tế? Tăng trưởng kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường không tránh khỏi dẫn đến phân hóa xã hội, phân hóa giàu nghèo, vậy giới hạn phân hóa đến mức nào có thể cho phép được? Nên quan niệm bình đẳng và công bằng xã hội như thế nào cho đúng trong điều kiện kinh tế thị trường, kinh tế còn kém phát triển, lại đang trong thời kỳ quá độ? Làm thế nào để phân bổ các nguồn lực phát triển, tạo điều kiện về cơ hội phát triển một cách công bằng giữa các vùng, miền, giữa các giai tầng xã hội, các nhóm xã hội khác nhau?

- *Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị, giữa đổi mới và ổn định:* Trong những năm qua, Đảng ta về cơ bản đã giải quyết thành công mối quan hệ này. Song, công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, thì cũng chính trên những mối quan hệ này, đã bộc lộ ngày càng rõ những mâu thuẫn và bất cập, những vấn đề cần phải giải quyết. Thực tế chúng ta đã từng bước đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, cho đến nay, phải chăng đã đến lúc cần đổi mới hệ thống chính trị đúng mức và đồng bộ hơn với đổi mới kinh tế, để không làm cản trở đổi mới kinh tế. Khắc phục một số biểu hiện lo mất ổn định, nên không dám đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, kể cả những vấn đề đã chín muồi (như sắp xếp lại tổ chức, bộ máy cho hợp lý; xúc tiến mạnh cải cách hành chính, đấu tranh chống tham nhũng,...).

- *Quan hệ giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế:* Hiện nay, không ít cán bộ, đảng viên còn nhận thức chưa đầy đủ, thấu đáo mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế, từ đó trong hành động còn ngập ngừng, thiếu nhất quán. Có tâm lý lo ngại đẩy mạnh hội nhập sẽ mất độc lập tự chủ, hoặc ngược lại là hội nhập tràn lan, vô nguyên tắc. Vậy làm thế nào để vừa đẩy mạnh hội nhập quốc tế vừa giữ vững độc lập tự chủ? Hiểu thế nào là độc lập tự chủ và thế nào là hội nhập quốc tế trong tình hình hiện nay?...

Những vấn đề nêu trên đây, cùng nhiều vấn đề khác, đòi hỏi phải có lời giải đáp, phải làm sáng tỏ. Muốn vậy, chúng ta phải *tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lý luận*, tạo ra những đột phá mới để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và trong nước bên cạnh mặt thuận lợi cũng có những diễn biến phức tạp, khó lường. Sự nghiệp cách mạng của nước ta đứng trước những đòi hỏi cao hơn và có nhiều thách thức mới. Nhiệm vụ cơ bản của chúng ta là phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Đổi mới là động lực; ổn định là điều kiện tiền đề; phát triển nhanh và bền vững là mục đích.*

Phương hướng chung đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở nước ta trong thời gian tới là: *Nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy lùi nguy cơ, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài*

nước, tạo ra những động lực mới, những đột phá mới, từ tư duy đến tổ chức và hành động thực tiễn, để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển vào năm 2010 và cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Muốn thế, cần tiếp tục đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc và ổn định chính trị. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, tạo bước chuyển mạnh về chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; phát triển con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Để thực hiện được phương hướng nêu trên, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các định hướng cơ bản sau đây:

1. Giải phóng và phát triển mạnh mẽ sức sản xuất, thực hiện phát triển nhanh và bền vững; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế tri thức.

Muốn thúc đẩy nền kinh tế phát triển, cần giải phóng triệt để sức sản xuất, giải quyết đúng đắn vấn đề sở hữu và thành phần kinh tế, làm cho tiềm năng kinh tế của mọi công dân,

mọi vùng kinh tế, mọi ngành kinh tế, mọi thành phần kinh tế đều được phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có các chế độ sở hữu: Toàn dân, tập thể và tư nhân, thể hiện dưới bốn hình thức cơ bản: sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân và sở hữu hỗn hợp¹. Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể ngày càng trở thành nền tảng. Hình thức sở hữu hỗn hợp mang tính xã hội ngày càng phổ biến. Tiêu chí đánh giá tính hợp lý, sự cần thiết của hình thức sở hữu trước hết là có thúc đẩy sức sản xuất phát triển không. Tương ứng với bốn hình thức sở hữu cơ bản trên, nền kinh tế nước ta có bốn thành phần kinh tế: *kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế hỗn hợp*², trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thể hiện ở sự định hướng, tạo điều kiện, tham gia điều tiết và thúc đẩy phát triển nền kinh tế. Các thành phần kinh tế đều bình đẳng, là những bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, được tạo điều kiện để phát triển nhanh, vững chắc và có hiệu quả. Để thực hiện tốt vai trò của mình, *kinh tế nhà nước* phải được đổi mới mạnh mẽ, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả. Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận được kinh doanh theo nguyên tắc

1. Có ý kiến đề nghị gọi “sở hữu nhà nước”, không gọi là “sở hữu toàn dân”; có ý kiến đề nghị gọi là sở hữu xã hội thay cho chế độ công hữu; có ý kiến vẫn cần phân định sở hữu cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, không gọi chung là sở hữu tư nhân.

2. Có ý kiến đề nghị không gọi “thành phần” kinh tế, mà gọi “khu vực” kinh tế (nhà nước, tập thể, tư nhân); cũng có ý kiến đề nghị nên giữ cách phân định thành phần kinh tế như trong Văn kiện Đại hội IX, kinh tế tư bản tư nhân là một thành phần riêng.

thị trường; được tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh tế khác theo luật định. Cần có cơ chế, chính sách khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển bền vững của *kinh tế tập thể*, không giới hạn ngành nghề, địa bàn và lĩnh vực, trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. *Kinh tế tư nhân* có vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, đóng góp cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả nền kinh tế, tạo việc làm để xóa đói giảm nghèo; nâng cao tính năng động, tính hiệu suất của nền kinh tế. Trong quá trình đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất, cổ phần hóa doanh nghiệp, các hình thức của *kinh tế hỗn hợp* sẽ phát triển mạnh và ngày càng phổ biến. Cần chuyển mạnh nền kinh tế sang thực sự vận hành theo nguyên tắc thị trường, lấy thị trường làm cơ sở chủ yếu phân bổ các nguồn lực kết hợp với sự điều tiết của Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện hệ quan điểm về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa và hội nhập quốc tế, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng kinh tế tri thức. Cần tích cực và chủ động hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, khẩn trương xây dựng và hoàn thành chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế.

2. *Đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế.*

Trên cơ sở lấy đổi mới kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, cần đẩy mạnh đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị cùng các bộ phận cấu thành hệ thống đó, làm cho hệ thống chính trị có tác động mạnh mẽ tới việc giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Với tư cách là thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành đều ở nơi dân, mọi quyền lực mà Nhà nước có được đều do nhân dân ủy quyền. Nhà nước ta phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân; nhân dân có quyền bày tỏ tín nhiệm hay bất tín nhiệm đối với những người có cương vị, những bộ phận nhất định của Nhà nước. Đổi mới bộ máy nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước ngày càng gần dân, thân dân, thực sự là thiết chế phục vụ nhân dân; hoạt động theo nguyên tắc: việc gì có lợi cho dân, phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân, phải hết sức tránh.

Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo xác định nội dung, nhiệm vụ căn bản của Nhà nước; lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện bộ máy và đội ngũ cán bộ nhà nước tương ứng nhiệm vụ; lãnh đạo việc thể chế hóa và triển khai thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; lãnh đạo việc kiểm tra hoạt động của Nhà nước... Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng không làm thay Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần được đổi mới theo hướng đa dạng hóa về hình thức hoạt động, nêu cao tính thiết thực và hiệu quả; làm tốt chức năng phản biện, giám sát xã hội và xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Cơ chế hóa, quy chế hóa mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, tạo ra sự vận động cùng chiều

theo hướng tác động thúc đẩy phát triển xã hội, mở rộng dân chủ cho nhân dân.

3. Gắn kết chặt chẽ kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

Đây là một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở nước ta, là ưu việt của chế độ xã hội ta. Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng đòi hỏi phải có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững. Chỉ có một nền kinh tế như thế thì mới có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng nhất định, đa số dân chúng sống nghèo khổ, thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất, và một bộ phận đáng kể người lao động lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng phải được tiến hành ngay trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển kinh tế. Không chờ đến khi đất nước đạt tới trình độ phát triển kinh tế cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần vì lợi ích của một thiểu số. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời kỳ cụ thể phải tìm ra đúng cái “độ” tương thích giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, sao cho hai mặt này không cản trở, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau mà hỗ trợ cho nhau cùng tiến tới.

4. Phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chăm lo phát triển nhân tố con người, làm cho văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội.

Xét cho cùng, văn hóa là cội nguồn của mọi mục đích và động cơ phát triển, là nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa hoá sự phát triển kinh tế - xã hội, làm cho sự phát triển văn hóa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, tiến bộ chính trị... trở thành một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Song, sự phát triển văn hóa của một dân tộc không chỉ do thành quả sáng tạo của dân tộc đó, nó còn do sự giao lưu, kế thừa thành quả văn hóa nhân loại. Cho nên, việc bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc không tách rời sự giao lưu, kế thừa thành quả văn hóa nhân loại. Sự kế thừa đúng đắn thành quả văn hóa nhân loại lấy việc phát huy văn hóa nội sinh làm tiền đề.

Để nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, cần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tạo ra một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng; tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, nhưng luôn giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình chủ động hội nhập quốc tế; xây dựng một xã hội vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

5. Giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị vì sự phát triển của đất nước.

Môi trường đối ngoại và các mối quan hệ đối ngoại luôn ở

trạng thái động, biến đổi từng ngày, rất nhanh, muôn hình muôn vẻ, tác động đến đời sống mọi mặt của các quốc gia, trong đó có nước ta. Vì vậy, cần kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, tính chiến lược, đồng thời mềm dẻo, linh hoạt về sách lược; nhanh nhạy nắm bắt thời cơ và có đối sách thích hợp vì lợi ích của quốc gia dân tộc. Thực hiện tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh: biết mình, biết người; khiêm tốn, tự trọng, không cực đoan, cứng nhắc máy móc. Lợi ích quốc gia là tối cao, đồng thời tôn trọng lợi ích chính đáng của đối tác, tôn trọng đặc thù của nước khác, của dân tộc khác; góp phần xác lập một bản sắc ngoại giao Việt Nam, nâng cao giá trị Việt Nam trong con mắt nhân dân thế giới và làm cho các đối tác nể trọng. Không đi đầu trong những vấn đề khu vực, quốc tế không liên quan trực tiếp đến lợi ích quốc gia, dân tộc ta.

6. Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Điều kiện mới, thời kỳ mới đòi hỏi phải có quan niệm mới về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, về chiến tranh nhân dân, về chiến lược quốc phòng toàn dân, về hậu phương trong điều kiện chiến tranh kiểu mới, về chiến lược an ninh quốc gia. Gắn bảo vệ Tổ quốc với phát triển kinh tế, an ninh, đối ngoại. Bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển,

bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới... Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chống “diễn biến hòa bình”; kết hợp chặt chẽ xây dựng tiềm lực với củng cố thế trận quốc phòng vững chắc, có trọng điểm; xây dựng thế trận phòng thủ quốc gia trên cơ sở đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, thực sự làm nòng cốt trong sức mạnh quốc phòng và an ninh; tập trung xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại...

7. Không ngừng đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng.

Kiên định sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề nguyên tắc, vấn đề sống còn, bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để có đủ khả năng lãnh đạo đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng thật sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam¹.

1. Có ý kiến đề nghị diễn đạt theo các phương án sau đây:
 1/ *Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam;*
 2/ *Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam;*
 3/ *Giữ nguyên như trong Điều lệ Đảng hiện nay: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”.*

Phương hướng cơ bản của việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay là: Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng và khoa học, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, gần bó mật thiết với nhân dân. Muốn thế, Đảng phải tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm tốt công tác tư tưởng chính trị, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo chính trị, năng lực cầm quyền, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất; làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tệ quan liêu, tham nhũng, khôi phục và nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng; chấn chỉnh tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, làm cho Đảng có đủ bản lĩnh chính trị, có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu cao.

Tiếp tục cụ thể hóa, quy chế hóa để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng, trong đó chú trọng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân chính trị ở cơ sở, có khả năng lãnh đạo quy tụ sức mạnh của đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về năng lực, phẩm chất, đạo đức và tác phong công tác.

Kiện toàn và nâng cao chất lượng của các cơ quan tham mưu, tạo sự liên thông giữa các cơ quan tham mưu trong

hệ thống chính trị. Nhất thể hóa một số chức danh ở một số cơ quan đảng và chính quyền¹.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, cán bộ, đảng viên phải có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng, có thái độ tích cực đối với công cuộc đổi mới, đồng thời phải có trình độ trí tuệ, năng lực thực hiện nhiệm vụ đổi mới. Đảng viên hoạt động trong các thành phần kinh tế phải nêu được vai trò tiên phong gương mẫu, bằng lao động sáng tạo, có năng suất và chất lượng của mình, góp phần tích cực vào việc phát triển lực lượng sản xuất, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó có bản thân và gia đình. *Đảng viên có thể làm kinh tế tư nhân (kể cả kinh tế tư bản tư nhân) trên cơ sở chấp hành tốt pháp luật, chính sách của Nhà nước, Điều lệ Đảng và theo một số quy định, điều kiện nhất định*². Chẳng hạn, những đảng viên không ở trong biên chế của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể nếu có khả năng và điều kiện có thể làm kinh tế tư nhân (bao gồm cả kinh tế tư bản tư nhân), nhưng phải gương mẫu chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước (không làm ăn gian dối, trốn lậu thuế, thực hiện

1. Có ý kiến đề nghị Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy... kiêm Chủ tịch ủy ban nhân dân; thống nhất một số cơ quan đảng với cơ quan nhà nước tương ứng, như Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ; Ủy ban Kiểm tra của Đảng và Thanh tra nhà nước...

2. Có ý kiến dứt khoát không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, vì làm là có bóc lột, trái với mục tiêu lý tưởng của Đảng. Ngược lại, có ý kiến cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, không cần điều kiện ràng buộc, vì đảng viên cũng là công dân.

đầy đủ các chính sách bảo hiểm, trả lương cho người lao động,...); trực tiếp tham gia lao động (lao động chân tay, lao động kỹ thuật, lao động quản lý); có quan hệ tốt với người lao động; chịu sự giám sát, kiểm tra của tổ chức đảng; làm tốt công tác xã hội, nhân đạo,...

Nâng cao hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc quy định kê khai tài sản của cán bộ lãnh đạo, quản lý khi ứng cử, đề bạt và khi thôi không giữ cương vị đó. Tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, chú trọng kiểm tra việc cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng; việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; kiểm tra hoạt động, phẩm chất, tư cách, đạo đức cá nhân của cán bộ, đảng viên... Cần nâng cao tính chủ động của công tác kiểm tra phòng ngừa. Hoàn thiện cơ chế và quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của đảng viên, cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và sự tham gia của nhân dân, các đoàn thể nhân dân vào công tác kiểm tra, giám sát. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước thông qua pháp luật và giám sát của nhân dân thông qua quy chế dân chủ; phát huy vai trò giám sát của dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng...

Nâng cao chất lượng công tác cán bộ theo hướng đẩy mạnh dân chủ hóa, thực hiện nghiêm túc các quy chế - quy trình dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ động xây dựng một đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Mở rộng và thể chế hóa chế độ nhân dân giám sát cán bộ và công tác cán bộ; mở rộng quyền tiến cử và tự tiến cử; thực hiện chế độ giới thiệu

nhiều phương án nhân sự trong bầu cử và bổ nhiệm cán bộ. Trong công tác cán bộ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa vai trò quyết định của tập thể tổ chức đảng với vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Các tổ chức đảng và đảng viên phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, gắn bó chặt chẽ với nhân dân; lắng nghe ý kiến của dân. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa trách nhiệm đối với cấp trên và trách nhiệm đối với quần chúng và cấp dưới.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ cầm quyền của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách, giải quyết các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh; xử lý những vấn đề cụ thể có ý nghĩa chính trị quan trọng, quan hệ tới nhiều tầng lớp, những vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế. Lãnh đạo tốt khâu hoạch định đường lối; quyết định nhân sự; lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng. Tổ chức việc phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo điều kiện cho Nhà nước hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, bảo đảm cho nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống một cách đầy đủ, kịp thời. Kết hợp chặt chẽ việc lãnh đạo bằng tổ chức với lãnh đạo qua cá nhân đảng viên theo nguyên tắc tập trung dân chủ; nêu cao vai trò trách nhiệm của đảng viên là thủ trưởng.

Tóm lại: Chúng ta chủ trương đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

làm nền tảng tinh thần cho xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động hội nhập quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Có thể coi đó cũng là những nét phác thảo cơ bản của mô hình tổng quát về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX Số 43-NQ/TW, ngày 25 tháng 1 năm 2005

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội, từ ngày 17-1 đến ngày 25-1-2005, sau khi xem xét các Tờ trình của Bộ Chính trị về các báo cáo, đề cương chi tiết các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, quyết nghị:

1. Cơ bản tán thành Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới. Giao Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị, chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo để sử dụng trong nội bộ Đảng và cho công bố vào thời điểm thích hợp.

2. Cơ bản tán thành đề cương chi tiết các văn kiện:

- Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng.
- Dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 tại Đại hội X của Đảng.
- Dự thảo Báo cáo công tác xây dựng Đảng tại Đại hội X của Đảng.
- Dự thảo Báo cáo một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội X của Đảng.

Giao Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị, chỉ đạo biên tập thành các dự thảo văn kiện Đại hội X trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

3. Tán thành chủ trương chưa đặt vấn đề bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 tại Đại hội X của Đảng.

4. Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2004.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Báo cáo kiểm điểm và ý kiến đóng góp, thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị để nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2005 và đến Đại hội X của Đảng.

.....

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Ngày 25 tháng 1 năm 2005

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Qua 9 ngày làm việc rất khẩn trương, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc, dân chủ, cởi mở, thảo luận rất sôi nổi và đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các dự thảo Đề cương văn kiện, đặc biệt là về những vấn đề mà Bộ Chính trị nêu lên để xin ý kiến Trung ương. Hội nghị đánh giá cao công tác chuẩn bị, đồng thời biểu thị sự nhất trí cao đối với nội dung cơ bản của các văn kiện và đồng tình với các bản giải trình của Bộ Chính trị về nội dung thảo luận tại Hội nghị. Hội nghị hoan nghênh và tán thành Kiểm điểm về công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2004. Bộ Chính trị, Ban Bí thư căn cứ vào Báo cáo kiểm điểm và ý kiến đóng góp thảo luận của Trung ương để nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2005 và đến Đại hội X của Đảng.

Trong Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới cũng như trong kiểm điểm và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội IX và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, Trung ương đã đề cao tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, tự phê bình và phê bình, đánh giá một cách khách quan, trung thực, vừa mạnh mẽ khẳng định những thành tựu đã đạt được, vừa thẳng thắn nêu lên những yếu kém và khuyết điểm, tìm ra nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm.

Thời gian toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX mới được 4 năm, nhưng qua những gì đã đạt được trong 4 năm đó, nhất là trong năm 2004 cũng như dự báo về khả năng thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2005, Trung ương đã khẳng định rằng mặc dù phải vượt qua rất nhiều khó khăn và thách thức, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là 5 năm đạt được những thành tựu *rất quan trọng* không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà cả trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, tuy trong mỗi lĩnh vực đều còn những mặt yếu kém, khuyết điểm, có mặt nghiêm trọng.

Nhìn lại 20 năm đổi mới, chúng ta nhất trí rằng, thành tựu đạt được là *to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử*, trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận. So với 20 năm về trước, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện: đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh, bước đầu hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; hệ thống chính trị và

khối đại đoàn kết toàn dân tộc do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên nhiều; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đường lối đó được nhân dân ta tích cực ủng hộ và quyết tâm thực hiện. Thành tựu đó được thế giới hoan nghênh và thừa nhận. Điều quan trọng là, sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.

Bên cạnh những thành tựu to lớn đó, chúng ta vẫn còn nhiều yếu kém và khuyết điểm; không ít vấn đề về nhận thức lý luận còn chưa đủ rõ; không ít vấn đề về thực tiễn, nhất là những vấn đề bức xúc nảy sinh từ cuộc sống, chưa được giải quyết kịp thời và tốt nhất.

Với cách nhìn nhận khách quan, trung thực, đánh giá đúng cả hai mặt thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, tổng kết 20 năm đổi mới không chỉ đem lại cho chúng ta niềm tin vững chắc vào con đường đi lên mà còn là cơ sở lý luận - thực tiễn cho Đảng ta hoạch định chiến lược phát triển, trước mắt là định hướng phát triển cho 5 năm 2006 - 2010 và chỉ đạo xây dựng các văn kiện sẽ trình Đại hội X.

Quyết tâm to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong 5 năm tới là *ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt bằng được*

mục tiêu đến năm 2010, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Những nhiệm vụ và giải pháp đề ra, bao gồm cả những giải pháp mang tính đột phá, là nhằm: về kinh tế đạt nhịp độ tăng trưởng nhanh hơn, có chất lượng cao hơn và bền vững hơn, đồng thời hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tăng thêm sức mạnh tổng hợp quốc gia trong quá trình phát triển. Về văn hóa, xã hội, tiếp tục đổi mới nhiều hơn nữa về cách nghĩ, cách làm, sao cho văn hóa ngày càng thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa và xã hội thể hiện ngày càng rõ hơn bản chất và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trong mỗi bước phát triển của kinh tế. Về quốc phòng và an ninh, tiếp tục được tăng cường hơn nữa; về quan hệ đối ngoại, mở rộng và không ngừng nâng cao tính hiệu quả, để bên trong thì ổn định chính trị, xã hội, giữ vững được độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bên ngoài thì giữ vững môi trường hòa bình, phát triển quan hệ trên tinh thần sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển. Về chính trị, tăng cường nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiện toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là nâng cao rõ rệt năng lực cầm quyền, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đổi mới, chỉnh đốn Đảng đồng bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, phương thức lãnh đạo; xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả cao; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đẩy lùi và khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các mặt tiêu cực khác trong bộ máy lãnh đạo, quản lý và trong toàn xã hội.

Sự nhất trí của Trung ương đối với nội dung các dự thảo đề cương văn kiện cùng với các ý kiến phong phú đề nghị điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi trong các nội dung ấy đã đặt cơ sở cho việc chỉ đạo chỉnh lý và biên tập các bản đề cương chi tiết thành dự thảo văn kiện chính thức để trình Hội nghị Trung ương lần thứ 12 sắp tới. Với những kết quả đạt được, có thể khẳng định, như tôi đã nói trong buổi khai mạc, Hội nghị Trung ương lần này đã thực hiện được bước khởi đầu quan trọng trong việc chuẩn bị nội dung để tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng. Tất nhiên, việc biên tập các văn kiện không thể làm một, hai lần là xong. Trước mắt, tình hình đang tiếp tục có những diễn biến mới. Thực tiễn và nhận thức của chúng ta không ngừng phát triển. Nhiều số liệu, dữ liệu trong các dự thảo đề cương sẽ còn phải tiếp tục xem xét để hoàn chỉnh. Những ý kiến Trung ương nêu lên trong Hội nghị lần này chưa phải là kết luận cuối cùng. Việc biên tập các văn kiện phải theo tinh thần động và mở, vừa thể hiện nghiêm túc những ý kiến của Trung ương, vừa sẵn sàng đón nhận những ý kiến rộng rãi trong Đảng và trong nhân dân. Để có được các văn kiện chính thức trình Đại hội X, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục chỉ đạo các tiểu ban khẩn trương tiến hành các bước, các khâu cần thiết để các văn kiện thật sự được hoàn thiện với chất lượng cao.

Thưa các đồng chí,

Thời gian từ nay đến Đại hội X của Đảng chỉ còn hơn một năm, trong đó những công việc tập trung nhất đều dồn vào năm 2005. Đây là năm cuối cùng thực hiện những nhiệm vụ của Đại hội IX, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, cũng là năm Đảng ta tiến hành đại hội đảng bộ các cấp đồng thời chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, năm có nhiều ngày kỷ niệm lớn.

Quá trình chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị Đại hội X của Đảng phải kết hợp chặt chẽ với quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội IX, coi việc hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội IX và nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là nội dung quan trọng nhất, bởi chỉ có làm được điều đó thì chúng ta mới có thể khẳng định trên thực tế những điều dự báo về thành tựu như Hội nghị Trung ương chúng ta đã khẳng định ở trên. Việc tổ chức tốt các ngày kỷ niệm lớn trong năm trước hết cũng là nhằm phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc ta, của Đảng ta, truyền thống anh hùng bất khuất, truyền thống yêu nước và cách mạng, biến sức mạnh của truyền thống và văn hóa thành sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn để hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề trong thời kỳ mới.

Tôi đề nghị các đồng chí Trung ương và các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở quán triệt tinh thần này để trong quá trình chỉ đạo tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị Đại hội X của Đảng theo đúng tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị, luôn luôn quan tâm đặc biệt đến việc chỉ đạo hoàn thành tốt nhất các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005

và những nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra. Không một đảng bộ nào, cấp ủy nào được lấy lý do chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ mà lơ là lỏng các nhiệm vụ trước mắt, cả về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và các lĩnh vực khác. Phải coi việc tiến hành đại hội các cấp là một cơ hội, một động lực để thúc đẩy các nhiệm vụ trước mắt, và lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ này để góp phần bảo đảm thành công của đại hội các cấp cũng như Đại hội toàn quốc của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng kết thúc vào những ngày giáp tết Nguyên đán Ất Dậu. Tôi mong rằng mỗi đồng chí Trung ương, mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta đều nêu gương trong việc tổ chức đón tết, vui xuân lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, không lãng phí, phô trương hình thức, không dùng của công để làm quà biếu trái với các quy định của Đảng và của Nhà nước, cũng không nhận hối lộ trá hình dưới hình thức quà biếu.

Tôi xin gửi đến các đồng chí dự hội nghị, đến đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và tiến bộ.

Xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Ngày 25 tháng 1 năm 2005

Từ ngày 17 đến ngày 25-1-2005, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã được tổ chức tại Hà Nội. Hội nghị lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội X của Đảng. Hội nghị đã nghe và thảo luận về nội dung Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và các Đề cương chi tiết Báo cáo chính trị, Báo cáo bổ sung một số nội dung trong Cương lĩnh chính trị năm 1991, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo xây dựng Đảng và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và một số vấn đề quan trọng khác. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh có bài phát biểu quan trọng trong phiên khai mạc và bế mạc.

Sau khi nghe các bản trình bày của Bộ Chính trị, với 261 ý kiến phát biểu tại các tổ và tại Hội trường, các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thảo luận và tranh luận dân chủ, sôi nổi,

thăng thắn, tập trung vào những vấn đề chủ yếu, quan trọng nêu trong các tờ trình của Bộ Chính trị, đánh giá một cách khách quan, trung thực với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của Đảng qua 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và gần 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Các ý kiến phát biểu đều bày tỏ sự tán thành về cơ bản với các vấn đề nêu ra trong các dự thảo Đề cương và các vấn đề Bộ Chính trị nêu lên, đồng thời bổ sung, phân tích, làm sáng rõ nhiều vấn đề quan trọng. Nhiều ý kiến cho rằng, nội dung các báo cáo được chuẩn bị công phu, có chất lượng cao, trình bày rõ ràng, bố cục hợp lý, nhất là đã nêu lên nhiều điểm mới về lý luận và thực tiễn. Hội nghị cho rằng, những điểm mới đó nếu được bổ sung hoàn chỉnh và diễn đạt chính xác hơn, được Hội nghị Trung ương nhất trí và Đại hội X thông qua thì sẽ tạo ra bước đột phá mới đối với sự phát triển của đất nước ta.

Về Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và các đề cương chi tiết của các báo cáo dự kiến trình tại Đại hội X, Hội nghị thống nhất cao với nhận định về những thành tựu, hạn chế trên các lĩnh vực chủ yếu cùng với những bài học rút ra qua 20 năm đổi mới cũng như những kết quả và thiếu sót, yếu kém qua gần 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đây là cơ sở cho việc chỉ đạo biên tập các bản dự thảo văn kiện Đại hội để trình Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương sắp tới xem xét. Nhìn lại gần 20 năm đổi mới, Hội nghị nhất trí rằng, thành tựu đạt được trong 20 năm qua là to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử. Đến nay, Đảng ta đã bước đầu hình thành

được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị cũng nhận định rằng, tuy mới được 4 năm, nhưng những gì đã đạt được, nhất là trong năm 2004 vừa qua đã thể hiện sự nỗ lực phấn đấu cao của các tầng lớp nhân dân ta, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, song toàn Đảng, toàn dân ta đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhờ vậy, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và trên các lĩnh vực khác. Tuy vậy, nhìn chung phát triển kinh tế - xã hội trong gần 4 năm qua nhiều mặt vẫn còn chậm và chưa vững chắc, hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa theo kịp yêu cầu; văn hóa - xã hội phát triển chưa ngang tầm và còn nhiều vấn đề bức xúc.

Hội nghị đã dành nhiều thời gian thảo luận và cho ý kiến về tình hình Đảng và công tác xây dựng Đảng, nhất là tình hình tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; tình hình công tác tổ chức, cán bộ của Đảng, nhất là tình hình tổ chức cơ sở đảng; vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng; xem xét nguyên nhân của tình hình cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng; trên cơ sở đó xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ

công tác xây dựng Đảng trong những năm tới nhằm nâng cao, xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Ban Chấp hành Trung ương khẳng định quyết tâm to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong 5 năm tới là:

Ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt bằng được mục tiêu đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên tinh thần ấy, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương đã giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương để biên tập các dự thảo văn kiện Đại hội trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương sắp tới.

Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua một số vấn đề quan trọng khác.

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh, thời gian từ nay đến Đại hội X của Đảng chỉ còn hơn một năm. Năm 2005 là năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, cũng là năm Đảng ta tiến hành đại hội đảng các cấp, tiến đến Đại hội X của Đảng, đồng thời là năm có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại. Hội nghị kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hướng về kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (3-2-1930 –

3-2-2005), hãy phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, vẻ vang của dân tộc ta, của Đảng ta, biến chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thành sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn, thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào thi đua lao động sáng tạo nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2005, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị mọi điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển tiếp theo, góp phần tích cực vào thành công Đại hội X của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 131-QĐ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2005

**Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện
Quy định số 75, Chỉ thị số 24 của Bộ Chính trị
(khoá VIII) và những vấn đề liên quan đến
công tác bảo vệ chính trị nội bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);
- Căn cứ Thông báo số 132-TB/TW, ngày 5-1-2004 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về công tác bảo vệ chính trị nội bộ,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Quy định số 75, Chỉ thị số 24 của Bộ Chính trị (khoá VIII) và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ, gồm các đồng chí có tên sau:

1. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, thành viên.

3. Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo.

4. Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, thành viên.

5. Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, thành viên.

6. Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

7. Đồng chí Vũ Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), thành viên.

8. Đồng chí Trần Đại Hưng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Nội chính Trung ương, thành viên.

9. Đồng chí Nguyễn Phú Bình, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo tổng kết làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

Điều 3. Các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-CT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 2005

Về bảo vệ bí mật của Đảng trong phát ngôn và sử dụng, bảo quản thông tin, tài liệu trong tình hình mới

Ngày 22-3-2001, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 64-CT/TW “Về giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng trong tình hình hiện nay”.

Thực hiện Chỉ thị nói trên, việc giữ gìn kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng đã có những kết quả nhất định, nhưng vẫn còn nhiều khuyết điểm. Một số cán bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc tổ chức đảng, không chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước, đã để lộ hoặc tự ý tán phát các tài liệu, tin tức mật không đúng nguyên tắc, viết thư phản ánh, kiến nghị về nội bộ gửi đến nhiều nơi không có thẩm quyền xem xét, giải quyết hoặc tùy tiện tung tin sai lệch về nội bộ Đảng; một số cuộc hội thảo quốc tế và trong nước không tuân thủ theo quy định, lưu hành rộng rãi một số bài tham luận có dụng ý xuyên tạc, bịa đặt; đưa một số tin, bài trên báo, đài thiếu chính xác.

Những thông tin như trên đã gây tác động xấu đến sự ổn định chính trị, việc giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, vô tình hoặc cố ý đã tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá Đảng và Nhà nước ta.

Hiện nay, các lực lượng thù địch đang tăng cường các hoạt động tình báo và phá hoại tư tưởng, thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta, chúng đang đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tung tin đồn nhảm tập trung bôi nhọ cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và các cơ quan của Đảng, xuyên tạc truyền thống cách mạng và các sự kiện lịch sử, ra sức gây chia rẽ nội bộ, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, tung tin thất thiệt, lan truyền tài liệu trái phép, tán phát tài liệu gây rối nội bộ và sự quản lý của Nhà nước, gây khó khăn cho Đảng ta trong thời điểm đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Cuộc bạo loạn chính trị vừa qua tại một số tỉnh Tây Nguyên và các âm mưu, thủ đoạn khác gần đây về các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền... cho thấy các thế lực thù địch, phản động đang ráo riết thực hiện âm mưu đen tối của chúng là chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây rối an ninh, trật tự, nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa kỷ luật phát ngôn và sử dụng, bảo quản thông tin tài liệu bí mật, khắc phục những sơ hở, yếu kém trong công tác thông tin tuyên truyền, nhằm thực hiện tốt hơn nữa việc bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và đấu tranh kiên quyết, có hiệu quả với những thông tin vu khống, xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch, bác bỏ, ngăn chặn những thông tin sai trái,

vô trách nhiệm khác từ nội bộ cán bộ, đảng viên. Nhằm mục đích đó, Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Các cấp ủy và tổ chức đảng tổ chức kiểm điểm việc thực hiện Chỉ thị số 64-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong thời gian qua, nêu rõ những kết quả đạt được, thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm và nguyên nhân, đấu tranh phê phán các hiện tượng, việc làm trái với những quy định đã nêu ra trong Chỉ thị, đề ra những biện pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị nói trên và những nội dung trong Chỉ thị này.

2. Các cấp ủy và tổ chức đảng, mọi cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước, nghiêm cấm để lộ bí mật của Đảng và Nhà nước, bí mật nội bộ, lan truyền những thông tin sai lệch hoặc tán phát những đơn, thư nặc danh, mạo danh, hoặc thư có danh mà nội dung xấu, mang tính xuyên tạc, vu khống, kích động. Khi phát hiện những vi phạm các quy định nói trên, cần có thái độ kiên quyết phê phán, bác bỏ và phải kịp thời báo cáo các cấp có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

3. Đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật phát ngôn, làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, tung tin thất thiệt, lan truyền tài liệu trái phép, gây rối nội bộ thì tùy mức độ sai phạm mà kiểm điểm phê bình, thi hành kỷ luật nghiêm khắc; nếu vi phạm pháp luật phải xử lý theo pháp luật. Bí thư cấp ủy và thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm kịp thời xử lý, ngăn chặn khi trên địa bàn hoặc đơn vị được phân công phụ trách có tài liệu nội dung xấu được phát tán hoặc có những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, phát ngôn trái đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước, để lộ bí mật của Đảng, Nhà nước.

4. Các tổ chức, đơn vị, nhất là các cơ quan cơ mật, cần rà soát, hoàn thiện các quy chế cụ thể về quản lý chặt chẽ các tài liệu mật, nội dung mật, trong đó chú ý các quy chế quản lý việc in, sao, phát hành, thu hồi tài liệu mật, nhất là tài liệu sử dụng ở các cuộc hội nghị, hội thảo; chế độ phát ngôn, trả lời phỏng vấn đối với cơ quan, người nước ngoài; đồng thời tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định đó.

Cán bộ đi công tác nước ngoài không được mang theo tài liệu mật của Đảng và Nhà nước.

Các cán bộ, đảng viên đang công tác hay đã nghỉ hưu không được lưu giữ riêng các tài liệu mật của Đảng và Nhà nước, nếu còn lưu giữ thì cần giao nộp ngay cho các cơ quan, tổ chức mà cán bộ, đảng viên đó chịu sự quản lý.

5. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Bưu chính - Viễn thông, Đảng ủy Công an Trung ương và các cơ quan chức năng khác có biện pháp hướng dẫn, tăng cường quản lý việc phát hành, khai thác, sử dụng thông tin qua internet và các hoạt động xuất bản và thông tin báo, đài theo quy định của pháp luật.

6. Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ để toàn thể cán bộ, đảng viên quán triệt và thực hiện.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc hướng dẫn tổ chức thực hiện; thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình chấp hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 132-QĐ/TW, ngày 15 tháng 2 năm 2005

Thay đổi thành viên Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng

- Căn cứ Quyết định số 104-QĐ/TW, ngày 26-7-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng;

- Theo đề nghị của Thường trực Tiểu ban Văn kiện,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Cử đồng chí Tạ Minh Châu, Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, tham gia Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X, thay đồng chí Nguyễn Huy Quang, do được cử công tác khác.

2. Tiểu ban Văn kiện Đại hội X, các đồng chí có tên tại Điểm 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 45-NQ/TW, ngày 17 tháng 2 năm 2005

Về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

I- TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ

1. Cần Thơ là thành phố giàu tiềm năng, có lịch sử hình thành khá lâu đời, giữ vai trò rất quan trọng cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, là động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Nhân dân Cần Thơ giàu lòng yêu nước và cách mạng, có truyền thống lịch sử rất đáng tự hào. Trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Cần Thơ có vị trí chiến lược quan trọng, đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng đất nước, Cần Thơ đã và đang tiếp tục phát huy truyền thống, đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn, quyết tâm xây dựng và phát triển thành phố, góp phần tích cực đối với sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Xây dựng và phát triển nhanh, toàn diện thành phố Cần Thơ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2. Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ tỉnh Cần Thơ, nay là thành phố Cần Thơ đã luôn đoàn kết, phát huy tốt các nguồn lực, đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành, khắc phục khó khăn, giành được những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức kế hoạch; các mặt xã hội đều có bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện; an ninh - quốc phòng được bảo đảm; công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đạt nhiều kết quả tích cực.

Một năm qua, kể từ khi chia tách tỉnh, kế thừa thành tựu đã đạt được, Đảng bộ và nhân dân thành phố Cần Thơ đã sớm ổn định tổ chức, triển khai nhanh các nhiệm vụ, tiếp tục đạt nhiều tiến bộ mới trên các mặt.

Những thành tựu trên đây là tiền đề để thành phố vươn lên hoàn thành vượt mức các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng bộ tỉnh đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, từng bước xác lập vai trò trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long và đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thành phố Cần Thơ cũng còn một số mặt yếu kém cần ra sức khắc phục:

Trước hết, kinh tế phát triển chưa thực sự vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của thành phố, quy mô còn nhỏ, chất lượng và hiệu quả chưa cao; cơ cấu kinh tế

chuyển dịch chậm, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP còn cao, các ngành công nghiệp, dịch vụ có giá trị gia tăng lớn chậm phát triển; khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế còn yếu, chưa có sản phẩm chủ lực và ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy tốc độ phát triển đạt khá cao nhưng chất lượng phát triển, các chỉ tiêu về GDP, xuất nhập khẩu tính trên đầu người... đều còn thấp so với các thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng và một số tỉnh khác.

Tiềm năng của các thành phần kinh tế chưa được phát huy tốt. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư xã hội còn quá thấp so với bình quân chung cả nước và các thành phố trực thuộc Trung ương.

Vai trò trung tâm, sức lan toả và thu hút của Cần Thơ đối với kinh tế trong vùng còn hạn chế.

Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt, như giải quyết việc làm cho người lao động, tệ nạn xã hội, trật tự đô thị, an toàn giao thông, môi trường. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn rất thấp.

Công tác xây dựng Đảng, nhất là ở cấp cơ sở, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở có mặt còn yếu kém, cần tiếp tục củng cố và tăng cường.

Những yếu kém trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Việc xác định và nhận thức về vị trí, vai trò của thành phố Cần Thơ còn chậm và chưa đầy đủ. Công tác quy hoạch và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế mũi nhọn để tạo điều kiện cho thành phố phát huy được vai trò trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long

chưa được chú ý đúng mức. Các nguồn lực cho đầu tư phát triển chưa được khai thác tốt.

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, còn hạn chế.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ ĐẾN NĂM 2020

1. Thành phố Cần Thơ bước vào thời kỳ phát triển mới trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng có nhiều thách thức gay gắt, nhất là trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Đảng bộ và nhân dân thành phố cần tiếp tục quán triệt và vận dụng tốt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết 21-NQ/TW, ngày 20-1-2003 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010 vào điều kiện cụ thể của mình. Trên cơ sở đó, phấn đấu xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trở thành *thành phố đồng bằng cấp quốc gia văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Kông; là trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch, trung tâm giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, trung tâm y tế và văn hóa, là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.*

Cần Thơ phải phấn đấu là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để trở thành đô thị loại I trước năm 2010 và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020, là một cực phát triển, đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng.

2. Để thực hiện phương hướng và mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

2.1- Làm tốt công tác quy hoạch xây dựng thành phố theo hướng văn minh, hiện đại.

2.2- Tận dụng mọi cơ hội, khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao.

- Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, hàm lượng tri thức, khoa học - công nghệ cao, ít gây ô nhiễm. Trước mắt, coi trọng phát triển một số ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động để giải quyết việc làm; ưu tiên công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp năng lượng và công nghiệp điện tử, tin học, cơ khí phục vụ nông nghiệp, thủy sản, cơ khí đóng tàu và những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ như: giao thông - vận tải, bưu chính - viễn thông, thương mại, tài chính, tín dụng, bảo hiểm, khoa học - công nghệ... để từng bước trở thành trung tâm dịch vụ lớn của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Tiến hành quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hướng mạnh vào xuất khẩu và cung cấp dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao; coi trọng phát triển công nghệ sinh học và tạo giống; cung cấp các sản phẩm truyền thống chất lượng cao, xây dựng nhiều thương hiệu đặc sản nông nghiệp của thành phố.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, phấn đấu đưa Cần Thơ trở thành trung tâm giao lưu, cửa ngõ và đầu mối giao lưu, buôn bán, hợp tác với nước ngoài của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; thu hút mạnh hơn đầu tư trong và ngoài nước, tiến tới mở rộng đầu tư của thành phố đến các tỉnh và ra nước ngoài.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế cùng phát triển. Đẩy nhanh việc sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

2.3- Huy động các nguồn lực, trong đó đầu tư từ ngân sách được ưu tiên để phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và kiến thiết đô thị. Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông thông suốt; chú trọng phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, đẩy nhanh tiến độ mở rộng, nâng cấp sân bay Trà Nóc thành sân bay quốc tế, xây dựng cụm cảng Cần Thơ sớm trở thành cảng trung tâm của vùng; nâng cấp mạng lưới điện, thông tin liên lạc, hạ tầng đô thị gắn với bảo vệ môi trường, đạt tiêu chuẩn một thành phố văn minh, hiện đại, mang đặc trưng của vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long.

2.4- Chăm lo phát triển con người một cách toàn diện. Phấn đấu đến cuối năm 2005, thành phố Cần Thơ đứng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long về chỉ số phát triển con người (HDI) và năm 2010 đuổi kịp các thành phố lớn trong nước.

- Mở rộng quy mô, cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo một cách đồng bộ; chú trọng đào tạo nghề, đào tạo cao đẳng, đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao cho thành phố và các tỉnh trong vùng.

- Mở rộng, nâng cấp mạng lưới y tế, chú ý đúng mức đến việc xây dựng hệ thống y tế cơ sở, làm tốt công tác y tế dự phòng, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao phục vụ việc khám và chữa bệnh cho nhân dân Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Chăm lo phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - thông tin. Chỉ đạo và quản lý chặt chẽ các hoạt động phát thanh, truyền hình, internet, báo chí, xuất bản; ngăn ngừa ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai. Tạo lập môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, xây dựng con người Cần Thơ trí tuệ - năng động - nhân ái - hào hiệp - thanh lịch. Phát triển thể thao thành tích cao, nhất là các môn thành phố có truyền thống, có ưu thế, sớm xây dựng thành phố trở thành trung tâm thể thao của vùng.

- Đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm, thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc của các vùng có nhiều khó khăn, vùng ngập lũ và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.5- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Củng cố, xây dựng lực lượng quân đội, công an thành phố trong sạch, vững mạnh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

2.6- Tiếp tục củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở. Làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ thành phố đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nền tảng chính trị vững chắc cho sự phát triển thành phố.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ theo mục tiêu và phương hướng như trên trước hết là trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân thành phố, cũng là trách nhiệm của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các địa phương trong cả nước.

2. Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1- Sớm tiến hành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 gắn với định hướng phát triển theo lợi thế và tiềm năng của từng địa phương, trong đó thành phố Cần Thơ là một cực phát triển, đóng vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển của toàn vùng như Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định.

2.2- Chỉ đạo các bộ, ban, ngành Trung ương phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ, giúp đỡ thành phố trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển các ngành và lĩnh vực trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để thành phố phát triển. Đồng thời khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành và các địa phương trong vùng nhằm tạo không gian kinh tế thống nhất cho toàn vùng, trong đó Cần Thơ là một cực phát triển, đóng vai trò trung tâm phối hợp hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác để khai thác tiềm năng, thế mạnh của cả vùng.

3. Về một số vấn đề cụ thể

3.1- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo khẩn trương bố trí vốn, nếu cần thiết thì phát hành trái phiếu chính phủ để tạo nguồn vốn và xúc tiến đầu tư các chương trình, dự án quan trọng then chốt, nhất là các dự án hạ tầng thiết yếu của thành phố Cần Thơ và của khu vực đã được đề cập trong Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.2- Bố trí đầu tư xây dựng một số công trình mới, quan trọng có tác dụng lan toả, như mở rộng và nâng cấp sân bay Trà Nóc thành sân bay quốc tế, xây dựng cảng Cái Cui và

cụm cảng Cần Thơ thành cảng trung tâm vùng, gắn với chỉnh trị luồng Định An; xây dựng các tuyến đường Bốn Tổng - Một Ngàn, Mậu Thân - Trà Nóc, nối đường 91 với Nam sông Hậu, tuyến quốc lộ 1A vòng cung - nối lộ 80, tuyến lộ Cần Thơ - Xà No - Vị Thanh, nâng cấp mở rộng quốc lộ 91, xây dựng bờ kè sông Hậu và sông Cần Thơ (đoạn qua nội đô) để chống sạt lở và tạo cảnh quan cho thành phố.

Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trường đại học trọng điểm quốc gia theo hướng phát triển đa ngành; thành lập Phân viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Phân viện Học viện Hành chính quốc gia tại Cần Thơ, nâng cấp các cơ sở nghiên cứu khoa học hiện có và xây dựng mới một số viện nghiên cứu chuyên ngành để phục vụ yêu cầu phát triển của vùng, như: kinh tế, công nghệ sinh học, các ngành công nghệ cao (cơ khí, hóa chất, công nghệ thông tin). Xây dựng một số trung tâm y tế và bệnh viện chuyên sâu về ung bướu, phụ sản, tim mạch... phục vụ cho cả vùng.

Xây dựng khu trung tâm văn hóa đáp ứng yêu cầu là nơi giáo dục truyền thống, tổ chức lễ hội, du lịch vui chơi, giải trí cho cả vùng và gìn giữ bản sắc văn hóa miền Tây Nam Bộ. Xây dựng trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia.

3.3- Về cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư:

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo để nâng mặt bằng vốn đầu tư cho thành phố Cần Thơ tương ứng với các thành phố trực thuộc Trung ương, ít nhất cũng bằng mức của các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng. Trong khi chưa điều chỉnh được tỷ lệ điều tiết theo Luật ngân sách, trước mắt trong 2 năm 2005, 2006 xử lý bằng nguồn đầu tư bổ sung từ ngân sách Trung ương cho các dự án đầu tư theo chương trình mục tiêu. Đồng thời, bổ sung nguồn trái phiếu chính phủ cho các

công trình trọng điểm của thành phố. Ưu tiên dành vốn ODA để đầu tư cho một số cơ sở hạ tầng quan trọng của thành phố, như: hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống giao thông, thủy lợi, thiết bị y tế, giáo dục - đào tạo...

Xem xét để phân cấp mạnh hơn cho thành phố. Thành phố có phương án trình Chính phủ phê duyệt cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế mới đối với những vấn đề mà thực tiễn thành phố đặt ra, những vấn đề mới phát sinh.

Cho phép thành phố thực hiện phát hành trái phiếu đô thị để tạo vốn đầu tư một số công trình trọng điểm có khả năng thu hồi vốn; được sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị với phương thức phù hợp và quản lý chặt chẽ. Trong trường hợp cần thiết được vay từ các nguồn tài chính nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng thành phố theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các ngành tiếp tục nghiên cứu, xem xét một số đề xuất của thành phố như việc xác định tứ giác “Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang - Cà Mau” là vùng kinh tế trọng điểm thứ tư của cả nước, vấn đề đầu tư xây dựng nhà máy lọc dầu công suất 3 triệu tấn/năm, xây dựng các trường đại học chuyên ngành.

4. Ban Bí thư và Thường trực Chính phủ định kỳ làm việc với tập thể lãnh đạo thành phố để chỉ đạo xử lý kịp thời các vướng mắc, tạo điều kiện cho thành phố phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-CT/TW, ngày 21 tháng 2 năm 2005

Về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”.

Trải qua nhiều thế hệ, gia đình Việt Nam được hình thành và phát triển với những chuẩn mực giá trị tốt đẹp góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị truyền thống quý báu như lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, thủy chung, hiếu nghĩa, hiếu học, cần cù và sáng tạo trong lao động, bất khuất, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách đã được gia đình Việt Nam gìn giữ, vun đắp và phát huy trong suốt quá trình lịch sử

dựng nước và giữ nước. Qua nhiều thời kỳ phát triển, cấu trúc và quan hệ trong gia đình Việt Nam có những thay đổi, nhưng chức năng cơ bản của gia đình vẫn tồn tại và gia đình vẫn là một nhân tố quan trọng, không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Sau gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi gia đình. Kinh tế hộ gia đình thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự tăng trưởng tổng thu nhập quốc dân hàng năm. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới ở cơ sở phát triển, ngày càng có nhiều gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, làng văn hóa, cụm dân cư văn hóa, góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Công tác xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm đã giúp cho hàng triệu gia đình thoát nghèo và nâng cao mức sống. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho các gia đình đặc biệt khó khăn, gia đình có công với cách mạng, gia đình ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã đạt được những thành tích đáng kể, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội ngày càng ổn định và phát triển. Những giá trị nhân văn mới, tiêu biểu là bình đẳng giới và quyền trẻ em, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được đề cao. Quyền trẻ em đã được pháp luật thừa nhận, được xã hội và gia đình thực hiện và phát huy. Luật hôn nhân và gia đình sửa đổi năm 2000 đã tạo điều kiện để thực hiện hôn nhân bình đẳng và tiến bộ. Những năm gần đây, việc thành lập cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và việc lấy ngày 28-6 hằng năm

là Ngày Gia đình Việt Nam đã khẳng định vai trò của gia đình đối với xã hội và xã hội đối với gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, công tác gia đình hiện nay còn nhiều yếu kém và đang đối mặt với nhiều thách thức. Việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình còn nhiều thiếu sót và bất cập. Hiện tượng tảo hôn vẫn còn tồn tại. Tình trạng ly hôn, ly thân, chung sống không kết hôn, quan hệ tình dục và nạo phá thai trước hôn nhân gia tăng đã để lại những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt đối với gia đình và xã hội. Những biểu hiện tiêu cực trong hôn nhân với người nước ngoài đang làm cho xã hội lo lắng. Nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình như hiếu nghĩa, thủy chung, kính trên nhường dưới đang có biểu hiện xuống cấp. Sự xung đột giữa các thế hệ về lối sống và việc chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi đang đặt ra những thách thức mới. Tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè bê tha, mại dâm và nạn dịch HIV/AIDS đang thâm nhập vào các gia đình. Bạo hành trong gia đình, tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em, trẻ em bị xâm hại, trẻ em phải lang thang kiếm sống, trẻ em vi phạm pháp luật có chiều hướng phát triển. Nhiều gia đình vẫn đang phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của chiến tranh. Hàng trăm ngàn trẻ em nạn nhân của chất độc da cam đang là nỗi đau của nhiều gia đình. Hàng ngàn gia đình có thân nhân bị chết, bị tàn tật do bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Những mất mát, đau thương của hàng triệu gia đình trong chiến tranh sau gần ba chục năm qua vẫn chưa thể bù đắp. Công tác xoá đói, giảm nghèo ở một số địa phương vẫn còn nhiều khó khăn, kết quả chưa vững chắc, đặc biệt là ở vùng duyên hải, miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhiều vùng

đồng bào dân tộc thiểu số. Việc chuyển hướng ngành nghề cho những hộ gia đình làm nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

Nguyên nhân của tình hình nói trên có phần do nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của gia đình và công tác gia đình, công tác quản lý nhà nước về gia đình chưa theo kịp sự phát triển của đất nước; những mặt tích cực của gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được phát huy. Nhiều vấn đề bức xúc về gia đình chưa được xử lý kịp thời. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chưa quan tâm đúng mức việc nghiên cứu, lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình. Công tác giáo dục trước và sau hôn nhân, việc cung cấp các kiến thức làm cha mẹ, các kỹ năng ứng xử của các thành viên trong gia đình chưa được coi trọng. Nhiều gia đình do quá tập trung làm kinh tế đã xem nhẹ việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ các thành viên, đặc biệt là trẻ em và người cao tuổi.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện, đồng thời cũng đặt gia đình và công tác gia đình trước nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trái của cơ chế thị trường và lối sống thực dụng tác động mạnh tới các giá trị đạo đức truyền thống và lối sống lành mạnh. Sự phân hóa giàu nghèo sẽ tiếp tục tác động vào số đông các gia đình. Nhiều gia đình nếu không được hỗ trợ, không được chuẩn bị đầy đủ sẽ không đủ năng lực đối phó với những thay đổi nhanh chóng về kinh tế - xã hội và không làm tròn các chức năng vốn có của mình. Xu thế thu nhỏ gia đình trong xã hội công nghiệp nếu không được định hướng sẽ tiếp tục gây sức ép về nhà ở cũng như đặt việc chăm sóc trẻ em và người cao tuổi vào một thách thức mới.

Trong thời gian tới, nếu chúng ta không quan tâm củng cố, ổn định và xây dựng gia đình, những khó khăn và thách thức nêu trên sẽ tiếp tục làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mục tiêu chủ yếu của công tác gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa là ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một hoặc hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.

Để thực hiện mục tiêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, đoàn thể các cấp lưu ý lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ và các giải pháp sau:

1. Nhiệm vụ

1.1- Cần nhận thức rõ gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Coi đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững. Gia đình có trách nhiệm với các thành viên và với xã hội; Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình. Xây dựng gia đình phải luôn gắn với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Cán bộ, đảng viên có trách nhiệm gương mẫu chăm lo xây dựng chính gia đình mình và vận động nhân dân cùng thực hiện.

1.2- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên; chủ động rà soát, đánh giá tình hình gia đình tại địa phương, xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án cụ thể giải quyết những khó khăn, thách thức

về gia đình và công tác gia đình. Cần đặc biệt quan tâm xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, vị kỷ, đồi trụy; tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có kế hoạch và biện pháp cụ thể phòng, chống tệ nạn xã hội và bạo hành trong gia đình.

1.3- Tăng cường công tác giáo dục đời sống gia đình. Cung cấp tới từng gia đình các kiến thức, kỹ năng sống, như: kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau và với cộng đồng. Giáo dục và vận động mọi gia đình tự nguyện, tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh. Vận động các gia đình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, quy chế dân chủ cơ sở; phát triển các hình thức tổ hoà giải, các câu lạc bộ gia đình tại cộng đồng; giữ gìn và phát huy văn hóa gia đình và truyền thống tốt đẹp của dòng họ; xây dựng tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, nhắc nhở, động viên nhau thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Trong giáo dục, phải kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.

1.4- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình; nhân rộng các mô hình kinh tế hộ tiên tiến; bảo đảm kết quả bền vững của chương trình xoá đói, giảm nghèo và tạo việc làm, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm đặc biệt tới các gia đình có công với cách mạng, gia đình là nạn nhân của chiến tranh.

1.5- Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, cộng đồng và gia đình tham gia tích cực xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa,

khu phố văn hóa, cụm dân cư văn hoá; xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình điển hình, tiêu biểu, tạo ra phong trào xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, biểu dương kịp thời và nhân rộng các mô hình gia đình vượt khó vươn lên, gia đình làm kinh tế giỏi, gia đình hiếu học, gia đình trẻ hạnh phúc, gia đình nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

1.6- Cần sớm xây dựng và triển khai chiến lược và chương trình mục tiêu về công tác gia đình, xây dựng các đề án cụ thể giải quyết những thách thức hiện nay đối với gia đình.

2. Giải pháp

2.1- Đẩy mạnh, đổi mới và đa dạng hóa công tác truyền thông, tăng cường giáo dục đến từng hộ gia đình pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình, đặc biệt là Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh dân số; đưa chủ đề gia đình vào các chương trình tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt và phê phán những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng cuộc sống gia đình.

2.2- Bảo đảm đủ nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác gia đình. Đưa nội dung công tác này vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch hằng năm của ngành và của địa phương.

2.3- củng cố và ổn định cơ quan Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp cơ sở,

đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành về công tác gia đình.

2.4- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình, đặc biệt quan tâm tới các gia đình đã nhường đất sản xuất cho đô thị hóa, phát triển công nghiệp và các hộ di dân; triển khai và mở rộng các loại hình dịch vụ an sinh xã hội để nâng cao năng lực tự chủ của mỗi gia đình, đảm bảo cho các gia đình có cơ hội tiếp cận sự bảo trợ của Nhà nước, ổn định cuộc sống, chăm lo giáo dục con cái và chăm sóc người cao tuổi.

2.5- Tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình, đặc biệt là nghiên cứu các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình cần gìn giữ, phát huy những giá trị mới, tiên tiến cần tiếp thu; nghiên cứu xây dựng các mô hình gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá; áp dụng các kết quả nghiên cứu để giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới.

2.6- Các cấp ủy đảng, các tỉnh ủy, thành ủy xây dựng kế hoạch hành động tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình theo tinh thần của Chỉ thị này.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quán triệt, thể chế hóa và chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị, động viên toàn dân tích cực tham gia công tác gia đình, tạo ra một phong trào xây dựng

gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một đến hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc trong cả nước.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nêu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị cho Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến và quán triệt tới các chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 46-NQ/TW, ngày 23 tháng 2 năm 2005

Về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

Trong hơn 10 năm qua, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân ở nước ta tiếp tục đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở, ngày càng được củng cố và phát triển; nhiều dịch bệnh nguy hiểm được khống chế và đẩy lùi; các dịch vụ y tế ngày một đa dạng; nhiều công nghệ mới được nghiên cứu và ứng dụng; việc cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế đã có nhiều cố gắng hơn trước. Bảo hiểm y tế được hình thành và bước đầu phát huy tác dụng. Nhân dân ở hầu hết các vùng, miền đã được chăm sóc sức khỏe tốt hơn; phần lớn các chỉ tiêu tổng quát về sức khỏe của nước ta đều vượt các nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ có sự phấn đấu nỗ lực của đại đa số cán bộ, nhân viên ngành y tế; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự tham gia tích cực và có hiệu quả của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, tổ chức xã hội và đông đảo nhân dân.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ở nước ta vẫn còn nhiều bất cập và yếu kém. Hệ thống y tế chậm đổi mới, chưa thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự thay đổi của cơ cấu bệnh tật; chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân; điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; năng lực sản xuất và cung ứng thuốc còn yếu, giá thuốc chữa bệnh còn cao so với thu nhập của nhân dân. Tổ chức và hoạt động của y tế dự phòng còn nhiều bất cập. Một bộ phận nhân dân chưa hình thành được ý thức và thói quen tự bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Những việc làm vi phạm đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ y tế chậm được khắc phục.

Nguyên nhân chính của những yếu kém trên là do quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế còn nhiều bất cập, một số chính sách về y tế không còn phù hợp nhưng chậm được sửa đổi hoặc bổ sung; việc quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và hành nghề y được tư nhân chưa chặt chẽ; đầu tư của Nhà nước cho y tế còn thấp, phân bổ và sử dụng nguồn lực chưa hợp lý, kém hiệu quả. Chưa có những giải pháp hữu hiệu để huy động các nguồn lực từ cộng đồng và xã hội cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Đội ngũ cán bộ y tế còn thiếu và yếu, cơ cấu chưa hợp lý, chế độ đãi ngộ chưa thỏa đáng. Một số cấp ủy đảng và chính quyền chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhiều nơi còn trông chờ vào bao cấp của Nhà nước.

Cùng với những yếu kém trên, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở nước ta đang đứng trước những thách thức to lớn:

- Nhiều vấn đề xã hội mới phát sinh như ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội đang ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân; chênh lệch về thu nhập trong nhân dân đang đặt ra những thách thức lớn về bảo đảm công bằng trong khám, chữa bệnh; mặt trái của kinh tế thị trường có nguy cơ làm phai mờ giá trị đạo đức cao quý của người thầy thuốc.

- Quy mô dân số của nước ta những năm tới vẫn tiếp tục tăng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao và đa dạng, trong khi khả năng đáp ứng của hệ thống y tế còn hạn chế.

- Chi phí cho chăm sóc sức khỏe ngày càng lớn, trong khi về cơ bản nước ta vẫn còn là một nước nghèo, đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe còn thấp.

- Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế vừa đem lại những cơ hội thuận lợi, đồng thời cũng đặt nước ta trước những nguy cơ bị lây truyền các bệnh dịch nguy hiểm và những thách thức trong lĩnh vực sản xuất thuốc và ứng dụng công nghệ cao trong y tế.

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

1.1- Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là hoạt động nhân đạo, trực tiếp bảo đảm nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một trong những

chính sách ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư phát triển, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ.

1.2- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, nhằm tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, nhằm từng bước đạt tới công bằng trong chăm sóc sức khỏe, thực hiện sự chia sẻ giữa người khỏe với người ốm, người giàu với người nghèo, người trong độ tuổi lao động với trẻ em, người già; công bằng trong đãi ngộ đối với cán bộ y tế.

1.3- Thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện: gắn phòng bệnh với chữa bệnh, phục hồi chức năng và tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe. Phát triển đồng thời y tế phổ cập và y tế chuyên sâu; kết hợp đông y và tây y.

1.4- Xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe gắn với tăng cường đầu tư của Nhà nước; thực hiện tốt việc trợ giúp cho các đối tượng chính sách và người nghèo trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

1.5- Nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt. Mỗi cán bộ, nhân viên y tế phải không ngừng nâng cao đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn, xứng đáng với sự tin cậy và tôn vinh của xã hội, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Người thầy thuốc giỏi đồng thời phải là người mệ hiền”.

2. Mục tiêu

Giảm tỷ lệ mắc bệnh tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở và thói quen giữ gìn sức khỏe của nhân dân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II- CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân

Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch phát triển hệ thống y tế đến năm 2010 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế dự phòng. Mở rộng và triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và nâng cao sức khỏe. Phát triển các phong trào vệ sinh, phòng bệnh và thể dục thể thao. Triển khai mạnh mẽ các biện pháp kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm. Kịp thời dự báo và có biện pháp ngăn ngừa

để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đối với sức khỏe do thay đổi lối sống, môi trường và điều kiện lao động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Đẩy mạnh phòng chống các bệnh nghề nghiệp. củng cố và phát triển y tế học đường. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động phục hồi chức năng.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ. Xây dựng và nâng cấp các bệnh viện, nhất là bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và huyện để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân ngay tại địa phương. Từng bước phát triển mạng lưới các khoa và bệnh viện điều dưỡng, phục hồi chức năng. Quy hoạch mạng lưới khám chữa bệnh theo địa bàn dân cư. Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả các trung tâm y tế chuyên sâu hiện có, xây dựng thêm một số trung tâm y tế chuyên sâu mới.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển y dược học cổ truyền thành một chuyên ngành khoa học. Thành lập Học viện Y học cổ truyền, củng cố và phát triển bộ môn y học cổ truyền tại các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế. Nâng cấp các bệnh viện y học cổ truyền và các khoa đông y tại các bệnh viện đa khoa. Vận động, khuyến khích và hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng và sử dụng các cây, con làm thuốc.

- Kết hợp quân y và dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo...; chủ động

phòng, chống, giảm nhẹ và khắc phục hậu quả các tình huống khẩn cấp như dịch bệnh, thảm họa, thiên tai... Đưa chương trình kết hợp quân, dân y thành một nội dung của chương trình mục tiêu y tế quốc gia.

- Phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn. Phát triển mạnh công nghiệp dược, nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao. Quy hoạch và phát triển các vùng dược liệu, các cơ sở sản xuất nguyên liệu hóa dược. củng cố mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc để ổn định thị trường thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất vắc xin, sinh phẩm y tế. Phát triển công nghiệp trang thiết bị y tế theo hướng hiện đại.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tiếp cận và ứng dụng những thành tựu về khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin; từng bước đưa nền y học nước ta đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới.

- Mở rộng hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ và đầu tư nguồn lực của các nước, các tổ chức quốc tế; tiếp thu các thành tựu về khoa học công nghệ và kinh nghiệm quản lý phục vụ sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Đổi mới chính sách tài chính y tế

Đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính y tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các nguồn tài chính công (bao gồm ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế), giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người bệnh.

- Từ nay đến năm 2010, Nhà nước cần đầu tư mạnh, tạo bước bứt phá để nâng cấp các cơ sở y tế, trong đó ưu tiên

củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện; các trung tâm y tế khu vực, nhất là ở Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Nhà nước bảo đảm cung cấp kinh phí khám, chữa bệnh cho người có công với cách mạng, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội.

- Xây dựng và thực hiện tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010. Tuyên truyền, giáo dục để mọi người dân đều tự nguyện tham gia bảo hiểm y tế. Đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm y tế, chú ý các loại hình dựa vào cộng đồng; tạo nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, viện trợ, các quỹ từ thiện, quỹ cộng đồng, quỹ xóa đói giảm nghèo... để trợ giúp cho người nghèo, người sống ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa tham gia các loại hình bảo hiểm y tế phù hợp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, củng cố tổ chức và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của hệ thống bảo hiểm y tế. Có phương thức thanh toán phù hợp để người tham gia bảo hiểm y tế được chăm sóc với chất lượng tốt, không bị phân biệt đối xử trong khám, chữa bệnh.

- Xây dựng và thực hiện chính sách viện phí phù hợp trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí trực tiếp phục vụ bệnh nhân. Nhà nước có chính sách trợ giúp đối với những người có thu nhập thấp và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Công khai, minh bạch việc thu, chi viện phí cho người dân biết.

3. Phát triển nguồn nhân lực

Kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Sắp xếp lại mạng lưới, mở rộng và nâng cấp các cơ sở

đào tạo, đáp ứng nhu cầu về cán bộ y tế phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; xây dựng một số trung tâm đào tạo cán bộ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. Tăng cường đào tạo cán bộ y tế theo hình thức cử tuyển cho miền núi và đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế, nhất là cán bộ quản lý bệnh viện. Coi trọng việc đào tạo, sử dụng và đãi ngộ nhân tài về y tế. Mở rộng việc đưa cán bộ có trình độ cao đi đào tạo ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí nhà nước, khuyến khích du học tự túc theo các chuyên ngành đang có nhu cầu.

Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ, nhân viên y tế; thực hiện chế độ đãi ngộ đối với người thầy thuốc tương đương như với người thầy giáo. Có chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với những người công tác tại trạm y tế xã. Thực hiện việc luân chuyển cán bộ; khuyến khích thầy thuốc về công tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền

Nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội, cộng đồng và mỗi người dân trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân phải được đưa vào các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và ở từng địa phương.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt là ở cơ sở, phải xác định việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và

nâng cao sức khỏe nhân dân là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng; quy định rõ trách nhiệm và kiểm tra hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở địa phương. Triển khai rộng rãi phong trào xây dựng làng văn hóa - sức khỏe ở mọi thôn, bản.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ y tế ở địa phương và cơ sở. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, nhân viên y tế, chấn chỉnh và khắc phục những biểu hiện tiêu cực tại các cơ sở y tế.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, làm tốt công tác phát triển Đảng, nhất là đối với cán bộ y tế trẻ. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn ngành Y tế.

5. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật về y tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Nghiên cứu và bổ sung luật pháp để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người bệnh và của cán bộ y tế trong lúc làm nhiệm vụ; thực hiện bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp đối với cán bộ y tế. Kiện toàn hệ thống thanh tra y tế, nâng cao hiệu lực hoạt động thanh tra để thực hiện tốt quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành, tài chính, nhân lực tại các bệnh viện, nhà trường, viện nghiên cứu... trong ngành Y tế để phát huy tính năng động, sáng tạo của

cơ sở trong việc huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Việc thực hiện tự chủ về tài chính của các cơ sở khám chữa bệnh công lập cần được tiến hành từng bước, cùng với tiến trình mở rộng bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Các đơn vị chuyên môn về y tế ở địa phương được quản lý theo ngành.

Đổi mới và kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về được và vệ sinh, an toàn thực phẩm.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa

Đổi mới và tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Các loại hình y dược tư nhân hoạt động theo pháp luật là bộ phận cấu thành của hệ thống y tế. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục đầu tư; có chính sách khuyến khích về thuế, đất đai... để phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập. Khuyến khích các hoạt động nhân đạo vì sức khỏe.

7. Nâng cao hiệu quả thông tin - giáo dục - truyền thông

Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng có thể chủ động phòng bệnh, xây dựng nếp sống vệ sinh, rèn luyện thân thể, hạn chế những lối sống và thói quen có hại đối với sức khỏe, tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng. Nghiêm cấm quảng cáo thuốc lá, rượu mạnh, các chất kích thích có hại cho sức khỏe.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng và đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể tổ chức phổ biến Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; lãnh đạo xây dựng và triển khai chương trình hành động, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với việc đổi mới cơ chế, chính sách hoạt động của ngành Y tế trong tình hình mới.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên xây dựng chương trình hành động, phát động các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 50-CT/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2005

Về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Công nghệ sinh học là một lĩnh vực công nghệ cao dựa trên nền tảng khoa học về sự sống, kết hợp với quy trình và thiết bị kỹ thuật nhằm tạo ra các công nghệ khai thác các hoạt động sống của vi sinh vật, tế bào thực vật và động vật để sản xuất ở quy mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

Với những thành tựu khoa học và công nghệ vượt bậc của nhân loại, từ cuối thế kỷ XX, công nghệ sinh học từ một ngành khoa học đã trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao của nhiều quốc gia công nghiệp trên thế giới.

Đối với nước ta, một nước nhiệt đới đi lên từ nông nghiệp, công nghệ sinh học có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là một yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm an ninh lương thực, chuyển đổi cơ cấu

và phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp, nông thôn; cung cấp những sản phẩm cơ bản và thiết yếu cho chăm sóc sức khỏe cộng đồng; bảo vệ môi trường sống và phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

Trong những năm qua, công nghệ sinh học nước ta đã có những tiến bộ nhanh chóng. Nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học của các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên một bước. Việc xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực cho công nghệ sinh học đã được quan tâm đầu tư. Trình độ nghiên cứu và phát triển công nghệ đã được nâng cao rõ rệt. Việc ứng dụng công nghệ sinh học truyền thống trong sản xuất đã trở nên phổ biến, góp phần nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông - lâm - thủy sản; sản xuất vắc xin và một số chế phẩm phục vụ bảo vệ sức khỏe nhân dân và tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, công nghệ sinh học hiện đại của nước ta vẫn đang ở tình trạng lạc hậu so với một số nước trong khu vực và nhiều nước trên thế giới, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao mức sống của nhân dân. Công nghiệp sinh học chậm phát triển, chưa tạo ra được các sản phẩm chủ lực cho nền kinh tế quốc dân.

Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức chưa đầy đủ của các cấp ủy đảng, các bộ, ngành, địa phương và toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của công nghệ sinh học đối với nước ta. Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghệ sinh học còn chậm và chưa triệt để; chưa có kế hoạch

tổng thể phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học; chưa tạo được sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương và chưa có chính sách khuyến khích, thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển công nghệ sinh học, nhất là công nghiệp sinh học.

I- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định công nghệ sinh học là công nghệ được ưu tiên phát triển. Mục tiêu phát triển công nghệ sinh học trong thời gian tới là:

Tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phục vụ tốt nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, tăng nhanh tỷ lệ nông - lâm - thủy sản chế biến, nhất là chế biến phục vụ xuất khẩu; tiến tới giảm nhập khẩu và tự cung cấp được một phần quan trọng nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh thiết yếu cho nhân dân; áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong công tác bảo vệ và khắc phục ô nhiễm môi trường.

Phát triển công nghệ sinh học đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực; xây dựng nền công nghiệp sinh học thành một ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất được một số sản phẩm chủ lực và có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế quốc dân.

Tạo ra phong trào ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi trong nông nghiệp và nông thôn.

II- NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

1. Ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống

Trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, công nghệ sinh học phải góp phần quan trọng trong việc tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, đóng góp thiết thực vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế; tạo ra các công nghệ sản xuất các chế phẩm bảo vệ cây trồng, vật nuôi; các công nghệ bảo quản và chế biến nông - lâm - thủy sản nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm xuất khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước.

Trong lĩnh vực y dược, công nghệ sinh học có nhiệm vụ góp phần giảm nhập khẩu, từng bước tự túc các nguyên liệu làm thuốc và bảo đảm sản xuất, cung cấp đủ các vắc xin thiết yếu và một số loại thuốc phục vụ phòng và chữa bệnh. Tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mũi nhọn để sản xuất vắc xin thế hệ mới và thuốc điều trị có nguồn gốc protein tái tổ hợp. Nhanh chóng đưa liệu pháp công nghệ gen, công nghệ tế bào vào điều trị các bệnh hiểm nghèo và sử dụng vi sinh vật tái tổ hợp để sản xuất kháng sinh, vitamin và axit amin.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường.

2. Đẩy mạnh xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ cho công nghệ sinh học

Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, bảo đảm đến năm 2015 cung cấp đủ cán bộ cho các

nhu cầu nghiên cứu, phát triển công nghệ, giảng dạy, quản lý và sản xuất kinh doanh.

Tăng cường đầu tư và hoàn thiện *mạng lưới các phòng thí nghiệm* công nghệ sinh học; tập trung đầu tư dứt điểm và đưa vào sử dụng *các phòng thí nghiệm trọng điểm*; xây dựng ở ba miền Bắc, Trung, Nam các trung tâm mạnh về công nghệ sinh học làm hạt nhân cho việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong cả nước.

Nhanh chóng làm chủ các *công nghệ tiên tiến* trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Phấn đấu đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực đối với một số lĩnh vực công nghệ quan trọng của công nghệ sinh học:

Làm chủ được *công nghệ gen* nhằm tạo ra các biến đổi bộ gen thực vật, động vật theo hướng có lợi; chữa các bệnh di truyền; chú trọng nghiên cứu các đặc điểm và những thay đổi bộ gen của người và vi sinh vật do tác động của ô nhiễm môi trường và chất độc hóa học. Đẩy mạnh ứng dụng tin - sinh học phục vụ nghiên cứu công nghệ sinh học, đặc biệt là công nghệ gen.

Tập trung nghiên cứu và ứng dụng *công nghệ tế bào thực vật và động vật* trong tạo và nhân nhanh giống cây trồng và vật nuôi có ưu thế về năng suất, chất lượng; phát triển và ứng dụng công nghệ tế bào gốc trong trị liệu tế bào.

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng *công nghệ enzyme - protein* trong công nghiệp chế biến và đặc biệt là trong lĩnh vực miễn dịch học phân tử phục vụ sản xuất vắc xin thế hệ mới và chế phẩm chẩn đoán.

Công nghệ vi sinh tập trung nghiên cứu, đánh giá và ứng dụng tài nguyên vi sinh vật; tạo chủng giống cao sản bằng

công nghệ cao; nghiên cứu hoàn thiện, phát triển và ứng dụng các kỹ thuật lên men vi sinh vật phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

3. Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học

Tiến hành *quy hoạch và đầu tư phát triển công nghiệp sinh học* trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, y - dược và công nghiệp chế biến thực phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực cho nền kinh tế.

Công nghiệp sinh học nông nghiệp và thủy sản tập trung phát triển công nghiệp sản xuất giống, các chế phẩm chăm sóc và bảo vệ cây trồng, vật nuôi và công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.

Công nghiệp sinh học y dược tập trung sản xuất vắc xin, chế phẩm chẩn đoán, thuốc chữa bệnh và kháng sinh.

Công nghiệp sinh học hóa chất và sinh học thực phẩm tập trung sản xuất axit amin, axit hữu cơ, enzym công nghiệp, enzym thực phẩm, phụ gia thực phẩm và thực phẩm lên men.

Công nghiệp sinh học phục vụ bảo vệ môi trường tập trung sản xuất các chế phẩm vi sinh vật làm sạch môi trường và xử lý ô nhiễm.

III- GIẢI PHÁP

Để đạt được các mục tiêu và thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra nhằm phát triển công nghệ sinh học, cần thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các giải pháp sau đây:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy đảng, các ngành,

các cấp và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách và tăng cường công tác quản lý nhà nước về nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học. Sớm hình thành hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về an toàn sinh học.

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học. Cần tập trung chỉ đạo phát triển công nghiệp sinh học, trong đó ưu tiên lĩnh vực y - dược.

Có chính sách thu hút, đa dạng hóa các nguồn đầu tư trong nước và ngoài nước cho nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học thiết yếu. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho một số chương trình trọng điểm về xây dựng phòng thí nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Xây dựng và áp dụng chính sách ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ.

Xây dựng chính sách gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khuyến khích và hỗ trợ mạnh mẽ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống.

Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng cơ sở nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học.

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi cơ hội để đào tạo đội ngũ cán bộ đầu đàn, chuyên gia giỏi và nâng cao trình độ nghiên cứu, phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học của đất nước.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương tới địa phương phải coi việc đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học và xây dựng nền công nghiệp sinh học là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá; nghiêm túc tổ chức quán triệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi nhất cho việc phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp được nêu trong Chỉ thị này; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học.

Các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng cần tổ chức tuyên truyền sâu rộng về các nội dung của Chỉ thị, tích cực tham gia tổ chức phong trào nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất - kinh doanh và đời sống.

Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo Ban Bí thư về tình hình thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 134-QĐ/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2005

Bổ sung thành viên Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 4-2-2002 về việc thành lập Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung thành viên Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương, gồm các đồng chí sau đây:

1. Đồng chí Huỳnh Thị Nhân, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.
2. Đồng chí Đinh Minh Tân, cán bộ chuyên trách Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương, làm Ủy viên chuyên trách theo dõi công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ các tỉnh phía Nam.

Điều 2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí có tên tại Điều 1 do Trưởng ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương phân công.

Điều 3. Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 47-NQ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2005

Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TRONG THỜI GIAN QUA

Tháng 1-1993, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ban hành Nghị quyết về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình nhằm giải quyết cơ bản vấn đề dân số, tiến tới ổn định quy mô dân số của nước ta.

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết này, với sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và sự hưởng ứng mạnh mẽ của nhân dân, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình đã thực sự đi vào cuộc sống và đạt được những kết quả quan trọng: nhận thức của toàn xã hội đã có bước chuyển biến rõ rệt, quy mô gia đình có một hoặc hai con được chấp nhận ngày càng rộng rãi; nhịp độ gia tăng dân số nhanh đã được khống chế, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ

giảm từ trên 3,5 con năm 1992, xuống 2,28 con năm 2002, tỷ lệ tăng dân số giảm tương ứng từ hơn 2% còn 1,32%.

Kết quả công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đã góp phần rất quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu nhập bình quân đầu người hằng năm, xoá đói, giảm nghèo và nâng cao mức sống của nhân dân. Với những thành tựu của công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, năm 1999, Việt Nam đã được nhận Giải thưởng Dân số của Liên hợp quốc.

Tuy nhiên, từ sau năm 2000 đến nay, kết quả thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình chững lại và giảm sút. Trong hai năm 2003 và 2004, tỷ lệ phát triển dân số, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên tăng mạnh trở lại. Đặc biệt là tình trạng cán bộ, đảng viên sinh con thứ ba trở lên tăng nhiều ở hầu hết các địa phương, gây tác động tiêu cực đến phong trào nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Tình hình này đã làm chậm thời gian đạt mức sinh thay thế (trung bình mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có hai con).

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do chúng ta chưa nhận thức đầy đủ tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của công tác này trong bối cảnh kinh tế, văn hóa và xã hội của đất nước, dẫn đến chủ quan, thoả mãn với những kết quả ban đầu, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiên định trong tổ chức thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình thiếu ổn định, quá tải; cơ chế quản lý kém hiệu quả; tổ chức, điều hành chương trình lúng túng, chậm đổi mới; việc ban hành Pháp lệnh dân số và một số chính sách khác thiếu chặt chẽ.

Trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội nước ta chưa phát triển, tình trạng nghèo đói còn nhiều, tài nguyên thiên nhiên hạn hẹp, quy mô dân số hiện nay khá lớn với hơn 82 triệu người, mật độ dân số vào hàng cao nhất thế giới, chất lượng dân số chưa được cải thiện đáng kể, v.v., thì việc dân số tăng nhanh trở lại sẽ phá vỡ những thành quả đã đạt được, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội và việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, làm chậm quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đặt nước ta trước nguy cơ tụt hậu xa hơn.

Vì vậy, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong thời gian tới.

II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

A- Quan điểm chỉ đạo

Tiếp tục quán triệt và kiên quyết thực hiện các quan điểm cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; phấn đấu sớm đạt được mục tiêu về ổn định quy mô dân số, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng dân số Việt Nam.

Toàn Đảng, toàn dân kiên trì thực hiện chủ trương mỗi cặp vợ chồng chỉ có một đến hai con để có điều kiện nuôi dạy tốt.

Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

B- Mục tiêu

1. Nhanh chóng đạt mức sinh thay thế (trung bình mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có hai con), tiến tới ổn định quy mô dân số nước ta ở mức 115 - 120 triệu người vào giữa thế kỷ XXI.

2. Nâng cao chất lượng dân số Việt Nam về thể chất, trí tuệ, tinh thần, cơ cấu nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C- Nhiệm vụ và một số giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền

Các cấp ủy đảng và chính quyền phải nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình của địa phương, đơn vị; có kế hoạch và biện pháp khắc phục những yếu kém, bất cập, kiên quyết ngăn chặn khuynh hướng sinh nhiều con.

Đưa công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình thành một nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của các cấp ủy đảng và chính quyền, xem đây là một tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của địa phương, đơn vị, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện công tác này theo mục tiêu đã đề ra.

Huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể nhân dân, đồng thời huy động các tổ chức xã hội và các thành phần kinh tế

tích cực tham gia công tác này. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho mỗi gia đình, mỗi người dân tự nguyện thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu thực hiện, đồng thời tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ, xem xét đề bạt, đề cử cán bộ vào các chức vụ lãnh đạo của các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội.

Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 6-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII).

2. *Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và giáo dục*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tâm lý, tập quán sinh đẻ trong toàn xã hội. Vận động toàn xã hội chấp nhận và thực hiện mỗi cặp vợ chồng chỉ có một đến hai con, coi việc dừng ở hai con là nghĩa vụ của mọi người dân để góp phần giảm bớt gánh nặng về dân số của đất nước. Việc tuyên truyền, vận động phải sâu sát, cụ thể, phù hợp với từng đối tượng. Chú ý vận động những gia đình đã có hai con để họ không sinh con thứ ba.

Mở rộng và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình trong và ngoài nhà trường cho vị thành niên và thanh niên. Vận động,

thuyết phục những người cao tuổi nhắc nhở con, cháu thực hiện chính sách sinh đẻ có kế hoạch.

Phối hợp các cơ quan truyền thông và sử dụng đa dạng các loại hình tuyên truyền để vận động, giáo dục đến từng gia đình, người dân.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị và cộng đồng dân cư. Khen thưởng những gia đình có nhiều thế hệ chấp hành nghiêm túc quy định của Nhà nước về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

3. *Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ và nâng cao hiệu lực quản lý*

Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em từ Trung ương đến cơ sở đủ mạnh để quản lý và tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động và đưa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân. Đặc biệt quan tâm củng cố, ổn định, nâng cao năng lực và nhiệt tình cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân số, gia đình và trẻ em ở các xã, phường, thị trấn và đội ngũ cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em ở các thôn, xóm, bản, làng. Có chính sách khuyến khích thoả đáng về tinh thần và vật chất đối với đội ngũ này. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với cán bộ dân số, gia đình và trẻ em xã, phường, thị trấn.

Thực hiện quản lý, điều hành công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình theo chương trình mục tiêu quốc gia, tiếp tục áp dụng cơ chế phân cấp và phối hợp liên ngành đã khẳng định được hiệu quả cao trong thời gian qua, đồng thời

ngiên cứu và áp dụng các cơ chế mới phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

Thực hiện việc đăng ký dân số, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu về dân số đầy đủ, chính xác, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành chương trình, đồng thời phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

4. Chính sách và đầu tư nguồn lực

Sớm sửa đổi Pháp lệnh dân số và các chính sách, quy định hiện hành không phù hợp với cuộc vận động thực hiện mục tiêu bình quân mỗi cặp vợ chồng có hai con. Nghiên cứu, ban hành và bổ sung các chính sách khuyến khích về vật chất và tinh thần đối với các cộng đồng, gia đình, cá nhân làm tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; tạo môi trường tâm lý, xã hội tích cực thúc đẩy phong trào thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Hướng dẫn và khuyến khích cộng đồng làng, bản, thôn, ấp xây dựng các hương ước, quy ước nhằm tạo phong trào toàn xã hội thực hiện các mục tiêu của chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước, tích cực tranh thủ các nguồn viện trợ và huy động sự đóng góp của nhân dân, bảo đảm đủ kinh phí thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện phân bổ công khai và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí.

Ưu tiên đầu tư cho các vùng đông dân có mức sinh cao, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và các đối tượng là người nghèo, vị thành niên, thanh niên.

5. Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

Hoàn thiện về hệ thống dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người sử dụng về các biện pháp tránh thai. Chú trọng đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao trình độ cán bộ y tế, tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, khuyến khích các tổ chức xã hội và tư nhân tham gia cung cấp các dịch vụ này. Đẩy mạnh tiếp thị xã hội và bán rộng rãi các phương tiện tránh thai.

Tập trung triển khai các loại hình cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình phù hợp đối với từng vùng. Tăng cường các chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình đối với vùng nông thôn, vùng đông dân có mức sinh cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Chú ý đúng mức đến việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ đối với vị thành niên, thanh niên. Lồng ghép hoạt động cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình với phòng, chống HIV/AIDS.

6. Nâng cao chất lượng dân số Việt Nam

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên và người cao tuổi. Nâng cao năng lực hướng dẫn tổ chức, phát động các phong trào rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh và cải thiện môi trường sống tại cộng đồng.

Triển khai các hoạt động kiểm tra sức khỏe di truyền, tư vấn tiền hôn nhân; đẩy mạnh phòng, chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội; giảm tỷ lệ trẻ em sinh ra bị dị tật bẩm sinh,

thiếu năng trí tuệ; giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; mở rộng các dịch vụ chăm sóc người già, người tàn tật, tổ chức phục hồi chức năng cho trẻ em và người khuyết tật.

Ưu tiên triển khai các chương trình, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống đối với các dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng khó khăn, người di cư và các nhóm đối tượng thiệt thòi.

Tiến hành nghiên cứu về chất lượng dân số Việt Nam đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng và đảng đoàn các bộ, ban, ngành, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến Nghị quyết này đến cán bộ lãnh đạo, đảng viên và nhân dân; xây dựng và triển khai chương trình hành động, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật phù hợp với tình hình mới, trong đó có việc sửa đổi một số điểm trong Pháp lệnh dân số.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên xây dựng chương trình hành động, phát động các phong trào toàn dân tham gia thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 173-TB/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2005

Về Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010

Ngày 18-2-2005, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin báo cáo về đề án Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010 và ý kiến của các bộ, ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

- Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với đề án Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin. Chiến lược phát triển thông tin là một bộ phận quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm xác định những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cơ bản và những giải pháp chủ yếu để thúc đẩy hệ thống thông tin phát triển, đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng, ngày càng cao của nhân dân, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, việc xây dựng Chiến lược phát triển thông tin là cần thiết.

- Phạm vi thông tin được đề cập trong Chiến lược là thông tin tuyên truyền và truyền thông quốc gia, nên tên gọi của Chiến lược cần được cân nhắc cho thích hợp.

1. Về thực trạng thông tin ở nước ta

Bộ Chính trị cơ bản tán thành với những nội dung đã nêu trong Chiến lược về thực trạng thông tin ở nước ta trong thời gian qua. Cụ thể là:

- Hoạt động thông tin trong những năm qua ở nước ta có bước phát triển toàn diện cả về quy mô, nội dung, hình thức và loại hình. Thông tin ngày càng khẳng định là phương tiện thiết yếu của đời sống xã hội, không chỉ là công cụ phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước mà còn là diễn đàn của các tầng lớp nhân dân, là công cụ cung cấp tri thức, dự báo sự phát triển, cổ vũ những nhân tố mới, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, hội nhập và giao lưu hợp tác quốc tế, đấu tranh có hiệu quả với các thông tin sai trái, các quan điểm thù địch, phản động.

- Tuy vậy, sự phát triển thông tin ở nước ta còn mất cân đối, trùng chéo về nội dung, phân bố không đều giữa các lĩnh vực; tính hai chiều trong thông tin chưa được phát huy đầy đủ. Thông tin chính trị - xã hội chưa thật sắc bén, kịp thời, phù hợp các đối tượng. Thông tin kinh tế, khoa học - công nghệ, thông tin về pháp luật cho nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn hạn chế. Xu hướng thương mại hóa, tình trạng xa rời tôn chỉ, mục đích, thông tin mang tính giật gân, câu khách, chạy theo thị hiếu tầm thường chưa được khắc phục. Vẫn còn có tình trạng thông tin thiếu chính xác, sai sự thật hoặc lộ bí mật quốc gia, không phù hợp với lợi ích đất nước, lợi ích của nhân dân, cá biệt có trường hợp

vi phạm pháp luật. Hiệu quả thông tin đối ngoại và việc đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch chưa cao, hiệu lực quản lý nhà nước về các lĩnh vực này còn thấp, cơ quan chủ quản chưa phát huy đúng mức vai trò và trách nhiệm quản lý chỉ đạo. Cơ chế, chính sách và pháp luật về hoạt động thông tin báo chí chưa đầy đủ và hoàn thiện; cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động thông tin chưa được đổi mới đồng bộ và đầu tư tương xứng với yêu cầu của sự phát triển. Đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên chưa được đào tạo có hệ thống.

Bộ Chính trị lưu ý thêm: việc nhận định, đánh giá chung cần phải được trình bày đầy đủ và bao quát hơn, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Thông báo kết luận số 162-TB/TW, ngày 1-12-2004 của Bộ Chính trị về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay và Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 18-3-2004 của Ban Bí thư về tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới.

2. Quan điểm, mục tiêu, giải pháp phát triển thông tin

Việc phát triển thông tin trong giai đoạn tới đặt trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thuận lợi, song cũng không ít khó khăn. Chiến lược cần phân tích đầy đủ và sâu sắc hơn để thấy được bối cảnh quốc tế và trong nước sẽ tạo ra thời cơ lớn, đồng thời cũng đặt ra những thách thức hết sức gay gắt cho việc phát triển thông tin ở nước ta.

2.1- Về các quan điểm chỉ đạo phát triển thông tin ở nước ta

Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với các quan điểm chỉ đạo về phát triển thông tin nêu trong Đề án; lưu ý cần quán triệt

đầy đủ các quan điểm của Đảng đã nêu trong Nghị quyết Đại hội IX, phải đặc biệt coi trọng chất lượng thông tin, quan tâm hài hoà cả nhiệm vụ “xây” và “chống” trong nội dung thông tin, coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục về lịch sử, truyền thống của Đảng và dân tộc, tuyên truyền điển hình, nhân tố mới, tích cực, chủ động trong đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch, các biểu hiện tiêu cực.

2.2- Về mục tiêu phát triển thông tin

Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với các mục tiêu phát triển thông tin đến năm 2010 nêu trong Đề án. Song trong quá trình thực hiện những mục tiêu này cần phải chủ động chuẩn bị cho những mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2015 và năm 2020 và lưu ý một số vấn đề sau:

- Mục tiêu phát triển thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong thời gian tới, phục vụ tích cực, có hiệu quả hơn nữa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ thông tin của nhân dân, phát triển đồng bộ và hiện đại các phương tiện thông tin đại chúng. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin.

- Mục tiêu phát triển thông tin tuyên truyền không chỉ thể hiện ở việc phát triển các loại hình, phương tiện thông tin mà cần được xây dựng cụ thể, toàn diện về mặt nội dung: thông tin phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân; trang bị cho cán bộ và nhân dân bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết, phẩm chất đạo đức để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh thông tin đối ngoại và thông tin cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; thông tin

trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; xây dựng, biểu dương người tốt, việc tốt và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tệ nạn xã hội; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, xuyên tạc, thù địch.

- Cần tổ chức nhân dân tham gia diễn đàn thông tin, đóng góp ý kiến xây dựng đất nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.3- Về các giải pháp phát triển thông tin

Cần quán triệt nội dung và tinh thần Thông báo kết luận số 162-TB/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư và các văn bản pháp luật của Nhà nước, tiến hành đồng bộ, toàn diện các giải pháp đã nêu trong Đề án. Bộ Chính trị nhấn mạnh và lưu ý một số nội dung sau đây:

- Coi trọng và đề cao trách nhiệm của các cơ quan chủ quản báo chí, các tổng biên tập và hội nhà báo các cấp; tăng cường công tác quản lý, điều hành đối với báo chí; xây dựng chế độ cung cấp thông tin cho báo chí, cơ chế người phát ngôn của các cơ quan nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, biểu dương kịp thời các việc làm hay, nhắc nhở kịp thời các trường hợp cần rút kinh nghiệm, xử lý đúng mức những sai phạm. Cần có phương thức quản lý thích hợp trong quá trình phát triển thông tin trên internet.

- Sắp xếp, quy hoạch lại hệ thống, mạng lưới thông tin tuyên truyền trong cả nước theo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phải coi trọng chất lượng, hiệu quả và tiếp cận được các công nghệ hiện đại nhất. Chú trọng một số lĩnh vực trọng điểm như phát thanh, truyền hình, thông tin tuyên truyền miệng; xác định rõ hơn vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của Thông tấn xã Việt Nam.

- Kiện toàn tổ chức, hoàn thiện phương thức và cơ chế phối hợp để nắm được tốt thông tin phản hồi của nhân dân đóng góp, phản ánh với Đảng và Nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động điều tra dư luận xã hội; tăng cường hệ thống thông tin đối ngoại, chủ động đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch.

- Đổi mới và tăng cường công tác cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin tuyên truyền, trước hết là đội ngũ giám đốc, tổng biên tập của các cơ quan báo chí, xuất bản. Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt các cơ quan báo chí.

- Thành lập Trường Đại học Báo chí - Truyền thông trên cơ sở sáp nhập Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), khoa Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và khoa Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, đào tạo đại học, trên đại học và nghiên cứu khoa học về báo chí và thông tin, tuyên truyền.

- Xây dựng chính sách và cơ chế tài chính thông tin báo chí phù hợp trong tình hình hiện nay. Cho phép thành lập mô hình “tập đoàn báo chí”, “tổ hợp xuất bản”, tuy nhiên tên gọi cần được cân nhắc cho thích hợp. Trong quá trình thực hiện cần làm thí điểm, thực hiện từng bước bảo đảm chất lượng và hiệu quả, không làm ô ạt, tràn lan.

Ngoài bảy giải pháp được nêu trong Đề án, cần có thêm giải pháp “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin tuyên truyền”, trong đó, đặc biệt chú trọng công tác

xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí, truyền thông, làm cho cấp ủy, tổ chức đảng của các cơ quan này thực sự nêu cao trách nhiệm chính trị và vai trò lãnh đạo trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị.

3. Tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo có tính chất định hướng của Bộ Chính trị trên đây, giao Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh Chiến lược trình Chính phủ phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 135-QĐ/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2005

Thay đổi thành viên Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

- Căn cứ Quyết định số 119-QĐ/TW, ngày 1-9-2004 của Bộ Chính trị khóa IX về việc thành lập Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

1. Cử đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Tài chính - Quản trị Trung ương, tham gia Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, thay đồng chí Đặng Hữu Hải nghỉ chế độ.

2. Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các đồng chí có tên tại Điểm 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 174-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2005

Về tình hình triển khai dự án
Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Tại phiên họp ngày 11-3-2005, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo tình hình triển khai dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, ý kiến các Bộ Công nghiệp, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Là một ngành kinh tế lớn, những năm qua ngành Dầu khí đã có bước phát triển mạnh, có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế đất nước, nhưng cũng là lĩnh vực có nhiều vấn đề cần rút kinh nghiệm sâu sắc, nghiêm túc. Nếu lãnh đạo, chỉ đạo tốt, ngành Dầu khí còn phát triển mạnh hơn, có đóng góp lớn hơn. Sắp tới, khi nghe báo cáo về chiến lược phát triển ngành Dầu khí, Bộ Chính trị sẽ cho ý kiến toàn diện về sự phát triển của ngành, xây dựng Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam trở thành tập đoàn kinh tế mạnh, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế.

2. Nhà máy lọc dầu Dung Quất là công trình lớn, có ý nghĩa nhiều mặt đối với đất nước, với sự phát triển kinh tế các tỉnh miền Trung, đã được Nhà nước ta cân nhắc kỹ, quyết định xây dựng (dự kiến bắt đầu xây dựng từ năm 1997 và hoàn thành vào năm 2001). Nhưng việc triển khai thực hiện dự án xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất quá chậm (chậm gần 2 nhiệm kỳ đại hội), gây lãng phí lớn về kinh tế, ảnh hưởng xấu đến lòng tin của nhân dân. Chính phủ, Tổng Công ty Dầu khí, các cơ quan có liên quan cần phải rút kinh nghiệm sâu sắc về trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện dự án, để chỉ đạo xây dựng các công trình lớn trong thời gian tới.

3. Bộ Chính trị khẳng định tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã được nêu trong các kết luận của Bộ Chính trị. Việc triển khai xây dựng Nhà máy phải tích cực, quyết liệt hơn, làm nhanh và hiệu quả. Xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất với công nghệ tiên tiến, sản phẩm phù hợp với yêu cầu thị trường, sớm đưa Nhà máy đi vào sản xuất.

- Theo phương thức tự đầu tư, việc bố trí cơ cấu vốn do Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Trong quá trình thực hiện, cần rút kinh nghiệm, chỉ đạo chặt chẽ việc đấu thầu, đàm phán, tư vấn, giám sát, thi công... để ngăn ngừa tiêu cực và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho dự án.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ vào Thông báo kết luận này, tổ chức chỉ đạo thực hiện và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
 PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 136-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2005

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng, gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban;
- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Thường trực;

- Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Nguyễn Đức Hạc, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Nguyễn Tấn Quyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Hồ Tiến Nghi, Ủy viên Trung ương Đảng, Trợ lý Tổng Bí thư, Ủy viên;
 - Đồng chí Trần Quốc Vượng, Phó chánh Văn phòng Thường trực, Văn phòng Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Trần Đại Hưng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên;
 - Đồng chí Tạ Minh Châu, Phó trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên;
2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chuẩn bị Đề cương và nội dung Báo cáo để trình Bộ Chính trị và giúp Bộ Chính trị chuẩn bị Báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương trước khi Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan liên quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của Ban Chỉ đạo.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 51-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005

Về tăng cường công tác đảng ở ngoài nước trong tình hình mới

Thực hiện Chỉ thị 04-CT/TW, ngày 20-12-1991 của Ban Bí thư, công tác đảng ở ngoài nước đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trước tình hình thế giới có biến động chính trị phức tạp, nhiều tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước tiếp tục được duy trì, phương thức hoạt động từng bước được đổi mới phù hợp với tình hình; công tác quản lý đảng viên được chấn chỉnh, dần đi vào nền nếp. Số đông đảng viên ra ngoài nước giữ vững quan điểm, lập trường, đạo đức, lối sống, hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Tuy nhiên, công tác đảng ở ngoài nước nói chung và công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị, tư tưởng, quản lý đảng viên bộc lộ nhiều hạn chế, chưa thích hợp với những điều kiện mới; nhận thức của một số cấp ủy, đảng viên về công tác đảng ở ngoài nước chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất.

Tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới đòi hỏi phải tăng cường và đổi mới công tác đảng ở ngoài nước, với

phương châm: nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với công tác đảng ở ngoài nước; phát huy hơn nữa tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp ủy; đề cao tinh thần tự giác, tự rèn luyện, tự xử lý đúng của đảng viên trước mọi tình huống; tăng cường và đổi mới công tác giáo dục và kiểm tra; biểu dương việc tốt, người tốt, xử lý kịp thời và đúng mức đối với đảng viên và tổ chức đảng vi phạm kỷ luật Đảng.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng làm tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Đổi mới và tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

- Nội dung và phương thức tiến hành công tác chính trị, tư tưởng phải phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở ngoài nước nhận thức đúng về đường lối, quan điểm của Đảng, tình hình đất nước và quốc tế; thấm nhuần sâu sắc và hành động theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh; nêu cao lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, đoàn kết, thể hiện bản chất và hình ảnh tốt đẹp của con người Việt Nam, bảo vệ uy tín và lợi ích của đất nước; vững vàng về chính trị, hoàn thành tốt nhiệm vụ; kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng thù địch với đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng.

- Có hình thức thích hợp kịp thời phổ biến, quán triệt trong các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tình hình thời sự trong nước nhằm trang bị cho

đảng viên những kiến thức cần thiết để tự rèn luyện; đồng thời giáo dục quần chúng, đấu tranh, ngăn chặn các luận điệu sai trái, thù địch.

- Tăng cường phương thức đối thoại, thảo luận; phát huy dân chủ trong sinh hoạt chính trị, tư tưởng, chú trọng sử dụng các phương tiện thông tin hiện đại (công nghệ thông tin, truyền hình, phát thanh, báo điện tử, v.v.) để cung cấp nhanh chóng và chuẩn xác thông tin cho đảng viên và quần chúng ta ở ngoài nước.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, nắm chắc diễn biến tư tưởng của đảng viên và quần chúng; chủ động giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh, chấn chỉnh các biểu hiện lệch lạc, sai trái và báo cáo với các cơ quan có trách nhiệm trong nước.

- Các cấp ủy cần chủ động lãnh đạo đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, nhất là các hoạt động truyền bá quan điểm sai trái, mua chuộc, lôi kéo, làm tha hoá về tư tưởng, đạo đức, lối sống hoặc vu cáo, bôi nhọ Đảng, Nhà nước ta và uy tín của cán bộ, đảng viên ta. Kiên trì thuyết phục những người bị lôi kéo; phân hoá, cô lập những kẻ cầm đầu cố tình chống phá lợi ích của dân tộc.

2. Tăng cường công tác xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng, quản lý đảng viên ở ngoài nước

- Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước phải thực hiện đúng Điều lệ Đảng và Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị; chủ động báo cáo với cấp ủy ở nước sở tại và cần được bố trí sinh hoạt chi bộ dưới hình thức phù hợp. Đảng viên không có điều kiện dự họp chi bộ thì định kỳ gửi báo cáo với cấp ủy trực tiếp quản lý.

- Đảng viên phải được cấp ủy giao nhiệm vụ cụ thể, tự giác phát huy vai trò nòng cốt trong quần chúng ở cơ sở; gương mẫu chấp hành các quy định, quy chế, kỷ luật làm việc, học tập, lao động; chống các biểu hiện tiêu cực, vi phạm pháp luật của nước ta và nước sở tại; giữ quan hệ hữu nghị với nhân dân sở tại và bạn bè quốc tế.

- Tăng cường sự quản lý trực tiếp của cấp ủy tại chỗ. Các chi bộ phải được tổ chức thuận tiện cho sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên. Những đảng viên ở xa nhau, nhưng trên cùng địa bàn thì lập chi bộ; lập đảng bộ cơ sở ở địa bàn chưa đủ 30 đảng viên, nhưng có chi bộ cơ quan đại diện. Thực hiện chế độ đảng ủy ở nước có cơ quan đại diện kiêm nhiệm quản lý đảng viên ở địa bàn không có cơ quan đại diện. Các đảng viên du học, lao động xuất khẩu được lập chi bộ trước khi đi nếu đủ điều kiện quy định.

- Các cấp ủy ngoài nước phải thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng, chấn chỉnh, củng cố từng loại hình tổ chức cơ sở đảng; có biện pháp duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Định kỳ tổ chức bồi dưỡng bí thư chi bộ và cấp ủy viên ở ngoài nước. Khen thưởng cấp ủy, đảng viên có nhiều đóng góp cho công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng ở ngoài nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo vệ chính trị nội bộ và thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên mới.

- Khi bố trí cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm công tác đảng ở ngoài nước phải bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, kiến thức, năng lực, ngoại ngữ và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. Ở một số địa bàn quan trọng và phức tạp, có đông quần chúng, dù chưa đủ số lượng đảng viên theo quy định, nếu cần vẫn bố trí cán bộ chuyên trách công tác đảng.

3. Đổi mới và tăng cường công tác vận động quần chúng ở ngoài nước

- Các cấp ủy và cơ quan liên quan ở ngoài nước phải thực hiện tốt Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26-3-2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; chú trọng hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, bảo vệ lợi ích chính đáng và kịp thời giải quyết các yêu cầu chính đáng của đồng bào; quan tâm xây dựng nòng cốt, phát hiện và bảo vệ nhân tài, người kinh doanh giỏi, khuyến khích đồng bào góp phần xây dựng đất nước; vận động bà con và bạn bè đẩy lùi các âm mưu, hành động chống phá đất nước, phá hoại sự hợp tác với nước ta.

Tăng cường xây dựng và củng cố tổ chức đoàn, hội thanh niên, sinh viên...; phân công đảng viên làm công tác vận động quần chúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo quần chúng của tổ chức đảng, thông qua quần chúng kiểm tra, xây dựng đội ngũ đảng viên.

- Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền; đa dạng hoá hình thức tập hợp quần chúng, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; xây dựng cộng đồng đoàn kết, hướng về quê hương và góp phần tăng cường hữu nghị giữa nước ta với nước sở tại.

4. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đại diện trong công tác xây dựng Đảng và quản lý đảng viên ở ngoài nước

- Những người đứng đầu cơ quan đại diện là người đại diện của Đảng và Nhà nước ta ở nước sở tại, có nhiệm vụ chăm lo xây dựng tổ chức đảng, quản lý đảng viên tại địa bàn, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, chịu sự kiểm tra của cấp ủy và chi bộ; thường xuyên cùng với cấp ủy kiểm tra, hướng dẫn cơ sở giải

quyết tại chỗ các vấn đề liên quan đến đảng viên và cộng đồng; tham gia đánh giá, nhận xét đảng viên trong thời gian ở ngoài nước, đáp ứng yêu cầu thẩm định, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Người đứng đầu cơ quan đại diện tạo điều kiện để cấp ủy tiếp cận thông tin lãnh đạo, phát huy vai trò của cấp ủy trong việc lãnh đạo, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng cơ quan đại diện trong sạch, vững mạnh.

Nếu để xảy ra mất đoàn kết, tiêu cực, vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên ở địa bàn phụ trách thì người đứng đầu cơ quan đại diện phải chịu trách nhiệm cùng với cấp ủy.

5. Tăng cường trách nhiệm và đổi mới phương thức lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng Ngoài nước

- Ban Cán sự Đảng Ngoài nước phải thực hiện tốt chức năng tham mưu và chức năng cấp ủy theo đúng Quyết định số 78-QĐ/TW, ngày 4-7-2003 của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và kịp thời báo cáo, kiến nghị với Ban Bí thư các chủ trương và giải pháp tăng cường công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước. Chủ động phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức bồi dưỡng về công tác đảng và công tác quần chúng cho những người đứng đầu cơ quan đại diện, các đảng viên dự kiến tham gia cấp ủy ở ngoài nước và các tập thể đảng viên đi học, lao động, công tác dài hạn ở nước ngoài. Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo các cấp ủy ngoài nước nghiêm chỉnh thực hiện việc quản lý, đánh giá đảng viên gắn với nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ, đáp ứng yêu cầu thẩm định, nhận xét cán bộ của Trung ương.

- Các Ủy viên Ban Cán sự Đảng Ngoài nước phải làm tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo đại diện ngành mình

ở ngoài nước góp phần thực hiện tốt công tác đảng và công tác vận động quần chúng.

6. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương

- Các tổ chức đảng của các ngành, các địa phương khi có đảng viên và quần chúng ra ngoài nước phải chủ động giáo dục, phổ biến cho đảng viên các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý, bảo vệ cán bộ, đảng viên, về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài theo Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị; thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện lên cấp ủy cấp trên và thông báo cho Ban Cán sự Đảng Ngoài nước.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ngoài nước cụ thể hoá quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm vụ đảng viên phù hợp với đảng viên ở ngoài nước. Sớm xây dựng các quy định về chức năng, nhiệm vụ các loại hình tổ chức đảng ở ngoài cơ quan đại diện.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ngoài nước xây dựng nội dung, chế độ bồi dưỡng về tư tưởng, chính trị cho đảng viên trước khi đi và khi ở nước ngoài.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo cấp ủy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc ngành, địa phương có nhiệm vụ tổ chức cho người ra nước ngoài, cần quan tâm bố trí đảng viên phụ trách hoặc làm nòng cốt các đoàn, đội, nhóm lưu học sinh, lao động, chuyên gia; phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ngoài

nước mở lớp bồi dưỡng, thành lập tổ chức đảng, tổ chức quần chúng phù hợp trước khi đi; duy trì liên lạc, theo dõi, quản lý, đánh giá đảng viên trong thời gian ở ngoài nước bằng nhiều kênh, kể cả thông qua thân nhân của các đồng chí đó.

- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng Ban Cán sự Đảng Ngoài nước tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đoàn và tổ chức thanh niên ở nước ngoài.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải quản lý tốt số đảng viên thuộc ngành, địa phương mình ra nước ngoài ngắn hạn và thông báo cho Ban Cán sự Đảng Ngoài nước biết để phối hợp.

7. Tổ chức thực hiện

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị đến cơ sở đảng.

Ban Cán sự Đảng Ngoài nước chỉ đạo các cấp ủy ngoài nước xây dựng chương trình, kế hoạch quán triệt, tổ chức thực hiện Chỉ thị; phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, các ban đảng liên quan ở Trung ương định kỳ kiểm tra các cấp ủy ở trong và ngoài nước thực hiện Chỉ thị và báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 07-TT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005

Chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác đổi thể đảng viên

Chấp hành Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 17-10-2003 của Ban Bí thư “Về việc đổi thể đảng viên”, các cấp ủy đảng đã nghiêm túc tổ chức thực hiện và đạt được kết quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa đồng đều, một số cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cơ sở và chi bộ nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, tiêu chuẩn đổi thể đảng viên; làm chưa tốt công tác tự phê bình, phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; chưa chú trọng phát huy ý nghĩa của công tác đổi thể đảng viên. Có hiện tượng một số đảng viên chưa đủ tiêu chuẩn vẫn được đổi thể đảng viên, nhưng một số đảng viên đủ tiêu chuẩn lại chưa được đổi thể đảng viên.

Để phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục nhược điểm và giải quyết các vướng mắc hiện nay, nhằm hoàn thành tốt công tác đổi thẻ đảng viên thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW “Về việc đổi thẻ đảng viên” gắn với thực hiện các Chỉ thị của Ban Bí thư số 23-CT/TW “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới” và số 44-CT/TW “Về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người”, để tổ chức tốt việc nghiên cứu học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên; thực hiện đúng ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, tiêu chuẩn đổi thẻ đảng viên; làm tốt công tác kết nạp đảng viên, lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên năm 2004, chỉ đạo chặt chẽ việc đổi thẻ đảng viên đợt 19-5-2005. Đồng thời, tập trung củng cố tổ chức đảng yếu kém; kiên quyết đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng; xoá tên trong danh sách đảng viên đối với đảng viên vi phạm tư cách đã được cấp ủy hai lần gia hạn để sửa chữa khuyết điểm, nhưng không sửa chữa tiến bộ; vận động xin ra khỏi Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng đối với đảng viên có mặt còn hạn chế đã được cấp ủy ba lần gia hạn, nhưng không khắc phục được hạn chế.

3. Xét đổi, phát thẻ đảng viên và xử lý đảng viên chưa được đổi, phát thẻ đảng viên còn lại sau đợt 3-2-2005, cụ thể như sau:

3.1- Xét đổi và phát thẻ đảng viên đợt 19-5-2005 cho

đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ trở lên (kể cả đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong các chi bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở chưa khắc phục được yếu kém).

3.2- Đối với đảng viên chưa đủ tiêu chuẩn đổi, phát thẻ đảng viên đợt 19-5-2005, được xử lý như sau:

- Cấp ủy gia hạn đến ngày 31-8-2005 cho đảng viên vi phạm tư cách sửa chữa khuyết điểm. Đến ngày 31-8-2005, nếu sửa chữa được khuyết điểm thì xét đổi, phát thẻ trong đợt 2-9-2005; nếu không sửa chữa được khuyết điểm thì cấp ủy làm thủ tục xoá tên trong danh sách đảng viên theo quy định tại Điều 8, Điều lệ Đảng.

- Cấp ủy gia hạn đến ngày 31-8-2005 cho đảng viên đủ tư cách, có mặt còn hạn chế để khắc phục hạn chế. Đến ngày 31-8-2005, nếu khắc phục được hạn chế, thì cấp ủy xét đổi, phát thẻ cho đảng viên vào đợt 2-9-2005; nếu chưa khắc phục được hạn chế, cấp ủy gia hạn thêm đến ngày 31-10-2005. Sau ngày 31-10-2005, đảng viên khắc phục được hạn chế thì xét đổi, phát thẻ vào dịp 7-11-2005; trường hợp đảng viên không khắc phục được hạn chế thì vận động đảng viên làm đơn xin ra khỏi Đảng; nếu không tự làm đơn xin ra thì cấp ủy làm thủ tục xoá tên trong danh sách đảng viên theo quy định tại Điều 8, Điều lệ Đảng đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Đối với các chi bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở chưa đánh giá chất lượng năm 2003 - 2004 vì đang chờ cấp có thẩm quyền ra quyết định giải thể đơn vị, phải tiến hành ngay việc đánh giá chất lượng đảng viên để xét đổi và phát thẻ cho đảng viên có đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ trở lên vào đợt 19-5-2005. Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền giải thể đơn vị,

giải thể tổ chức đảng thì cấp ủy cấp trên làm thủ tục giới thiệu đảng viên đến sinh hoạt đảng ở chi bộ, đảng bộ mới.

5. Việc xét đổi và phát thẻ đảng viên đối với đảng viên đi công tác, học tập, lao động,... ở nước ngoài:

- Từ nay đến 19-5-2005, các tổ chức đảng ở ngoài nước phải xét đề nghị đổi và phát thẻ cho số đảng viên đủ tiêu chuẩn ở các cơ quan đại diện, lưu học sinh, chuyên gia và phần lớn số đảng viên tự lập nghiệp, lao động xuất khẩu... ở nước ngoài.

- Đối với đảng viên đi lao động xuất khẩu, tự lập nghiệp và sinh hoạt lẻ ở nước ngoài, làm việc phân tán ở những địa bàn khó khăn thì Ban Cán sự Đảng Ngoài nước xét đổi và phát thẻ cho đảng viên đủ tiêu chuẩn khi đảng viên đã hoàn thành nhiệm vụ trở về nước.

- Đối với những đảng viên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời trong thời gian đi công tác, tham quan, nghỉ mát và thăm người thân ở nước ngoài thì khi đảng viên trở về nước, tổ chức đảng ở trong nước xét đổi và phát thẻ cho đảng viên.

6. Việc xét đổi và phát thẻ đảng viên đối với đảng viên làm việc lưu động, đảng viên làm việc ở những nơi không có tổ chức đảng, đảng viên đi thăm người thân ở trong nước, chưa về dự đánh giá chất lượng đảng viên, thì tổ chức đảng yêu cầu đảng viên về thực hiện đánh giá chất lượng đảng viên để có cơ sở xét đổi và phát thẻ đảng viên. Nếu đến ngày 31-8-2005, đảng viên đó vẫn không chấp hành và không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng làm thủ tục xóa tên đảng viên đó trong danh sách đảng viên theo quy định tại Điều 8, Điều lệ Đảng.

7. củng cố và xử lý chi bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở yếu kém:

7.1- Từ nay đến ngày 19-5-2005, cấp ủy cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các chi bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở còn yếu kém khắc phục yếu kém.

7.2- Đến ngày 19-5-2005, các chi bộ, chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở yếu kém vẫn chưa khắc phục được yếu kém, thì cấp ủy cấp trên gia hạn thêm đến ngày 31-8-2005 cho các tổ chức đảng nói trên tiếp tục khắc phục yếu kém. Đến ngày 31-8-2005, các tổ chức đảng này vẫn chưa khắc phục được yếu kém thì cấp ủy cấp trên xét kỷ luật tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

8. Sau khi hoàn thành đổi thẻ đảng viên đợt 19-5-2005, các cấp ủy đảng tiến hành tổng kết công tác đổi thẻ đảng viên, khen thưởng tổ chức đảng và cá nhân có thành tích thực hiện tốt công tác này. Đến ngày 31-12-2005, giải quyết dứt điểm các tồn tại sau đổi thẻ đảng viên. Từ ngày 1-1-2006 trở đi thực hiện việc phát thẻ đảng viên thường xuyên theo quy định tại điểm 8, Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị về “Cụ thể thi hành Điều lệ Đảng”.

9. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo, kiểm tra chặt chẽ các cấp ủy trực thuộc thực hiện việc đổi thẻ đảng viên theo đúng các quy định của Ban Bí thư; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) trong tháng 1-2006.

10. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng ở Trung ương đã nêu trong Chỉ thị số 29-CT/TW, giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ở tất cả các cấp ủy đảng và chuẩn bị tổng kết công tác đổi thẻ đảng viên.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 137-QĐ/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005

Thành lập Tổ Biên tập Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng

- Căn cứ Quyết định số 136-QĐ/TW, ngày 12-4-2005 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng;

- Căn cứ đề nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Thành lập Tổ Biên tập Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng, gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương, Tổ trưởng;

- Đồng chí Hồ Mậu Ngoạt, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên;

- Đồng chí Lê Đức Thắng, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Trung ương, Ủy viên;

- Đồng chí Bùi Văn Thạch, Vụ trưởng Vụ Thư ký, Văn phòng Trung ương, Ủy viên;

- Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương, Ủy viên;

- Đồng chí Lê Quang Vinh, Vụ trưởng Vụ Văn thư, Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

2. Tổ Biên tập Báo cáo kiểm điểm có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo chuẩn bị Đề cương Báo cáo, biên tập dự thảo Báo cáo; tổ chức các cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo và thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được phân công.

TM BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 176-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”

Ngày 22-2-2005, Ban Bí thư đã nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo sơ kết gần ba năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”. Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về cơ bản, Ban Bí thư nhất trí với báo cáo sơ kết của Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo kèm theo).

Căn cứ vào Báo cáo này, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc tổ chức sơ kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX ở địa phương mình gắn với việc chuẩn bị đại hội cấp cơ sở; làm từ cấp cơ sở lên. Lưu ý làm rõ những việc đã làm được, những việc chưa làm được; từ đó đề ra biện pháp cụ thể, thiết thực tiếp tục thực hiện Nghị quyết. Việc sơ kết cần tiến hành xong trước đại hội đảng cấp cơ sở.

Đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết (không thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ở các cấp).

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban đảng có liên quan nghiên cứu, đề xuất về chế độ, chính sách đối với bí thư chi bộ và trưởng thôn, bản cho phù hợp, nhất là đối với vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chính phủ quy định về mức khung phụ cấp chung đối với cán bộ không chuyên trách ở cơ sở để các địa phương vận dụng thực hiện; cần chú ý đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho việc triển khai chủ trương tăng cường cho cơ sở về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm), xây dựng trụ sở làm việc, nhà văn hóa, phủ sóng phát thanh, truyền hình, xây dựng các trung tâm kinh tế theo cụm xã để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

Chính phủ đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư các giải pháp cụ thể đối với các xã trọng điểm vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới về: bổ sung thêm biên chế, tăng cường cán bộ ở cấp trên về trực tiếp công tác ở cơ sở; chính sách sử dụng những cán bộ là người dân tộc thiểu số đã nghỉ hưu, nhưng có sức khỏe, kinh nghiệm để tham gia công tác vận động quần chúng; tiếp nhận những sinh viên, học sinh đã tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp về xã công tác, tạo nguồn cán bộ lâu dài.

3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan chức năng ở Trung ương và các tỉnh, thành ủy sơ kết, rút kinh nghiệm về chức danh bí thư đảng ủy kiêm chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX); việc thành lập đảng bộ bộ phận và các chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn... để trình Ban Bí thư.

4. Đảng ủy Quân sự Trung ương phối hợp với các ban, ngành Trung ương có liên quan và các cấp ủy địa phương sơ kết rút kinh nghiệm việc thực hiện chủ trương tuyển chọn những thanh niên người dân tộc thiểu số đi nghĩa vụ quân sự để đào tạo về học vấn, lý luận chính trị, nghiệp vụ, chuyên môn, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương có thể tham gia công tác ở xã hoặc các thôn, bản.

5. Đồng ý về nguyên tắc bổ sung chức danh văn phòng đảng ủy xã, phường, thị trấn là cán bộ chuyên trách; cần nghiên cứu chức danh này có thể kiêm nhiệm văn phòng hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 138-QĐ/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2005

**Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện
Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX)
về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng,
lý luận trong tình hình mới (phần công tác lý luận)**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;

- Theo đề nghị của Hội đồng Lý luận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), phần công tác lý luận, gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

3. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

4. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

5. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

6. Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương.

7. Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

8. Đồng chí Đặng Xuân Kỳ, Phó chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương.

9. Đồng chí Hồng Hà, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương.

Điều 2. Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 177-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về dự án Bộ luật hàng hải Việt Nam (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 22-4-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 243/ĐĐQH11, ngày 14-4-2005) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Bộ luật hàng hải Việt Nam (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về quyền vận tải nội địa, cần xác định rõ quyền ưu tiên vận tải nội địa để bảo hộ đối với các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam khi vận chuyển hàng hóa, hành khách và hành lý giữa các cảng biển Việt Nam.

2. Về vấn đề sở hữu trong điều kiện đăng ký tàu biển Việt Nam, không nên quy định quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đối với tàu biển là một điều kiện để đăng ký tàu biển nhằm khuyến khích tàu biển nước ngoài đăng ký tại Việt Nam, nhưng khi đăng ký tàu biển thì chủ tàu phải có trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

3. Về vấn đề tạm giữ, bắt giữ tàu biển, cần quy định việc bắt giữ tàu biển theo yêu cầu của các bên phải được thực hiện thông qua tòa án; giám đốc cảng vụ chỉ thực hiện việc

tạm giữ tàu theo thủ tục hành chính đối với một số trường hợp quy định tại Điều 70 của Dự thảo Bộ luật.

4. Về *cảng biển*, cần nhắc kỹ nội dung quy định về phân loại cảng biển và về đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng biển, lưu ý giải trình rõ vấn đề này để Quốc hội thảo luận, quyết định.

5. Về *tổ chức hoa tiêu hàng hải*, không nên đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ hoa tiêu hàng hải. Căn cứ vào điều kiện thực tế, Chính phủ sẽ quy định cụ thể tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải ở Việt Nam.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 178-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về dự án Luật quốc phòng

Tại phiên họp ngày 22-4-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 244/ĐĐQH11, ngày 14-4-2005) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Luật quốc phòng, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về *xây dựng khu vực phòng thủ*, nên quy định có tính nguyên tắc về trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải xây dựng khu vực phòng thủ. Chính phủ quy định nội dung cụ thể của việc xây dựng khu vực phòng thủ.

2. Về *kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng*, tán thành nên quy định nguyên tắc: Quân đội được tham gia làm kinh tế, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng. Bộ Quốc phòng tổ chức, xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng và tổ chức, quản lý hoạt động của các doanh nghiệp phục vụ quốc phòng, các đơn vị quân đội làm kinh tế kết hợp với quốc phòng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội.

3. Về tổ chức *Quân đội nhân dân*, Luật nên quy định những vấn đề có tính nguyên tắc, việc tổ chức cụ thể sẽ quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

4. Về thẩm quyền áp dụng một số biện pháp đặc biệt về quốc phòng, Luật cần quy định biện pháp thiết quân luật, biện pháp giới nghiêm và thẩm quyền áp dụng các biện pháp này làm cơ sở pháp lý để kịp thời xử lý khi có các tình huống xảy ra.

Cần cân nhắc có thể giao Thủ tướng Chính phủ ra lệnh giới nghiêm tại một hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quốc phòng và an ninh, nên quy định rõ trong Luật để cụ thể hóa quy định của Điều 104, Hiến pháp 1992.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 179-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về dự án Luật giáo dục (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 22-4-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 244/ĐĐQH11, ngày 14-4-2005) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề trong dự án Luật giáo dục (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về các loại hình trường trong hệ thống giáo dục, nên quy định rõ các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm trường công lập, trường dân lập và trường tư thục. Các loại hình trường này được đối xử bình đẳng và chịu sự quản lý thống nhất của Nhà nước về chương trình giảng dạy, quy chế thi cử và cấp bằng.

2. Về chương trình giáo dục, đồng ý với các quy định về chương trình giáo dục như trong dự thảo Luật; cần xác định rõ chương trình giáo dục và quy định cụ thể về chương trình ở mỗi cấp học, mỗi loại trình độ đào tạo nhằm bảo đảm cơ chế quản lý giáo dục bằng chương trình, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

3. Về vấn đề đào tạo và cấp bằng tiến sĩ, nên quy định rõ chỉ có viện nghiên cứu khoa học và trường đại học có đủ điều kiện mới được đào tạo tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ; các điều kiện cần được quy định ngay trong Luật này. Việc cấp bằng tiến sĩ, do nơi đào tạo tiến sĩ thực hiện.

4. Về một số vấn đề cụ thể khác (tên gọi các cấp học phổ thông, kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và sách giáo khoa phổ thông), cần trình các phương án để Quốc hội thảo luận, quyết định theo hướng bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 180-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về dự án Luật đường sắt Việt Nam

Tại phiên họp ngày 22-4-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 243/ĐĐQH11, ngày 14-4-2005) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Luật đường sắt Việt Nam, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về mối quan hệ giữa quản lý, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và kinh doanh vận tải đường sắt, Luật cần phân định rõ giữa quản lý, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt với kinh doanh vận tải đường sắt để vừa bảo đảm tính độc lập trong quản lý, sự minh bạch, rõ ràng trong hạch toán kinh doanh, vừa phối hợp được chặt chẽ, nhịp nhàng giữa hai lĩnh vực này, nâng cao chất lượng, trật tự, an toàn, hiệu quả của vận tải đường sắt. Giao Chính phủ quy định cụ thể việc quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện.

2. Về chính sách phát triển đường sắt, Luật cần quy định rõ Nhà nước tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị theo hướng hiện đại;

bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, không phân biệt đối xử, bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển đường sắt; khuyến khích việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và đào tạo nguồn nhân lực để phát triển đường sắt hiện đại.

3. Về vấn đề bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt, cần quy định rõ việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt là trách nhiệm của mọi tổ chức và cá nhân, nhất là các đơn vị tham gia hoạt động đường sắt, các địa phương có đường sắt đi qua nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, bảo đảm trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 181-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự

Tại phiên họp ngày 22-4-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 244/ĐĐQH11, ngày 14-4-2005) và ý kiến của các cơ quan liên quan về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh của Luật, không nên quy định việc tuyển chọn nghĩa vụ công an vào phạm vi điều chỉnh của Luật nghĩa vụ quân sự.

2. Về độ tuổi gọi nhập ngũ và thời hạn phục vụ tại ngũ, tán thành giảm độ tuổi gọi nhập ngũ và rút ngắn thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ như quy định của dự thảo Luật.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 182-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 22-4-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 242/ĐĐQH11, ngày 14-4-2005) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. *Bộ luật dân sự có phạm vi điều chỉnh rộng*, liên quan trực tiếp đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, được đông đảo cử tri quan tâm góp ý kiến, Đảng đoàn Quốc hội cần chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu, nghiêm túc tiếp thu và báo cáo giải trình đầy đủ trước Quốc hội.

2. Về phạm vi điều chỉnh:

- Cơ bản giữ nội dung quy định về chuyển quyền sử dụng đất của Bộ luật dân sự hiện hành; việc sửa đổi, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định những vấn đề gắn với quyền dân sự; những nội dung liên quan đến thủ tục hành chính do pháp luật về đất đai điều chỉnh.

- Về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, nên sửa đổi theo hướng giữ lại một số vấn đề chung có tính

nguyên tắc; còn những vấn đề cụ thể, cần tiếp tục nghiên cứu để quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành.

- Về vấn đề nhà ở, việc sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định những vấn đề chung về một số giao dịch liên quan đến nhà ở, như hình thức của giao dịch, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch...; còn các vấn đề cụ thể khác về nhà ở nên quy định trong các văn bản pháp luật về nhà ở.

3. *Đối với các vấn đề khác nêu trong tờ trình* (về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, về quyền nhân thân, về các hình thức sở hữu, về vấn đề hội, họ, vấn đề bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm), cần báo cáo rõ các ý kiến khác nhau để Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 183-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

Về kết quả kiểm tra việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tại phiên họp ngày 5-4-2005, sau khi nghe Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư báo cáo kết quả kiểm tra việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Báo cáo số 329-BC/BCĐ, ngày 4-3-2005), Ban Bí thư cơ bản đồng ý với Báo cáo của Ban Chỉ đạo kiểm tra (kèm theo) và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. *Chương trình kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức thực hiện nghiêm túc và đã đạt được một số kết quả.*

Qua kiểm tra cho thấy, nhiều địa phương, đơn vị, bộ, ngành ở Trung ương đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng cơ bản, sử dụng ngân sách và tài sản công; kiên quyết hơn trong việc xem xét, xử lý các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, góp phần chống thất thoát vốn, chống tham nhũng và các vi phạm pháp luật. Nhiều ngành, địa phương

đã có biện pháp chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, ngân sách, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; phát huy dân chủ, công khai tài chính trong cơ quan, đơn vị. Một số nơi đã thực hiện việc khoán biên chế cùng với khoán kinh phí hành chính, bước đầu đạt hiệu quả, hạn chế việc chi tiêu, mua sắm tùy tiện. Việc xây dựng nếp sống văn hóa, thực hiện tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã được quan tâm hơn.

2. *Tuy nhiên, tình trạng lãng phí tiền của, thời gian và thất thoát tài sản công chưa được ngăn chặn mà ngày càng xảy ra rất nghiêm trọng, làm mất lòng tin trong nhân dân.*

- Mặc dù các cuộc kiểm tra được tiến hành liên tục, nhưng nhiều địa phương, đơn vị vẫn vi phạm trong quản lý tài chính, cấp phát và sử dụng ngân sách, thu thuế, quản lý xây dựng cơ bản, mua sắm và sử dụng xe ô tô, trang bị, sử dụng điện thoại.

- Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội ở nhiều ngành, địa phương và trong cán bộ, đảng viên chuyển biến rất chậm. Đáng chú ý, thời gian gần đây, hoạt động lễ hội đang có chiều hướng phát triển cả về quy mô và hình thức, một bộ phận cán bộ, công chức dùng xe công đi cúng lễ, xem hội; tổ chức lễ cưới quá lớn tại những khách sạn sang trọng ngay trong ngày làm việc, gây lãng phí cả về vật chất và thời gian. Việc họp hành quá nhiều gây tốn kém, lãng phí chưa giảm; tình trạng sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng diễn ra còn nhiều mà không được kiểm tra, chấn chỉnh, làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

- Nhiều cơ quan Trung ương, địa phương cử các đoàn đi nghiên cứu, học tập, tham quan ở nước ngoài ít hiệu quả. Nhiều đoàn đi với mục đích không rõ ràng, nội dung không

thiết thực hoặc trùng giẫm với các đoàn đi trước, gây lãng phí về tiền của và thời gian, ảnh hưởng xấu đến công việc.

Nguyên nhân của tình hình trên là do:

- Việc tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa thực hiện thường xuyên và toàn diện. Bản thân cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở các cấp chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ về chủ trương thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, nên thiếu quyết tâm trong tổ chức thực hiện.

- Cấp ủy, chính quyền ở nhiều nơi còn buông lỏng lãnh đạo, quản lý; công tác kiểm tra của nhiều cấp ủy còn hình thức, đối phó, nên kết quả còn hạn chế, nhất là cấp ủy cơ sở. Mặt khác, quy định của Đảng và Nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí chưa cụ thể, đồng bộ, nhất là không rõ chế tài áp dụng đối với trường hợp sử dụng vượt định mức tiêu chuẩn tài chính, tài sản công, tổ chức cưới hỏi mang tính vụ lợi.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn thiếu gương mẫu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; còn nể nang, né tránh, chưa nghiêm túc tự phê bình và phê bình trước tình trạng tiêu cực, lãng phí tiền của, thời gian xảy ra ở cơ quan, đơn vị.

3. Để phát huy kết quả kiểm tra, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tạo ra sự chuyển biến thực sự rõ nét trong năm 2005 - năm tiến hành đại hội đảng các cấp và tổ chức nhiều ngày lễ lớn, Ban Bí thư yêu cầu các đồng chí bí thư cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị ở các cấp phải đích thân chỉ đạo thực hiện các công việc sau đây:

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt rộng rãi chủ trương

thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân. Đồng thời tăng cường kiểm tra, xác định việc kiểm tra thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí là việc làm thường xuyên của các cấp, các ngành. Đối với những ngành, địa phương chưa tiến hành kiểm tra hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu theo Kế hoạch số 240-KH/BCĐ thì tiếp tục thực hiện và hoàn thành trong quý II-2005. Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư cần chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện chương trình, nội dung và kế hoạch kiểm tra để cuộc kiểm tra đạt kết quả tốt.

- Việc tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, các ngày lễ lớn, các lễ hội phải nghiêm túc thực hành tiết kiệm, bảo đảm trang trọng, hiệu quả, thiết thực, hết sức tránh xa hoa, phô trương hình thức. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, sử dụng thời gian làm việc..., coi đây là tiêu chuẩn rèn luyện của cán bộ, công chức, đảng viên.

- Có biện pháp quản lý chặt chẽ việc sử dụng xe công, điện thoại, tài sản công, thời gian làm việc theo đúng quy định. Những người lợi dụng sử dụng tài sản công, thời gian làm việc vào việc riêng không đúng quy định phải được xử lý nghiêm túc.

- Tăng cường quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng các quy định của Nhà nước; quản lý chặt chẽ việc cử đoàn đi nước ngoài theo đúng Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Bộ Chính trị và ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư nêu trong Công văn số 233-CV/TW, ngày 10-9-2004.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiếp tục rà soát lại hệ thống cơ chế,

chính sách, chế độ về tiết kiệm và chống lãng phí để bổ sung, sửa đổi phù hợp với yêu cầu. Chú ý xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra lãng phí, có chế tài xử lý nghiêm minh.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo tiến hành tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và trình Quốc hội sớm ban hành luật về vấn đề này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 139-QĐ/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005

**Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện
Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương,
Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX, gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban.
- Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó trưởng ban.

- 01 đồng chí lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương, thành viên.
- 01 đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, thành viên.
- 01 đồng chí lãnh đạo Văn phòng Trung ương, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo tổng kết việc thực hiện Quy chế để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương vào cuối nhiệm kỳ khóa IX.

Điều 3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 140-QĐ/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2005

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần có vốn nhà nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Luật doanh nghiệp nhà nước;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các công ty cổ phần có vốn nhà nước (gọi tắt là công ty) như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần có vốn nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng và tuyên truyền, vận động các thành viên

trong công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và người lao động; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Đối với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng

1. Căn cứ vào điều lệ và các quy chế, quy định của công ty để tham gia với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của công ty theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo toàn và phát triển vốn của công ty, của Nhà nước; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, người lao động. Lãnh đạo, vận động các thành viên trong công ty thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội và giữ gìn trật tự an toàn trong công ty.

2. Phối hợp với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), ban kiểm soát lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế của công ty; thực hiện chế độ thông tin và bảo đảm quyền được thông tin của đảng viên; phát huy vai trò làm chủ của người lao động, đoàn kết đảng viên, quần chúng vì mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh

của công ty; ngăn ngừa, đấu tranh khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp luật trong công ty làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của các cổ đông và người lao động.

3. Lãnh đạo đảng viên, người lao động tích cực học tập, không ngừng nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, người lao động trong công ty hiểu và tự giác chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; phát huy truyền thống yêu nước và ý thức trách nhiệm của công dân; nâng cao giác ngộ giai cấp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của người lao động; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trong công ty.

2. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động trong công ty rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong lao động. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong công ty để phối hợp với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) giải quyết.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1. Lãnh đạo xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công ty vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi đoàn thể; tạo điều kiện để người lao động tham gia các đoàn thể quần chúng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn phối hợp với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật; thực hiện tốt các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Điều 5. Công tác tổ chức, cán bộ

1. Căn cứ vào điều lệ và các quy chế, quy định của công ty, cấp ủy tham gia ý kiến với hội đồng quản trị về chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ trong công ty.

2. Cấp ủy chủ động giới thiệu những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, đủ tiêu chuẩn để có thể tham gia bộ máy quản lý của công ty.

3. Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Cấp ủy đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của công ty.

2. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện có nền nếp chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ. Giữ gìn sự

đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trái với đạo đức, tư cách của người đảng viên, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng.

3. Cấp ủy phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên; xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Thường xuyên chăm lo công tác tuyên truyền, phát triển đảng viên. Chú trọng phát triển đảng viên trẻ trong công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của công ty, trong cán bộ, đoàn viên công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

5. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

6. Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm. Bí thư cấp ủy phải là người tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, có phẩm chất, năng lực để có thể giới thiệu tham gia hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban giám đốc.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc)

1. Đảng bộ, chi bộ có trách nhiệm tạo điều kiện để hội đồng

quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy chủ động trao đổi với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) ý kiến của cán bộ, đảng viên, người lao động về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong công ty; hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) trao đổi với cấp ủy về những chủ trương, nhiệm vụ của công ty để cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện. Đảng viên là thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc báo cáo với cấp ủy những nội dung trên để cấp ủy lãnh đạo thực hiện.

3. Cấp ủy tôn trọng các quyết định của hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; khi thấy quyết định nào chưa đúng thì trao đổi với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), nếu không thống nhất thì báo cáo lên cấp ủy và cơ quan quản lý cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Bí thư cấp ủy phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng (nếu là đảng viên) khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác trong công ty.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Hàng quý hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

Đảng bộ, chi bộ trong công ty chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi công ty đóng và nơi có đảng viên của công ty cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc thực hiện Quy định này đối với loại hình công ty nhà nước giữ cổ phần chi phối và không chi phối.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện Quy định này.

3. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần có vốn nhà nước xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 141-QĐ/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2005

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, người lao động Việt Nam và tuyên truyền, vận động người nước ngoài nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước

Việt Nam, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của chủ doanh nghiệp và của người lao động trong doanh nghiệp.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội

1. Lãnh đạo đảng viên, người lao động Việt Nam và tuyên truyền, vận động người nước ngoài thực hiện pháp luật của Nhà nước Việt Nam, các quy định trong giấy phép đầu tư, điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng và thoả ước lao động đã ký kết; đoàn kết, động viên đảng viên và các thành viên trong doanh nghiệp phấn đấu thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam, của chủ doanh nghiệp, quyền lợi và nhân phẩm của người lao động.

2. Lãnh đạo đảng viên, người lao động Việt Nam giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong doanh nghiệp và tham gia các công tác xã hội ở địa phương.

3. Lãnh đạo đảng viên, người lao động Việt Nam tích cực học tập nâng cao nhận thức chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, ngoại ngữ.

4. Đề xuất, kiến nghị lên cấp có thẩm quyền những vấn đề cần thiết liên quan đến doanh nghiệp.

Điều 3. Công tác tư tưởng

1. Tuyên truyền, giáo dục đảng viên, người lao động Việt Nam hiểu rõ và tự giác chấp hành đúng đường lối, chủ trương

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của doanh nghiệp; phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tôn trọng phong tục, tập quán của người nước ngoài, xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác, tương trợ giữa những người lao động, người Việt Nam với người nước ngoài.

2. Tuyên truyền, vận động, thuyết phục và bằng hoạt động có hiệu quả của tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng trong doanh nghiệp làm cho người nước ngoài hiểu rõ pháp luật, chính sách đối ngoại, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Việt Nam; hiểu rõ mục tiêu hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng là xây dựng và phát triển doanh nghiệp; để người nước ngoài tôn trọng và tạo thuận lợi cho các hoạt động của tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng trong doanh nghiệp.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1. Lãnh đạo xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể quần chúng khác trong doanh nghiệp vững mạnh, hoạt động đúng pháp luật của Nhà nước, điều lệ doanh nghiệp và điều lệ của mỗi đoàn thể.

2. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng xây dựng và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, các thoả ước lao động, động viên đoàn viên, hội viên thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động.

3. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn định kỳ hoặc đột xuất trao đổi với giám đốc, tạo sự đồng thuận khi ký kết hợp đồng, thoả ước lao động hoặc giải quyết các vấn đề phát sinh

giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với luật pháp của Nhà nước Việt Nam.

Điều 5. Công tác cán bộ

1. Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm.

2. Đề xuất với cấp ủy cấp trên xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

3. Chủ động kiến nghị, giới thiệu với giám đốc về việc bồi dưỡng nâng cao trình độ, sử dụng cán bộ quản lý, lao động kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ trong doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Cấp ủy đề ra và lãnh đạo thực hiện chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên.

2. Giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trong lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú; tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nền nếp tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ; giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ, chống những biểu hiện tiêu cực trái với đạo đức, tư cách của người đảng viên và gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng.

4. Thường xuyên chăm lo công tác phát triển đảng viên. Chú trọng phát triển đảng viên trẻ trong công nhân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý của doanh nghiệp; trong cán bộ, đoàn viên công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

5. Xây dựng cấp ủy có năng lực, hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cấp ủy tổ chức để các tổ chức quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với giám đốc

1. Cấp ủy tham gia ý kiến với giám đốc để thực hiện các mặt công tác trong doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, vì mục tiêu chung là xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

2. Hằng quý hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với giám đốc để phản ánh ý kiến của tổ chức đảng, các đoàn thể và người lao động về việc thực hiện nhiệm vụ, các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Hằng quý hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được cấp ủy đó ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng mối quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở và nơi có đảng viên cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 26-11-1996 của Bộ Chính trị (khoá VIII), có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 142-QĐ/TW, ngày 18 tháng 5 năm 2005

Thành lập Hội đồng Xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Kết luận của Ban Bí thư về việc thành lập Hội đồng Xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Công văn số 255-CV/TW, ngày 6-5-2004);
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Tờ trình số 03-TTr/HVCTQG, ngày 25-2-2005),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng Xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gồm các đồng chí sau đây:

1. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng.
2. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

3. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.

5. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

6. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

7. Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Ủy viên.

8. Đồng chí Đặng Xuân Kỳ, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

9. Đồng chí Trịnh Thúc Huỳnh, Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học, sưu tầm và xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các đồng chí có tên tại Điều 1, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-NQ/TW, ngày 24 tháng 5 năm 2005

Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

Sau gần 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã có những tiến bộ quan trọng. Quy trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật được đổi mới. Nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh được ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn để Nhà nước quản lý bằng pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa từng bước được đề cao và phát huy trên thực tế. Công tác phổ biến và giáo dục pháp luật được tăng cường đáng kể. Những tiến bộ đó đã góp phần thể chế hóa đường lối của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, nhìn chung hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi

vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện. Tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh còn chậm, chất lượng các văn bản pháp luật chưa cao. Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa được quan tâm đầy đủ. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật còn thiếu và yếu.

Nguyên nhân của những yếu kém nêu trên là do chưa hoạch định được một chương trình xây dựng pháp luật toàn diện, tổng thể, có tầm nhìn chiến lược; việc đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ pháp luật và công tác nghiên cứu lý luận về pháp luật chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn; việc tổ chức thi hành pháp luật còn thiếu chặt chẽ; ý thức pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức và nhân dân còn nhiều hạn chế.

Để khắc phục tình trạng trên, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, việc ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật từ nay đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 là một đòi hỏi cấp bách.

I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

2. Quan điểm chỉ đạo

2.1. Thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

2.2. Phát huy cao độ nội lực, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.3. Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kết hợp hài hoà bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật.

2.4. Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật.

2.5. Tiến hành đồng bộ với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, với những bước đi vững chắc; coi trọng số lượng và chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; dự tính đầy đủ các điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành của pháp luật.

II- ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

1.1. Đổi mới và không ngừng hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm hoạt động của Đảng phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

1.2. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cụ thể hoá đầy đủ nguyên tắc hiến định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta từ nay đến năm 2020.

1.3. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng

hoạt động lập pháp, bảo đảm tốt hơn tính dân chủ, pháp chế, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; trong đó, các đạo luật ngày càng giữ vị trí trung tâm, trực tiếp điều chỉnh các quan hệ xã hội. Hoàn thiện pháp luật về quy trình xây dựng, ban hành và công bố văn bản quy phạm pháp luật thống nhất cho cả Trung ương và địa phương, theo hướng Quốc hội ban hành luật, giảm dần việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh; Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành luật; hạn chế dần thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Xác lập cơ chế bảo đảm luật được thi hành ngay khi có hiệu lực.

Thể chế hóa nguyên tắc dân chủ trong hoạt động của cơ quan dân cử, bảo đảm để nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng pháp luật, giám sát bằng nhiều hình thức việc thi hành pháp luật của các cơ quan, công chức nhà nước. Hoàn thiện pháp luật về giám sát tối cao của Quốc hội, cơ chế bảo vệ luật và Hiến pháp.

1.4. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức, cán bộ và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cải cách hành chính nhà nước. Từ nay đến năm 2010, xoá bỏ vai trò chủ quản của cơ quan hành chính đối với doanh nghiệp để các cơ quan này tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước theo luật; đẩy mạnh xã hội hoá một số dịch vụ công. Đơn giản hoá và công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

Hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo, bảo đảm mọi quyết định và hành vi hành chính trái pháp luật đều được

phát hiện và có thể bị khởi kiện trước toà án; đổi mới thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo và thủ tục giải quyết các vụ án hành chính theo hướng công khai, đơn giản, thuận lợi cho dân, đồng thời bảo đảm tính thông suốt, hiệu quả của quản lý hành chính.

Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, bảo đảm mọi hoạt động quản lý nhà nước đều chịu sự thanh tra, kiểm tra của Chính phủ, đồng thời khắc phục tình trạng công tác thanh tra, kiểm tra gây khó khăn, phiền hà cho hoạt động của các cơ quan hành chính và doanh nghiệp.

Ban hành Luật về công chức, công vụ; xác định rõ cơ quan, công chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho từng loại cán bộ, công chức và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

Sớm ban hành Luật chống tham nhũng, thực hiện nguyên tắc người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của cán bộ do mình trực tiếp quản lý trong khi thi hành công vụ.

Đến năm 2020, pháp luật về tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan hành pháp được hoàn thiện theo hướng Chính phủ tập trung vào chức năng quản lý, điều hành vĩ mô và thực hiện đúng vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Hình thành cơ chế pháp lý để Chính phủ thực hiện quyền yêu cầu xem xét, xử lý bằng thủ tục tư pháp đối với mọi vi phạm nghiêm trọng được phát hiện trong quá trình quản lý, tổ chức thi hành pháp luật. Xây dựng các luật về tổ chức và hoạt động của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp.

1.5. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược cải cách tư pháp; xác định đúng, đủ quyền năng và trách nhiệm pháp lý cho từng cơ quan, chức danh tư pháp.

Trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, bảo đảm toà án xét xử độc lập, đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh; phân định thẩm quyền xét xử của toà án sơ thẩm và toà án phúc thẩm phù hợp với nguyên tắc hai cấp xét xử. Hoàn thiện cơ chế quản lý toà án nhân dân địa phương theo hướng bảo đảm tính độc lập giữa các cấp toà án trong hoạt động xét xử.

Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Nghiên cứu hướng tới chuyển thành viện công tố.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa trình sát, điều tra ban đầu với hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra.

Xây dựng Bộ luật thi hành án điều chỉnh tất cả các lĩnh vực thi hành án; xác định Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước thống nhất công tác thi hành án; từng bước xã hội hoá hoạt động thi hành án.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, cảnh sát tư pháp...) theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân, doanh nghiệp; thực hiện xã hội hoá mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp; kết hợp quản lý nhà nước với tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên toà xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại toà làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của toà hành chính đối với tất cả các loại khiếu kiện hành chính.

2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân

Củng cố cơ sở pháp lý về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, ban hành kịp thời, đồng bộ và tổ chức thực thi các pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội.

Hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, chế độ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhất là toà án trong việc bảo vệ các quyền đó; xử lý nghiêm minh mọi hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; khắc phục việc xử lý oan, sai; khẩn trương ban hành Luật về bồi thường nhà nước. Xây dựng các đạo luật về lập hội, biểu tình nhằm xác định rõ quyền, trách nhiệm của công dân trong việc thực thi quyền dân chủ và trách nhiệm của Nhà nước trong việc duy trì, bảo đảm kỷ cương, trật tự công cộng.

Hoàn thiện pháp luật về quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền trực tiếp giám sát, kiểm tra của công dân đối với

các hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức; mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước; ban hành Luật về trưng cầu ý dân.

3. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân sự, kinh tế, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ nay đến năm 2010 và các năm tiếp theo, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào một số lĩnh vực pháp luật kinh tế trọng điểm, đáp ứng kịp thời yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh. Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của chủ sở hữu nhà nước và các chủ sở hữu khác, cơ chế bảo đảm quyền sở hữu và hạn chế quyền sở hữu... Hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm. Tạo cơ sở pháp luật để công dân tích cực huy động mọi tiềm năng, nguồn lực và phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và góp phần làm giàu cho đất nước. Tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, phù hợp với nguyên tắc của WTO và các cam kết quốc tế khác. Xây dựng một khung pháp luật chung cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, xoá bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư; từng bước thống nhất pháp luật áp dụng đối với đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng theo hướng tôn trọng thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng,

không trái với đạo đức xã hội, không xâm phạm trật tự công cộng, phù hợp với tập quán, thông lệ thương mại quốc tế. Đổi mới cơ bản pháp luật về phá sản.

Xây dựng pháp luật cho việc tạo lập đồng bộ các thị trường. Tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất, từng bước mở rộng thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đầu tư ở Việt Nam.

Hoàn thiện môi trường pháp lý cho sự hình thành, phát triển lành mạnh thị trường lao động theo hướng đa dạng hoá các hình thức tìm việc làm, giới thiệu việc làm và tuyển chọn lao động, khuyến khích mở rộng thị trường lao động có hàm lượng chất xám cao. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

Hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành và phát triển thị trường khoa học - công nghệ theo hướng mở rộng phạm vi các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của WTO và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ - tín dụng, tạo môi trường lành mạnh, bình đẳng cho hoạt động ngân hàng, khuyến khích cạnh tranh trong hoạt động tín dụng trên nguyên tắc an toàn hệ thống.

Hoàn thiện pháp luật về thị trường chứng khoán.

Hoàn thiện pháp luật về tài chính công, xác định rõ nguồn thu và cơ cấu chi của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, thống nhất chế độ chi tiêu; xác định cơ chế đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách

nhà nước. Công khai, minh bạch việc hình thành, quản lý và sử dụng các nguồn vốn, tài chính huy động từ dân cư, cộng đồng. *Tiếp tục cải cách pháp luật về thuế* theo hướng ổn định, đơn giản hơn, mức thuế phù hợp, có tính đến các định chế kinh tế quốc tế và khu vực cũng như các điều ước quốc tế khác có liên quan.

Hình thành đồng bộ *pháp luật về các chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật* (xây dựng, điện lực, bưu chính - viễn thông, an ninh lương thực, thú y, thủy sản...) thể hiện các nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật liên quan đến phát triển và quản lý ngành.

Hoàn thiện pháp luật về tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc quản lý chặt chẽ, phát triển bền vững, bảo đảm kết hợp hài hoà giữa việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

4. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa - thông tin, thể thao, dân tộc, tôn giáo, dân số, gia đình, trẻ em và chính sách xã hội

Thể chế hóa chủ trương xã hội hoá trong các lĩnh vực văn hoá - xã hội (giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, y tế, văn hoá, nghệ thuật, thể thao...); đồng thời bảo đảm sự quản lý, điều tiết và đầu tư thích đáng của Nhà nước phù hợp với mục tiêu trong từng lĩnh vực; có chính sách hỗ trợ cần thiết đối với người nghèo và các đối tượng khó khăn.

Thể chế hóa quan điểm coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, thực hiện “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội

hóa giáo dục”, xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng giáo dục. Xác định rõ sự thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục, đồng thời tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, của cơ sở giáo dục; tạo sự bình đẳng, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các loại hình đào tạo công lập và ngoài công lập.

Hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ theo hướng khuyến khích sự phát triển các ngành khoa học mới, công nghệ cao (như thông tin, giao dịch điện tử, y sinh học, bảo vệ gen giống cây trồng, vật nuôi...); khuyến khích sáng tạo và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, phát triển kinh tế tri thức. Tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng một số trường đại học thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học trọng điểm quốc gia; thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ, đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân tộc, tôn giáo theo hướng tăng cường đoàn kết đồng bào các dân tộc, tôn giáo trên cơ sở đại đoàn kết toàn dân tộc. Thể chế hoá toàn diện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, cùng phát triển của cộng đồng các dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc; bảo đảm quyền của công dân về tự do tín ngưỡng, phát huy những mặt tốt đẹp về văn hoá, đạo đức của tôn giáo. Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, làm tổn hại an ninh quốc gia.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm bảo tồn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

theo quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần và là động lực của sự phát triển đất nước, hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Tạo lập đồng bộ cơ sở pháp lý, bảo đảm tự do, dân chủ cho hoạt động sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa, văn học nghệ thuật; huy động sự tham gia nhiều hơn, hiệu quả hơn của xã hội vào việc bảo vệ, phát huy di sản văn hóa dân tộc; ngăn chặn việc lưu hành các sản phẩm văn hoá thông tin độc hại.

Hoàn thiện pháp luật về báo chí và xuất bản theo hướng bảo đảm quyền tự do báo chí, xuất bản gắn liền với chế độ trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, xuất bản. Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hoạt động báo chí, xuất bản.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân theo hướng bảo đảm để công dân có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng; tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển mạng lưới y tế cơ sở, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào hoạt động y tế; bình đẳng giữa y tế nhà nước và y tế tư nhân. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động nghề nghiệp của những người hành nghề y, dược, về dân số, gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, về người khuyết tật.

Thế chế hóa các chính sách về công bằng xã hội để bảo đảm mọi công dân được tiếp cận và hưởng thụ các loại dịch vụ công, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, xóa đói, giảm nghèo; hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội đối với các đối tượng chính sách, về bảo vệ người tiêu dùng; hình thành Quỹ bảo hiểm thất nghiệp để bảo đảm an sinh xã hội...

5. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Từ nay đến năm 2010, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh nhằm xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; thể chế hoá mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố và xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện pháp luật về biên giới quốc gia, vùng biển, vùng trời; về tổ chức, hoạt động lực lượng vũ trang nhân dân.

Hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm theo hướng xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật là nòng cốt, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa; hạn chế hình phạt tử hình, giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền; cải tạo không giam giữ đối với các loại tội ít nghiêm trọng. Hoàn thiện pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, như mại dâm, ma tuý, HIV/AIDS...

Sau năm 2010, xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự, giáo dục quốc phòng, bảo vệ các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia, chống khủng bố...

6. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế

Tiếp tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, tín dụng quốc tế, sở hữu trí tuệ, thuế quan, bảo vệ môi trường... Đồng thời, đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các

văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ưu tiên xây dựng các văn bản pháp luật và các thiết chế bảo vệ nền kinh tế độc lập tự chủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; khẩn trương rà soát, hoàn thiện pháp luật theo yêu cầu gia nhập WTO; thực hiện các cam kết với ASEAN, tham gia đầy đủ vào AFTA năm 2006, tiến tới Cộng đồng kinh tế châu Á vào năm 2020.

Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế (trọng tài, hoà giải) phù hợp với tập quán thương mại quốc tế. Tham gia các điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp, nhất là các điều ước liên quan tới việc công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của toà án, quyết định trọng tài thương mại.

Ký kết và gia nhập các công ước quốc tế về chống khủng bố quốc tế, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, chống rửa tiền, chống tham nhũng, các hiệp định tương trợ tư pháp. Chú trọng việc nội luật hoá những điều ước quốc tế mà Nhà nước ta là thành viên liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Sớm ban hành Luật dẫn độ tội phạm và chuyển giao người bị kết án phạt tù.

III- CÁC GIẢI PHÁP

1. Các giải pháp về xây dựng pháp luật

1.1. Xác định các lĩnh vực trọng điểm cần ưu tiên đầu tư để xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội (từng năm và cả nhiệm kỳ) và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

hàng năm của Chính phủ, cần xác định một số lĩnh vực trọng điểm có ý nghĩa then chốt, tạo sức bứt phá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn để ưu tiên tập trung nguồn lực nhằm xây dựng và ban hành kịp thời các luật, bộ luật có tính khả thi cao.

Các bộ, ngành cần ưu tiên xây dựng thể chế trong lĩnh vực do bộ, ngành mình quản lý cho phù hợp với định hướng của Chiến lược này.

1.2. Đổi mới cơ bản quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật từ sáng kiến pháp luật đến thông qua luật nhằm đẩy nhanh quá trình soạn thảo, ban hành luật. Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

Các dự án luật, pháp lệnh chỉ được xem xét thông qua khi có giải trình rõ ràng về cơ chế, biện pháp, các nguồn lực bảo đảm tổ chức thực hiện. Sớm triển khai phương thức ban hành một luật để sửa đổi nhiều đạo luật liên quan. Xác định rõ quy trình, cơ chế “nội luật hoá” các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1.3. Nâng cao trình độ và năng lực làm luật của Quốc hội. Tăng hợp lý tỷ lệ đại biểu chuyên trách, có trình độ, hiểu biết về pháp luật; xác lập cơ chế bảo đảm thực hiện quyền sáng kiến pháp luật của đại biểu Quốc hội; phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong việc chuẩn bị, thẩm tra dự án luật, pháp lệnh. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn cách thức thảo luận, thông qua luật, pháp lệnh.

Tăng cường hoạt động giải thích luật, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tăng cường trách nhiệm của Chính phủ và các bộ trưởng trong việc chỉ đạo hoạt động xây dựng pháp luật. Chính phủ tập

trung xem xét, quyết định những vấn đề mang tính quan điểm, chính sách và những vấn đề liên ngành còn có ý kiến khác nhau; tăng cường kiểm tra đối với văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, ngành và địa phương ban hành để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy giúp việc cho Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành trong công tác xây dựng pháp luật. củng cố bộ phận pháp chế bộ, ngành, địa phương; thành lập Viện Nghiên cứu lập pháp của Quốc hội.

1.4. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nghiên cứu chuyên ngành trong hoạt động xây dựng pháp luật. Có cơ chế thu hút các hiệp hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các chuyên gia giỏi tham gia vào việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu, hoạch định chính sách pháp luật, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các dự thảo văn bản pháp luật. Xác định cơ chế phản biện xã hội và tiếp thu ý kiến của các tầng lớp nhân dân đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

1.5. Hiện đại hoá phương thức và phương tiện xây dựng pháp luật. Khai thác, ứng dụng tối đa thành tựu của khoa học, kỹ thuật, nhất là công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp, tiến độ, chất lượng và hiệu quả của quy trình xây dựng pháp luật. Xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

1.6. Hoàn thiện pháp luật về Công báo, bảo đảm tất cả các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, văn bản hành chính có hiệu lực áp dụng chung đều được công bố trên Công báo một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác.

1.7. Nghiên cứu về khả năng khai thác, sử dụng án lệ, tập quán (kể cả tập quán, thông lệ thương mại quốc tế) và quy tắc của các hiệp hội nghề nghiệp, góp phần bổ sung và hoàn thiện pháp luật.

2. Các giải pháp thi hành pháp luật

Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật trong Nghị quyết này với các nội dung cải cách hành chính và các giải pháp về cải cách tư pháp.

2.1. Phát triển hệ thống thông tin và phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng và triển khai Chương trình Quốc gia về phổ biến giáo dục pháp luật dài hạn. Hình thành Trung tâm Thông tin pháp luật quốc gia, phát triển mạng lưới thông tin pháp luật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển dịch vụ thông tin, tư vấn, hỗ trợ pháp luật đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhân dân và phù hợp với pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách theo hướng xã hội hoá. Tăng cường trao đổi thông tin pháp luật với các tổ chức quốc tế và các quốc gia, trước hết là với các quốc gia thành viên ASEAN.

2.2. Cải cách tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, trọng tâm là hoạt động xét xử của toà án theo nội dung của Chiến lược cải cách tư pháp.

2.3. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động thanh tra công chức, công vụ. Đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Bảo đảm mọi hành vi tham nhũng phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

2.4. Bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, công chức làm công tác pháp luật. Đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với việc đào tạo cán bộ luật, xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ luật. Bồi dưỡng, cập nhật thường xuyên kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là đội ngũ cán bộ pháp chế của các bộ, ngành. Đổi mới công tác đào tạo các chức danh tư pháp đáp ứng yêu cầu sử dụng, luân chuyển các chức danh tư pháp. Chú trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các chức danh tư pháp. Nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá trang thiết bị trong các cơ sở đào tạo pháp luật, đào tạo các chức danh tư pháp.

2.5. Huy động các nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đó cho việc thực hiện các mục tiêu và nội dung của Chiến lược.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, nhất là của bộ máy nhà nước và các tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương.

Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia để tổ chức thực hiện Nghị quyết. Ban Chỉ đạo quốc gia có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện cụ thể trong từng thời gian.

2. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc xây dựng chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và hàng năm, trong đó có ưu tiên, trọng điểm trên mỗi lĩnh vực xây dựng pháp luật

trong từng giai đoạn; giám sát chặt chẽ để bảo đảm tiến độ và chất lượng xây dựng pháp luật.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp xây dựng chương trình, kế hoạch lập pháp, lập quy, phổ biến giáo dục pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nghị quyết này, đồng thời kết hợp chặt chẽ với Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ.

4. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao và Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào Nghị quyết này và yêu cầu cải cách tư pháp xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động cụ thể để triển khai đúng thời hạn đối với các nhiệm vụ của ngành mình, cấp mình, đồng thời nâng cao trách nhiệm đối với các hoạt động phối hợp liên ngành.

5. Các cấp ủy đảng cần quán triệt nội dung Nghị quyết, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động ở mọi cấp, gắn với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

6. Ban Chỉ đạo quốc gia thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 143-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2005

Về tập trung tài liệu lập Phòng lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam

- Căn cứ Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) về Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao Văn phòng Trung ương Đảng thu thập, tập trung quản lý toàn bộ tài liệu, văn kiện (bao gồm tài liệu giấy, tài liệu ghi âm, ghi hình và tài liệu ảnh) của Phòng lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (gọi tắt là Phòng lưu trữ Đại hội X của Đảng).

Điều 2. Các tiểu ban chuẩn bị Đại hội X của Đảng và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội X có trách nhiệm tập trung,

lưu giữ đầy đủ tài liệu, văn kiện của Đại hội và có liên quan đến Đại hội X; lập hồ sơ thuộc phần việc được Trung ương phân công; sau Đại hội, chậm nhất 2 tháng, giao nộp đầy đủ toàn bộ hồ sơ tài liệu về Văn phòng Trung ương.

Điều 3. Phòng lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam được bảo quản tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, các tiểu ban chuẩn bị Đại hội X của Đảng và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội X thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 144-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2005

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư “Về tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS”

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Ban Khoa giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư “Về tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS”, gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Trưởng ban.
- Đồng chí Trần Thị Trung Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Phó trưởng ban.
- Đồng chí Bùi Sĩ Tiếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Khoa giáo Trung ương, thành viên.

- Đồng chí Phạm Mạnh Hùng, Phó trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, thành viên.
- Đồng chí Trần Chí Liêm, Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Y tế, thành viên.
- Đồng chí Lê Văn Diêu, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội, thành viên.
- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó chánh Văn phòng Trung ương Đảng, thành viên.
- Đồng chí Trần Quốc Toàn, Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, thành viên.
- 1 đồng chí Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng Chỉ thị để trình Ban Bí thư vào quý II-2005.

Điều 3. Ban Khoa giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 145-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2005

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Thực trạng và giải pháp chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá”

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Ban Khoa giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Thực trạng và giải pháp chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá”, gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Trưởng ban.

- Đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó trưởng ban.
- Đồng chí Bùi Sĩ Tiểu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Khoa giáo Trung ương, thành viên.
- Đồng chí Phạm Mạnh Hùng, Phó trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, thành viên.
- Đồng chí Trần Chí Liêm, Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Y tế, thành viên.
- Đồng chí Nguyễn Hữu Tăng, Phó Bí thư Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ, thành viên.
- 1 đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng Đề án “Thực trạng và giải pháp chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá” trình Ban Bí thư vào quý IV-2005.

Điều 3. Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 184-TB/TW, ngày 31 tháng 5 năm 2005

Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW
của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ
lãnh đạo và quản lý

Ngày 15-4-2005, Bộ Chính trị đã nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý. Bộ Chính trị tán thành cơ bản với báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương (kèm theo) và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tích cực triển khai, đạt được một số kết quả bước đầu; góp phần đổi mới công tác cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

- Các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức thống nhất hơn về công tác luân chuyển cán bộ, nhận rõ luân chuyển cán bộ thực sự là một yêu cầu, đòi hỏi khách quan của công tác cán bộ trong tình hình hiện nay.

- Việc thực hiện Nghị quyết về luân chuyển cán bộ đã tạo ra không khí, động lực mới trong công tác cán bộ, nhất là đối với đội ngũ cán bộ trong quy hoạch có năng lực và triển vọng, thúc đẩy thực hiện tốt hơn công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ. Một số địa phương, ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương xây dựng được quy hoạch, tạo được nguồn cán bộ kế cận, từng bước khắc phục tình trạng hẫng hụt, bị động, chắp vá và trì trệ trong công tác cán bộ. Hầu hết cán bộ luân chuyển trong thời gian qua đều là cán bộ trẻ, tiếp cận nhanh với điều kiện, môi trường mới, thể hiện được tinh thần trách nhiệm, có quan điểm, phương pháp chỉ đạo toàn diện, sâu sát hơn; bước đầu phát huy tác dụng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm.

Có được những kết quả bước đầu nêu trên là do các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp, các ngành đã có sự chủ động, tích cực, thống nhất cao hơn trong việc chỉ đạo thực hiện, kết hợp chặt chẽ giữa việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng với việc bố trí, sắp xếp, sử dụng và luân chuyển cán bộ trong hệ thống chính trị; vừa quan tâm bảo đảm sự ổn định, vừa coi trọng đáp ứng yêu cầu phát triển của đội ngũ cán bộ; làm tốt công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

2. Tuy nhiên, sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, công tác luân chuyển cán bộ còn một số hạn chế và thiếu sót:

- Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ở một số ngành, địa phương còn chậm, không đồng đều giữa các ngành, các cấp. Các cơ quan Trung ương triển khai chậm hơn địa phương.

- Một số nơi thực hiện luân chuyển cán bộ chưa dựa trên cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ; nhầm lẫn việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch để rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng lâu dài với việc điều động, bố trí cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ trước mắt. Số ít cán bộ luân chuyển còn chậm tiếp cận với thực tiễn, đóng góp cho địa phương còn hạn chế; có đồng chí còn băn khoăn khi nhận nhiệm vụ mới ở địa phương khác, ngành khác.

- Việc luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị trong một ngành, giữa các quận, huyện trong một địa phương, giữa các cơ quan đảng, đoàn thể và chính quyền trong một tỉnh, thành phố, giữa các tỉnh và thành phố làm chưa được nhiều.

Những hạn chế và thiếu sót trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về mục đích của luân chuyển cán bộ; chưa gắn việc luân chuyển với đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Việc chuẩn bị cho cán bộ luân chuyển hiểu biết về công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng và tình hình của địa phương, nhất là ở những địa phương, đơn vị có vấn đề đoàn kết nội bộ, đơn vị còn nhiều hạn chế. Chưa chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết.

3. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần làm tốt một số việc sau:

- Tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý ở bộ, ban, ngành, địa phương. Nội dung sơ kết phải đánh giá được tình hình luân chuyển cán bộ

trong thời gian qua, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được, nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm bước đầu trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đề ra những việc phải làm, các giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện tốt hơn Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ.

- Từ nay đến đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng, việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý phải kết hợp chặt chẽ với việc chuẩn bị nhân sự Đại hội. Trong quá trình luân chuyển cán bộ phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức; phải căn cứ vào năng lực, sở trường của cán bộ, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị để bố trí cán bộ luân chuyển cho phù hợp; kết hợp việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý để đào tạo, bồi dưỡng, phục vụ lâu dài với việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn và chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực. Đồng thời, rà soát lại đội ngũ cán bộ, đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện; kịp thời điều chỉnh, bổ sung những cán bộ trẻ, đã được đào tạo cơ bản, có triển vọng vào quy hoạch.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, nhất là việc luân chuyển cán bộ trong lực lượng vũ trang, trong nội bộ ngành và địa phương; tiếp tục triển khai chủ trương luân chuyển đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp quận, huyện và cấp tỉnh, giữa các tỉnh và giữa các huyện; từng bước bố trí lãnh đạo chủ chốt địa phương không phải là người sở tại. Việc luân chuyển cán bộ để giải quyết nhu cầu đào tạo, rèn luyện cán bộ của Trung ương, của cấp trên phải kết hợp với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương và cấp dưới.

- Tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm làm thí điểm việc luân chuyển sáu chức danh cán bộ lãnh đạo và quản lý của tỉnh Hà Tây (Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, Công an, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh), từng bước mở rộng việc thực hiện chủ trương này ở các tỉnh và thành phố khác.

- Tạo điều kiện về nhà công vụ, trợ cấp khó khăn để cán bộ luân chuyển, nhất là cán bộ được luân chuyển tới vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế chậm phát triển... hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 186-TB/TW, ngày 1 tháng 6 năm 2005

Về chính sách đối với các đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước

Tại phiên họp ngày 13-5-2005, sau khi nghe Chính phủ báo cáo về chính sách đối với các đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý giải quyết chính sách đối với các đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 32/CP-VX, ngày 29-3-2005. Cụ thể như sau:

a) Quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước về gia đình, địa phương từ tháng 12-1976 trở về trước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách, được thực hiện chế độ trợ cấp một lần tính theo thời gian phục vụ.

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an tham gia chiến đấu ở các chiến trường B, C, K¹ sau đó trở thành người được hưởng lương, thanh niên xung phong, cán bộ dân chính đảng hoạt động cách mạng tại miền Nam trước ngày 30-4-1975 không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K, được thực hiện chế độ trợ cấp một lần tương tự quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP, ngày 15-4-1999 của Chính phủ.

c) Dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ đã trở về gia đình, được thực hiện chế độ trợ cấp một lần tính theo thời gian phục vụ.

d) Quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ có 20 năm phục vụ trong quân đội trở lên đã phục viên (bao gồm cả thương binh 81% trở lên), được thực hiện chế độ hưu trí hàng tháng.

đ) Quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức, thanh niên xung phong tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã phục viên, thôi việc và các đối tượng tại điểm a, b, c nêu trên, được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí khi từ trần.

2. Chế độ đối với các đối tượng nêu trên được ban hành trong năm 2005. Đây là chính sách lớn, có ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc của Đảng, Nhà nước, yêu cầu các cấp, các ngành triển khai thực hiện chặt chẽ, đúng đối tượng, bảo đảm công bằng, công khai, không để xảy ra tiêu cực và không để kẻ xấu

1. - Chiến trường B: Chiến trường miền Nam Việt Nam.
- Chiến trường C: Chiến trường Lào.
- Chiến trường K: Chiến trường Campuchia.

lợi dụng. Đồng thời, rà soát nắm chắc tình hình, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người tham gia kháng chiến; hỗ trợ, chăm sóc những người có hoàn cảnh khó khăn.

3. Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chính sách đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ có từ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên về địa phương và trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 49-NQ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2005

Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

Trong những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, công cuộc cải cách tư pháp đã được các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo và tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, đạt được nhiều kết quả. Nhận thức và sự quan tâm đối với công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực; chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, những kết quả đó mới là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Công tác tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách hình sự, chế định pháp luật dân sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp

còn bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu.

Cùng với những mặt hạn chế nêu trên, nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức. Tình hình phạm tội diễn biến phức tạp, với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Các khiếu kiện hành chính, các tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động, các loại khiếu kiện và tranh chấp có yếu tố nước ngoài có chiều hướng tăng về số lượng và phức tạp, đa dạng hơn. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm.

Nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải ban hành và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 phù hợp với quá trình đổi mới công tác lập pháp và chương trình cải cách hành chính.

I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Mục tiêu

Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ,

ng nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao.

2. Quan điểm

2.1- Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

2.2- Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.

2.3- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan bổ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân.

2.4- Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai.

2.5- Cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc.

II- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Phương hướng

1.1- Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

1.2- Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó, xác định tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp.

1.3- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh.

1.4- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

2. Các nhiệm vụ cải cách tư pháp

2.1- *Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp*

Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và

hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.

Quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác.

Xây dựng cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, cơ quan, các tổ chức quần chúng trong phát hiện, phòng ngừa tham nhũng; bảo vệ người trung thực phát hiện, tố cáo, người điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng; khen thưởng người có công trong đấu tranh phòng chống tham nhũng. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc ngăn ngừa, kiểm soát các hành vi tham nhũng.

Hoàn thiện pháp luật dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch, thúc đẩy các quan hệ dân sự phát triển lành mạnh; hoàn thiện chế định hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn...

Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp tạm giam.

Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị và quy định rõ trách nhiệm của người ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ. Xây dựng cơ chế xét xử theo thủ tục rút gọn đối với những vụ án có đủ một số điều kiện nhất định.

Tiếp tục hoàn thiện thủ tục tố tụng dân sự. Nghiên cứu thực hiện và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý; người dân chỉ nộp đơn đến tòa án, tòa án có trách nhiệm nhận và thụ lý đơn. Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hoà giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó.

Mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính. Đổi mới mạnh mẽ thủ tục giải quyết các

khiếu kiện hành chính tại tòa án; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước tòa án.

Từng bước thực hiện việc công khai hóa các bản án, trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục. Xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2.2- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân.

Tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm. Việc thành lập tòa chuyên trách phải căn cứ vào thực tế xét xử của từng cấp tòa án, từng khu vực. Đổi mới tổ chức Tòa án nhân dân tối cao theo hướng tinh gọn với đội ngũ thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành.

Nghiên cứu, xác định hợp lý phạm vi thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự theo hướng chủ yếu xét xử những vụ án về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, những vụ án liên quan đến bí mật quân sự...

Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp.

Trước mắt, viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện Kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án. Nghiên cứu việc chuyển viện kiểm sát thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra.

Xác định rõ nhiệm vụ của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra theo hướng cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các vụ án hình sự, các cơ quan khác chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ và tiến hành một số biện pháp điều tra theo yêu cầu của cơ quan điều tra chuyên trách. Trước mắt, tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức cơ quan điều tra theo pháp luật hiện hành; nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại các cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trình sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự.

Chuẩn bị điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để giao cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án. Xác định rõ trách nhiệm của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và của cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thi hành các hình phạt không phải là hình phạt tù để thực hiện nghiêm túc các bản án của tòa án.

Từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án.

2.3- Hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp:

Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư. Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình.

Hoàn thiện chế định giám định tư pháp. Nhà nước cần đầu tư cho một số lĩnh vực giám định để đáp ứng yêu cầu thường xuyên của hoạt động tố tụng. Thực hiện xã hội hóa đối với các lĩnh vực có nhu cầu giám định không lớn, không thường xuyên. Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời hạn trưng cầu và thực hiện giám định. Ban hành quy chuẩn giám định phù hợp với từng lĩnh vực. Xác định rõ cơ chế đánh giá kết luận giám định, bảo đảm đúng đắn, khách quan để làm căn cứ giải quyết vụ việc.

Xây dựng lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp chính quy, đáp ứng kịp thời cho hoạt động xét xử, thi hành án...

Hoàn thiện chế định công chứng. Xác định rõ phạm vi của công chứng và chứng thực, giá trị pháp lý của văn bản công chứng. Xây dựng mô hình quản lý nhà nước về công chứng theo hướng Nhà nước chỉ tổ chức cơ quan công chứng thích hợp; có bước đi phù hợp để từng bước xã hội hóa công việc này.

Nghiên cứu chế định thừa phát lại (thừa hành viên); trước mắt, có thể tổ chức thí điểm tại một số địa phương,

sau vài năm, trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực tiễn sẽ có bước đi tiếp theo.

2.4- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn về đào tạo cán bộ tư pháp.

Có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài vào làm việc ở các cơ quan tư pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp, không chỉ là cán bộ trong các cơ quan tư pháp, mà còn là các luật gia, luật sư. Nghiên cứu thực hiện cơ chế thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp. Tăng thời hạn bổ nhiệm chức danh tư pháp hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có kỳ hạn.

Có chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và có cơ chế thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài đối với hoạt động của các chức danh tư pháp.

2.5- Hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp.

Đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn

đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp Quốc hội, hội đồng nhân dân. Quốc hội và hội đồng nhân dân nên có nghị quyết riêng về hoạt động tư pháp sau khi nghe báo cáo và trả lời chất vấn.

Tăng cường và nâng cao hiệu lực giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là của lãnh đạo các cơ quan tư pháp. Nghiên cứu việc thành lập Ủy ban Tư pháp của Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động tư pháp, trọng tâm là việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho mọi người dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tập trung làm tốt công tác động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với các cơ quan tư pháp khắc phục, sửa chữa. Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp.

2.6- Tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp

Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia. Tiếp tục ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống.

Tăng cường sự phối hợp chung trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế và khủng bố quốc tế với các tổ chức INTERPOL, ASEANPOL,... với cảnh sát các nước láng giềng và khu vực, với cảnh sát một số quốc gia có nhiều công dân Việt Nam sinh sống, lao động, học tập.

Đào tạo đủ số lượng cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực.

2.7- Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp

Nhà nước bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động tư pháp phù hợp với đặc thù của từng cơ quan tư pháp và khả năng của đất nước.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan và hoạt động tư pháp theo hướng ngân sách tư pháp do Quốc hội phân bổ và giao các cơ quan tư pháp địa phương quản lý và sử dụng, có sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan tư pháp trung ương; có cơ chế cho phép địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan tư pháp từ khoản vượt thu ngân sách của địa phương.

Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp khang trang, hiện đại, đầy đủ tiện nghi. Ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm, công tác xét xử, công tác giám định tư pháp. Khẩn trương trong một vài năm xây xong trụ sở làm việc các cơ quan tư pháp cấp huyện; nâng cấp các nhà tạm giam theo đề án đã được Chính phủ phê duyệt. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp.

2.8- Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp

Đảng lãnh đạo chặt chẽ hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp về chính trị, tổ chức và cán bộ; khắc phục tình trạng cấp ủy đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên; chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ trong các cơ quan tư pháp. Phân công đồng chí cấp ủy viên có trình độ, năng lực, uy tín và bản lĩnh bổ nhiệm làm viện trưởng viện kiểm sát và chánh án tòa án các cấp.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc chỉ đạo giải quyết những vụ việc quan trọng, phức tạp; cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức đảng với các cơ quan tư pháp và các ban, ngành có liên quan theo hướng cấp ủy định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp. Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân cấp ủy viên trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp.

Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Nội chính Trung ương; kiện toàn Ban Nội chính cấp ủy ở những tỉnh, thành có nhu cầu và được Bộ Chính trị cho phép thành lập; tăng cường cán bộ tham mưu về công tác nội chính - tiếp dân của cấp ủy đảng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cần nghiên cứu, nắm vững nội dung và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này.

Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc thể chế hóa các chủ trương, định hướng, nội dung, nhiệm vụ cải cách tư pháp; lãnh đạo có hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử đối với hoạt động tư pháp.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp có trình độ chuyên môn, năng lực và phẩm chất chính trị, đủ số lượng cho các cơ quan tư pháp; lãnh đạo các cơ quan có liên quan đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các cơ quan tư pháp.

Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương xây dựng chương trình, kế hoạch và xác định lộ trình thực hiện từng công việc cụ thể thuộc trách nhiệm của mình.

2. Từ nay đến năm 2010 phải làm được những công việc chính sau đây:

- Hoàn thành các nhiệm vụ mà Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã đề ra.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách hình sự và từng bước sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính. Thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội tham nhũng, tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu “xã hội đen”.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hóa một số hoạt động tư pháp.

- Tăng quyền hạn, trách nhiệm tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán để họ chủ động thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trong hoạt động tố tụng.

- Hoàn thành việc tăng thẩm quyền xét xử của tòa án cấp huyện, chuẩn bị điều kiện thành lập tòa án khu vực ở cấp này; từng bước đổi mới tổ chức hệ thống tòa án nhân dân các cấp.

- Mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính; xác định rõ thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự; viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp; chuẩn bị điều kiện tổ chức viện kiểm sát các cấp phù hợp với hệ thống tòa án.

- Nghiên cứu trình Quốc hội xem xét việc thành lập Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.

- Chuẩn bị các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để thực hiện việc chuyển giao tổ chức và công tác thi hành án cho Bộ Tư pháp.

- Xây dựng các chế định hỗ trợ tư pháp đủ mạnh, đáp ứng kịp với tình hình; làm thí điểm ở một số địa phương về chế định thừa phát lại; từng bước xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp.

- Thực hiện việc đổi mới phân bổ ngân sách đối với hoạt động tư pháp, khắc phục những bất hợp lý và đổi mới chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ tư pháp.

- Xây dựng đủ trụ sở cho các cơ quan tư pháp cấp huyện, các trại giam bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

3. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch, các đề án và lộ trình để cụ thể hóa các nhiệm vụ cải cách tư pháp hàng năm; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp; tổ chức việc nghiên cứu

hoặc giao các cơ quan chức năng tổ chức nghiên cứu những vấn đề mới phát sinh về cải cách tư pháp để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 187-TB/TW, ngày 21 tháng 6 năm 2005

**Trong buổi làm việc với Ban Cán sự Đảng
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện chương trình công tác năm 2005 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 25-4-2005, Ban Bí thư đã làm việc với tập thể Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về những kết quả của giáo dục và đào tạo

Thực hiện mục tiêu “*nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*” cho đất nước, trong những năm qua, giáo dục và đào tạo của nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, thể hiện trên một số mặt cụ thể là:

- Quy mô giáo dục có sự tăng trưởng mạnh; cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân từng bước được cải thiện. Giáo dục ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có một số tiến bộ.

- Chất lượng giáo dục có một số chuyển biến tích cực. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tập trung đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, xây dựng và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành được tăng cường.

- Chủ trương xã hội hóa giáo dục bước đầu được triển khai có hiệu quả, làm cho toàn xã hội nhận thức được vị trí, vai trò to lớn của giáo dục và đào tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; huy động thêm được nguồn lực của các thành phần kinh tế và của người dân, đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp phát triển giáo dục.

- Công tác quản lý nhà nước về giáo dục đã có sự đổi mới theo hướng hoàn thiện môi trường pháp lý, xác định rõ hơn vai trò, chức năng của các cấp quản lý, thực hiện phân cấp cho địa phương, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục.

Những kết quả nói trên của sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã góp phần tạo nên những thành tựu trong phát triển kinh tế và ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

2. Thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân

a) Về thiếu sót, khuyết điểm:

- Chất lượng, hiệu quả giáo dục còn thấp so với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo, thực hiện xã hội hóa giáo dục và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo chậm so với yêu cầu và so với đổi mới về kinh tế - xã hội.

- Đội ngũ giáo viên thiếu, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục.

- Mạng lưới các trường đại học, cao đẳng chưa hợp lý; phương pháp giáo dục đại học còn lạc hậu và chậm đổi mới; hệ đào tạo phi chính quy và ngoài công lập chất lượng thấp.

- Chưa có những bước đột phá cơ bản nhằm giải quyết các khó khăn của giáo dục tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Công tác quản lý về giáo dục và đào tạo còn nhiều bất cập, nhất là đối với đào tạo phi chính quy, ngoài công lập và đối với công tác quản lý học sinh học tập ở nước ngoài.

Ngành giáo dục còn thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; chưa chú ý đúng mức công tác thanh tra, kiểm tra.

b) Nguyên nhân:

- Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, nên chưa có quyết sách giải quyết kịp thời một số vấn đề mới liên quan đến giáo dục do thực tiễn cuộc sống đặt ra.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa chủ động trong việc chỉ đạo giải quyết các vấn đề chiến lược phát triển giáo dục. Việc tập hợp trí tuệ của đội ngũ trí thức trong ngành và trong xã hội cho hoạch định chiến lược và các chính sách về giáo dục và đào tạo còn hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chưa được chú trọng đúng mức.

- Về khách quan: Trong một thời gian khá dài, một bộ phận không nhỏ cán bộ và nhân dân coi nhẹ ngành sư phạm, chưa đánh giá đúng vai trò của người thầy; chất lượng tuyển sinh của các trường sư phạm chưa cao. Nhu cầu học tập của

nhân dân rất lớn, mâu thuẫn gay gắt với khả năng đáp ứng của ngành giáo dục. Tư tưởng vị bằng cấp trong nhân dân, trong công tác cán bộ còn nặng nề, đã làm cho tâm lý khoa cử và chạy theo bằng cấp khá phổ biến.

3. Về phương hướng và giải pháp tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục nước ta trong giai đoạn tới

Ban Bí thư nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học, phấn đấu nâng cao rõ rệt chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tích cực triển khai chương trình học, sách giáo khoa và phương pháp dạy học mới. *Dạy văn hóa* đi liền với *dạy người, dạy nghề*.

Hoàn thiện, tiến tới ổn định công tác thi cử, tuyển sinh ở tất cả các cấp học.

- Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; sắp xếp, củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục. Xây dựng đề án đổi mới giáo dục đại học trình Chính phủ phê duyệt.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 40-CT/TW, ngày 15-6-2004 của Ban Bí thư về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng hệ thống trường sư phạm và trường quản lý giáo dục; có chính sách thu hút đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, nhất là đối với các địa bàn khó khăn.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đi đôi với tiếp tục tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho giáo dục.

- Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chấn chỉnh nền nếp, kỷ cương, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

- Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW, ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và phát triển đảng viên trong các trường học; đồng thời chú trọng công tác đảng, công tác cán bộ trong toàn ngành.

4. Về các kiến nghị cụ thể của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ban Bí thư tán thành về cơ bản và nhấn mạnh:

- Phải nghiêm chỉnh thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo cán bộ dân tộc. Cần nhận rõ rằng hiện nay yêu cầu mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là rất lớn và cấp bách. Phải có những biện pháp khuyến khích mạnh mẽ việc xã hội hóa hoạt động giáo dục, đào tạo. Đồng thời, phải rất chú ý bảo đảm các điều kiện cần thiết khi mở trường mới. Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo tốt việc kiểm tra, thẩm định, trình Chính phủ theo đúng quy định.

- Tán thành phương hướng đổi mới chính sách học phí. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng đề án cụ thể báo cáo Chính phủ để Chính phủ trình Bộ Chính trị.

- Thành lập cơ quan quản lý, chỉ đạo về giáo dục miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phấn đấu để các trường phổ thông dân tộc nội trú thực sự trở thành cơ sở đào tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số của các địa phương.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần bàn với các bộ, ngành, các địa phương có phương án cụ thể dành đủ đất để các trường học đáp ứng được chuẩn diện tích tối thiểu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; nơi nào gặp khó khăn, cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị đề án về vấn đề mời giáo viên nước ngoài giảng dạy tại Việt Nam trình Chính phủ phê duyệt. Khuyến khích du học dưới nhiều hình thức. Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc khôi phục lại bộ phận quản lý học sinh Việt Nam ở nước ngoài tại những nơi điều kiện cho phép và tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên quan để quản lý tốt lưu học sinh.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm *phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, là động lực và điều kiện để đất nước phát triển nhanh và bền vững*, tập trung chăm lo các điều kiện bảo đảm phát triển quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, thực hiện công bằng trong giáo dục, vừa bảo đảm yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm yêu cầu phát triển lâu dài của sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở địa phương và đối với từng ngành.

Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, cùng Ban Khoa giáo Trung ương có trách nhiệm triển khai, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kết luận này với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 146-QĐ/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2005

Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2005;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”, gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Tôòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng ban Chỉ đạo.

2. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, thành viên.

3. Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên.

4. Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, thành viên.

5. Đồng chí Trần Thị Tâm Đan, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Giáo dục thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội, thành viên.

6. Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, thành viên.

7. Đồng chí Lê Thanh Đạo, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, thành viên.

8. Đồng chí Đào Ngọc Dung, quyền Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, thành viên.

9. Đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, thành viên.

10. Đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Công an, thành viên.

11. Đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”. Ban Chỉ đạo tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII), Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX***

Ngày 4 tháng 7 năm 2005

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa toàn thể các đồng chí,

Tiếp tục công việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ rất quan trọng thảo luận và thông qua các dự thảo văn kiện mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX sẽ trình tại Đại hội, bao gồm: Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Báo cáo công tác xây dựng Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Hội nghị Trung ương cũng sẽ thảo luận và thông qua Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X, và một số vấn đề khác.

* Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX họp từ ngày 4 đến ngày 13-7-2005 (B.T).

Về các dự thảo văn kiện, căn cứ vào ý kiến kết luận của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương về các bản đề cương chi tiết, trong những tháng qua, Bộ Chính trị đã tổ chức ba hội nghị lớn, mỗi hội nghị từ hai đến ba ngày để lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, Đảng đoàn Quốc hội và Đoàn Chủ tịch (mở rộng) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bộ Chính trị cũng đã chỉ đạo thường trực các tiểu ban văn kiện tổ chức nghe và thảo luận một số vấn đề lớn và quan trọng thuộc nội dung ba văn kiện ấy; lấy ý kiến của một số cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý lâu năm trong từng lĩnh vực, một số nhà khoa học trong Hội đồng Lý luận Trung ương và trong các chương trình khoa học cấp nhà nước.

Bộ Chính trị đã gửi xin ý kiến các đồng chí Ủy viên Trung ương về các bản đề cương báo cáo (tóm tắt) để gửi xuống đại hội đảng bộ cấp cơ sở. Nhiều đồng chí Trung ương đã nêu thêm một số vấn đề cần đưa vào các dự thảo đó.

Có thể nói, trong các cuộc hội nghị nêu trên, các đồng chí tham gia đều đã đóng góp ý kiến một cách chân tình, cởi mở, đầy tâm huyết về tất cả các vấn đề mà Trung ương nêu lên. Các đồng chí vừa bày tỏ sự đánh giá cao và nhất trí với những nội dung cơ bản nêu trong các bản đề cương chi tiết, vừa thẳng thắn nêu lên những vấn đề bức xúc mà các đồng chí đặc biệt quan tâm trong việc kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhận định cơ hội và thách thức, cũng như trong việc đề ra phương hướng và

nhệm vụ thời kỳ 5 năm tới. Mong muốn thiết tha của các đồng chí là Đại hội X của Đảng sẽ tạo ra những bước đột phá mới để đất nước ta tiến nhanh hơn, mạnh hơn và bền vững hơn, thể hiện quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, trân trọng lắng nghe, Bộ Chính trị đã chỉ đạo các tiểu ban văn kiện căn cứ vào các ý kiến kết luận của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương đồng thời tiếp thu những ý kiến hợp lý trong các sinh hoạt chính trị nói trên để bổ sung, chỉnh sửa các bản đề cương và xây dựng thành dự thảo toàn văn các báo cáo trình Hội nghị lần thứ 12 này. Đây là một bước đi có ý nghĩa rất thiết thực của Đảng ta trong quá trình dân chủ hóa sinh hoạt lãnh đạo của Đảng, trước hết là việc hoạch định đường lối, chủ trương và các chính sách lớn có quan hệ đến vận mệnh quốc gia.

Các dự thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương lần này đều đã được chuẩn bị công phu, vừa khắc họa rõ bức tranh toàn diện về những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất đã đạt sự nhất trí cao, vừa nêu lên một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội nghị Trung ương thảo luận và đi đến kết luận. Tôi mong rằng, các đồng chí Trung ương với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy hơn nữa sức mạnh dân chủ và trí tuệ tập thể, thảo luận và giải đáp một cách thuyết phục mọi vấn đề đặt ra, để

nhất trí thông qua các dự thảo văn kiện, thực hiện bước khởi đầu quan trọng nhất trong việc chuẩn bị nội dung Đại hội lần thứ X của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
 Số 50-NQ/TW, ngày 13 tháng 7 năm 2005

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội, từ ngày 4-7 đến ngày 13-7-2005, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Cơ bản tán thành nội dung các văn kiện chuẩn bị trình tại Đại hội X của Đảng:

- Dự thảo Báo cáo chính trị: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”.

- Dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

- Dự thảo Báo cáo công tác xây dựng Đảng.

- Dự thảo Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị và kết quả lấy ý kiến tại Hội nghị, chỉ đạo hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện Đại hội X để lấy ý kiến đại hội đảng cấp huyện, cấp tỉnh và các đảng bộ trực thuộc Trung ương; trên cơ sở ý kiến đóng góp của đại hội đảng các cấp và những vấn đề còn ý kiến khác nhau trong nội dung các văn kiện, chỉ đạo các tiểu ban và các cơ quan có liên quan tiếp tục nghiên cứu để trình Hội nghị Trung ương 13 xem xét, quyết định.

2. Tán thành nội dung Báo cáo của Bộ Chính trị về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, Bản giải trình của Bộ Chính trị và kết quả lấy ý kiến tại Hội nghị để bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo; căn cứ vào phương hướng nhân sự đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua, chỉ đạo Tiểu ban nhân sự và các cơ quan có liên quan chuẩn bị dự kiến nhân sự giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa X để trình Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, cho ý kiến.

3. Tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào chủ trương định hướng của Ban Chấp hành Trung ương, quyết định chính thức việc

phân bổ số lượng đại biểu của các đảng bộ tính theo số lượng đảng viên chính thức có mặt đến ngày 30-6-2005.

4. Tán thành Báo cáo của Bộ Chính trị về một số tình hình tư tưởng đáng quan tâm hiện nay.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương và Bản giải trình của Bộ Chính trị để bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo, trên cơ sở đó ban hành Kết luận của Hội nghị Trung ương 12 về vấn đề này, phổ biến đến các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; chỉ đạo xử lý kịp thời, có hiệu quả một số vấn đề tư tưởng đáng quan tâm hiện nay bằng các giải pháp cụ thể đã nêu trong Báo cáo.

...

6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên hãy phát huy thành quả to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 20 năm đổi mới và những thành tựu rất quan trọng trong 5 năm 2001 - 2005, với niềm tin và sức mạnh mới, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, tạo sự đồng thuận cao và không khí phấn khởi trong xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005, tiến hành thành công đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội X của Đảng.

*

* *

Nghị quyết này đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua với 100% ý kiến tán thành.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX**

Ngày 13 tháng 7 năm 2005

*Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,*

Qua 9 ngày làm việc rất khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm và tính chiến đấu cao, thái độ nghiêm túc, dân chủ, đoàn kết, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã xem xét một cách toàn diện các dự thảo văn kiện trình Đại hội X, tập trung thảo luận về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc. Sau khi nghe Báo cáo tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị về những vấn đề được thảo luận, Hội nghị đã nhất trí thông qua các dự thảo văn kiện, bao gồm: Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo công tác xây dựng Đảng và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Về các dự thảo văn kiện, trên cơ sở đánh giá thành tựu của 20 năm đổi mới là to lớn và có ý nghĩa lịch sử, thành tựu của việc thực hiện những nhiệm vụ của Đại hội IX là rất quan trọng, cùng với những mặt yếu kém cần phải khắc phục, Hội nghị đã nhất trí xác định chủ đề của Đại hội X là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Chủ đề này là tư tưởng chỉ đạo cho Đại hội X và cho cả quá trình hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong 5 năm tới.

Mục tiêu căn bản và lâu dài của chúng ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Mục tiêu trực tiếp trong 5 năm tới là “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, tức là tình trạng vừa có thu nhập thấp lại vừa có chỉ số phát triển con người thấp và hạ tầng cơ sở yếu kém. Mục tiêu này đã được đề ra tại Đại hội IX, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, đó là phấn đấu đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nêu mục tiêu “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” là nêu quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu bằng những biện pháp quyết liệt và có hiệu quả hơn, đưa nhịp độ tăng trưởng lên nhanh hơn và bền vững hơn nhằm đạt mục tiêu ấy càng sớm càng tốt.

Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới là hai sức mạnh lớn, hai động lực cơ bản và mạnh mẽ nhất để thúc đẩy sự phát triển, tạo nên những bước đột phá mới trong toàn bộ tiến trình cũng như trong từng lĩnh vực cụ thể. Về kinh tế, đó là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực trong nhân dân và trong xã hội, đồng thời tập trung sức phát triển lực lượng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế nhằm phát huy cao nhất nội lực và tranh thủ nhiều nhất ngoại lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Về văn hóa, xã hội, tiếp tục đổi mới cả tư duy và hành động, giải quyết tốt hơn nữa các vấn đề xã hội, văn hóa và con người, phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, phát huy bản chất và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Về quốc phòng và an ninh, tiếp tục củng cố và tăng cường; quan hệ đối ngoại tiếp tục mở rộng; phấn đấu để quốc phòng, an ninh và đối ngoại phục vụ đắc lực cho việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và cho sự nghiệp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Về chính trị, phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa; tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bài trừ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Nhà nước và chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thưa các đồng chí,

Chủ đề của Đại hội X nêu lên hàng đầu việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, coi việc tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới là vấn đề có ý nghĩa sống còn của Đảng và chế độ, là khâu then chốt và là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, cả trước mắt cũng như về sau này.

Về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Hội nghị Trung ương nhất trí khẳng định rằng, với vị trí then chốt của nhiệm vụ xây dựng Đảng như trên, việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa X đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong thời kỳ mới là vấn đề đặc biệt quan trọng. Ban Chấp hành Trung ương (bao gồm cả Bộ Chính trị và Ban Bí thư) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ Đại hội, có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội,

đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng... nhằm làm cho Đảng ta luôn luôn xứng đáng với vai trò lãnh đạo của mình.

Để có Ban Chấp hành Trung ương mạnh, công tác nhân sự Đại hội X phải nhằm mục tiêu chung là lựa chọn, giới thiệu, bầu vào Ban Chấp hành Trung ương những đồng chí thực sự có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu và lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có phẩm chất, đạo đức trong sáng, gương mẫu trong lối sống, luôn luôn giữ gìn sự trong sạch, liêm khiết, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có năng lực trí tuệ và tổ chức thực tiễn, có tư duy đổi mới, sáng tạo, có kiến thức đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có tinh thần và khả năng đoàn kết, quy tụ được cán bộ, gắn bó với nhân dân, được nhân dân tin cậy. Cụ thể là từng Ủy viên Trung ương, trong khi kiên định mục tiêu và lý tưởng cách mạng, kiên định lập trường và quan điểm của Đảng, phải thực sự có năng lực tham gia vào việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; vừa nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, nghiêm túc chấp hành đường lối, nghị quyết của Đảng, vừa chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa và triển khai thực hiện đường lối, chủ trương, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống và có khả năng tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm, đồng thời phải là người có thái độ kiên quyết trong hành động thực tiễn, có trách nhiệm cao đối với Đảng, với nhân dân trong mỗi việc làm, trong từng lời nói, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Trong khi nhấn mạnh tiêu chuẩn Ủy viên Trung ương là chính, cũng cần xem xét bảo đảm có sự hài hòa trong cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương; coi trọng chất lượng từng Ủy viên Trung ương, đồng thời coi trọng chất lượng toàn Ban Chấp hành Trung ương. Cần có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương trên các địa bàn, các lĩnh vực và các vị trí công tác trọng yếu; bảo đảm sự kết hợp giữa ba độ tuổi, có tỷ lệ thích đáng các cán bộ trẻ, các đồng chí nữ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, các đồng chí xuất thân từ công nhân, nông dân. Xét theo quan điểm Đảng lãnh đạo toàn diện, có sự kế thừa và phát triển, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, thì việc bảo đảm cơ cấu hợp lý, kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu và tiêu chuẩn cũng là yêu cầu và tiêu chuẩn để xây dựng Ban Chấp hành Trung ương mạnh.

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt quan tâm đến *tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng* hiện nay, đề ra một số giải pháp thiết thực nhằm đấu tranh kiên quyết chống các âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, kích động bạo loạn, lật đổ, những luận điệu tuyên truyền bịa đặt, xuyên tạc và vu khống của các thế lực thù địch, lên án mạnh mẽ những hoạt động chia rẽ, bè phái, cơ hội chính trị, những biểu hiện dao động, cá nhân chủ nghĩa, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật trong hành động, phát ngôn và trong việc giữ gìn bí mật quốc gia. Công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, giáo dục phải được tiến hành một cách chủ động, tích cực, giải đáp trúng những vấn đề mà trong Đảng và trong xã hội đặc biệt quan tâm, đánh giá đúng những thành tựu to lớn và cả những vấn đề tồn tại trong công cuộc đổi mới, trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nâng cao hơn nữa sự

đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong bộ máy lãnh đạo và quản lý nói chung, củng cố môi trường chính trị - xã hội ổn định, tạo nên không khí phấn khởi, đoàn kết và đồng thuận trong toàn xã hội để tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Kết quả Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đánh dấu một bước tiến mới rất quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội X trên cả hai mặt nội dung văn kiện và phương hướng công tác nhân sự.

Sau Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các tiểu ban và các tổ biên tập nghiêm túc tiếp thu những ý kiến và kết luận của Trung ương để bổ sung và chỉnh sửa các dự thảo văn kiện, kịp thời gửi lấy ý kiến các đại hội cấp quận, huyện và tỉnh, thành phố.

Sáu tháng cuối năm nay là thời gian dồn dập diễn ra các đại hội ở cấp cơ sở, tiếp đó là cấp quận, huyện và cấp tỉnh, thành, cũng là sáu tháng để thực hiện những nhiệm vụ còn lại của năm 2005 nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội IX.

Tôi muốn nhắc lại một lần nữa ý kiến đã được trình bày tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương rằng, quá trình chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị Đại hội X của Đảng phải được kết hợp chặt chẽ với quá trình thực hiện nhiệm vụ của Đại hội IX, coi việc hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội IX và nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005 là nội dung quan trọng nhất và không một đảng bộ nào, cấp ủy nào được lấy lý do chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ mà lơ là lỏng các nhiệm vụ trước mắt, cả về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và các lĩnh vực khác.

Sáu tháng đầu năm nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã có rất nhiều cố gắng vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt nhịp độ tăng trưởng cao hơn rõ rệt so với cùng kỳ năm trước, song nhịp độ ấy vẫn còn chưa đạt mức kế hoạch đã đề ra.

Tôi mong rằng, những tháng còn lại sẽ là thời gian nỗ lực vượt bậc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của cả năm 2005. Mỗi đồng chí Trung ương, mỗi đồng chí đứng đầu các ban, ngành, đoàn thể, các đảng bộ trực thuộc Trung ương, trên cương vị lãnh đạo của mình, cần tập trung cao độ tâm sức và trí tuệ, đem hết sức mình làm tròn nhiệm vụ, theo tinh thần coi việc tiến hành đại hội các cấp là một cơ hội, một động lực để thúc đẩy các nhiệm vụ trước mắt và lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ này góp phần bảo đảm thành công của đại hội các cấp cũng như Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Theo tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX.

Xin chúc các đồng chí sức khỏe, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Từ ngày 4 đến ngày 13-7-2005, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã được tổ chức tại Hà Nội. Hội nghị đã thảo luận và thông qua các dự thảo văn kiện sẽ trình Đại hội X của Đảng, bao gồm: Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo về công tác xây dựng Đảng và Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Hội nghị còn thảo luận phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X và một số vấn đề quan trọng khác.

Các ý kiến phát biểu tại Hội nghị đều rất tâm huyết, với tinh thần trách nhiệm cao, đề cập nhiều vấn đề phong phú và sâu sắc, thảo luận và tranh luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ, tập trung vào những vấn đề lớn mà Bộ Chính trị đã trình, làm rõ thêm nhiều vấn đề cơ bản và cấp bách, đồng thời đề ra những giải pháp quan trọng.

I- Về các dự thảo văn kiện

Hội nghị Trung ương nhất trí đánh giá rằng những thành tựu nước ta đã đạt được trong 20 năm đổi mới là to lớn

và có ý nghĩa lịch sử; những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX (2001 - 2005) là rất quan trọng. Những thành tựu đó đã làm thay đổi lớn bộ mặt của đất nước, tạo ra thế và lực mới để nước ta tiếp tục tiến lên mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới. Hội nghị cũng nhấn mạnh những mặt yếu kém, khuyết điểm và chỉ rõ những nguyên nhân cần khắc phục.

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, làm rõ những cơ hội và thách thức sắp tới, Hội nghị nhất trí đề ra chủ đề của Đại hội X là: “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”; xác định mục tiêu phát triển kinh tế trong 5 năm tới là tăng trưởng GDP bình quân 7,5% đến 8% mỗi năm, đồng thời nỗ lực phấn đấu để đạt trên 8%/năm.

Hội nghị chỉ rõ, để đạt được những bước đột phá mới, cần tiếp tục giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, cả nguồn lực trong nước và nguồn lực tranh thủ từ bên ngoài; tiếp tục xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo chuyển biến mạnh trong việc xây dựng nền tảng văn hoá của xã hội; phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tăng cường quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nghị xác định trong giai đoạn mới công tác xây dựng Đảng vẫn là nhiệm vụ then chốt, coi việc tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới là vấn đề có ý nghĩa sống còn của Đảng và chế độ và là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, cả trước mắt cũng như lâu dài.

Hội nghị đề ra các phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng trên tất cả các mặt, cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, củng cố, tăng cường vai trò, vị trí của các tổ chức cơ sở đảng và nhiều vấn đề quan trọng khác.

II- Về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X

Với vị trí then chốt của nhiệm vụ xây dựng Đảng, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương cho rằng, việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa X đủ phẩm chất, năng lực để hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới là vấn đề đặc biệt quan trọng. Để có một Ban Chấp hành Trung ương khóa X mạnh, Hội nghị đã tập trung xác định những vấn đề mang tính quan điểm, nguyên tắc về tiêu chuẩn, cơ cấu cũng như phương hướng và cách thức tiến hành chuẩn bị nhân sự, với tinh thần hết sức coi trọng chất lượng của từng Ủy viên Trung ương cũng như chất lượng của toàn Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trên

các lĩnh vực, các địa bàn và các vị trí công tác quan trọng, bảo đảm sự hài hòa giữa ba độ tuổi, có tỷ lệ cần thiết về cán bộ trẻ, các đồng chí nữ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, các đồng chí xuất thân từ công nhân, nông dân và trong đội ngũ trí thức. Hội nghị giao cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các cấp ủy đảng trực thuộc triển khai thực hiện tốt những quyết định của Trung ương, chuẩn bị đưa ra xem xét cụ thể trong các Hội nghị Trung ương tiếp theo, nhằm chuẩn bị thật tốt vấn đề nhân sự cho Đại hội X của Đảng.

III- Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt quan tâm đến tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng trong tình hình hiện nay, đã đề ra những giải pháp cụ thể nhằm đấu tranh có hiệu quả chống lại các âm mưu, thủ đoạn diễn biến hoà bình, kích động bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; kiên quyết bác bỏ những luận điệu tuyên truyền, bịa đặt, xuyên tạc và vu khống, khắc phục những biểu hiện dao động và thiếu ý thức tổ chức kỷ luật của một số cán bộ, đảng viên, củng cố vững chắc sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng chung quanh Ban Chấp hành Trung ương.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên hãy phát huy thành quả to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 20 năm đổi mới và những thành tựu rất quan trọng trong 5 năm 2001 - 2005, với niềm tin và sức mạnh mới, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động trong

toàn Đảng, tạo sự đồng thuận cao và không khí phấn khởi trong xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005, tiến hành thành công đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội X của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Số 148-QĐ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2005

**Về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc
Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ X của Đảng***

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Điều lệ Đảng,

Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng như sau:

1. Căn cứ để phân bổ đại biểu

Việc phân bổ số lượng đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội X của Đảng căn cứ vào đầu mối các

* Tài liệu này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc thuận tiện theo dõi (B.T).

đảng bộ trực thuộc Trung ương; vào số lượng đảng viên của từng đảng bộ và vào vị trí quan trọng của một số đảng bộ.

2. Mức phân bổ số lượng đại biểu cụ thể ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương

2.1- Phân bổ số lượng đại biểu tính theo đầu mối các đảng bộ trực thuộc Trung ương

- Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng bộ Công an Trung ương, các đảng bộ cơ quan Trung ương: Khối I, khối Tư tưởng - Văn hóa, khối Khoa giáo, khối Kinh tế, mỗi đảng bộ được cử 10 đại biểu.

- Các đảng bộ khối Dân vận, khối Nội chính, khối Đối ngoại, mỗi đảng bộ được cử 8 đại biểu.

- Đảng bộ Đường sắt Việt Nam được cử 1 đại biểu.

- Các đảng bộ ngoài nước trực thuộc Ban Cán sự Đảng Ngoài nước được chỉ định 9 đại biểu.

2.2- Phân bổ số lượng đại biểu tính theo số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ

- Ở các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đảng bộ Quân đội, Công an, Đường sắt Việt Nam cứ có 10.000 đảng viên thì được cử 1 đại biểu, nếu còn dư từ 5.001 đảng viên trở lên thì được cử thêm 1 đại biểu.

- Ở các đảng bộ khối cơ quan Trung ương cứ có 5.000 đảng viên thì được cử 1 đại biểu, nếu còn dư từ 2.501 đảng viên trở lên thì được cử thêm 1 đại biểu.

- Ở các đảng bộ có số lượng đảng viên ít hơn so với mức quy định trên cũng được phân bổ 1 đại biểu theo số lượng đảng viên.

2.3- Phân bổ số lượng đại biểu tính theo vị trí quan trọng của một số đảng bộ

- Đảng bộ thành phố Hà Nội được cử thêm 3 đại biểu.

- Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh được cử thêm 3 đại biểu.

- Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam được cử thêm 2 đại biểu.

- Đảng bộ Công an Trung ương được cử thêm 1 đại biểu.

3. Về cơ cấu đại biểu

Việc bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng phải bảo đảm tiêu chuẩn đã nêu trong Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 6-12-2004 của Bộ Chính trị về đại hội đại biểu các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, đồng thời trên cơ sở tiêu chuẩn, phải có cơ cấu hợp lý, hướng vào các lĩnh vực hoạt động sau đây:

- Đa số là cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp, hoạt động trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể ở Trung ương và ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Một số đại biểu công tác ở cấp huyện, quận và cấp cơ sở (riêng đoàn đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần có khoảng 1/3 đại biểu công tác ở cấp huyện, quận và cơ sở).

- Một số đại biểu là cán bộ khoa học, chuyên gia giỏi về các lĩnh vực lý luận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

- Có đại biểu là công nhân, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, dân tộc thiểu số.

4. Triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định này, Bộ Chính trị quyết định cụ thể về số lượng đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương

được triệu tập dự Đại hội X của Đảng và giao Ban Tổ chức Trung ương thông báo số lượng đại biểu được phân bổ ở từng đảng bộ trực thuộc Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 51-NQ/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2005

**Về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng,
thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với
thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 4-7-1985 của Bộ Chính trị (khoá V) về: “Tiếp tục kiện toàn cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam và sự nghiệp quốc phòng”, các hệ thống tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, cơ quan chính trị và cán bộ chính trị các cấp trong Quân đội đã được củng cố, kiện toàn, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, góp phần xây dựng Quân đội không ngừng lớn mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng cho thấy một số vấn đề về chất lượng và hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị còn hạn chế, chưa đáp ứng được sự phát triển của tình hình.

Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới đặt ra yêu cầu phải nâng cao

chất lượng xây dựng Quân đội, đặc biệt là nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, bảo đảm cho Quân đội luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là lực lượng chính trị - lực lượng chiến đấu trung thành và tin cậy của Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của nhân dân, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống. Nhằm đáp ứng yêu cầu đó, Bộ Chính trị quyết định tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I- NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội được tổ chức từ Đảng ủy Quân sự Trung ương đến cơ sở, hoạt động theo Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảng ủy Quân sự Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định để lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Các cấp ủy đảng trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương đến cơ sở, cấp ủy ở cấp nào do đại hội đảng bộ cấp đó bầu; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định.

3. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng trong Quân đội hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phân công cá nhân phụ trách theo chức trách, nhiệm vụ.

4. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên là của Đảng ủy Quân sự Trung ương. Ở mỗi cấp có chính ủy (hoặc chính trị viên) là người chủ trì về chính trị và cơ quan chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị của đơn vị, hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy, cơ quan chính trị, chính ủy (chính trị viên) cấp trên và sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cùng cấp.

5. Trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc, toàn diện, xuyên suốt của các tổ chức đảng, trong Quân đội thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên.

II- NỘI DUNG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MỘT NGƯỜI CHỈ HUY GẮN VỚI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH ỦY, CHÍNH TRỊ VIÊN

1. Người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên được Đảng, Nhà nước và Quân đội giao cho những quyền hạn trong phạm vi chức trách và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp ủy, người chỉ huy, cơ quan chính trị, chính ủy, chính trị viên cấp trên và cấp ủy cấp mình về toàn bộ các hoạt động của đơn vị theo phạm vi, chức trách, nhiệm vụ. Người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp.

2. Người chỉ huy có trách nhiệm chấp hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên và nghị quyết của cấp ủy cấp mình về toàn bộ hoạt động quân sự của đơn vị. Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ, người chỉ huy phải báo cáo với cấp ủy cấp mình về nhiệm vụ được cấp trên giao, đề xuất các chủ trương, biện pháp lãnh đạo để cấp ủy thảo luận, quyết định. Khi có tình huống khẩn trương, người chỉ huy phải chủ động quyết đoán, xử trí kịp thời để hoàn thành nhiệm vụ, sau đó phải kịp thời báo cáo và chịu trách nhiệm trước cấp ủy, người chỉ huy cấp trên và cấp ủy cấp mình.

3. Từ cấp trung đoàn và tương đương đến cấp quân khu và tương đương có chính ủy và cơ quan chính trị. Từ cấp đại đội và tương đương đến cấp tiểu đoàn và tương đương có chính trị viên. Chính ủy, chính trị viên là người chịu trách nhiệm trước cấp trên và cấp ủy cấp mình về toàn bộ các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị; có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, tổ chức tiến hành các nội dung công tác đảng, công tác chính trị theo chức trách, nhiệm vụ; tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch công tác chung của đơn vị.

4. Quan hệ giữa chính ủy (chính trị viên) với người chỉ huy là quan hệ phối hợp công tác.

Chính ủy (chính trị viên) và người chỉ huy phải thường xuyên chủ động quan hệ chặt chẽ với nhau trên tinh thần đoàn kết, thống nhất, tin cậy, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ; cùng chăm lo xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Người chỉ huy và chính ủy (chính trị viên) phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị và mệnh lệnh của cấp trên giao, thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy quyết định; xây dựng kế hoạch, phân công tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng bộ Quân đội và các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức quán triệt Nghị quyết này, tạo sự thống nhất cao với chủ trương của Bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam; nắm vững và thực hiện đúng những nội dung quy định của chế độ chính ủy, chính trị viên.

2. Đảng ủy Quân sự Trung ương chỉ đạo Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với các ban có liên quan của Trung ương Đảng xây dựng kế hoạch, các quy chế, quy định để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Việc xây dựng kế hoạch triển khai học tập, quán triệt để thực hiện tốt Nghị quyết hoàn thành trong năm 2005.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 52-CT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2005

Về phát triển và quản lý báo điện tử ở nước ta hiện nay

Mạng thông tin toàn cầu (internet) là một trong những phát minh lớn nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin đã và đang phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, tác động nhiều mặt đến đời sống xã hội của nhân loại. Nước ta bắt đầu nghiên cứu và chính thức tham gia mạng thông tin toàn cầu từ những năm 90 của thế kỷ trước. Mấy năm gần đây, hệ thống thông tin đại chúng ở nước ta có thêm loại hình báo chí mới là báo điện tử.

Báo điện tử có tác dụng và tiện ích hơn hẳn các loại hình báo chí truyền thống, dung lượng thông tin rất lớn, tương tác thông tin nhanh, phát hành không bị trở ngại về không gian, thời gian, biên giới quốc gia. Từ khi ra đời, báo điện tử nước ta đã góp phần quan trọng vào việc phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; mở rộng hiệu quả thông tin đối ngoại; nâng cao dân trí và thỏa mãn nhu cầu thông tin, hưởng thụ văn hóa của nhân dân...

Tuy nhiên, các báo điện tử của nước ta còn một số hạn chế, yếu kém. Tính tư tưởng, tính định hướng chính trị, tính chiến đấu, tính khoa học, tính chuyên nghiệp ở một số tờ báo điện tử chưa cao. Một số báo thiếu cân nhắc khi đưa tin, bài về các vấn đề trong nước và thiếu chọn lọc khi khai thác tư liệu, bài viết ở bên ngoài; một số tin, bài chạy theo thị hiếu tầm thường, giật gân, câu khách. Ở một số cơ sở dịch vụ internet, còn dễ xảy ra tình trạng lưu hành, phát tán các thông tin phản động, đồi trụy, vu khống, bôi nhọ danh dự cá nhân, gây bất bình trong nhân dân. Chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn ngừa các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị ở trong và ngoài nước lợi dụng mạng internet và báo điện tử để chống phá cách mạng nước ta.

Nguyên nhân của những yếu kém nói trên, trước hết là do:

Năng lực của cơ quan chủ quản báo chí còn bất cập; thiếu các biện pháp chỉ đạo, quản lý sâu sát, thường xuyên. Ban biên tập của không ít báo điện tử, nhất là tổng biên tập ở một số tờ báo, còn yếu về bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức, quản lý, chỉ đạo hoạt động của báo. Nhiều người trong đội ngũ những người làm báo điện tử chưa được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ thuật. Công tác xây dựng Đảng, đoàn thể, tổ chức bộ máy, quản lý tòa soạn chưa được quan tâm đúng mức; việc bảo vệ an toàn và an ninh mạng còn bất cập; trình độ kỹ thuật, cơ sở vật chất và trang thiết bị còn hạn chế.

Một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp và một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của báo điện tử và internet, cả mặt tích cực cũng như tác hại của nó, dẫn đến tình trạng khắt khe,

cấm đoán hoặc dễ dãi, buông lỏng quản lý. Thiếu các văn bản quy phạm pháp luật để tạo hành lang pháp lý cho sự hoạt động, phát triển và quản lý báo điện tử. Thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong chỉ đạo, quản lý về lĩnh vực này.

Nhằm đưa hệ thống báo điện tử phát triển nhanh, vững chắc và có hiệu quả, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng ở Trung ương và địa phương, các cơ quan báo điện tử và cơ quan báo chí có báo điện tử thực hiện tốt một số vấn đề sau:

1. Về chủ trương đối với báo điện tử

Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tác động của mạng thông tin toàn cầu và các báo điện tử đến sản xuất và đời sống xã hội. Đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo, quản lý của các cơ quan nhà nước đối với báo chí điện tử; xây dựng các tờ báo điện tử ở nước ta có kỹ thuật và công nghệ hiện đại, đúng đắn, chân thực, phong phú về nội dung, sắc bén về tính định hướng, tính chiến đấu, có tính văn hóa, tính nghiệp vụ cao, thực sự là vũ khí chính trị tư tưởng quan trọng, sắc bén của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Báo điện tử ở nước ta phải được phát triển nhanh, vững chắc, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể về kinh tế, kỹ thuật, con người, năng lực quản lý; đảm bảo an ninh, an toàn, kết hợp hài hòa với việc phát triển các loại hình báo chí và các phương tiện thông tin khác.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm

không ngừng nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên về vị trí, tầm quan trọng và tính hai mặt của internet và báo điện tử, để khai thác, sử dụng có hiệu quả mặt tích cực, đồng thời phòng ngừa, hạn chế mặt tiêu cực.

2.2- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với báo điện tử và các mạng thông tin điện tử.

Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách phát triển, quản lý báo điện tử và mạng internet.

Nâng cao năng lực quản lý báo điện tử của các cơ quan chủ quản báo chí, các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Phân định rõ báo điện tử và trang tin điện tử, chấn chỉnh tình trạng các trang thông tin điện tử hoạt động như một tờ báo điện tử. Kiên quyết khắc phục hoạt động dịch vụ internet trái phép, ngăn chặn các trang tin điện tử phản động, đồi trụy, xâm phạm đời tư, làm tha hóa đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục; phòng chống các hoạt động lừa đảo, phá hoại kinh tế trên mạng thông tin điện tử.

Xây dựng chiến lược quản lý tài nguyên thông tin, quản lý tên miền, bản quyền tên và thiết kế báo, bảo đảm an ninh và an toàn mạng.

2.3- Tiến hành rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ trong các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng, trước hết tập trung củng cố đội ngũ cán bộ quản lý, các tổng biên tập và phó tổng biên tập báo. Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phóng viên báo chí, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, biên tập viên,

phóng viên, kỹ thuật viên, quản trị kinh doanh báo điện tử có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ nghiệp vụ và kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, kiên quyết thay thế những người không đủ phẩm chất, năng lực. Xây dựng các khoa, bộ môn báo điện tử với hệ thống giáo trình và cán bộ giảng dạy có chất lượng ở các cơ sở đào tạo về báo chí. Quan tâm làm tốt công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các cơ quan báo điện tử, các cơ quan báo chí có báo điện tử, các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử.

2.4- Có kế hoạch đầu tư để các báo điện tử được trang bị kỹ thuật công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đầu tư lắp ráp, sản xuất máy tính và phần mềm máy tính, phát triển các dịch vụ đa phương tiện phù hợp với điều kiện của nước ta để phổ cập và mở rộng diện hoạt động của báo điện tử tới các tầng lớp nhân dân, nhất là đến nhân dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

2.5- Mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm với nước ngoài về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và quản lý báo điện tử.

3. Tổ chức thực hiện

3.1- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan báo chí nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị và Ban Bí thư những vấn đề cần quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo.

3.2- Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về báo điện tử; chủ trì, phối hợp với

các cơ quan liên quan tham mưu để Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật, chế độ, chính sách nhằm thực hiện tốt Chỉ thị này. Tổ chức việc sắp xếp, quy hoạch mạng lưới báo điện tử trong cả nước, chú trọng xây dựng một số báo điện tử trọng điểm có chất lượng, đáp ứng yêu cầu thông tin đối nội và đối ngoại. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, phóng viên, biên tập viên báo điện tử. Chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các trang thông tin điện tử (website) của các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và các địa phương, các tổ chức kinh tế theo hướng thiết thực, hiệu quả.

3.3- Ban Cán sự Đảng Bộ Bưu chính - Viễn thông chủ trì cùng Bộ Công an và các cơ quan liên quan chỉ đạo việc xây dựng nội dung, kế hoạch quản lý tài nguyên thông tin, các nhà cung cấp dịch vụ, các cơ sở kinh doanh internet và báo điện tử, đảm bảo an ninh và an toàn mạng, ngăn chặn mọi âm mưu, hành động chống phá, gây rối của các thế lực thù địch.

3.4- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, biên soạn chương trình, giáo trình, trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, xây dựng bộ môn báo điện tử trong các khoa báo chí.

3.5- Các cấp ủy và tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tốt việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về báo điện tử để nhân dân và nhất là thế hệ trẻ sử dụng báo điện tử và internet

đúng mục đích, có hiệu quả. Đồng thời, động viên nhân dân phát hiện các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ internet trái pháp luật để xử lý kịp thời. Các cơ quan chủ quản báo chí, các cơ quan báo điện tử và các cơ quan báo có báo điện tử, các đơn vị, tổ chức có trang thông tin điện tử cần có kế hoạch nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, trình độ kỹ thuật của báo điện tử, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 52-NQ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2005

**Về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo,
bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

I- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

1. Kết quả

Trong những năm qua, thực hiện Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 10-3-1993 và Quyết định 67-QĐ/TW, ngày 20-10-1999 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện, hoạt động của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận có trình độ đại học, sau đại học có nhiều tiến bộ. Quy mô đào tạo được mở rộng; chương trình đào tạo, nội dung giáo trình, bài giảng và phương pháp giảng dạy có đổi mới, kiên trì nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời bổ sung, cập nhật kiến thức mới có chọn lọc, phù hợp với

đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng và sự phát triển của tình hình thực tiễn. Cán bộ qua đào tạo ở Học viện được nâng cao trình độ lý luận chính trị, đổi mới tư duy đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi ngày càng cao của công cuộc đổi mới.

Công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn được coi trọng hơn, góp phần làm sáng tỏ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong công cuộc đổi mới; góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho việc hoạch định Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phục vụ cho việc bổ sung chương trình, giáo trình, bài giảng ở Học viện và các trường chính trị tỉnh, thành phố.

Bộ máy tổ chức của Học viện được kiện toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật từng bước được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các mặt công tác.

Đội ngũ cán bộ của Học viện có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Đảng, với mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa; đại bộ phận tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức phấn đấu vươn lên, nâng cao trình độ và chất lượng công tác.

2. Hạn chế

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa thật gắn chặt với quy hoạch cán bộ và việc thực hiện chiến lược cán bộ của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung, chương trình đào tạo tuy có đổi mới nhưng còn chậm, còn thiếu nhiều loại tri thức hiện đại và kỹ năng cần thiết đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ cấu và thời lượng của các môn học chưa thật hợp lý.

Phương thức đào tạo, phương pháp giảng dạy chưa kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa nâng cao tri thức với rèn luyện đạo đức và phương pháp lãnh đạo, quản lý; chưa phát huy được tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người học. Công tác quản lý học viên chưa thật chặt chẽ; quan hệ giữa đào tạo tập trung và tại chức chưa hợp lý, chưa phân định rõ đối tượng học tập trung và học tại chức, đối tượng đào tạo ở Học viện trung tâm và các phân viện; sự phối hợp giữa Học viện với cấp ủy cử cán bộ đi học và cơ quan quản lý cán bộ trong việc theo dõi, quản lý và bố trí công tác cho cán bộ sau khi ra trường còn nhiều hạn chế.

Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa bám sát chương trình công tác lớn của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; còn ít những công trình khoa học lớn đóng góp quan trọng vào việc đổi mới tư duy, phát triển lý luận cách mạng. Tính phê phán, đấu tranh tư tưởng, lý luận còn yếu. Sự phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học chưa thường xuyên, hiệu quả thấp.

Tổ chức bộ máy của Học viện còn cồng kềnh, cơ cấu chưa hợp lý. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu còn một số mặt hạn chế, nhất là về khả năng cập nhật kiến thức khoa học hiện đại, hiểu biết thực tiễn đất nước và thế giới, về khả năng ngoại ngữ, tin học và sử dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại. Công tác xây dựng lực lượng kế cận còn chậm, ít chuyên gia giỏi.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế:

Học viện chưa tập trung cao cho việc nghiên cứu, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, quản lý học viên và tìm phương thức tổ chức để đẩy mạnh, nâng cao chất lượng

ngiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng hoạt động và giúp Học viện tháo gỡ các khó khăn.

Một số cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, địa phương chưa lãnh đạo chặt chẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chưa phối hợp thường xuyên với Học viện trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Thiếu cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích đội ngũ hiện có, thu hút cán bộ có năng lực giảng dạy, nghiên cứu lý luận chính trị về Học viện công tác và khai thác tiềm năng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm.

Mức độ đầu tư và cơ chế quản lý tài chính phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hiện đại hóa Học viện còn bất cập so với yêu cầu, nhiệm vụ.

II- ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; là trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh,

ngiên cứu đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu về khoa học chính trị.

Học viện phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật để ngang tầm với đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Quan điểm chỉ đạo đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của Học viện

- Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thế giới hiện đại để phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới toàn diện, mạnh mẽ, đồng bộ, nhưng có trọng tâm, trọng điểm, với bước đi vững chắc.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần bám sát mục tiêu, yêu cầu, định hướng của chiến lược cán bộ, gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch cán bộ. Coi trọng chất lượng đào tạo. Phân định rõ giữa đào tạo cơ bản với bồi dưỡng theo chức danh. Rút ngắn hợp lý thời gian đào tạo. Chú trọng đào tạo tập trung.

Công tác nghiên cứu khoa học phải có đóng góp kịp thời và thiết thực vào việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia tích cực vào công tác tư tưởng của Đảng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Gắn tổng kết thực tiễn với phát triển lý luận.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự chỉ đạo của Chính phủ đối với Học viện; đồng thời, phát huy tốt trách nhiệm của Học viện và các đơn vị trong Học viện.

2. Định hướng và những giải pháp chủ yếu

2.1- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Mục tiêu và yêu cầu:

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp của hệ thống chính trị, góp phần xây dựng đội ngũ những người lãnh đạo chính trị có *phẩm chất và năng lực* đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới; đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận chính trị có trình độ sau đại học, nhằm cung cấp cán bộ nghiên cứu chủ chốt cho các cơ quan lãnh đạo và các viện nghiên cứu khoa học xã hội, giảng viên lý luận các trường chính trị tỉnh, thành phố, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể và các trường đại học, cao đẳng; đào tạo cán bộ cho các cơ quan tuyên truyền và thông tin đại chúng.

- Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng phân cấp như sau:

Tại Trung tâm Học viện:

+ Vụ trưởng, phó vụ trưởng và tương đương trở lên của các bộ, ban, ngành, đoàn thể, đảng ủy trực thuộc Trung ương; tỉnh ủy viên, thành ủy viên, trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, thành phố và bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy trở lên.

+ Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ làm công tác giảng dạy và nghiên cứu lý luận chính trị ở các cơ quan Trung ương, các viện nghiên cứu, các nhà trường.

+ Bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng đào tạo tại Trung tâm Học viện, cho giảng viên các học viện chính trị khu vực, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của các trường đại học, cao đẳng.

Tại các học viện khu vực:

+ Trưởng, phó phòng và tương đương của các bộ, ban, ngành, đoàn thể, đảng ủy trực thuộc Trung ương; cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, thành phố; cấp ủy viên và trưởng phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện, quận, thị xã.

+ Bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng đào tạo tại các học viện khu vực.

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền:

+ Trưởng, phó phòng trở lên của các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương, ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố; phó trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; trưởng, phó ban tuyên giáo huyện ủy, quận ủy, thị ủy.

+ Đào tạo giảng viên lý luận chính trị bậc đại học cho các trường chính trị tỉnh, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, các trường đại học và cao đẳng; đào tạo bậc đại học và sau đại học các chuyên ngành báo chí, xuất bản và tuyên truyền.

+ Bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc các đối tượng đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

Đổi mới, hoàn thiện chương trình các hệ đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chọn lọc, thiết thực, sát hợp với đối tượng

và mục tiêu đào tạo. Học viện có các loại chương trình sau: chương trình đào tạo cao cấp lý luận, chương trình bồi dưỡng, chương trình nâng cao, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; chương trình đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ để chuẩn hóa chức danh công chức; chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành lý luận chính trị và một số chuyên ngành khoa học - xã hội và nhân văn khác; chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học các cán bộ trên lĩnh vực báo chí, xuất bản, tuyên truyền và giảng viên lý luận chính trị.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với các ban, ngành tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành theo yêu cầu của các ban, ngành.

Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo phải vừa bảo đảm tính khoa học, cơ bản và hệ thống, vừa bảo đảm tính hiện đại, thực tiễn và chuyên môn nghiệp vụ.

- Phương thức, phương pháp đào tạo và quản lý học viên:

Chiêu sinh đúng đối tượng trên cơ sở bảo đảm quy mô đào tạo hợp lý. Cán bộ thuộc diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt nhất thiết phải qua đào tạo tập trung.

Thực hiện đào tạo toàn diện, chú trọng nâng cao trình độ kiến thức, rèn luyện năng lực tư duy khoa học, khả năng xử lý tình huống, trau dồi đạo đức, lối sống. Gắn bồi dưỡng lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành. Áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại và học tập theo phong cách nghiên cứu nhằm phát huy cao độ tính chủ động, tích cực, khả năng độc lập suy nghĩ, sáng tạo của người học.

Quản lý chặt chẽ học viên theo quy chế.

2.2- Công tác nghiên cứu khoa học

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trên các hướng: nghiên cứu phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu đóng góp vào sự phát triển lý luận, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tổ chức thảo luận, làm sáng tỏ những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, đang có ý kiến khác nhau, đấu tranh chống các quan điểm lệch lạc và luận điệu sai trái, góp phần tích cực vào công tác tư tưởng của Đảng.

- Chú trọng cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; nghiên cứu lý luận gắn với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Tăng cường nghiên cứu liên ngành, phối hợp giữa Học viện với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, các cơ quan khoa học khác và cấp ủy, chính quyền địa phương trong nghiên cứu khoa học. Tổ chức để học viên cùng tham gia các hoạt động khoa học.

- Tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản nhằm làm sáng tỏ những giá trị, sức sống và ý nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện, trọng tâm là vấn đề Đảng cầm quyền; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế... Tạo ra những công trình, sản phẩm khoa học lớn, có uy tín xã hội cao.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý khoa học; tăng cường công tác thông tin khoa học; mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

2.3- Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên

Coi trọng việc xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, đặc biệt là cán bộ khoa học đầu ngành; có biện pháp mạnh và cấp thiết để sau một số năm đáp ứng đủ số lượng, bảo đảm chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu cho Học viện.

Ban Bí thư phân công một số cán bộ lãnh đạo các cơ quan Trung ương và địa phương có đủ điều kiện làm giảng viên kiêm nhiệm của Học viện.

Các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh, thành phố có trách nhiệm giúp Học viện lựa chọn những cán bộ có đủ điều kiện về Học viện làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận.

Học viện được trao đổi giảng viên với một số cơ sở đào tạo có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

2.4- Tài chính, chế độ, chính sách và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị tài chính cấp I.

Có chế độ phụ cấp hợp lý cho học viên, nhất là học viên người dân tộc thiểu số, cán bộ vùng cao, vùng sâu, vùng xa, học viên nữ và học viên là người nước ngoài.

Có chính sách phù hợp trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Học viện; tôn vinh các nhà giáo, các cán bộ khoa học, nhất là các chuyên gia đầu ngành; tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trẻ phấn đấu rèn luyện sớm trưởng thành. Có chính sách thỏa đáng đối với cộng tác viên khoa học và báo cáo viên, giảng viên kiêm nhiệm.

Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật của Học viện để tương xứng một trung tâm đào tạo và nghiên cứu lớn của quốc gia và khu vực. Trong những năm tới, ưu tiên đầu tư theo quy hoạch, chú trọng đầu tư về công nghệ thông tin.

2.5- Cơ cấu tổ chức và sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với Học viện

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gồm các viện, vụ, ban, văn phòng, tạp chí, nhà xuất bản và Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ định kỳ làm việc, chỉ đạo các hoạt động của Học viện.

Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do Bộ Chính trị phân công.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo ban hành nghị định mới của Chính phủ về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; chỉ đạo các bộ, ngành liên quan thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với Học viện, bảo đảm kinh phí hoạt động và từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật của Học viện.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ; theo dõi và đề xuất việc bố trí cán bộ đã qua đào tạo; duyệt biên chế hằng năm; hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách và công tác cán bộ của Học viện theo chức năng của Ban.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi về mặt tư tưởng, chính trị trong nội dung giảng dạy ở Học viện, bảo đảm đúng quan điểm, đường lối của Đảng; phối hợp với Học viện trong việc xây dựng chương trình, nội dung đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền và thông tin đại chúng.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương trong việc xây dựng chương trình nghiên cứu lý luận và đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị của các trường đại học, cao đẳng.

Ban Đối ngoại Trung ương phối hợp với Học viện xác định và thực hiện phương hướng, kế hoạch mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành, các cấp ủy địa phương có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để Học viện hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì cùng Ban Tổ chức Trung ương xây dựng Quy chế làm việc của Học viện và mối quan hệ phối hợp giữa Học viện với các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, trình Ban Bí thư quyết định.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 149-QĐ/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2005

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX và Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX;
- Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 30-7-2005 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. *Vị trí, chức năng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và

Chính phủ, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; là trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu về khoa học chính trị.

Điều 2. Nhiệm vụ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp của hệ thống chính trị về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về khoa học lãnh đạo, quản lý, góp phần xây dựng đội ngũ những người lãnh đạo chính trị có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

- Đào tạo cán bộ lý luận chính trị có trình độ đại học, sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), nhằm cung cấp cán bộ nghiên cứu chủ chốt cho các cơ quan lãnh đạo và các viện nghiên cứu khoa học xã hội, giảng viên lý luận chính trị cho các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

- Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt về những vấn đề mới trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về lý luận thực tiễn.

- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tuyên truyền và cán bộ lãnh đạo các cơ quan thông tin đại chúng ở bậc đại học, sau đại học.

- Đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ không thuộc diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt để đủ điều kiện xét nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành cho cán bộ làm công tác tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, bảo vệ chính trị nội bộ, dân vận, mặt trận, văn phòng, nội chính, đối ngoại... của hệ thống chính trị.

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận chính trị cho một số đảng bạn, nước bạn.

2- Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, nghiên cứu khoa học chính trị và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, đặc biệt là những vấn đề mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống các quan điểm lệch lạc và luận điệu sai trái, góp phần tích cực vào công tác tư tưởng của Đảng.

- Nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới.

- Nghiên cứu xây dựng chương trình, nội dung, tổ chức biên soạn, chỉnh lý các giáo trình, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo về các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và phong trào

cách mạng thế giới, về xây dựng Đảng và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về khoa học chính trị, văn hóa, dân tộc, tôn giáo.

3- *Xây dựng, hướng dẫn chương trình, nội dung các môn học, phương pháp giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

4- *Hướng dẫn việc nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng của các địa phương và các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương. Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, địa phương hữu quan biên soạn những bài viết, bài nói, sách về thân thế, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng.*

5- *Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ quan đào tạo và khoa học của các nước, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng cánh tả và tiến bộ, các chính đảng và đảng cầm quyền ở các nước trên thế giới.*

6- *Thực hiện một số nhiệm vụ về quản lý nhà nước được ủy quyền:*

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chương trình, nội dung, phương pháp và quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác thi đua - khen thưởng ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Quản lý các hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế trong Học viện.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyển sinh các lớp đại học và sau đại học thuộc lĩnh vực đào tạo của Học viện.

- Được ủy quyền của Nhà nước về quản lý và cấp các loại văn bằng: cao cấp lý luận chính trị, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ thuộc lĩnh vực đào tạo của Học viện.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1- *Cơ cấu tổ chức của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gồm:*

1. Học viện Chính trị khu vực I (đặt tại thành phố Hà Nội)
2. Học viện Chính trị khu vực II (đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh)
3. Học viện Chính trị khu vực III (đặt tại thành phố Đà Nẵng)
4. Học viện Chính trị khu vực IV (đặt tại thành phố Cần Thơ)
5. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (đặt tại thành phố Hà Nội)
6. Viện Triết học
7. Viện Kinh tế chính trị học
8. Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học
9. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
10. Viện Lịch sử Đảng
11. Viện Xây dựng Đảng
12. Viện Kinh điển Mác - Lênin
13. Viện Quan hệ quốc tế
14. Viện Nhà nước và pháp luật
15. Viện Chính trị học
16. Viện Xã hội học và tâm lý lãnh đạo, quản lý
17. Viện Quản lý kinh tế
18. Viện Kinh tế và phát triển
19. Viện Văn hóa và phát triển
20. Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng
21. Viện Nghiên cứu quyền con người

22. Viện Thông tin khoa học

23. Văn phòng Học viện

24. Vụ Tổ chức - Cán bộ

25. Vụ Quản lý đào tạo

26. Vụ Quản lý khoa học

27. Vụ Các trường chính trị

28. Vụ Hợp tác quốc tế

29. Vụ Kế hoạch - Tài chính

30. Ban Thanh tra

31. Tạp chí Lý luận chính trị

32. Nhà xuất bản Lý luận chính trị

Khi cần thiết thay đổi tổ chức bộ máy trên đây của Học viện, Ban Giám đốc Học viện và Ban Tổ chức Trung ương phối hợp thống nhất kiến nghị để Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2- *Lãnh đạo Học viện gồm:* Giám đốc, do Bộ Chính trị phân công và các Phó Giám đốc, do Ban Bí thư quyết định.

3- Các học viện chính trị khu vực và Học viện Báo chí và Tuyên truyền có tổ chức bộ máy hợp lý, được phân cấp để phát huy tính chủ động, tích cực trong các mặt công tác.

Lãnh đạo và tổ chức bộ máy các học viện chính trị khu vực, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và các đơn vị trực thuộc Giám đốc Học viện do Giám đốc Học viện quyết định theo quy định của Ban Bí thư.

4- Biên chế của Học viện được xác định theo quy định chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức. Ngoài số biên chế theo quy định, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện chế độ cộng tác viên nghiên cứu khoa học, giảng viên kiêm nhiệm.

Điều 4. Về tài chính

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị tài chính cấp I.

Điều 5. Quy chế làm việc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng quy chế làm việc trình Ban Bí thư quyết định.

- Quan hệ giữa Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các bộ, ngành, Mặt trận, đoàn thể Trung ương, Học viện Hành chính quốc gia, các trường chính trị tỉnh, thành phố thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của Ban Bí thư.

Điều 6. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 20-10-1999 của Bộ Chính trị khóa VIII và có hiệu lực từ ngày ký.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 188-TB/TW, ngày 9 tháng 8 năm 2005

Về công tác chuẩn bị Đại hội VIII Hội Nhà báo Việt Nam

Tại cuộc họp ngày 2-8-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Nhà báo báo cáo tình hình chuẩn bị Đại hội VIII Hội Nhà báo Việt Nam, ý kiến của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam; đã ban hành một hệ thống các văn bản làm cơ sở cho sự hoạt động của báo chí và của tổ chức Hội. Báo chí nước nhà đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, phong phú, đa dạng về loại hình, xứng đáng là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng và văn hóa. Hoạt động của Hội Nhà báo có đóng góp tích cực nhất định vào sự phát triển ấy.

2. Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam trình Đại hội được chuẩn bị nghiêm túc, công phu. Ban Bí thư cơ bản tán thành với nội dung, các ưu, khuyết điểm

nêu trong Báo cáo. Tuy nhiên, về khuyết điểm, yếu kém, cần đi sâu phân tích về hiện tượng xa rời tôn chỉ, mục đích, xu hướng “thương mại hoá” ở một số tờ báo, làm rõ trách nhiệm của Hội đối với những thiếu sót của hoạt động báo chí thời gian vừa qua để đề ra biện pháp khắc phục trong thời gian tới. Đồng thời, cần đánh giá kỹ về hiệu quả hoạt động của các cấp Hội và vấn đề đoàn kết nội bộ của Ban Chấp hành Hội.

Về phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ tới, Ban Bí thư đồng ý chủ đề Đại hội lần này là: “Dân chủ, đoàn kết, trí tuệ, đổi mới” và những nội dung đã nêu trong Báo cáo. Song cần bổ sung, nêu rõ hơn nội dung cũng như các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động báo chí và Hội Nhà báo trong thời gian tới.

3. Về dự thảo Điều lệ Hội Nhà báo Việt Nam, Ban Bí thư cơ bản tán thành với nội dung dự thảo. Về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, như nhiệm vụ của Hội Nhà báo, điều kiện kết nạp hội viên, quản lý phóng viên thường trú tại địa phương, cấp thẻ và tổ chức sinh hoạt cho các hội viên đã nghỉ hưu... trên cơ sở các ý kiến góp ý của Ban Bí thư, Ban Chấp hành Hội tiếp thu chỉnh sửa để trình Đại hội.

4. Về nhân sự Đại hội, Ban Bí thư đồng ý với dự kiến cơ cấu, số lượng Ban Chấp hành khóa tới nêu tại Tờ trình; đồng thời lưu ý trong quá trình chuẩn bị nhân sự cần đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng quy trình; người dự kiến giới thiệu vào Ban Chấp hành phải bảo đảm tiêu chuẩn và Ban Chấp hành có cơ cấu hợp lý, có ba độ tuổi, nhằm bảo đảm tính kế thừa và chuẩn bị nhân sự cho cả nhiệm kỳ sau. Lãnh đạo chủ chốt Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch Hội do một đồng chí Ủy viên Trung ương phụ trách một tờ báo lớn

kiêm nhiệm; 2 phó chủ tịch, trong đó 1 phó chủ tịch thường trực chuyên trách, 1 phó chủ tịch phụ trách phía Nam. Trên tinh thần đó, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện. Nhân sự Chủ tịch Hội là Ủy viên Trung ương phải báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

5. Về thời gian, địa điểm, số lượng đại biểu dự Đại hội, Ban Bí thư đồng ý như Tờ trình của Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 189-TB/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2005

Về việc công bố Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới

Ngày 5-8-2005, sau khi nghe Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo xin ý kiến về việc công bố Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới (Công văn số 701-CV/HĐLLTW, ngày 13-6-2005), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý giao Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm đổi mới công bố Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 20 năm đổi mới vào đầu tháng 9-2005, dưới hình thức sách lưu hành nội bộ.

2. Giao Hội đồng Lý luận Trung ương căn cứ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 12 khóa IX (số 50-NQ/TW, ngày 13-7-2005), bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết trình Ban Chỉ đạo tổng kết trước khi công bố.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 150-QĐ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2005

**Thay đổi thành viên Tổ Biên tập
của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng**

- Căn cứ Quyết định số 104-QĐ/TW, ngày 26-7-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng;

- Theo đề nghị của Thường trực Tiểu ban Văn kiện và Trưởng Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Cử đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, tham gia Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X, thay đồng chí Trịnh Xuân Giỏi, nguyên Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương.

2. Tiểu ban Văn kiện Đại hội X, các đồng chí có tên tại điểm 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 151-QĐ/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2005

**Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo
tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với
cán bộ lãnh đạo và quản lý**

- Căn cứ Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 11-12-2003 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Cử đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, tham gia Ban Chỉ đạo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý thay đồng chí Đặng Hữu Hải, nguyên Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

2. Ban Chỉ đạo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý, các đồng chí có tên tại điểm 1

và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 190-TB/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2005

Về Đại hội đại đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên

Tại phiên họp ngày 9-8-2005, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Tây Nguyên báo cáo về Đại hội nhân sĩ, trí thức tiêu biểu các dân tộc thiểu số Tây Nguyên và ý kiến của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương tổ chức Đại hội đại đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên nhân dịp 60 năm (19-4-1946) Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho “Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku”. Đại hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, tổ chức vào trước hoặc sau Tết âm lịch Bính Tuất. Sau Đại hội có lễ hội mừng công.

2. Nội dung chủ yếu của Đại hội là tập trung biểu dương thành tích của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên trong 60 năm qua đã chung sức, chung lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; khẳng định tính đúng đắn và nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về chính sách dân tộc, tôn giáo, chăm lo phát triển

kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Lưu ý tạo điều kiện để các đại biểu nói lên suy nghĩ, tình cảm, trách nhiệm và việc làm của mình ở địa phương, buôn làng; kiến nghị với Đảng, Nhà nước về xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo để giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục phát triển Tây Nguyên toàn diện, vững mạnh.

3. Thành phần tham dự Đại hội là những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng các dân tộc, các tôn giáo sinh sống trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, những người có thành tích, là tấm gương trong việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên (ưu tiên thành phần là đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ). Đại hội có thể mời đại biểu các tỉnh có liên quan; đại biểu mời dự chủ yếu là người các dân tộc thiểu số. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (từ Trung ương đến cơ sở) phối hợp với cấp ủy, chính quyền các địa phương lựa chọn đại biểu tham dự Đại hội.

4. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Dân tộc, Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên và cấp ủy địa phương xây dựng đề án, triển khai việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội thành công.

5. Về công tác tuyên truyền đối ngoại, giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên xây dựng đề án riêng phù hợp với vị trí và tính chất của Đại hội.

Mọi công tác chuẩn bị phải được tiến hành chu đáo, chặt chẽ, nếu có vấn đề cần thiết báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 193-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 2005

Về việc xét tặng thưởng huân chương bậc cao

Xem xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ (Tờ trình số 49-BCS, ngày 16-8-2005) và ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Việc xét tặng thưởng huân chương bậc cao (Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh) cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các ban đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp ở Trung ương và tập thể, cá nhân người nước ngoài, do Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét, Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định. Trường hợp cần thiết thì Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư trước khi quyết định.

- Việc tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh đối với các đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch

Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đương chức và nguyên chức), trên cơ sở ý kiến của Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương thẩm định và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến, sau đó Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định.

- Việc phong tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng huân chương các loại đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, giao Ban Tổ chức Trung ương xem xét và có ý kiến trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 194-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 2005

Về cuộc làm việc với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Tại phiên họp ngày 9-8-2005, sau khi nghe báo cáo của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và ý kiến của các ban, ngành liên quan, Ban Bí thư kết luận:

Ban Bí thư đồng ý với những nội dung cơ bản nêu trong báo cáo của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

a) Ưu điểm:

- Trong thời gian qua, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có nhiều cố gắng tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước về công tác vận động phụ nữ; quan tâm lãnh đạo quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ và cán bộ nữ trong tình hình mới; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện, đạt một số kết quả.

- Tích cực tham gia phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và cán bộ nữ; chủ động làm việc với ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy góp phần chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2006 - 2010.

- Các cấp Hội đã có nhiều hoạt động thiết thực, phong phú, có trọng tâm, trọng điểm, sâu sát cơ sở, nhất là các vùng khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo các tôn giáo. Phong trào thi đua yêu nước trong các tổ chức Hội có nhiều biện pháp và cách làm sáng tạo giúp chị em phụ nữ phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Chú trọng củng cố tổ chức cơ sở Hội, tập hợp hội viên, kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác vận động phụ nữ ở các cấp.

- Hoạt động của Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam có nhiều cố gắng và đạt một số kết quả tích cực.

b) Thiếu sót, yếu kém:

- Việc tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước về công tác vận động phụ nữ còn hạn chế, tính chủ động chưa cao. Hoạt động của các cấp Hội chưa đáp ứng được nhiều vấn đề thực tiễn đang đặt ra, như giáo dục về đạo đức, lối sống cho phụ nữ, hỗ trợ lao động nữ ở các khu công nghiệp tập trung, khắc phục tình trạng phụ nữ lấy chồng người nước ngoài, phụ nữ phạm tội và mắc vào các tệ nạn xã hội...

- Việc kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào, nhân rộng các điển hình tiên tiến, chỉ ra những yếu kém, hạn chế, đề ra

các giải pháp khắc phục để nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào chưa thường xuyên, tích cực.

- Hoạt động của Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ còn lúng túng, sự phối hợp giữa các thành viên chưa chặt chẽ.

Nguyên nhân của những yếu kém trên:

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ, chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động phụ nữ.

- Hệ thống tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác phụ nữ ở một số đơn vị còn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác vận động phụ nữ chưa cao.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, bộ, ngành còn chưa chặt chẽ.

2. Về hoạt động của Đảng đoàn và công tác quản lý nội bộ cơ quan Trung ương Hội

Về ưu điểm:

- Đảng đoàn và cơ quan Trung ương Hội đã xây dựng được một số quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo, làm việc có chương trình, kế hoạch. Tập thể và từng đồng chí lãnh đạo đã bám sát quy chế, chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện. Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, nề nếp làm việc trong đơn vị được nâng lên.

- Đã quan tâm kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ, xây dựng tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng trong cơ quan đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Tuy nhiên, hoạt động của Đảng đoàn và công tác quản lý nội bộ cơ quan Trung ương Hội còn một số *hạn chế*:

- Trong hoạt động cần chú ý thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để xây dựng khối đoàn kết nhất trí, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Cần thường xuyên bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc cho phù hợp và kiểm tra việc thực hiện để đưa các hoạt động đi vào nề nếp tốt hơn.

3. Về phương hướng hoạt động trong thời gian tới

- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần chủ động phối hợp với các cấp, các ngành, các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để tiếp tục nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị và xã hội về công tác phụ nữ, tạo sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền đối với hoạt động của Hội Phụ nữ các cấp.

- Làm tốt hơn công tác tham mưu cho Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ và cán bộ nữ trong tình hình mới. Trước mắt, cần tham gia giúp các cấp ủy chỉ đạo tốt đại hội đảng các cấp và lựa chọn những cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy đạt tỷ lệ theo kế hoạch đề ra.

- Các chương trình, kế hoạch hoạt động của tổ chức Hội cần bám sát tình hình, nhiệm vụ của đất nước, phù hợp với đặc điểm của Hội; có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng đang có nhiều bức xúc hiện nay để chỉ đạo thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thời gian tới.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các cấp Hội, hướng mạnh về cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố

tổ chức cơ sở Hội vững mạnh; thu hút đông đảo các tầng lớp, đối tượng phụ nữ tham gia Hội, đặc biệt chú ý phụ nữ ở lứa tuổi thanh niên, trong các khu công nghiệp tập trung, các nữ trí thức, doanh nhân, phụ nữ ở các vùng miền núi, vùng khó khăn như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, vùng dân tộc, tôn giáo.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của Đảng đoàn Hội, tạo sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả trong công tác, xây dựng đoàn kết nội bộ tốt để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ được giao.

4. Về một số kiến nghị của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

- Về một số kiến nghị cụ thể như: biên chế cho Hội Phụ nữ ở các huyện vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn, định mức công tác phí cho cán bộ hội..., đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương và các bộ, ngành có liên quan xem xét, giải quyết.

- Về hoạt động của Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam báo cáo Chính phủ chỉ đạo làm rõ chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động, sự phối hợp giữa Ủy ban với các cấp Hội, phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên để nâng cao chất lượng hoạt động của Ủy ban.

- Đồng ý thành lập Học viện Phụ nữ trên cơ sở Trường Cán bộ phụ nữ hiện nay để làm hai chức năng vừa là cơ quan nghiên cứu về công tác phụ nữ, vừa là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.

- Đồng ý sẽ ra chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức Đại hội phụ nữ các cấp, nhiệm kỳ 2006 - 2010.

- Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Bộ Chính trị sẽ xem xét và ban hành vào thời điểm thích hợp.

5. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì cùng Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 195-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 2005

**Tại buổi làm việc với
Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc**

Tại phiên họp Ban Bí thư ngày 19-7-2005, sau khi nghe Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc, ý kiến của các ban, ngành liên quan, Ban Bí thư tán thành với những nội dung nêu trong báo cáo, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

a) Ưu điểm

Trong thời gian qua, Ủy ban Dân tộc đã có cố gắng trong việc tham mưu, đề xuất, kiến nghị với Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tham gia xây dựng các đề án, cơ chế, chính sách đối với các vùng dân tộc thiểu số; tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chính sách về dân tộc; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao đời sống nhân dân ở các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

b) Khuyết điểm

- Công tác tham mưu chất lượng còn hạn chế, tính chủ động chưa cao.

- Công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc chưa sâu sát, chưa phù hợp với từng dân tộc, kết quả đạt được thấp. Công tác thanh tra, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện chính sách về dân tộc chưa được chú trọng đúng mức. Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân tộc còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Ở nhiều vùng dân tộc, việc quản lý các nguồn vốn đầu tư chưa thống nhất, thiếu tập trung, hiệu quả không cao; kinh tế - xã hội chậm phát triển, cơ sở hạ tầng còn rất thấp kém..., nhiều vấn đề xã hội bức xúc (như tỷ lệ đói nghèo còn cao, phân hóa giàu nghèo ngày một lớn, trình độ dân trí thấp, đạo Tin lành phát triển không bình thường...) chuyển biến chậm. Tình hình trên đây có phần trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc.

2. Về công tác quản lý nội bộ của Ủy ban Dân tộc**Về ưu điểm:**

- Ủy ban đã xây dựng được một số quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo Ủy ban. Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các đơn vị trong cơ quan, làm việc có chương trình, kế hoạch. Tập thể và từng đồng chí lãnh đạo về cơ bản đã bám sát quy chế, chương trình, kế hoạch, cải tiến phương pháp làm việc để nâng cao hiệu quả công tác.

- Cơ cấu tổ chức và cán bộ từng bước được kiện toàn. Cải cách hành chính và thực hiện Quy chế dân chủ đạt một số kết quả bước đầu.

- Công tác quản lý tài chính, ngân sách có tiến bộ.

Tuy nhiên, trong công tác quản lý nội bộ còn có nhiều mặt *hạn chế*:

- Nhận thức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Cán sự Đảng Ủy ban chưa đầy đủ, hoạt động của Ban Cán sự Đảng Ủy ban còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

- Việc thực hiện quy chế làm việc, chương trình, kế hoạch công tác có lúc chưa nghiêm; trong nội bộ lãnh đạo Ủy ban có tình trạng né tránh, ngại va chạm, chưa thực sự dân chủ, chưa thực hiện tốt nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. Là cơ quan có đội ngũ cán bộ thuộc nhiều dân tộc, ở nhiều vùng, miền khác nhau, nhưng chưa thực sự đoàn kết, giúp đỡ nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Việc phối hợp và phát huy vai trò của các ủy viên kiêm nhiệm chưa tốt, thiếu sinh hoạt thường xuyên.

3. Nguyên nhân của những khuyết điểm trên

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và của cả một số cán bộ trong ngành về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa đầy đủ, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa tập trung, tổ chức thực hiện kết quả đạt chưa cao.

- Hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc chậm được kiện toàn, còn lúng túng trong xác định chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động; đội ngũ cán bộ vừa thiếu, vừa yếu; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa được quan tâm làm tốt.

- Sự phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc với các bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương chưa chặt chẽ, nhất là với các đơn vị có ủy viên kiêm nhiệm của Ủy ban Dân tộc.

- Các đồng chí lãnh đạo Ủy ban phối hợp chưa chặt chẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chấp hành quy chế làm việc và nội quy của cơ quan chưa nghiêm; chưa kiên quyết xử lý dứt điểm những tồn tại, yếu kém.

4. Về phương hướng nhiệm vụ từ nay đến năm 2010

- Công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trước mắt, cũng là nhiệm vụ mang tính chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước ta. Làm tốt công tác dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị. Trong đó Ủy ban Dân tộc là cơ quan tham mưu trực tiếp cho Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Vì vậy, trong thời gian tới Ủy ban Dân tộc cần tích cực chủ động phối hợp với các cấp, các ngành để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, mà trọng tâm là tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc và nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc.

- Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án chiến lược về công tác dân tộc trong những năm tới, xác định rõ, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng ở các vùng dân tộc; trước mắt cần tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng,

xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

- Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở Trung ương, với cấp ủy, chính quyền các địa phương trong thực hiện công tác dân tộc; phát huy tốt vai trò các thành viên kiêm nhiệm của Ủy ban Dân tộc.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan làm tốt công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người dân tộc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Tiếp tục nghiên cứu, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ; rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của Ủy ban Dân tộc và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Ủy ban, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc. Một số vấn đề liên quan đến nội bộ cơ quan, các đồng chí lãnh đạo Ủy ban cần nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình của người cán bộ, đảng viên, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, giữ gìn tốt đoàn kết nội bộ.

Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương phối hợp giúp Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc trong công tác xây dựng nội bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

5. Về một số kiến nghị của Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét giải quyết những kiến nghị hợp lý để tạo điều kiện cho Ủy ban Dân tộc hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Việc tăng cường đào tạo cán bộ người dân tộc là rất cần thiết, song cần có cơ chế, chính sách để huy động các cơ sở đào tạo hiện có của các cấp, các ngành, các địa phương tham gia thực hiện nhiệm vụ này. Vì vậy, hiện nay chưa đặt vấn đề thành lập Trường Đại học Dân tộc.

- Về đề nghị Đảng, Nhà nước xét tặng Huân chương Sao vàng cho Ủy ban Dân tộc nhân 60 năm ngày thành lập, Ủy ban Dân tộc làm việc cụ thể với các cơ quan chức năng và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà nước xem xét theo đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

- Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc chủ trì cùng Ban Dân vận Trung ương và các ban đảng có liên quan chịu trách nhiệm triển khai việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 196-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 2005

Về chủ trương phong và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành quy định về phong quân hàm và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang (Tờ trình số 472-TTr/BTCTW, ngày 1-8-2005), ý kiến của Ban Cán sự Đảng Chính phủ (Công văn số 53/BCS, ngày 22-8-2005), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc phong quân hàm và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang phải nhằm đáp ứng yêu cầu tăng cường năng lực lãnh đạo, chỉ huy và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Cần xác định rõ các chức vụ có yêu cầu cấp tướng và cấp bậc tướng thấp nhất và cấp bậc tướng cao nhất đối với mỗi chức vụ đó.

2. Tuổi đời phong và thăng quân hàm cấp bậc thiếu tướng không quá 55 tuổi; trường hợp do nhu cầu đặc biệt không quá 60 tuổi; cấp bậc trung tướng không quá 60 tuổi,

trường hợp do nhu cầu đặc biệt không quá 63 tuổi; cấp bậc thượng tướng và đại tướng không quá 65 tuổi, trường hợp do nhu cầu đặc biệt phải báo cáo xin chủ trương của Bộ Chính trị trước khi thực hiện quy trình đề nghị.

3. Đối với sĩ quan cấp bậc đại tá, khi được bổ nhiệm chức vụ có nhu cầu cấp tướng:

- Khi được bổ nhiệm chức vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng thời được thăng quân hàm cấp bậc thiếu tướng.

- Khi được bổ nhiệm chức vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, có thời gian giữ cấp bậc đại tá ít nhất 3 năm thì được xem xét, đề nghị thăng quân hàm cấp bậc thiếu tướng vào đợt đề nghị phong và thăng quân hàm gần nhất.

4. Đối với sĩ quan cấp bậc thiếu tướng trở lên:

- Khi được bổ nhiệm giữ chức vụ quy định có cấp bậc quân hàm cao hơn thì được thăng quân hàm lên một bậc.

- Đối với các trường hợp không bổ nhiệm chức vụ: nếu cấp bậc hiện tại thấp hơn một bậc so với cấp bậc cao nhất quy định cho chức vụ đang đảm nhiệm thì quy định thời gian giữ cấp bậc hiện tại ít nhất là 3 năm; nếu cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn cấp bậc quân hàm cao nhất quy định cho chức vụ đang đảm nhiệm từ hai bậc trở lên thì quy định thời gian giữ cấp bậc quân hàm hiện tại ít nhất là 2 năm.

5. Cán bộ không phải là sĩ quan, được bổ nhiệm hoặc phân công giữ chức có nhu cầu cấp tướng thì được xét phong quân hàm cấp tướng thấp hơn một bậc so với cấp bậc quân hàm cao nhất quy định cho chức vụ được bổ nhiệm.

6. Nhân sự dự kiến phong và thăng quân hàm cấp bậc thượng tướng, đại tướng và những trường hợp do nhu cầu đặc biệt, ngoài các điều kiện quy định nêu trên, phải được Bộ Chính trị đồng ý trước khi thực hiện quy trình đề nghị.

7. Chỉ xét phong và thăng quân hàm thiếu tướng đối với cán bộ giữ chức chỉ huy trưởng quân sự, giám đốc công an ở một số thành phố lớn trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...).

8. Không thăng quân hàm để kết hợp giải quyết chính sách cán bộ. Đối với các đồng chí có quá trình cống hiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao mà quá tuổi thăng quân hàm thì giải quyết lương, không thăng quân hàm.

9. Các đồng chí cán bộ quân đội, công an biệt phái sang công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, không đề nghị thăng quân hàm cấp tướng, mà giải quyết lương.

10. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết việc phong, thăng quân hàm vừa qua, kiến nghị bổ sung, sửa đổi luật, pháp lệnh về vấn đề này.

11. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ căn cứ vào chủ trương nêu trên và luật, pháp lệnh hiện hành ra văn bản quy định về việc phong, thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 153-QĐ/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2005

Về việc kiện toàn nhân sự tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Xét yêu cầu công tác và năng lực cán bộ;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Ban Dân vận Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung 6 đồng chí có tên sau đây tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở:

1- Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, nay kiêm chức Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.

2- Đồng chí Nguyễn Đức Triều, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, thành viên.

3- Đồng chí Nguyễn Hoài Bảo, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, thành viên.

4- Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó chánh Văn phòng Trung ương, thành viên.

5- Đồng chí Trần Hữu Thắng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, thành viên.

6- Đồng chí Phạm Viết Muôn, Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, thành viên.

Điều 2. Các đồng chí có tên sau đây thôi tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở:

1- Đồng chí Trịnh Xuân Giỏi, nguyên Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương.

2- Đồng chí Nguyễn Minh Thông, nguyên Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

3- Đồng chí Trần Hồng Quân, nguyên Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương.

4- Đồng chí Đặng Quốc Tiến, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

5- Đồng chí Nguyễn Đăng Đại, Phó trưởng Ban Dân nguyện của Quốc hội.

6- Đồng chí Bùi Đức Lợi, Vụ trưởng Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 197-TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 2005

Về tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo

Ngày 8-9-2005, Ban Bí thư đã nghe Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo báo cáo kết quả tổng kết và ý kiến của các cơ quan có liên quan. Ban Bí thư cơ bản tán thành với Báo cáo của Ban Chỉ đạo và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Về những kết quả đạt được

- Chuyển biến rõ nét nhất là các tổ chức đảng và đảng viên đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; nhiều nơi đã xác định việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của địa phương, đơn vị; từ đó đã tăng cường chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện; ở một số địa phương các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đã trực tiếp tiếp dân, đối thoại với dân, chỉ đạo xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp.

- Các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương và địa phương đã kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; rà soát các vụ việc khiếu kiện gay gắt, tồn đọng lâu ngày để tập trung giải quyết.

- Công tác giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được Quốc hội, hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở các cấp quan tâm đổi mới cả về nội dung và phương pháp giám sát, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách được đẩy mạnh, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo, tạo cơ sở pháp lý để giải quyết các vụ việc phát sinh trong đời sống xã hội. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức hòa giải tại cơ sở được các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả hơn, nhiều việc xảy ra được giải quyết kịp thời từ cơ sở, ngăn ngừa phát sinh khiếu kiện phức tạp.

- Những tiến bộ trên đã góp phần làm lắng dịu hơn tình hình khiếu nại, tố cáo. Nhìn chung, tình hình khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ khiếu nại, tố cáo vượt cấp, đông người tham gia có xu hướng giảm.

2. Tuy nhiên, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo còn một số hạn chế, khuyết điểm, đáng chú ý là

- Tuy tình hình khiếu nại, tố cáo có lắng dịu hơn, *song chuyển biến chưa thật cơ bản*, vẫn còn diễn biến phức tạp và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bùng phát ở chỗ này hay chỗ khác, lúc này hay lúc khác, ảnh hưởng tới an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt là những tranh chấp khiếu kiện về

các vụ việc liên quan đến đất đai dự kiến sẽ còn phức tạp kéo dài do đất đai là nhu cầu cơ bản của người dân, lại chịu nhiều biến động trong lịch sử cách mạng, kháng chiến và quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa; nhưng cơ chế, chính sách quản lý của Nhà nước còn đang trong quá trình hoàn thiện...

- Một số cấp ủy đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chưa thấy hết trách nhiệm, chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là chưa tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài. Một số cơ quan và cán bộ giải quyết khiếu nại, tố cáo còn có tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không lắng nghe ý kiến của dân, không thừa nhận sai phạm của mình trong giải quyết một số vụ việc để khắc phục.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo chưa sâu, chưa thường xuyên. Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo còn bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng, phát huy dân chủ, hội nhập quốc tế; mặt khác, còn thiếu những quy định làm cơ sở pháp lý cho việc ngăn chặn, xử lý những vụ việc lợi dụng dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo để kích động, gây mất trật tự. Đội ngũ cán bộ giải quyết khiếu nại, tố cáo phần lớn là kiêm nhiệm, vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về năng lực, trình độ, cá biệt có cán bộ yếu cả về ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức.

- Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, phối hợp trên, dưới chưa chặt chẽ, nên chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp để tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo; có khi sự thiếu thống nhất giữa các cấp, các ngành làm cho việc giải quyết vụ việc bị trì trệ, kéo dài, phức tạp thêm, gây tâm lý bức xúc, căng thẳng cho người dân.

3. Về định hướng và giải pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới, Ban Bí thư tán thành những giải pháp và một số công việc cần làm trước mắt đã được nêu trong Báo cáo, lưu ý một số điểm sau:

- Giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo là góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Do vậy, phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị; các cấp ủy đảng, chính quyền phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác này; trong đó bí thư cấp ủy, người đứng đầu cơ quan chính quyền, đoàn thể phải chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

- Thường xuyên hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính để hạn chế tối đa những sơ hở, bất cập trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; chủ động phòng ngừa, hạn chế, khắc phục những nguyên nhân làm phát sinh khiếu nại, tố cáo.

- Đổi mới cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xác định rõ quyền, trách nhiệm của người khiếu nại, người bị khiếu nại và người giải quyết khiếu nại. Mở rộng thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo các vụ án hành chính của tòa án nhân dân. Khi phát hiện việc giải quyết gây oan sai cho người dân thì phải có giải pháp sửa chữa, khắc phục ngay. Trước mắt, cần tập trung rà soát lại các vụ khiếu kiện gay gắt để tập trung giải quyết dứt điểm trong năm 2005.

Về giải quyết tình trạng người dân tập trung đông khiếu nại vượt cấp, kéo dài ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, trước hết, các cơ quan Trung ương và từng địa phương phải

vận động, thuyết phục, đưa họ quay về địa phương. Cơ quan Trung ương chủ trì cùng địa phương bàn biện pháp thống nhất giải quyết có hiệu quả. *Xử lý nghiêm* theo quy định của luật pháp đối với những người cố tình gây rối.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát; trước hết là tập trung vào trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; giám sát việc giải quyết một số vụ việc bức xúc, kéo dài.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục pháp luật, công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở, nêu cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong công tác hòa giải, Nhà nước có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động *hòa giải* góp phần tích cực *giải quyết các tranh chấp ngay tại cơ sở*.

- Kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ, phương tiện làm việc cho các cơ quan *chuyên trách tiếp dân*, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, có chính sách đãi ngộ phù hợp với điều kiện làm việc của cán bộ tiếp dân giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cần di chuyển ngay địa điểm tiếp dân của Đảng và Nhà nước ở Hà Nội đến nơi thích hợp, khang trang, an toàn. Thanh tra Chính phủ và Văn phòng Chính phủ phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm bàn, có phương án giải quyết dứt điểm việc này trước tháng 4-2006.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 09 của Ban Bí thư; chưa cần thiết phải ban hành nghị quyết của Bộ Chính trị

về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tán thành việc tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật về khiếu nại, tố cáo vào quý IV-2005. Cần chuẩn bị thật tốt nội dung Hội nghị, chú ý có một số báo cáo chuyên đề về kinh nghiệm giải quyết khiếu nại ở một số lĩnh vực.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo liên ngành hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết và chỉ đạo tổ chức Hội nghị đạt hiệu quả.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ

Số 198-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005

Về dự án Luật phòng, chống tham nhũng

Tại phiên họp ngày 7-10-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Luật phòng, chống tham nhũng, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Việc ban hành Luật phòng, chống tham nhũng là cần thiết, thể hiện quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước trong việc ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn tham nhũng. Luật này điều chỉnh hành vi tham nhũng đối với người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước, kể cả khối sự nghiệp, đảng, đoàn thể và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, tán thành như quy định trong dự luật. Chú ý áp dụng cả đối với việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức phi chính phủ. Cần có quy định về xử lý nghiêm minh đối với những người không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng, không

đầy đủ các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Về kê khai tài sản, tán thành với quy định của dự thảo về những người phải kê khai tài sản; tài sản phải kê khai và việc quản lý bản kê khai. Nên quy định người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai mọi biến động về tài sản thuộc sở hữu của mình và tài sản thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

4. Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, tán thành với dự thảo luật quy định về trách nhiệm chung, đồng thời có sự phân định trách nhiệm trực tiếp và trách nhiệm liên đới của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc để xảy ra hành vi tham nhũng.

5. Về cơ quan chuyên trách đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tán thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng để chỉ đạo thúc đẩy, phối hợp hoạt động phòng, chống tham nhũng của các ngành và các cấp trong phạm vi cả nước do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu, một Phó Thủ tướng làm Phó thường trực; thành viên có đại diện lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật và lãnh đạo ban đảng liên quan tham gia. Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Quốc hội, hội đồng nhân dân tăng cường công tác giám sát việc phòng, chống tham nhũng. Quốc hội nên có một ủy ban chuyên trách giúp Quốc hội thực hiện chức năng giám sát về phòng, chống tham nhũng; không nên thành lập ủy ban lâm thời.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc chỉnh lý dự luật để trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết thì báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ

Số 199-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005

Về Dự luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo

Tại phiên họp ngày 7-10-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề của Dự luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sửa đổi một số điều Luật khiếu nại, tố cáo, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Tán thành ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về một số vấn đề của Dự luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nêu trong Tờ trình số 282/ĐĐQH11, ngày 30-9-2005. Lưu ý, quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quy định chế tài xử lý nghiêm đối với cá nhân, tổ chức để xảy ra lãng phí.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo theo hướng: người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án trong trường hợp họ không đồng ý với

quyết định giải quyết của cơ quan bị khiếu nại và cơ quan cấp trên trực tiếp (2 cấp) giải quyết hoặc quá thời hạn mà không được giải quyết; quy định lại thẩm quyền giải quyết khiếu nại cho phù hợp với việc sửa đổi cơ chế giải quyết khiếu nại; quy định quyền của người khiếu nại được nhờ luật sư tư vấn về mặt pháp luật.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận về hai dự luật trên, nếu có vấn đề gì cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ

Số 200-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005

Về dự án Luật công an

Tại phiên họp ngày 8-10-2005, sau khi Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề cơ bản trong dự án Luật công an, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Ban hành Luật công an trong tình hình hiện nay là cần thiết, nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý để xây dựng tổ chức, bảo đảm hoạt động và thực hiện chế độ, chính sách đối với công an nhân dân.

1. Về vị trí và chức năng của Công an nhân dân, khẳng định lực lượng Công an nhân dân là lực lượng vũ trang. Việc quy định vị trí, chức năng cụ thể của Công an nhân dân trong Luật này phải phù hợp với các văn bản pháp luật khác.

2. Về công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân, tán thành với quy định của dự thảo Luật.

3. Về công an xã, nên quy định công an xã là lực lượng bán chuyên trách, không thoát ly sản xuất, chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành

của ủy ban nhân dân xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn của công an cấp trên.

4. Về hệ thống cấp bậc hàm của sĩ quan Công an nhân dân.

- Cần xác định cấp bậc hàm thấp nhất và cấp bậc hàm cao nhất đối với mỗi chức vụ cơ bản.

- Việc xác định hệ thống cấp bậc hàm tương ứng với mỗi chức vụ phải bảo đảm sự tương quan, cân đối với cấp bậc hàm của sĩ quan Quân đội nhân dân đã được quy định trong Luật sĩ quan Quân đội nhân dân, trừ một số trường hợp cá biệt do yêu cầu bảo đảm tính đặc thù của lực lượng Công an nhân dân.

Trong quá trình thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 201-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005

**Về các dự án Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư,
Luật đấu thầu, Luật về nhà ở**

Tại phiên họp ngày 8-10-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề trong các dự án Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu và Luật về nhà ở, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Tán thành với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về một số vấn đề của các dự án Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu và Luật về nhà ở, nêu tại Tờ trình số 283/DDQH11, ngày 30-9-2005.

Lưu ý: cần nghiên cứu bổ sung thêm quy định trong Luật doanh nghiệp về việc bảo đảm quyền của người lao động trong doanh nghiệp được thành lập tổ chức chính trị, chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trong quá trình Quốc hội thảo luận các dự án luật trên,

nếu có vấn đề gì cần thiết, thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 202-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005

**Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật thuế tiêu thụ đặc biệt
và Luật thuế giá trị gia tăng**

Tại phiên họp ngày 7-10-2005, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về một số vấn đề của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng nêu tại Tờ trình số 281/ĐĐQH11, ngày 30-9-2005.

2. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết, thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 154-QĐ/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2005

**Phân bổ số lượng đại biểu được bầu cử và
được chỉ định ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 148-QĐ/TW, ngày 25-7-2005 của Ban Chấp hành Trung ương về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

I- Phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc Trung ương bầu cử:

- 1- Thành phố Hà Nội: 31
- 2- Thành phố Hồ Chí Minh: 25
- 3- Thành phố Hải Phòng: 18
- 4- Thành phố Đà Nẵng: 13
- 5- Lai Châu: 11
- 6- Điện Biên: 12

- 7- Sơn La: 14
- 8- Lào Cai: 12
- 9- Yên Bái: 13
- 10- Hà Giang: 13
- 11- Tuyên Quang: 13
- 12- Cao Bằng: 13
- 13- Bắc Kạn: 12
- 14- Thái Nguyên: 15
- 15- Lạng Sơn: 13
- 16- Phú Thọ: 17
- 17- Vĩnh Phúc: 14
- 18- Hòa Bình: 14
- 19- Quảng Ninh: 16
- 20- Bắc Giang: 15
- 21- Bắc Ninh: 14
- 22- Hà Tây: 19
- 23- Hải Dương: 18
- 24- Hưng Yên: 15
- 25- Thái Bình: 19
- 26- Nam Định: 19
- 27- Hà Nam: 14
- 28- Ninh Bình: 15
- 29- Thanh Hoá: 26
- 30- Nghệ An: 24
- 31- Hà Tĩnh: 17
- 32- Quảng Bình: 15
- 33- Quảng Trị: 12
- 34- Thừa Thiên - Huế: 12
- 35- Quảng Nam: 13

- 36- Quảng Ngãi: 13
- 37- Bình Định: 13
- 38- Phú Yên: 12
- 39- Khánh Hòa: 12
- 40- Kon Tum: 11
- 41- Gia Lai: 12
- 42- Đắk Lắk: 13
- 43- Đắk Nông: 11
- 44- Ninh Thuận: 11
- 45- Bình Thuận: 11
- 46- Lâm Đồng: 12
- 47- Bình Phước: 11
- 48- Bình Dương: 12
- 49- Tây Ninh: 12
- 50- Đồng Nai: 13
- 51- Bà Rịa - Vũng Tàu: 12
- 52- Long An: 12
- 53- Tiền Giang: 12
- 54- Bến Tre: 13
- 55- Đồng Tháp: 12
- 56- Vĩnh Long: 12
- 57- Trà Vinh: 12
- 58- Thành phố Cần Thơ: 12
- 59- Hậu Giang: 11
- 60- Sóc Trăng: 12
- 61- An Giang: 13
- 62- Kiên Giang: 12
- 63- Bạc Liêu: 11
- 64- Cà Mau: 12

- 65- Quân đội: 31
- 66- Công an: 13
- 67- Khối I cơ quan Trung ương: 11
- 68- Khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng: 11
- 69- Khối cơ quan Kinh tế Trung ương: 16
- 70- Khối cơ quan Khoa giáo Trung ương: 11
- 71- Khối cơ quan Dân vận Trung ương: 9
- 72- Khối cơ quan Nội chính Trung ương: 9
- 73- Khối cơ quan Đối ngoại Trung ương: 9
- 74- Đường sắt Việt Nam: 2

II- Chỉ định số lượng đại biểu cho các đảng bộ ngoài nước trực thuộc Ban Cán sự Đảng Ngoài nước: 9 đại biểu.

Tổng cộng: 1.034 đại biểu.

III- Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm thông báo cụ thể về số lượng đại biểu được phân bổ cho từng đảng bộ trực thuộc để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 203-TB/TW, ngày 24 tháng 10 năm 2005
Về tổng kết thực hiện Quy định 75
của Bộ Chính trị (khoá VIII)
về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng

Tại phiên họp của Bộ Chính trị ngày 23-9-2005, sau khi nghe lãnh đạo Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Quy định 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng trình bày Tờ trình báo cáo tổng kết và dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy định 75-QĐ/TW, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Báo cáo tổng kết được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, đánh giá rõ những kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót, nguyên nhân và kinh nghiệm; trên cơ sở đó đã đề xuất phương hướng, nội dung sửa đổi, bổ sung Quy định 75-QĐ/TW sát hợp với thực tiễn.

2. Đồng ý cần ban hành quy định mới của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thay cho Quy định 75-QĐ/TW. Nội dung của quy định mới phải bao quát được những vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ và quán triệt những yêu cầu sau:

- Bảo vệ chính trị nội bộ là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, nguyên tắc tổ chức của Đảng, bảo vệ tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- Khi xem xét vấn đề chính trị nội bộ, giữa lịch sử chính trị với những vấn đề chính trị hiện nay thì vấn đề chính trị hiện nay là chính; giữa bản thân với quan hệ gia đình thì bản thân là chính; giữa quản lý đầu vào và xử lý đầu ra thì quản lý đầu vào là chính; giữa xử lý và sử dụng thì sử dụng là chính.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ phải thực hiện phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, chính sách đại đoàn kết dân tộc và Điều lệ Đảng; đáp ứng yêu cầu bảo vệ chính trị nội bộ trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập quốc tế, đặc biệt chú ý làm rõ những vấn đề chính trị hiện nay.

- Đề cao trách nhiệm của cấp ủy cơ sở trong việc quản lý đảng viên, phát hiện kịp thời những vi phạm về chính trị. Tăng cường phân cấp; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, của cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ các cấp trong việc quản lý, phát hiện, chủ trì phối hợp xem xét, thẩm tra, kết luận về chính trị của cán bộ, đảng viên.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Ban Chỉ đạo tổng kết chỉnh lý bản dự thảo quy định mới và lấy ý kiến của các đại biểu dự Hội nghị tổng kết thực hiện Quy định 75-QĐ/TW; sau đó hoàn chỉnh, trình Bộ Chính trị (khoá X) ban hành. Trước mắt, các vấn đề liên quan đến bảo vệ chính trị nội bộ vẫn thực hiện theo Quy định 75-QĐ/TW.

3. Đồng ý tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết việc thực hiện Quy định 75-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 24-CT/TW của Thường vụ Bộ Chính trị (khoá VIII) về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

4. Về tổ chức, bộ máy làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ từ Trung ương đến địa phương giữ như hiện nay; sau Đại hội X của Đảng, Trung ương sẽ xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 53-CT/TW, ngày 28 tháng 10 năm 2005

Về triển khai các biện pháp cấp bách ngăn chặn dịch cúm gia cầm (H5N1) và đại dịch cúm ở người

Dịch cúm gia cầm xảy ra ở nước ta từ cuối năm 2003 với 2 đợt dịch cao điểm vào các tháng đầu năm 2004 và đầu năm 2005, đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành chăn nuôi gia cầm và thiệt hại lớn về người, với 91 người mắc bệnh, trong đó 41 trường hợp đã tử vong.

Ngay sau khi dịch cúm gia cầm xảy ra, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 6-2-2004 về triển khai các biện pháp cấp bách ngăn chặn dịch cúm gia cầm và cúm A (H5N1) trên người.

Thời gian qua, Chính phủ, các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố đã có nhiều biện pháp tích cực trong phòng, chống dịch và đã thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, dịch cúm gia cầm đang bộc phát ở nhiều nước trên thế giới theo chiều hướng rất đáng lo ngại. Tổ chức Y tế thế giới và các nhà khoa học đã cảnh báo về khả năng có thể xảy ra một đại dịch cúm A (H5N1) trên người làm hàng triệu người

tử vong. Trên bản đồ dịch cúm gia cầm của thế giới, nước ta là một điểm nóng vì đã trải qua gần 2 năm có dịch cúm gia cầm, mầm bệnh vẫn còn khả năng tái phát dịch rất cao.

Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 34/2005/CT-TTg, ngày 15-10-2005 về việc tập trung sức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả kế hoạch hành động khẩn cấp phòng chống khi xảy ra dịch cúm gia cầm (H5N1) và đại dịch cúm ở người. Để ngăn chặn có hiệu quả hiểm họa dịch cúm gia cầm (H5N1) và đại dịch cúm ở người, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương làm tốt công việc sau:

1. Bí thư cấp ủy phải đích thân lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch do Chính phủ và các bộ, ngành liên quan đề ra; kiên quyết không để dịch cúm gia cầm (H5N1) tái phát trên quy mô rộng trong vụ đông xuân năm 2005 - 2006, tiến đến khống chế cơ bản dịch cúm gia cầm ở nước ta, hạn chế đến mức thấp nhất trường hợp người nhiễm virus cúm A (H5N1); không để đại dịch cúm ở người xảy ra.

2. Triển khai công tác thông tin, tuyên truyền một cách sâu rộng đến từng khu dân cư, từng hộ gia đình, từng cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu sâu sắc về tính chất nguy hiểm và diễn biến phức tạp của dịch cúm gia cầm hiện nay trong nước và trên thế giới và về nguy cơ có thể xảy ra đại dịch cúm trên người trong thời gian tới để toàn dân tích cực, chủ động tham gia vào công tác phòng, chống dịch, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và sức khỏe cho chính mình.

Công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm phải thực hiện đồng bộ với công tác quy hoạch, tổ chức, sắp xếp lại ngành

chăn nuôi, hệ thống giết mổ, buôn bán gia súc, gia cầm, có chính sách hỗ trợ thỏa đáng đối với người chăn nuôi nhằm huy động toàn dân tham gia phòng, chống dịch cúm gia cầm có hiệu quả.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương có trách nhiệm tham gia, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân về khả năng xảy ra đại dịch cúm ở người; động viên các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị chủ động tham gia tích cực để ngăn chặn dịch cúm gia cầm tái phát và không để đại dịch cúm A (H5N1) xảy ra trên người ở nước ta; tham gia kiểm tra, giám sát công tác chỉ đạo phòng, chống dịch; phát hiện và báo cáo kịp thời trường hợp dịch bệnh xảy ra; vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ nhân lực, vật lực để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm và kế hoạch hành động khẩn cấp phòng, chống dịch khi xảy ra đại dịch cúm ở người.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 205-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 2005

Về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về Thủ đô Hà Nội

Thực hiện chương trình công tác năm 2005, ngày 29-10-2005, Bộ Chính trị làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội để cho ý kiến về chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ thành phố và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010”.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Thành ủy báo cáo, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận một số vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Về chỉ đạo chuẩn bị các văn kiện Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ thành phố và việc chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII)

- Bộ Chính trị đánh giá cao quá trình chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc các nội dung phục vụ Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ

thành phố. Dự thảo các văn kiện, đặc biệt là Báo cáo chính trị, được chuẩn bị công phu, có chất lượng, đúng với tinh thần Chỉ thị 46 của Bộ Chính trị; bố cục hợp lý, rõ ràng, mang tầm khái quát cao.

Dự thảo Báo cáo chính trị vừa có sự vận dụng những tư tưởng, quan điểm lớn trong Báo cáo chính trị của Trung ương, vừa thể hiện được trí tuệ của Đảng bộ và nhân dân thành phố (thông qua việc lấy ý kiến từ cơ sở).

Bộ Chính trị đồng ý với chủ đề Đại hội XIV “*Phát huy truyền thống văn hiến, anh hùng và thành tựu đổi mới, xây dựng Thủ đô phát triển toàn diện, bền vững, thiết thực kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*”. Tuy nhiên, Báo cáo chính trị cần tiếp tục đi sâu làm rõ hơn nữa vai trò, vị trí của Thủ đô; phân tích rõ hơn các chỉ tiêu chất lượng; làm đậm nét phần tổng kết công tác xây dựng Đảng...

- Bộ Chính trị hoan nghênh Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã chủ động phối hợp cùng với các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương nỗ lực tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đã quán triệt, vận dụng có sáng tạo các nội dung của Nghị quyết đưa vào Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ thành phố và tổ chức triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều bộ, ban, ngành Trung ương đã có bước triển khai chỉ đạo thực hiện nhiều nội dung cụ thể trong Nghị quyết.

Đầu năm 2002, sau khi nghe kết quả một năm thực hiện Nghị quyết, Bộ Chính trị đã có kết luận chỉ đạo giải quyết 5 kiến nghị của Hà Nội. Tiếp đó, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng,

Nhà nước đã trực tiếp xuống Hà Nội kiểm tra tình hình, cho nhiều ý kiến chỉ đạo cụ thể, sát thực.

Nhìn chung, Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời và có kết quả, nhanh chóng đi vào cuộc sống ở Thủ đô.

2. Về đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ thành phố, Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) và nhìn lại 20 năm đổi mới ở Thủ đô Hà Nội

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với đánh giá và các bài học kinh nghiệm nêu trong các dự thảo báo cáo, xin nhấn mạnh một số điểm sau đây:

a) Về thành tựu

- Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ thành phố và 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị, thành phố đã *đạt được những thành tựu quan trọng, tiếp tục tạo ra những biến đổi tích cực trên các lĩnh vực.*

+ Kinh tế phát triển nhanh và khá toàn diện; cơ cấu kinh tế *công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp* đã hình thành rõ rệt và đang chuyển dịch sang hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* theo xu thế hiện đại hóa.

Thành phố Hà Nội là một trong những trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Năm 2005, thành phố đã làm ra trên 8% GDP, trên 10% giá trị sản lượng công nghiệp, trên 8% kim ngạch xuất khẩu, chiếm 13,8% tổng thu ngân sách nhà nước, gần 11% vốn đầu tư toàn xã hội của cả nước; bình quân GDP đầu người đạt mức cao, gấp gần 2,4 lần cả nước...

+ Xây dựng và quản lý đô thị có bước phát triển mới; kết cấu hạ tầng đô thị được cải thiện theo hướng hiện đại; các vấn đề dân sinh bức xúc (điện, nước, vận tải hành khách công cộng, xử lý môi trường...) được quan tâm giải quyết.

+ Các lĩnh vực văn hóa - xã hội đều có bước tiến bộ (đào tạo nguồn nhân lực; gắn kết các lực lượng khoa học - công nghệ trên địa bàn với các chương trình phát triển trọng điểm của thành phố; phát triển y tế cơ sở; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội; xoá đói, giảm nghèo, chăm sóc các đối tượng chính sách xã hội, nâng cao đời sống nhân dân Thủ đô...).

+ Chính trị ổn định, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô được giữ vững; quan hệ đối ngoại được mở rộng; quan hệ với các tỉnh, thành phố trong vùng, với các bộ, ban, ngành Trung ương có những bước tiến bộ mới; uy tín và vị thế của Thủ đô Hà Nội ngày càng được nâng cao.

+ Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được đẩy mạnh, đạt được kết quả đáng mừng, nhất là năng lực lãnh đạo của cấp ủy, sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước; nội bộ cấp ủy, trước hết trong Ban Thường vụ Thành ủy đoàn kết, thống nhất, là nhân tố quan trọng tạo nên thành công của cả nhiệm kỳ.

- Nhìn lại 20 năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đã vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, nỗ lực phấn đấu, đưa sự nghiệp đổi mới của Thủ đô *đạt được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện, đúng định hướng, tạo sự chuyển biến căn bản trong đời sống xã hội, góp phần rất quan trọng vào thành tựu chung của cả nước.*

b) Về tồn tại, yếu kém

- Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh còn hạn chế, vai trò của các ngành chủ lực chưa rõ nét. Cơ cấu kinh tế nội bộ ngành, nhất là các ngành dịch vụ chuyển dịch chậm, chất lượng chưa cao. Thể chế pháp lý, môi trường đầu tư chưa thật thông thoáng, chưa theo kịp với yêu cầu phát triển.

- Xây dựng và quản lý đô thị còn nhiều bất cập; kết cấu hạ tầng, công tác quy hoạch chất lượng còn thấp, thiếu đồng bộ, chưa theo kịp với tiến trình đô thị hóa, hiện đại hóa và mức gia tăng dân số thành phố; công tác xã hội hóa đầu tư, nhất là lĩnh vực xã hội còn yếu; công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn và quá tốn kém; một số công trình trọng điểm của thành phố triển khai chậm; một số vấn đề (quản lý và sử dụng đất đai đô thị, xử lý môi trường, quản lý và hạn chế người nhập cư, nhà ở cho người có thu nhập thấp...) chưa được giải quyết có hiệu quả; ùn tắc giao thông có chiều hướng tăng lên.

- Sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội chưa tương xứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế và vai trò, vị thế của Thủ đô; trật tự xã hội còn có những phức tạp; ô nhiễm môi trường còn cao...

- Công tác xây dựng Đảng chưa tạo được chuyển biến căn bản; hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa ngang tầm với nhiệm vụ; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, khả năng quản lý, điều hành của chính quyền có mặt còn thiếu quyết liệt, chưa theo kịp yêu cầu của sự phát triển; trong hoạt động kinh tế - xã hội chưa có nhiều những

mô hình hay, cách làm mới có sức lan tỏa cho cả vùng và cả nước; cải cách hành chính hiệu quả còn thấp.

3. Về phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2005 - 2010

Bộ Chính trị cơ bản đồng tình với phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong các dự thảo báo cáo, xin lưu ý thêm một số điểm:

- Xuất phát từ vị thế, vai trò của Thủ đô, trên cơ sở giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đánh giá đúng thời cơ, thách thức, cần có tinh thần tiến công mạnh hơn trong 5 năm tới, *phấn đấu để Hà Nội thực sự là một trong những thành phố đi đầu trong đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo lập đồng bộ các loại thị trường; xây dựng Hà Nội thực sự là một trung tâm kinh tế trình độ cao, trung tâm tài chính, tiền tệ của vùng và cả nước, góp phần ngày càng quan trọng vào tiến trình đổi mới chung, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.*

Cần làm rõ những tiêu chí, nội hàm của khái niệm hoàn thành sự nghiệp “công nghiệp hóa, hiện đại hoá” đối với Hà Nội và cân nhắc việc đề ra vào năm 2015 thực hiện được mục tiêu này.

Trên tinh thần đó, thành phố nên rà soát, tính toán kỹ các mục tiêu, nhất là về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển một cách mạnh mẽ hơn, xác định rõ hơn các lĩnh vực và giải pháp có tính đột phá để thể hiện rõ vị trí và yêu cầu nêu gương, đi đầu của thành phố.

- Tạo sự chuyển biến mạnh hơn trong xây dựng và quản lý đô thị theo kịp yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa. Rà soát, điều chỉnh đồng bộ các quy hoạch, gắn quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch không gian, kiến trúc đô thị với quy hoạch vùng Thủ đô, vùng kinh tế động lực phía Bắc và vùng đồng bằng sông Hồng. Thành phố có thể thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài để làm tốt công tác này.

Huy động mọi nguồn lực; coi trọng xã hội hóa đầu tư để đầu tư mạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật - đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, sớm hình thành một hạ tầng khung cho quá trình đô thị hóa. Tập trung giải quyết tốt hơn những vấn đề quản lý đất đai đô thị, ô nhiễm môi trường, úng ngập, đẩy mạnh hơn vận tải hành khách công cộng, giảm dân và phần đầu để tiến tới Hà Nội không có xe máy đi trong nội thành, khắc phục ùn tắc giao thông.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động về khoa học - công nghệ; tạo bước chuyển rõ về nâng cao chất lượng toàn diện và đa dạng hóa các loại hình đào tạo nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân (kể cả cho làm thí điểm việc mời nước ngoài đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo) để Hà Nội thực sự là một trung tâm lớn về khoa học - công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, khám và chữa bệnh của vùng và cả nước; giải quyết có hiệu quả hơn các vấn đề xã hội bức xúc, nhà ở cho công nhân, cho người nghèo, giảm khoảng cách giàu - nghèo; nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ an toàn tuyệt đối các cơ quan

đầu não, các hoạt động của Đảng và Nhà nước trên địa bàn thành phố.

- Tập trung hơn nữa cho công tác xây dựng Đảng. Trong đó, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; giáo dục, rèn luyện, quản lý tốt đội ngũ cán bộ, đảng viên; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự trong sạch, vững mạnh; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh có hiệu quả cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Gắn công tác xây dựng Đảng với công tác cải cách hành chính, kiện toàn bộ máy chính quyền, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

4. Về phương án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ khóa tới

Thành ủy đã chuẩn bị một cách dân chủ, nghiêm túc, đảm bảo số dư, cơ cấu nữ và cơ cấu địa bàn, ngành đúng với tinh thần Chỉ thị 46 của Bộ Chính trị; trình độ học vấn, lý luận chính trị được nâng cao hơn trước và có giảm hơn về tuổi bình quân của cấp ủy so với khóa trước.

Bộ Chính trị đồng ý phương án mà Thành ủy báo cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát, cân nhắc, cố gắng để đạt yêu cầu cao hơn về trẻ hóa, nâng cao phẩm chất và năng lực cấp ủy khóa tới để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

5. Về những kiến nghị của thành phố

Bộ Chính trị thấy rằng những kiến nghị của thành phố là hợp lý, cần được xem xét, giải quyết, trong đó:

- *Đối với 4 kiến nghị đã có kết luận* (vấn đề kê vở sông Hồng,

quy hoạch, khai thác quỹ đất, bố trí, sắp xếp dân cư ngoài đê sông Hồng; về quy hoạch và triển khai xây dựng hệ thống giao thông Hà Nội; vấn đề hạn chế di dân quá nhanh vào Thủ đô; về bàn giao toàn bộ khu di tích Thành cổ cho Hà Nội quản lý) đã và đang được triển khai, nhưng còn rất chậm, Bộ Chính trị giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương phối hợp cùng với thành phố triển khai tích cực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Trong đó, sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Pháp lệnh đê điều, tạo điều kiện cho thành phố triển khai thực hiện việc bố trí dân cư, khai thác quỹ đất hai bên bờ sông Hồng có hiệu quả.

- *Đối với những kiến nghị mới*, Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương và giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo:

+ Trong năm 2006, cùng với việc xây dựng và phê duyệt quy hoạch vùng Thủ đô, sớm xây dựng đề án mở rộng địa giới hành chính cho Thủ đô Hà Nội; xây dựng mô hình quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Thủ đô trình Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi trình các cơ quan nhà nước quyết định.

+ Tiếp tục chỉ đạo để sớm hoàn thiện các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội, nhất là về cơ chế phân công trách nhiệm xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung cho đô thị, cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách hằng năm để lại cho thành phố, mô hình và cơ chế quản lý của chính quyền đô thị, cơ chế quản lý của các doanh nghiệp trên địa bàn...

Căn cứ vào kết luận trên đây, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội nghiên cứu, tiếp thu để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh các văn kiện trình Đại hội XIV Đảng bộ thành phố.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, phát huy truyền thống lịch sử văn hóa, truyền thống cách mạng vẻ vang, hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, nhất định Đảng bộ và nhân dân Thủ đô sẽ tranh thủ thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách, đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới, giành được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong 5 năm tới, nhằm xây dựng Hà Nội trở thành một thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, thanh lịch, hiện đại, thực sự là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, ngày càng có vị thế xứng đáng trong khu vực và trên thế giới, xứng đáng với danh hiệu “Thủ đô Anh hùng”.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 54-CT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2005

Về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS trong tình hình mới

Trên thế giới, HIV/AIDS đã trở thành đại dịch và là mối hiểm họa đối với nhân loại. Nhận thấy tính chất nguy hiểm của HIV/AIDS, ngày 11-3-1995, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) đã ban hành Chỉ thị số 52-CT/TW về lãnh đạo công tác phòng, chống AIDS. Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, công tác phòng, chống HIV/AIDS đã thu được những kết quả nhất định, kiểm chế được tốc độ gia tăng số người nhiễm HIV/AIDS.

Tuy nhiên, đến nay ở nước ta, tình hình lây nhiễm HIV/AIDS vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. HIV/AIDS xuất hiện ở tất cả các tỉnh, thành phố và có xu hướng ngày càng lan rộng. Ngoài các nhóm có nguy cơ lây nhiễm cao (tiêm chích ma túy, mại dâm, tình dục đồng giới...), tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS ở phụ nữ mang thai, trẻ em và thanh niên cũng tăng nhanh. HIV/AIDS đang đe dọa trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người, trật tự an toàn xã hội, đến sự phát triển của đất nước, tương lai của giống nòi.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là các cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm lãnh đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW của Ban Bí thư. Công tác tuyên truyền, giáo dục còn hạn chế; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa chặt chẽ, còn kém hiệu quả; tổ chức bộ máy phòng, chống HIV/AIDS không ổn định, đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác này vừa thiếu, vừa yếu; đầu tư quá thấp so với yêu cầu nhiệm vụ.

Quyết không để HIV/AIDS phát triển tràn lan thành đại dịch ở nước ta trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS, thực hiện tốt những yêu cầu sau đây:

1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể xã hội và của mọi người dân đối với nhiệm vụ lãnh đạo và tham gia công tác phòng, chống HIV/AIDS. Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền cần xác định rõ phòng, chống HIV/AIDS là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; thường xuyên theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình lây nhiễm HIV/AIDS trong ngành và địa phương, có kế hoạch thực hiện các giải pháp cần thiết nhằm phòng, chống HIV/AIDS gắn với phòng, chống các tệ nạn ma túy, mại dâm và với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện.

2. Các ngành chức năng coi trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật đồng bộ để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác phòng, chống HIV/AIDS; ban hành chính sách, chế độ hỗ trợ việc chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS,

quan tâm thích đáng đến quyền lợi của người tham gia phòng, chống HIV/AIDS.

3. Đổi mới, đa dạng hóa và đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong xã hội, đến các cộng đồng dân cư, từng người dân, từng gia đình, nhất là đến các thanh, thiếu niên và những nhóm người có nguy cơ cao lây nhiễm HIV/AIDS (tiêm chích ma túy, mại dâm và tình dục đồng giới nam...), nhằm xây dựng nhận thức đúng về nguy cơ và hiểm họa của dịch HIV/AIDS, có thái độ, hành vi, cư xử đúng đối với người nhiễm HIV/AIDS, có tinh thần tích cực tham gia phòng, chống căn bệnh này; gắn phòng, chống HIV/AIDS với xây dựng gia đình văn hóa, làng, bản văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hoá; xây dựng lối sống lành mạnh, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS từ Trung ương đến địa phương. Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong phòng, chống HIV/AIDS.

5. Tăng mức đầu tư của Nhà nước, tích cực huy động sự đóng góp của toàn xã hội, mở rộng hợp tác nhằm tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế cho nhiệm vụ phòng, chống HIV/AIDS. Quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư; ưu tiên đầu tư cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin tuyên truyền, giáo dục, cho công tác chăm sóc và điều trị người nhiễm HIV/AIDS, quản lý và giám sát dịch tễ, tăng cường nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng các thành tựu nghiên cứu trong, ngoài nước về phòng, chống HIV/AIDS.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng, chống HIV/AIDS. Phát huy truyền thống tương thân, tương ái, chăm sóc, giúp

đỡ của cộng đồng, chống kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS; tạo điều kiện để những người nhiễm bệnh và gia đình họ thấy rõ trách nhiệm, tự giác tham gia tích cực các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; khuyến khích các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia phòng, chống HIV/AIDS; tiến tới thành lập tổ chức xã hội phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc xây dựng và bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp; Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng và triển khai chương trình hành động, các cơ chế, chính sách có liên quan để thực hiện Chỉ thị.

Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể thực hiện chương trình hành động của Chính phủ và Chỉ thị của Ban Bí thư.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan có liên quan chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống HIV/AIDS.

Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo Ban Bí thư về tình hình thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này được phổ biến và quán triệt đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - LÀO

Ngày 26 tháng 3 năm 2005

...

1. Nhận lời mời của Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Khămtay Xiphăndon, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh và phu nhân đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào từ ngày 24 đến ngày 26-3-2005.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch Khămtay Xiphăndon đã có cuộc hội đàm sâu rộng về quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai nước và các vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon đã chiêu đãi trọng thể chào mừng Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hội kiến với Chủ tịch Quốc hội Xamăn Vinhakhet; thăm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào Nuhăc Phumxavă, gia đình Chủ tịch Cayxôn Phômvihă và gia đình Chủ tịch Xuphanuvông. Các cuộc hội đàm, hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thắm tình đoàn kết anh em và tin cậy lẫn nhau.

Trong thời gian ở thăm Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã dự cuộc mít tinh trọng thể do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Thành ủy và chính quyền Thủ đô Viêng Chăn tổ chức chào mừng Tổng Bí thư; đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ Lào; thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa ở Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Xavănnakhet; tiếp lãnh đạo Hội Hữu nghị Lào - Việt đến chào; tiếp và nói chuyện thân mật với cán bộ Đại sứ quán Việt Nam và đại biểu cộng đồng người Việt Nam ở Lào.

2. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao những thành tựu to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân các bộ tộc Lào đã đạt được trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, nhất là sau gần 20 năm phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới, hoan nghênh đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác phát triển của Đảng và Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, nhân dân các bộ tộc Lào sẽ giành được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới, nâng cao vị thế và uy tín của Lào ở khu vực và trên thế giới. Tổng Bí thư đã bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào anh em luôn dành cho Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao những thành tựu to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Việt Nam anh em đạt được trong gần 20 năm tiến hành đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội,

đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; hoan nghênh đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam sẽ giành được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon và các nhà lãnh đạo cấp cao Lào đã bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em luôn dành cho Lào sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

4. Hai bên tự hào sâu sắc về truyền thống đoàn kết đặc biệt và mối quan hệ thủy chung giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào. Hai bên khẳng định quyết tâm giữ gìn và phát huy truyền thống đó như một tài sản vô giá của cả hai dân tộc; không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào, coi đây là quy luật phát triển và nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước, góp phần củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Hai bên nhất trí đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường, phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, đồng thời dành sự

ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau phù hợp với tính chất của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

5. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác về chính trị, duy trì các cuộc tiếp xúc cấp cao định kỳ; mở rộng giao lưu giữa các ngành, các cấp, các đoàn thể, tổ chức nhân dân và các địa phương, nhất là các địa phương biên giới hai nước; tăng cường giáo dục truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào cho nhân dân và nhất là thế hệ trẻ hai nước.

Hai bên tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong việc bảo đảm giữ vững ổn định, an ninh, độc lập, chủ quyền của mỗi nước; phối hợp phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; cùng nhau xây dựng biên giới Việt Nam - Lào thành biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Hai bên coi trọng đẩy mạnh hợp tác về kinh tế, thương mại và đầu tư theo cơ chế thị trường, cùng có lợi, dành cho nhau những ưu tiên, ưu đãi hợp lý; tiếp tục nối mạng cơ sở hạ tầng giao thông, bưu chính viễn thông, điện lực... giữa hai nước; phấn đấu tăng nhanh kim ngạch buôn bán hai chiều và sớm hình thành Khu vực Mậu dịch Tự do (FTA) Việt Nam - Lào. Việt Nam tiếp tục tạo thuận lợi tối đa cho hàng hóa Lào quá cảnh đi nước thứ ba.

Hai bên đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, thông tin, giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, y tế, thể thao, du lịch... Hai bên thỏa thuận phát triển các trường phổ thông song ngữ Lào - Việt tại Lào. Phía Việt Nam khẳng định sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của phía Lào về hợp tác giáo dục - đào tạo.

6. Hai bên đã trao đổi ý kiến về những vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm; nhất trí tăng cường hợp tác cùng với Vương quốc Campuchia trong việc thực hiện Tuyên bố Viêng Chăn về Tam giác phát triển giữa Campuchia, Lào và Việt Nam; tăng cường phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bên thứ ba khác trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng Mê Kông, Hành lang Đông - Tây và các chương trình, dự án hợp tác đa phương khác. Hai bên khẳng định tích cực đóng góp cho sự hợp tác giữa các nước ASEAN, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và thịnh vượng; góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

7. Hai bên đánh giá cao kết quả tốt đẹp và ý nghĩa trọng đại của chuyến thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, đưa quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào lên một tầm cao mới.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chân thành cảm ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào, cảm ơn Chủ tịch Khămtay Xiphăndon và các nhà lãnh đạo Lào đã dành cho Tổng Bí thư và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam sự đón tiếp trọng thị, chân tình và những tình cảm đồng chí, anh em sâu sắc, thể hiện sinh động mối quan hệ gắn bó keo sơn giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trân trọng mời Chủ tịch Khămtay Xiphăndon sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon đã chân thành cảm ơn và nhận lời mời.

Báo Nhân dân,
số ra ngày 27-3-2005, tr.1, 3.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Ngày 30 tháng 3 năm 2005

Ngày 30-3-2005, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã kết thúc tốt đẹp chuyến thăm hữu nghị chính thức Vương quốc Campuchia theo lời mời của Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni. Hai bên đã ra Tuyên bố chung, toàn văn như sau:

1. Nhận lời mời của Quốc vương Campuchia Pre Bat Xămđéc Pre Boromniết Nôrôđôm Xihamôni, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã sang thăm cấp nhà nước Vương quốc Campuchia từ ngày 28 đến ngày 30-3-2005. Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni đã nồng nhiệt chào đón Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam, thể hiện mối quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam - Campuchia.

Trong cuộc hội đàm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni đã trao đổi ý kiến sâu rộng về tình đoàn kết hữu nghị và sự hợp tác truyền thống giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia. Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni đã mở quốc yến chào mừng Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và các vị khách quý Việt Nam.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã có các cuộc hội kiến với Phó Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia Xămđéc Hun Xen; quyền Chủ tịch Thượng viện Campuchia Xămđéc Xixôvát Chivăn Mônirác; Phó Chủ tịch thứ hai Quốc hội Campuchia Nguôn Nhen; thăm Vua Săi Tép Vông và Vua Săi Bu Kri. Các cuộc hội đàm, hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thân tình đoàn kết, hữu nghị truyền thống trên tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

Trong thời gian ở thăm Vương quốc Campuchia, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã đến đặt vòng hoa tại Đài Độc lập và Đài Hữu nghị Campuchia - Việt Nam; thăm một số trung tâm kinh tế, văn hóa ở Thủ đô Phnôm Pênh và tỉnh Xiêm Riệp. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã thăm Đại sứ quán Việt Nam và nói chuyện thân mật với các quan chức sứ quán và đại biểu Việt kiều ở Campuchia.

2. Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni và các nhà lãnh đạo cấp cao Campuchia đánh giá cao ý nghĩa của chuyến thăm nhà nước Vương quốc Campuchia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, coi đây là sự kiện trọng đại có ý nghĩa lịch sử, mở ra một giai đoạn phát triển mới của mối quan hệ đoàn kết hữu nghị truyền thống và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Campuchia trong thế kỷ XXI.

Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni và các nhà lãnh đạo cấp cao Campuchia đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã dành cho nhân dân Campuchia trước đây cũng như hiện nay.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ, giúp đỡ quý báu mà Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni, cựu Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc, Hoàng tộc, Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Campuchia đã dành cho nhân dân Việt Nam từ trước đến nay, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chân thành chúc Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni, cựu Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc và Hoàng Thái hậu Nôrôđôm Môniniết Xihanúc mạnh khỏe, trường thọ và hạnh phúc, tiếp tục đóng góp cho sự phồn vinh của Vương quốc Campuchia và tình hữu nghị mãi mãi giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia.

3. Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni và các nhà lãnh đạo cấp cao Campuchia đã bày tỏ vui mừng và khâm phục trước những thành tựu to lớn mà nhân dân Việt Nam đạt được trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; hoan nghênh đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tin tưởng rằng nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đứng đầu, tiếp tục giành được nhiều thành tựu mới to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhiệt liệt hoan nghênh những thành tựu to lớn mà nhân dân Campuchia đạt được trong sự nghiệp hòa bình, hòa hợp dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng quan hệ quốc tế.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tin tưởng rằng, kế tục sự nghiệp cao cả của cựu Quốc vương Nôrôđôm Xihamônî, dưới sự trị vì anh minh của Quốc vương Nôrôđôm Xihamônî và sự lãnh đạo sáng suốt của Chính phủ Hoàng gia Campuchia dựa trên liên minh hai đảng CPP và FUNCINPEC do Xămđéc Hun Xen làm Thủ tướng, nhân dân Campuchia tiếp tục đạt được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng một nước Campuchia hòa bình, độc lập, trung lập, không liên kết, phồn vinh, có quan hệ hữu nghị với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước láng giềng.

4. Hai bên bày tỏ hài lòng trước sự phát triển tốt đẹp trong quan hệ hai nước và một lần nữa khẳng định quyết tâm củng cố và phát triển quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài, trên cơ sở các nguyên tắc đã được nêu rõ trong các Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia năm 1999 và năm 2001 là: tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không can thiệp công việc nội bộ của nhau; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; không cho phép bất cứ lực lượng chính trị, quân sự nào dùng lãnh thổ của nước mình chống nước kia; hợp tác bình đẳng cùng có lợi; giải quyết mọi vấn đề nảy sinh giữa hai nước bằng con đường thương lượng hòa bình, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và trên thế giới.

5. Hai bên thỏa thuận tiếp tục các cuộc gặp cấp cao và các cấp lãnh đạo khác nhằm tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, thúc đẩy và tạo thuận lợi cho việc không ngừng mở rộng hợp tác toàn diện giữa hai nước, giữa các cơ quan lập pháp, Chính phủ và chính quyền các địa phương, nhất là

các địa phương giáp biên giới hai nước; khuyến khích quan hệ hữu nghị nhân dân, nhất là giữa thế hệ trẻ hai nước, nhằm làm cho họ hiểu biết về tình đoàn kết, hữu nghị truyền thống Việt Nam - Campuchia.

6. Hai bên khẳng định tầm quan trọng của hợp tác kinh tế, thúc đẩy quan hệ và tăng cường thương mại và đầu tư cho tương xứng với mong muốn và tiềm năng của hai nước; đánh giá cao kết quả tích cực của cuộc họp lần thứ bảy Ủy ban hỗn hợp về hợp tác song phương Việt Nam - Campuchia tại Phnôm Pênh tháng 2-2005. Hai bên nhất trí thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, khoa học - kỹ thuật, giáo dục và đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, du lịch, thể thao, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm.

7. Hai bên cam kết tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của nhau, đánh giá cao việc thành lập Ủy ban liên hợp biên giới, hoan nghênh nỗ lực của hai Chính phủ trong việc tiếp tục thúc đẩy giải quyết càng sớm càng tốt các vấn đề còn tồn tại về biên giới thông qua đàm phán hòa bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau và láng giềng tốt, nhằm xây dựng đường biên giới Việt Nam - Campuchia thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển. Chính phủ hai nước tiếp tục hợp tác chặt chẽ phòng chống tội phạm qua biên giới và nhập cư bất hợp pháp.

8. Hai bên tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho kiều dân của nhau để họ sinh sống bình thường ở mỗi nước như các ngoại kiều khác, góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác tốt đẹp giữa hai nước. Phía Việt Nam bày tỏ sự cảm ơn chân thành đối với Quốc vương

Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Campuchia đã quan tâm, giúp đỡ và bảo đảm các quyền hợp pháp của Việt kiều ở Campuchia để họ sinh sống và làm ăn bình thường ở Campuchia.

9. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong việc thực hiện Tuyên bố Viên Chăn về Tam giác phát triển giữa ba nước Campuchia - Lào - Việt Nam; tăng cường phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bên thứ ba khác trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng Mê Kông, Hành lang Đông - Tây và các dự án hợp tác đa phương khác. Hai bên khẳng định tích cực đóng góp cho sự hợp tác giữa các nước ASEAN, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và thịnh vượng.

10. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh chân thành cảm ơn Quốc vương Campuchia Pre Bat Xămđéc Pre Boromniết Nôrôđôm Xihamôni và các nhà lãnh đạo Campuchia, Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Campuchia đã dành cho Tổng Bí thư sự đón tiếp trọng thị, nồng nhiệt, tràn đầy tình cảm hữu nghị anh em.

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh trân trọng mời Quốc vương Campuchia Pre Bat Xămđéc Pre Boromniết Nôrôđôm Xihamôni sang thăm chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc vương Nôrôđôm Xihamôni đã chân thành cảm ơn và nhận lời.

Báo Nhân dân,

số ra ngày 31-3-2005, tr.1, 5.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Ngày 2 tháng 11 năm 2005

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào đã thăm hữu nghị chính thức Việt Nam từ ngày 31-10 đến ngày 2-11-2005. Trong thời gian thăm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã tiến hành hội đàm với Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, lần lượt gặp Thủ tướng Phan Văn Khải, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An và đã nhận lời mời đến phát biểu tại Quốc hội Việt Nam. Trong không khí thân mật, hữu nghị, lãnh đạo hai bên đã đi sâu trao đổi và đạt được nhận thức chung rộng rãi về việc tăng cường và phát triển hơn nữa quan hệ giữa hai Đảng, hai nước và các vấn đề khu vực, quốc tế cùng quan tâm.

Hai bên cho rằng, chuyến thăm thành công lần này sẽ đưa quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước Việt - Trung phát triển lên một tầm cao mới, đồng thời sẽ có ảnh hưởng tích cực đối với hòa bình, ổn định, phát triển và hợp tác ở khu vực và thế giới.

2. Hai bên vui mừng trước những thành tựu mang tính lịch sử mà hai Đảng, hai nước giành được trong việc tìm tòi con đường phát triển xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình của mỗi nước. Phía Trung Quốc chân thành chúc và tin tưởng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam sẽ giành được những thành tựu mới, to lớn hơn nữa trong sự nghiệp vĩ đại xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phía Việt Nam tin tưởng vững chắc rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc nhất định sẽ không ngừng giành được những thành tựu mới trong sự nghiệp vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

3. Hai bên đã điểm lại và tổng kết những thành quả to lớn mà quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước đã giành được trong 55 năm qua kể từ khi hai nước Việt Nam và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao, đặc biệt là từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay, nhất trí cho rằng, tôn trọng lẫn nhau, hiểu biết lẫn nhau, ủng hộ lẫn nhau, tin cậy lẫn nhau và hợp tác cùng nhau là kinh nghiệm quan trọng để quan hệ hai Đảng, hai nước phát triển ổn định, lành mạnh và thuận lợi. Tình hữu nghị Việt - Trung là tài sản quý báu của hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước. Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai là phương châm chỉ đạo phát triển quan hệ hai Đảng, hai nước trong thời kỳ mới. Mãi mãi là láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt là mục tiêu chung của hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước.

Hai bên cho rằng, tăng thêm hữu nghị và tin cậy lẫn nhau, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi, thúc đẩy cùng phát triển là phù hợp với lợi ích căn bản của hai nước Việt - Trung. Vì vậy,

hai bên quyết tâm xuất phát từ đại cục và tầm cao chiến lược, áp dụng các biện pháp có hiệu quả, làm sâu sắc và triển khai toàn diện quan hệ hai Đảng, hai nước, tiếp tục duy trì truyền thống tốt đẹp thăm viếng lẫn nhau ở cấp cao, tăng cường trao đổi và hợp tác giữa các ngành của Đảng và Chính phủ, Quốc hội, đoàn thể quần chúng và địa phương trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao, quốc phòng, công an, an ninh, văn hóa, giáo dục, đi sâu trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng, quản lý đất nước cũng như lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội, củng cố và làm sâu sắc hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là tăng cường tuyên truyền và giáo dục thanh niên hai nước về truyền thống hữu nghị Việt - Trung, để tình hữu nghị muôn đời Việt - Trung thấm sâu vào lòng nhân dân hai nước, thúc đẩy quan hệ giữa hai Đảng, hai nước không ngừng mở ra cục diện mới.

4. Hai bên hài lòng về sự phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước trong những năm gần đây. Hai bên nhất trí phấn đấu thực hiện trước thời hạn mục tiêu đưa kim ngạch thương mại hai nước đạt 10 tỉ USD vào năm 2010.

Hai bên bày tỏ mong muốn thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước phát triển hơn nữa, thực hiện bổ sung ưu thế cho nhau, hai bên cùng có lợi, cùng thắng. Trên tinh thần tích cực, thực tế, hai bên nhất trí mở rộng hơn nữa quy mô thương mại, đồng thời cùng có biện pháp thúc đẩy thương mại song phương phát triển cân đối; hai bên phối hợp chặt chẽ, tích cực thúc đẩy những dự án hợp tác kinh tế lớn giữa hai nước; cùng khuyến khích và thúc đẩy doanh nghiệp hai nước tiến hành hợp tác lâu dài, tích cực triển khai đầu tư hai chiều và hợp tác kinh tế cùng có lợi với nhiều hình thức; tăng cường phối hợp cùng tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác

giữa doanh nghiệp hai nước. Hai bên bày tỏ hài lòng trước những tiến triển đạt được trong việc nghiên cứu về hợp tác kinh tế “hai hành lang, một vành đai” và hết sức tin tưởng vào triển vọng hợp tác của dự án này.

Hai bên đánh giá cao việc hai nước hoàn thành thuận lợi đàm phán về mở cửa thị trường liên quan đến việc Việt Nam gia nhập WTO. Phía Trung Quốc bày tỏ kiên quyết ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập WTO. Hai bên đồng ý tăng cường hợp tác trong các vấn đề kinh tế - thương mại khu vực và quốc tế; cùng nhau thúc đẩy tiến trình xây dựng Khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc.

Hai bên đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác kinh tế kỹ thuật. Phía Việt Nam cảm ơn sự giúp đỡ và ủng hộ nhất quán của Trung Quốc đối với công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam.

5. Hai bên cho rằng, công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa hai nước đã đạt được tiến triển rõ rệt. Hai bên đồng ý phối hợp chặt chẽ, đẩy nhanh hơn nữa tiến trình công tác, bảo đảm thực hiện đúng thời hạn mục tiêu hoàn thành công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới và ký văn kiện mới về quy chế quản lý biên giới chậm nhất vào năm 2008, xây dựng biên giới hai nước trở thành biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định lâu dài.

Hai bên đánh giá tích cực tình hình thực hiện Hiệp định phân định và Hiệp định Hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ, đồng ý tiếp tục thực hiện nghiêm túc hai hiệp định này; cùng giữ gìn an ninh trên biển và trật tự sản xuất nghề cá; tích cực triển khai điều tra liên hợp nguồn lợi thủy sản trong vùng đánh cá chung ở Vịnh Bắc Bộ; khởi động hợp tác thăm dò khai thác các cấu tạo dầu khí vắt ngang đường phân định; sớm thực hiện

việc tuần tra chung giữa Hải quân hai nước ở Vịnh Bắc Bộ. Hai bên đồng ý sớm bắt đầu đàm phán về phân định vùng biển ngoài cửa vịnh và trao đổi về vấn đề hợp tác cùng phát triển ở khu vực này.

Hai bên đánh giá cao “Thỏa thuận công tác địa chấn biển liên hợp ba bên tại khu vực thỏa thuận ở Biển Đông” do công ty dầu khí ba nước Việt Nam, Trung Quốc, Philíppin ký tháng 3 năm nay, cho rằng việc ký kết thỏa thuận này là đóng góp quan trọng thực hiện “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC), có ảnh hưởng tích cực đối với việc thúc đẩy hợp tác cùng phát triển và ổn định tình hình trên biển, tăng cường tình hữu nghị láng giềng và sự tin cậy lẫn nhau giữa các nước liên quan. Hai bên đồng ý tích cực ủng hộ các công ty liên quan, bảo đảm thực hiện Thỏa thuận một cách nghiêm chỉnh, làm cho việc hợp tác sớm đạt được thành quả cụ thể. Hai bên đồng ý tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình, tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều chấp nhận được trong quá trình đó, hai bên sẽ nghiên cứu kỹ vấn đề hợp tác cùng phát triển để tìm được mô hình và khu vực hợp tác cùng phát triển phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế, đặc biệt là “Công ước Luật biển” năm 1982 của Liên hợp quốc và “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” mà hai bên có thể chấp nhận được. Đồng thời, hai bên đồng ý nghiêm túc tuân thủ nhận thức chung cấp cao, tuân thủ tôn chỉ và nguyên tắc của “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông”, cùng giữ gìn ổn định tình hình Biển Đông.

6. Phía Việt Nam khẳng định kiên trì thực hiện chính sách một nước Trung Quốc, ủng hộ sự nghiệp lớn thống nhất Trung Quốc, kiên quyết phản đối hành động chia rẽ “Đài Loan

độc lập” dưới mọi hình thức, hoàn toàn hiểu và ủng hộ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua “Luật chống chia cắt đất nước”, hoan nghênh xu thế hòa dịu của quan hệ hai bờ trong những năm gần đây.

Việt Nam không phát triển bất kỳ quan hệ chính thức nào với Đài Loan. Phía Trung Quốc bày tỏ hoan nghênh lập trường trên của phía Việt Nam.

7. Hai bên nhất trí cho rằng Việt Nam và Trung Quốc có lợi ích chiến lược chung trên nhiều vấn đề quan trọng. Mong muốn hòa bình, thúc đẩy phát triển và tìm kiếm hợp tác là nhịp điệu chính của thời đại hiện nay. Hai bên nhấn mạnh cần phải kiên trì chủ nghĩa đa phương trong các vấn đề quốc tế, thực hiện cùng phồn vinh, phát triển hợp tác nhiều bên trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, phản đối chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức.

Hai bên chủ trương tôn trọng văn hóa lịch sử, chế độ xã hội, mô hình phát triển của các nước cũng như tính đa dạng của nền văn minh thế giới, thúc đẩy dân chủ hóa quan hệ quốc tế, cùng nhau xây dựng một khu vực châu Á cũng như thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng thịnh vượng.

8. Hai bên hoan nghênh Văn kiện cuối cùng được thông qua tại Hội nghị cấp cao Đại hội đồng Liên hợp quốc tháng 9-2005 nhân 60 năm thành lập Liên hợp quốc và cho rằng việc cấp bách hiện nay là thực hiện Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, thiết thực giúp đỡ các nước đang phát triển giải quyết vấn đề phát triển. Hai bên nhất trí cho rằng cải tổ Liên hợp quốc cần góp phần nâng cao vai trò, uy tín, hiệu quả và năng lực của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, đối phó với những thách thức và đe dọa mới, thúc đẩy sự phát triển chung của các nước

thành viên, phục vụ cho việc thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ. Hai bên cho rằng việc cải tổ Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cần xuất phát từ lợi ích lâu dài của Liên hợp quốc tuân theo nguyên tắc dân chủ hóa quan hệ quốc tế và cần tăng thêm tính đại diện của các nước đang phát triển trên cơ sở hiệp thương rộng rãi, tìm kiếm giải pháp có tính đến lợi ích các bên. Trên tinh thần đó, hai bên sẽ tiếp tục tăng cường trao đổi ý kiến và hợp tác về vấn đề này.

Hai bên đồng ý tiếp tục tăng cường hợp tác và phối hợp trong khuôn khổ đa phương tại các diễn đàn Liên hợp quốc, Trung Quốc - ASEAN, ASEAN + 3, ACD, ARF, APEC, ASEM, GMS. Phía Trung Quốc khẳng định ủng hộ Việt Nam đăng cai Hội nghị không chính thức các nhà lãnh đạo APEC lần thứ 14 năm 2006.

9. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào bày tỏ sự cảm ơn chân thành đối với sự đón tiếp trọng thị, nhiệt tình và thắm tình hữu nghị của Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Việt Nam, đồng thời mời Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Trần Đức Lương sang thăm Trung Quốc vào thời gian thuận tiện. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Trần Đức Lương bày tỏ cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Phía Việt Nam nhắc lại lời mời Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào dự Hội nghị không chính thức các nhà lãnh đạo APEC lần thứ 14 tại Hà Nội vào cuối năm 2006.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã vui vẻ nhận lời.

Báo Nhân dân,

số ra ngày 3-11-2005, tr. 1, 4.

DIỄN VĂN
CỦA THỦ TƯỚNG PHAN VĂN KHẢI
TẠI LỄ MÍT TINH KỶ NIỆM 30 NĂM
GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
 (30-4-1975 – 30-4-2005)

... Từ những ngày đầu tháng 3 năm nay nhân dân cả nước ta sống lại không khí hào hùng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy cách đây tròn 30 năm, lần lượt giải phóng các tỉnh Tây Nguyên, ven biển miền Trung và hải đảo, miền đông Nam Bộ và cuối cùng là Sài Gòn - Gia Định cùng các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Chiến thắng 30-4-1975 đã hoàn thành sự nghiệp giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, kết thúc 3 thập kỷ dân tộc ta cầm súng chống các lực lượng ngoan cố tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta.

Chiến thắng này tăng thêm niềm tin và sức mạnh cho phong trào giải phóng dân tộc, cho các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới.

Nối tiếp truyền thống từ Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... đến Điện Biên Phủ, Đại thắng mùa Xuân 1975 ghi thêm một

chiến công hiển hách của dân tộc ta. Đúng như Đại hội lần thứ IV của Đảng (năm 1976) đã đánh giá: *“Thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”*.

Tinh thần bất khuất và bản lĩnh kiên cường của dân tộc ta được hun đúc qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, được phát huy mạnh mẽ trong thời đại Hồ Chí Minh, với ý chí *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*, *“Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*.

Ý chí đó kết hợp với trí tuệ sáng tạo kế thừa tài thao lược của cha ông đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong thế trận chiến tranh nhân dân vô địch.

Lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, dưới sự chỉ huy của các tướng lĩnh tài ba, đã phát triển lớn mạnh cả ba thứ quân, lập bao chiến công oanh liệt, xứng đáng với vai trò nòng cốt quyết định thắng lợi của chiến tranh nhân dân. Sát cánh cùng quân đội nhân dân, các lực lượng thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến đã dũng cảm phục vụ chiến đấu, góp phần quan trọng vào chiến thắng.

Vì đồng bào miền Nam ruột thịt, nhân dân miền Bắc vừa kiên cường đẩy mạnh sản xuất và chống trả cuộc chiến tranh phá hoại khốc liệt, vừa hết lòng phục vụ và sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của tiền tuyến. Ở miền Nam, các tầng lớp xã hội, các tôn giáo, các dân tộc đã anh dũng đấu tranh chống xâm lược, chống ách kìm kẹp của địch, không lùi bước trước những

hành động đàn áp, bắn giết, tù đày, quyết giành quyền sống và khi thời cơ đến, nổi dậy giành chính quyền; phong trào đấu tranh phát triển ở cả nông thôn và thành thị, trong đó, có hoạt động của những người yêu nước ở các đô thị lớn, lôi cuốn cả một bộ phận trong hàng ngũ địch trở về với chính nghĩa của dân tộc.

Hướng về Tổ quốc, đồng bào Việt Nam sinh sống và học tập ở nước ngoài, đặc biệt là ở Mỹ và các nước Tây Âu, đã hưởng ứng, ủng hộ, tham gia công cuộc kháng chiến cứu nước bằng nhiều hình thức.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sáng ngời chính nghĩa của nhân dân ta đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các nước anh em và bầu bạn, của các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới, đẩy lên phong trào phản đối chiến tranh trong nhân dân và thanh niên Mỹ, làm suy yếu và tan rã tinh thần của đội quân xâm lược.

Thế trận chiến tranh nhân dân phát triển trên mọi lĩnh vực đã đưa cuộc kháng chiến vượt qua khó khăn chồng chất và những tình huống hiểm nghèo, cuối cùng giành được thắng lợi trọn vẹn.

Với đường lối đúng đắn chỉ đạo công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, chống chiến tranh phá hoại trên miền Bắc và công cuộc kháng chiến cứu nước ở miền Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy cao độ mọi nguồn lực tinh thần, trí tuệ, vật chất của cả dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh đã đảm đương xuất sắc vai trò Bộ thống soái tối cao chỉ đạo các lực lượng vũ trang và nhân dân miền Nam trên các chiến trường giành thắng lợi cuối cùng.

Cùng với đường lối, chính sách đúng đắn, Đảng đã xây dựng được hệ thống chính trị có hiệu lực và hiệu quả cao, với đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tất cả các ngành, các cấp, ở miền Bắc và vùng giải phóng cũng như trong vùng bị địch chiếm đóng, hết lòng vì dân, gắn bó với dân, tận tụy thực hiện nhiệm vụ, được nhân dân tin cậy và ủng hộ.

Trong lễ kỷ niệm trọng thể này, chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người đã tạo dựng và vun đắp mọi nhân tố cơ bản đưa cách mạng và kháng chiến đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và ngày nay tư tưởng của Người vẫn đang dẫn dắt dân tộc Việt Nam ta.

Chúng ta tưởng nhớ với lòng biết ơn vô hạn các anh hùng, liệt sĩ, hàng triệu người con ưu tú của Tổ quốc đã hy sinh vì nước cho nhân dân ta được sống trong độc lập, tự do, hòa bình, hạnh phúc hôm nay. Nhân dân cùng Đảng, Nhà nước luôn luôn ghi nhớ công ơn các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình liệt sĩ đã hiến dâng người thân của mình cho Tổ quốc, các thương binh, bệnh binh, những người đã trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đồng bào ở mọi miền của đất nước đã cống hiến xương máu, công sức, tài sản cho cuộc kháng chiến cứu nước. Chúng ta trân trọng công lao của tất cả các tổ chức và cá nhân đã đóng góp với những hình thức khác nhau vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập, tự do và thống nhất đất nước.

Chúng ta cảm ơn Chính phủ và nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em đã sát cánh cùng nhân dân ta, các chính phủ, các tổ chức và cá nhân trên thế giới đã dành cho nhân dân ta những tình cảm và sự giúp đỡ quý báu trong cuộc kháng chiến cứu nước và ngày nay tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với Việt Nam.

Cùng với các chính sách đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, Nhà nước và nhân dân ta hết lòng giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, đặc biệt là những người bị dị tật vì nhiễm chất độc hóa học chứa điôxin. Chúng ta cảm kích trước tấm lòng của nhân dân các nước, trong đó có nhân dân và cựu chiến binh Mỹ, đã bày tỏ sự đồng cảm và có nhiều hành động thiết thực giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Việt Nam, hưởng ứng và ủng hộ cuộc đấu tranh hợp đạo lý và cuộc vận động nhân đạo nhằm giảm nhẹ đau thương và thiệt hại cho những người bị tàn phế và bệnh tật vì chất độc hóa học.

Xuất phát từ truyền thống nhân ái, khoan dung của dân tộc ta, tinh thần khép lại quá khứ, nhìn về tương lai đã thể hiện trong chính sách của Đảng và Nhà nước, thấm sâu trong ý thức và thái độ của mọi người dân Việt Nam đối với những người đã từng ở phía bên kia chiến tuyến, những người ở lại trong nước cũng như những người đã ra nước ngoài và cả những người nước ngoài đã tham gia chiến tranh xâm lược nước ta nay có dịp trở lại Việt Nam.

Giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc là thắng lợi của cả dân tộc ta, của mọi người Việt Nam yêu nước chống lại các lực lượng xâm lược nước ta. Ngày kỷ niệm 30-4 hàng năm phải là ngày hội chung của cả dân tộc, là dịp phát huy mạnh hơn nữa tinh thần hòa hợp dân tộc, ý chí đoàn kết và thống nhất mọi người Việt Nam để xây dựng thành công “Một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” như Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ.

Với lòng hòa hiếu chân thành, chúng ta tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với chính phủ và nhân dân các nước đã từng tham gia chiến tranh ở Việt Nam, và đánh giá cao

những bước phát triển tích cực các quan hệ về nhiều mặt giữa các nước đó và Việt Nam trong thời gian qua.

... Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng và thống nhất, chúng ta chưa kịp hàn gắn những vết thương của 3 thập kỷ chiến tranh, thì đã phải đương đầu với những thử thách mới. Đất nước bị bao vây, cấm vận, lại càng khó khăn do sự sụp đổ chế độ chính trị - xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Những khó khăn khách quan đó cùng với những sai lầm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội đã khiến đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng và kéo dài.

Từ những hoạt động sáng tạo của nhân dân, của một số đơn vị cơ sở và một số địa phương nhằm thoát khỏi khó khăn ngặt nghèo trong sản xuất và đời sống, Đảng ta đã kịp thời tổng kết thực tiễn, đề ra đường lối đổi mới từ Đại hội VI năm 1986 và tiếp tục phát triển trong các Đại hội sau.

Gần 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới và phát triển, đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và phá thế bị bao vây cấm vận, đứng vững trước những chấn động và thiệt hại do khủng hoảng tài chính khu vực và thiên tai gây ra, liên tục tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao vị thế nước ta trên thế giới.

So với 30 năm trước và qua gần 20 năm đổi mới, bộ mặt đất nước đã có nhiều thay đổi lớn. Tổng sản phẩm do nền kinh tế làm ra năm 2004 gấp 4,7 lần năm 1976 và gấp 3,3 lần năm 1986; tính bình quân đầu người thì năm 2004 gấp 2,8 lần năm 1976 và gấp 2,5 lần năm 1986. Kim ngạch xuất khẩu năm 2004 gấp 119 lần năm 1976 và 33 lần năm 1986. Năng lực sản xuất trong các ngành kinh tế được tăng cường, kết cấu hạ tầng có bước phát triển mạnh, nhất là về giao

thông, thủy lợi, mạng lưới điện, thông tin liên lạc, trường học, bệnh viện, nhà ở. Ba mươi năm trước đây, điện, điện thoại chỉ có ở đô thị, nhiều xã không có trường học, trạm y tế; ngày nay mạng lưới điện, điện thoại, phát thanh, truyền hình đã phủ khắp các xã; tất cả các xã ở đồng bằng, trung du và hầu hết các xã miền núi có đường ô tô đến trung tâm, có trường tiểu học và trung học cơ sở, có trạm y tế. Mức sống vật chất và văn hóa của các tầng lớp nhân dân ở các vùng được nâng cao rõ rệt; trong dân số, tỷ lệ hộ có mức sống trung bình và mức sống khá tăng nhanh; tỷ lệ hộ nghèo giảm trên một nửa trong hơn 10 năm (năm 2004 so với 1993)¹.

Thành công lớn nhất qua gần 20 năm đổi mới là đã bước đầu khơi dậy và làm bùng nổ các nguồn lực cùng với tính năng động sáng tạo của dân, trước hết là trong sản xuất, kinh doanh.

Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là nguồn gốc thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, cũng là nhân tố chủ yếu đưa tới thành công của công cuộc đổi mới. Bài học “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công” theo lời dạy của Bác Hồ đã được chứng minh qua những thành tựu rực rỡ, mãi mãi soi sáng con đường phát triển của dân tộc ta và cần được phát huy mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Trong khi khẳng định những thành tựu và tiến bộ đã đạt được, chúng ta cần tránh chủ quan, tự mãn và phải nhận rõ những mặt yếu kém và những thách thức mới đang đặt ra trước mắt. Nền kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng

1. Theo chuẩn nghèo chung của Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ hộ nghèo ở nước ta từ 58% năm 1993 giảm xuống còn 24% năm 2004. Theo tiêu chuẩn của nước ta thì năm 2004 tỷ lệ hộ nghèo còn 8,3%.

với khả năng, còn kém hiệu quả và sức cạnh tranh; tình hình văn hóa, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc; môi trường sinh thái bị xuống cấp; bộ máy công quyền chưa ngang tầm cả về năng lực và phẩm chất.

So với nhiều nước trong khu vực, chúng ta còn thua kém và chưa thu hẹp được khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế và công nghệ; nguy cơ tụt hậu xa hơn vẫn là thách thức lớn.

Để rửa nỗi nhục mất nước, xóa nỗi đau chia cắt giang sơn, dân tộc ta đã đoàn kết chiến đấu vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước, không nề hy sinh, gian khổ, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn, trở lực nào và đã giành được thắng lợi trọn vẹn.

Ngày nay, đứng trước yêu cầu mới của sự phát triển đất nước và của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta dứt khoát không chịu tụt hậu và phải từng bước tiến kịp thời đại, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, có vị thế xứng đáng trên thế giới. Đó là khát vọng của dân tộc ta, cũng thiêng liêng và mãnh liệt như ý chí giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Mọi người Việt Nam, ở trong nước cũng như đang sinh sống ở nước ngoài, đều chung một Tổ. Ngày Giỗ Tổ năm nay vừa được cử hành lễ trọng tại Đền Hùng và nhiều nơi khác, khắc sâu thêm trong lòng mỗi người Việt Nam ý thức dân tộc gắn với nghĩa đồng bào cùng một cội nguồn.

Non sông Việt Nam là của mọi người Việt Nam. Xây dựng đất nước Việt Nam là nghĩa vụ của mỗi người Việt Nam. Vận nước vừa thôi thúc vừa tạo cơ hội tập hợp mọi người Việt Nam yêu nước trong khối đại đoàn kết dân tộc, chung lòng, dốc sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phân biệt quá khứ và vượt lên

trên những sự khác biệt về dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh kinh tế... và cả sự khác nhau về chính kiến.

Đồng bào người Việt định cư ở nước ngoài hãy đoàn kết, giúp đỡ nhau, trở thành một cộng đồng đóng góp tích cực cho xã hội sở tại, làm nhịp cầu nối các nước với nước ta, đồng thời hướng về cội nguồn, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi phát huy mọi nguồn lực trong nước và thu hút nguồn lực ngoài nước để đạt bước tiến mới cả về lượng và về chất trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đổi mới cơ chế dịch vụ công cộng, nâng cao chất lượng phát triển nguồn nhân lực và phát huy mạnh mẽ nhân tố con người đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn mới.

Nhà nước và xã hội hoan nghênh các tầng lớp nhân dân hăng hái đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ dưới nhiều hình thức, từ hộ nông dân sản xuất hàng hóa, hộ kinh doanh cá thể, các trang trại, các hợp tác xã, đến các doanh nghiệp, các công ty. Đặc biệt phát triển nhanh các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lực lượng xung kích trong sự nghiệp chấn hưng kinh tế, vừa ra sức nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh vừa chú trọng xây dựng văn hóa kinh doanh.

Chúng ta tiếp tục đa phương hóa, đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế theo đường lối nhất quán giữ vững độc lập tự chủ, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, và phát triển. Với tinh thần chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, chúng ta cần tranh thủ xu hướng các bên

cùng có lợi, các bên cùng thắng trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh quốc tế.

Nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với củng cố an ninh, quốc phòng, đề cao cảnh giác và ngăn chặn kịp thời những hoạt động gây mất trật tự, an ninh, ảnh hưởng xấu đến môi trường hòa bình, ổn định của đất nước ta.

Nhân tố then chốt để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nêu trên là xây dựng, củng cố Đảng và hệ thống chính trị, trước hết là bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh với đội ngũ cán bộ, công chức đủ tầm về năng lực và phẩm chất, làm tốt việc hoạch định và thực thi pháp luật, kiên quyết đẩy lùi và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Đặc biệt cần ra sức phòng và chống tham nhũng với những biện pháp mạnh mẽ, hữu hiệu, nói đi đôi với làm, mang lại kết quả thiết thực.

Việc xây dựng thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng của bộ máy công quyền chỉ có thể chuyển biến tốt khi dựa vào dân, phát huy được trí tuệ của dân tham gia phát hiện và góp ý sửa đổi những quy định không hợp lý trong thể chế, chính sách, giám sát cán bộ, công chức thực thi công vụ, phát hiện và đấu tranh với những hành vi trái luật pháp, trái đạo đức. Muốn vậy, đi đôi với công tác giáo dục, động viên nhân dân, cần bổ sung, hoàn chỉnh quy chế bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm điều kiện cho dân kiểm tra, giám sát các cơ quan, công chức nhà nước.

Quá trình tiến hành đại hội Đảng bộ các cấp trong năm nay và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng sẽ họp trong năm sau, phải phát huy dân chủ, tập hợp

được trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân để tổng kết những bài học của 20 năm đổi mới, làm sáng tỏ thêm các quan điểm và phương hướng đổi mới và phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đề ra các chủ trương và giải pháp chính đốn Đảng, kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp bộ đảng.

Đó là những nội dung thiết thực để đổi mới chính trị và phát huy dân chủ gắn với cải cách kinh tế - xã hội, đáp ứng nguyện vọng của dân, phù hợp với điều kiện thực tế của nước ta và với xu thế của thời đại.

... Kỷ niệm chiến thắng 30-4 diễn ra cùng dịp chào mừng ngày Quốc tế Lao động 1-5.

Nhân dịp này, giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam bày tỏ tình đoàn kết và lời cảm ơn chân thành tới những người lao động trên toàn thế giới đã nhiệt tình ủng hộ các cuộc kháng chiến cứu nước cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước ngày nay của Việt Nam và đang hăng hái đấu tranh vì hòa bình, công bằng và tiến bộ trên thế giới.

Chúng ta chào mừng những người lao động chân tay và trí óc trong tất cả các ngành, nghề, các vùng miền của đất nước và biểu thị sự tôn vinh của xã hội và Nhà nước đối với những người lao động sáng tạo, những nhà kinh doanh giỏi, những trí thức và nhà văn hóa có nhiều cống hiến, những cán bộ, công chức tận tụy, công tâm, những chiến sĩ kiên cường, mưu trí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Ba mươi năm đã qua kể từ ngày đất nước hoàn toàn giải phóng và thống nhất. Trong dân số nước ta hiện nay, 60% là những người sinh sau ngày 30-4-1975.

Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào thế hệ trẻ, những người đã lập nghiệp cũng như những người đang đi học, sẽ nối tiếp xứng đáng sự nghiệp của cha anh trong

điều kiện mới, tiến quân vào khoa học và công nghệ, vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ loài người, nâng tầm văn hóa trong cuộc sống, năng động sáng tạo trong học tập, lao động, kinh doanh, trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và các hoạt động văn hóa, xã hội, trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng. Thế hệ thanh niên trước đây đã đảm đương xuất sắc vai trò xung kích trong Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến; thanh niên ngày nay phải đi đầu gánh vác trọng trách trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, đưa dân tộc ta tiến kịp thời đại.

Toàn dân ta hãy phát huy tinh thần và ý nghĩa của Chiến thắng 30-4, làm rạng rỡ bản lĩnh, ý chí và trí tuệ Việt Nam trong thời kỳ mới như đã từng tỏa sáng trong những năm kháng chiến cứu nước.

Những điều chúng ta mong đợi trong dịp kỷ niệm này không chỉ là nguyện vọng mà còn mang ý nghĩa cam kết đối với Tổ quốc, với nhân dân, biểu thị lòng tưởng niệm và biết ơn những người đã hy sinh để chúng ta có ngày hôm nay.

Chúng ta hẹn với nhau mỗi dịp kỷ niệm hằng năm ngày 30-4 sẽ nhìn lại và thấy được những thành quả và tiến bộ mới trong việc thực hiện những cam kết này.

Tinh thần Đại thắng mùa Xuân năm 1975 bất diệt!

Vinh quang thuộc về dân tộc Việt Nam, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Báo Nhân dân,

số ra ngày 30-4-2005, tr.1, 7.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu tập 64</i>	V
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 169-TB/TW, ngày 12 tháng 1 năm 2005, về một số vấn đề trong công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng hiện nay	1
- Thông báo ý kiến Ban Bí thư, số 170-TB/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2005, về việc tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập, Tổng Bí thư của Đảng (24-4-1906 – 24-4-2006)	8
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 17 tháng 1 năm 2005	10
- Báo cáo tóm tắt tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới, số 183/TLHN, ngày 5 tháng 1 năm 2005 (<i>Trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX</i>)	16
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 43-NQ/TW, ngày 25 tháng 1 năm 2005	94
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 25 tháng 1 năm 2005	96

- Thông báo Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 25 tháng 1 năm 2005	103
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 131-QĐ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Quy định số 75, Chỉ thị số 24 của Bộ Chính trị (khóa VIII) và những vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ	108
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 48-CT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 2005 về bảo vệ bí mật của Đảng trong phát ngôn và sử dụng, bảo quản thông tin, tài liệu trong tình hình mới	110
- Quyết định của Ban Bí thư, số 132-QĐ/TW, ngày 15 tháng 2 năm 2005, thay đổi thành viên Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng	114
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 45-NQ/TW, ngày 17 tháng 2 năm 2005, về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	115
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW, ngày 21 tháng 2 năm 2005, về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	126
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 46-NQ/TW, ngày 23 tháng 2 năm 2005, về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới	135
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 50-CT/TW, ngày 4 tháng 3 năm 2005, về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	147
- Quyết định của Ban Bí thư, số 134-QĐ/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2005, bổ sung thành viên Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương	155

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 47-NQ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2005, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình	157
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 173-TB/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2005, về Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010	167
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 135-QĐ/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2005, thay đổi thành viên Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng	174
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 174-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2005, về tình hình triển khai dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	175
- Quyết định của Ban Bí thư, số 136-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng	177
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 51-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005 về tăng cường công tác đảng ở ngoài nước trong tình hình mới	180
- Thông tri của Ban Bí thư, số 07-TT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005, chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác đổi thể đảng viên	188
- Quyết định của Ban Bí thư, số 137-QĐ/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005, thành lập Tổ Biên tập Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng	193
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 176-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2005, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn"	195

- Quyết định của Ban Bí thư, số 138-QĐ/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới (phần công tác lý luận)	198
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 177-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về dự án Bộ luật hàng hải Việt Nam (sửa đổi)	200
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 178-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về dự án Luật quốc phòng	202
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 179-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về dự án Luật giáo dục (sửa đổi)	204
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 180-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về dự án Luật đường sắt Việt Nam	206
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 181-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự	208
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 182-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi)	209
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 183-TB/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, về kết quả kiểm tra việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	211
- Quyết định của Ban Bí thư, số 139-QĐ/TW, ngày 4 tháng 5 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX	216
- Quy định của Ban Bí thư, số 140-QĐ/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2005, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần có vốn nhà nước	218

- Quy định của Ban Bí thư, số 141-QĐ/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2005, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	225
- Quyết định của Ban Bí thư, số 142-QĐ/TW, ngày 18 tháng 5 năm 2005, thành lập Hội đồng Xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh	231
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 48-NQ/TW, ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020	233
- Quyết định của Ban Bí thư, số 143-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2005, về tập trung tài liệu lập Phong lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam	253
- Quyết định của Ban Bí thư, số 144-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư “Về tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS”	255
- Quyết định của Ban Bí thư, số 145-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Thực trạng và giải pháp chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”	257
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 184-TB/TW, ngày 31 tháng 5 năm 2005, sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý	260
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 186-TB/TW, ngày 1 tháng 6 năm 2005, về chính sách đối với các đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước	265

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 49-NQ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2005, về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020	268
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 187-TB/TW, ngày 21 tháng 6 năm 2005, trong buổi làm việc với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo	284
- Quyết định của Ban Bí thư, số 146-QĐ/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2005, thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”	290
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 4 tháng 7 năm 2005	293
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 50-NQ/TW, ngày 13 tháng 7 năm 2005	297
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 13 tháng 7 năm 2005	301
- Thông báo Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	309
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 148-QĐ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2005, về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng	314
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 51-NQ/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2005, về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam	318
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 52-CT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2005, về phát triển và quản lý báo điện tử ở nước ta hiện nay	323

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 52-NQ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2005, về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	330
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 149-QĐ/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2005, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	342
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 188-TB/TW, ngày 9 tháng 8 năm 2005, về công tác chuẩn bị Đại hội VIII Hội Nhà báo Việt Nam	349
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 189-TB/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2005, về việc công bố Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới	352
- Quyết định của Ban Bí thư, số 150-QĐ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2005, thay đổi thành viên Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng	353
- Quyết định của Ban Bí thư, số 151-QĐ/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2005, thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý	355
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 190-TB/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2005, về Đại hội đại đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên	357
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 193-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 2005, về việc xét tặng thưởng huân chương bậc cao	360
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 194-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 2005, về cuộc làm việc với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	362

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 195-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 2005, tại buổi làm việc với Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc	368
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 196-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 2005, về chủ trương phong và thăng quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang	374
- Quyết định của Ban Bí thư, số 153-QĐ/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2005, về việc kiện toàn nhân sự tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở	377
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 197-TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 2005, về tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo	379
- Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 198-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005, về dự án Luật phòng, chống tham nhũng	385
- Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 199-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005, về Dự luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo	388
- Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 200-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005, về dự án Luật công an	390
- Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 201-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005, về các dự án Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu, Luật về nhà ở	392
- Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 202-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2005, về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng	394

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 154-QĐ/TW, ngày 18 tháng 10 năm 2005, phân bổ số lượng đại biểu được bầu cử và được chỉ định ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương	395
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 203-TB/TW, ngày 24 tháng 10 năm 2005, về tổng kết thực hiện Quy định 75 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng	399
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 53-CT/TW, ngày 28 tháng 10 năm 2005, về triển khai các biện pháp cấp bách ngăn chặn dịch cúm gia cầm (H5N1) và đại dịch cúm ở người	402
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 205-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 2005, về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ thành phố Hà Nội và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về Thủ đô Hà Nội	405
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 54-CT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2005, về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS trong tình hình mới	415
PHỤ LỤC	419
- Tuyên bố chung Việt Nam - Lào	421
- Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia	426
- Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc	432
- Diễn văn của Thủ tướng Phan Văn Khải tại Lễ mít tinh kỷ niệm 30 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2005)	439

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM NGỌC BÍCH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG

ThS. NGUYỄN THỊ THU TRANG

Trình bày bìa: ThS. PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: PHẠM NGUYỆT NGÀ

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: NGUYỄN HƯƠNG - THU TRANG

Mã số: 3KV(060) “2005”
CTQG-2016

In 5.000 cuốn, khổ 15x22 cm, tại ...

Số đăng ký xuất bản: 622-2016/CXBIPH/9-07/CTQG.

Quyết định xuất bản số: ...

Mã số ISBN: 978-604-57-2355-5.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2016.